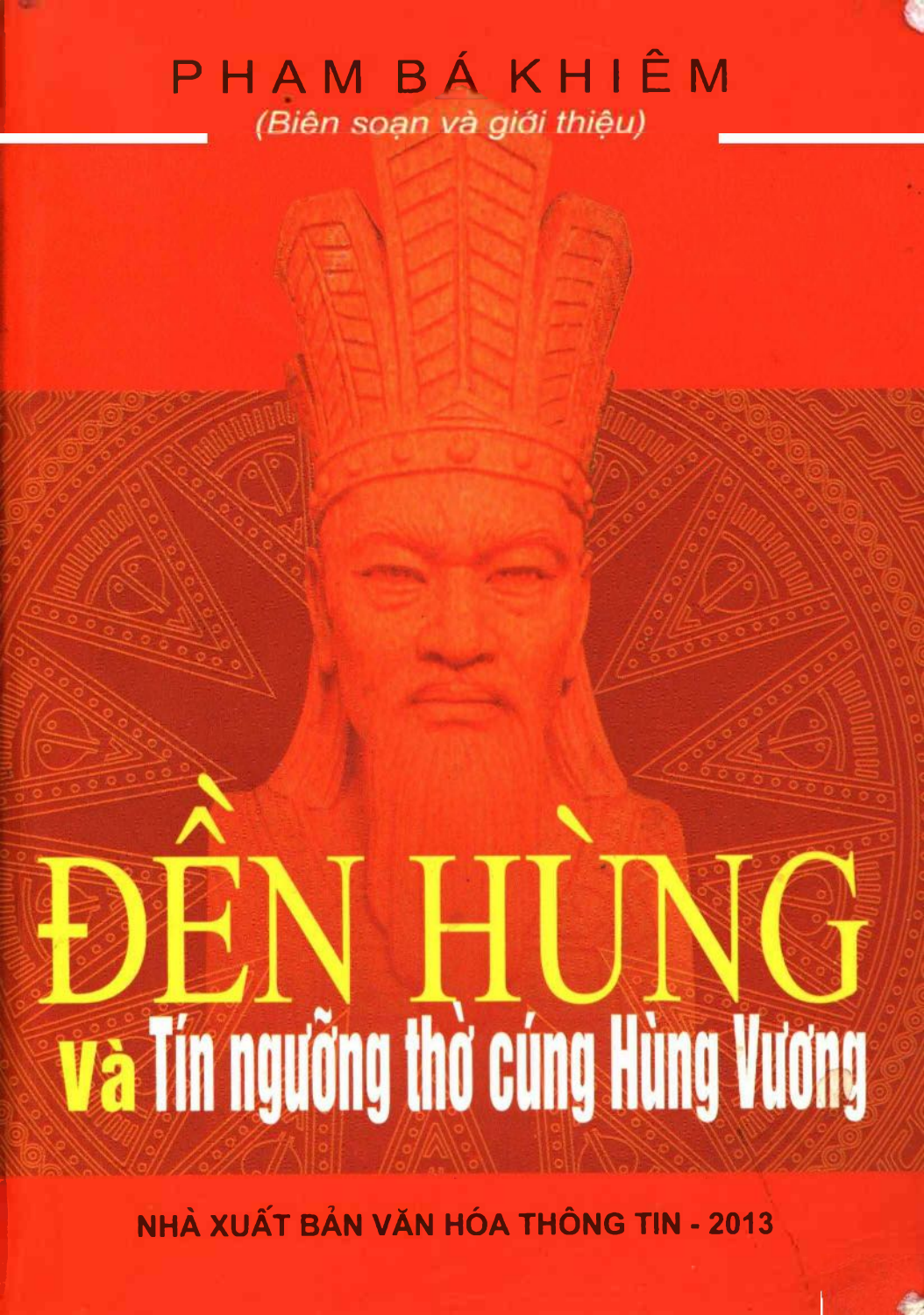


PHẠM BÁ KHIÊM

(Biên soạn và giới thiệu)



ĐỀN HÙNG

Và Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN - 2013

PHẠM BÁ KHIÊM

(Biên soạn và giới thiệu)

**ĐỀN HÙNG
VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG
HÙNG VƯƠNG**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN - 2013



LỜI GIỚI THIỆU

Vua Hùng là Tổ của dân ta - Thủy tổ của người Việt. Ông Vua đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, “Thánh vương ngàn đời của cổ Việt”. Các thế hệ người Việt Nam đương đại đều hãnh diện và tự hào được mang trong mình dòng máu Lạc Hồng, con cháu Rồng Tiên. Hàng năm cứ đến ngày mồng 10 tháng 3 Âm lịch lại cùng nhau nô nức hành hương về miền Đất Tổ để viếng mộ thăm đền, thắp hương cúng giỗ Tổ tiên.

Thông qua các hoạt động văn hóa tâm linh, biểu tượng Vua Hùng và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã trở thành điểm hội tụ tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương không có biên giới riêng mà là biên giới cộng đồng. Ngày giỗ Tổ Hùng Vương đã vượt ra khỏi tín ngưỡng dân gian để trở thành Quốc tế (Quốc lễ). Hùng Vương đã trở thành Quốc Thánh, là vị Tổ chung cho tất cả mọi người đang cùng sống trên dải đất Việt Nam hình chữ S này.

Người Việt Nam trọng tình nghĩa, lấy chữ hiếu làm đầu. Họ luôn quan niệm Tổ tiên của mình; ông bà, cha mẹ mình khi chết đi chưa phải là đã hết, mà là sang thế giới bên kia; song vẫn luôn trở về nhà phù hộ cho con, cho cháu mạnh khỏe, hạnh phúc, an lành.



Không gian văn hóa tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương mà Đền Hùng là nơi thờ các Vua Hùng đã có công dựng nước - Tổ tiên của cộng đồng dân tộc Việt Nam; là trung tâm thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương lâu đời nhất trong lịch sử Việt Nam. Theo dòng chảy của thời gian và kỷ ức, trải qua bao biến cố thăng trầm; di sản vẫn trường tồn và phát triển. Đó là sự hồi cố, kết tinh và tỏa sáng của văn hóa Lạc Việt – Văn minh lúa nước – Văn minh sông Hồng.

Thời Hồng Đức (Hậu Lê), năm 1470 Vua sai Hàn lâm viện, Trực học sỹ Nguyễn Cổ soạn Ngọc phả Hùng Vương.

Năm 1917 Nhà nước định lệ chính thức Giỗ Tổ Hùng Vương vào ngày mồng mười tháng 3 âm lịch hàng năm.

Ngày 18 tháng 2 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh cho người lao động được nghỉ ngày mồng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm để tổ chức các hoạt động Giỗ Tổ Hùng Vương.

Ngày 6 tháng 11 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 82/2001/NĐ-CP về nghi lễ Nhà nước; trong đó quy định chi tiết về nghi lễ tổ chức giỗ Tổ Hùng Vương hàng năm (năm tròn, năm chẵn, năm lẻ quy theo năm dương lịch).

Ngày 11 tháng 4 năm 2007, Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã ký Lệnh công bố Luật sửa đổi, bổ sung điều 73 của bộ Luật lao động. Theo đó người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong ngày giỗ Tổ mồng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm để tham gia các hoạt động hướng về cội nguồn dân tộc.

Ngày 6 tháng 12 năm 2012, Ủy ban liên chính phủ Công ước 2003 về bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể (UNESCO) đã chính thức công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Việt Nam” là DSVH phi vật thể đại diện của nhân loại.

Với ý thức giúp cho cộng đồng nhận thức được vị thế của Khu di tích lịch sử Đền Hùng và ý nghĩa sâu xa của “Tín ngưỡng thờ



cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Việt Nam”. Nhà nghiên cứu lịch sử và văn hóa dân gian Phạm Bá Khiêm đã nghiên cứu, sưu tầm, hệ thống hóa các tư liệu lịch sử; tài liệu kiểm kê di tích; di sản văn hóa dân gian đồng thời chọn lựa một số bài viết tiêu biểu của chính mình đã được in trên sách, báo, tạp chí của Trung ương và địa phương trong những năm gần đây để biên soạn tập sách: ***Đền Hùng và Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương***.”

Là một người được sinh ra và lớn lên, lại có gần 40 năm gắn bó trực tiếp với hoạt động văn hóa vùng Đất Tổ Hùng Vương đồng thời đã trực tiếp làm chủ nhiệm một số đề tài nghiên cứu khoa học về lịch sử, văn hóa dân gian có liên quan đến KDTLS Đền Hùng và Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ. Cuốn sách ***Đền Hùng và Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương***” của tác giả được xem như tập tư liệu địa chí về Đền Hùng và ý nghĩa thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương trong tâm thức nguồn cội của người Việt. Đọc sách chúng ta sẽ hiểu biết hơn, có trách nhiệm hơn với việc bảo tồn, tôn tạo các di tích thờ cúng Hùng Vương trong cộng đồng và đặc biệt với KDTLS Đền Hùng sao cho xứng tầm là trung tâm thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương lâu đời nhất, quy mô nhất trong tiến trình phát triển lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Sở VH TT&DL tỉnh Phú Thọ trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc và luôn mong muốn đón nhận sự đóng góp ý kiến của độc giả để lần xuất bản sau được chỉnh lý, bổ sung hoàn thiện hơn./.

Sở VH TT&DL tỉnh Phú Thọ

Xin chân thành cảm ơn các cơ quan quản lý Di sản văn hóa, các nhà nghiên cứu, các bạn đồng nghiệp đã giúp đỡ tôi về nội dung và tài liệu để hoàn thành việc biên soạn, giới thiệu cuốn sách này./.

TÁC GIẢ

**“CÁC VUA HÙNG ĐÃ CÓ CÔNG DỰNG NƯỚC
BÁC CHÁU TA PHẢI CÙNG NHAU GIỮ LẤY NƯỚC”**

*(Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ, chiến sỹ Đại đoàn
quân tiên phong tại đền Giếng, KDT Đền Hùng ngày 19 tháng 9
năm 1954).*



Bác Hồ nói chuyện với cán bộ và chiến sỹ Đại đoàn Quân tiên phong
ngày 19/9/1954 tại Đền Giếng Khu di tích lịch sử Đền Hùng - Ảnh: Tư liệu



CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI
VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

Số: 22/SL

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 1946

SẮC LỆNH
CỦA CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI
VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
SỐ 22/SL NGÀY 18 THÁNG 2 NĂM 1946

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI
VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Chiếu theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về những ngày nghỉ Tết, Kỷ niệm lịch sử và lễ tôn giáo,

Sau khi Hội đồng Chính phủ đã thỏa hiệp;

RA SẮC LỆNH:

Điều 1: Những ngày Tết, kỷ niệm lịch sử và lễ tôn giáo ấn định trong bảng đính theo Sắc lệnh này, sẽ được coi là những ngày Lễ chính thức.

Trong những ngày ấy, các công sở trong toàn quốc sẽ đóng cửa và sẽ cử nhân viên để phụ trách công việc thường trực.

Điều 2: Những viên chức công nhật tòng sự tại các công sở có quyền được hưởng lương trong các ngày nghỉ lễ chính thức.

Điều 3: Bộ trưởng các Bộ và Chủ tịch các Ủy ban hành chính Bắc, Trung, Nam Kỳ, phụ trách thi hành sắc lệnh này./.

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP

(đã ký)

Hồ Chí Minh



BẢNG KÊ
NHỮNG NGÀY NGHỈ TẾT, KỈ NIỆM LỊCH SỬ
VÀ LỄ TÔN GIÁO

Tên những ngày Tết, kỷ niệm lịch sử lễ tôn giáo	Ngày, tháng		Số ngày nghỉ
	Dương lịch	Âm lịch	
Những ngày Tết: Nguyên đán dương lịch Nguyên đán âm lịch Những ngày kỷ niệm lịch sử: Hai Bà Trưng Hùng Vương Lê Thái Tổ Lễ Lao động Trần Hưng Đạo Việt Nam độc lập Quang Trung	1 tháng 1 1 tháng 5 2 tháng 9	1 tháng 1 Tháng 2 10 tháng 3 22 tháng 7 20 tháng 8 29 tháng 9	Một ngày 4 ngày (ngày trước Tết và 3 ngày đầu năm) 1 ngày 1 ngày 1 ngày 1 ngày 1 ngày 1 ngày
Những ngày lễ tôn giáo: <i>a. Phật giáo:</i> Linh Nhật Đức Phật Thích Ca Trung Nguyên Lễ Đức Phật thành đạo <i>b. Gia Tô giáo:</i> Lễ Phục sinh (Pâques) Lễ các Thánh (Toussaint) Thiên Chúa Giáng sinh (Noel)	 Tháng 4 1 tháng 11 25 tháng 12	 8 tháng 4 15 tháng 7 8 tháng 12 	 1 ngày 1 ngày 1 ngày 1 ngày (ngày thứ 2) 1 ngày 1 ngày



CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 02/2007/L-CTN

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2007

LỆNH

Về việc công bố luật

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Điều 91 của Luật tổ chức Quốc hội;

Căn cứ Điều 50 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, .

NAY CÔNG BỐ

Luật sửa đổi, bổ sung Điều 73 của Bộ luật lao động

Đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 02 tháng 4 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(Đã ký)

Nguyễn Minh Triết



QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 84/2007/QH11

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Khóa XI, kỳ họp thứ 11
(Từ ngày 20 tháng 3 đến ngày 02 tháng 4 năm 2007)

LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU 73
CỦA BỘ LUẬT LAO ĐỘNG

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Luật này sửa đổi, bổ sung Điều 73 của Bộ luật lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động ngày 29 tháng 11 năm 2006.

Điều 1

Điều 73 của Bộ luật Lao động được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 73

Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương những ngày lễ sau đây:



- Tết dương lịch: một ngày (ngày 1 tháng 1 dương lịch).
- Tết âm lịch: bốn ngày (một ngày cuối năm và ba ngày đầu năm âm lịch).
- Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương: một ngày (ngày 10 tháng 3 âm lịch).
- Ngày Chiến thắng: một ngày (ngày 30 tháng 4 dương lịch).
- Ngày Quốc tế lao động: một ngày (ngày 1 tháng 5 dương lịch).
- Ngày Quốc khánh: một ngày (ngày 2 tháng 9 dương lịch).

Nếu những ngày nghỉ nói trên trùng vào ngày nghỉ hàng tuần thì người lao động được nghỉ bù vào ngày tiếp theo”.

Điều 2

Luật này có hiệu lực từ ngày công bố.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 2 tháng 4 năm 2007.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Nguyễn Phú Trọng



PHẦN THỨ NHẤT

KHU DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN HÙNG

I. NÚI HÙNG (núi Nghĩa Lĩnh, núi Cả ...)

Khu vực Đền Hùng là một vùng đất bán sơn địa, đột ngột có vài ngọn núi vượt vút lên làm cao điểm. Núi Hùng còn có tên gọi núi Nghĩa Lĩnh, núi Cả; là ngọn sơn khối lớn nhất vùng (có độ cao 175m so với mặt biển), cùng với núi Trọc lớn (có thuyết là núi Nòn), núi Vặn đều có độ cao vượt trội trên 100m, là ba ngọn tổ sơn được cư dân địa phương truyền ngôn là “Tam sơn cấm địa” (3 ngọn núi cấm, núi thiêng).

Núi Hùng trông xa giống như đầu một con rồng lớn, mình rồng uốn lượn thành núi Trọc, núi Vặn, núi Pheo. Phía sau núi Hùng có những quả đồi giống như đàn voi châu về Đất Tổ, phía trước là ngã ba Bạch Hạc với sự hợp lưu của ba dòng sông lớn nhất miền Bắc nước ta: Sông Hồng, sông Đà, sông Lô. Phía Đông là sông Lô, phía Tây là sông Hồng giống như hai chiến hào thiên nhiên khổng lồ bao bọc lấy cố đô xưa thời đại các Vua Hùng. Cảnh thế trông ngoạn mục, hùng vĩ, có nước, có non, có thấp, có cao, đất đầy khí thiêng của sông núi. Truyền thuyết kể rằng: Các Vua Hùng đi khắp mọi miền của Tổ quốc, đã chọn nơi đây làm đất đóng đô.



Thành công của công tác nghiên cứu lịch sử đã chứng minh khu vực Đền Hùng từng nằm giữa miền trung tâm dân cư đứng đầu vương quốc Văn Lang vào thời đại Hùng Vương. Chính những cư dân ở những thiên niên kỷ cuối cùng trước Công nguyên đó đã từng chọn ngọn núi Cả (núi Hùng) cao nhất vùng để tiến hành những nghi lễ nông nghiệp cổ xưa của mình: Thờ Trời, thờ Núi, thờ Lúa... Những dấu ấn văn hoá ban đầu đó đã tạo nên một Đền Hùng lịch sử nhiều giai đoạn khác nhau. Cho đến nay, chúng ta vẫn còn thấy sự phong phú của các dạng hình kiến trúc và tín ngưỡng hiện còn phổ biến trên núi Hùng. Đó là tín ngưỡng thờ Phật tại ngôi chùa Thiên Quang, thờ thần núi - Các Vua Hùng là những người có công với nước tại đền Hạ, đền Trung, đền Thượng và thờ 2 bà công chúa Tiên Dung - Ngọc Hoa con Vua Hùng thứ 18 tại đền Giếng.

II. CÁC DI TÍCH KIẾN TRÚC

1. Cổng Đền

Được xây dựng vào năm Khải Định thứ 2 (1917). Cổng xây kiểu vòm cuốn cao 8,50m, hai tầng 8 mái, lợp giả ngói ống. Tầng dưới có một cửa vòm cuốn, lớn, đầu cột trụ cổng tầng trên có cửa vòm cuốn nhỏ hơn, 4 góc tầng mái trang trí Rồng, đắp nổi hai con Nghê. Giữa cột trụ và cổng đắp nổi phù điêu hai võ sĩ, một người cầm giáo, một người cầm rìu chiến, mặc áo giáp, ngực trang trí hổ phù. Giữa tầng 1 của cổng có đề bức đại tự: “Cao Sơn cảnh hành” (lên núi cao nhìn xa rộng - Còn có người dịch khác là: “Cao sơn cảnh hạnh” (Đức lớn như núi cao). Mặt sau cổng đắp 2 con hổ là biểu hiện sức mạnh tăng dưới, là hiện thân vật canh giữ bảo vệ thần.

Bia đá (25 x 30cm) gắn vào tường cổng nội dung ghi: “Tháng 10 năm Đinh Tỵ, niên hiệu Khải Định thứ 2 (1917) tu tạo (nghi môn) chi phí hết 200đ. Bà Phạm Thị Thịnh, hiệu Hiến Viên, chủ cửa hàng Đồng Thuận, Hà Nội công đức tiền xây dựng”.



2. Đền Hạ

Tương truyền nơi đây, Mẹ Âu Cơ sinh ra bọc 100 trứng, sau nở thành 100 người con trai, nguồn gốc của cộng đồng người Việt, nghĩa “**đồng bào**” (cùng bọc) được bắt nguồn từ đây. Dấu tích giếng “Mắt Rồng” là nơi Mẹ Âu Cơ ấp trứng nay vẫn còn ở phía sau đền.

Đền Hạ được xây dựng lại trên nền đất cũ vào thế kỷ XVII - XVIII. Kiến trúc kiểu chữ nhĩ (=) gồm 2 toà (Tiền bái và Hậu cung), mỗi toà 3 gian, cách một khoảng lộ thiên 1,5m. Kiến trúc đơn sơ kèo cầu suốt, bẩy gối vào đầu kèo làm cho mái sau dài hơn mái trước. Đốc xây liền tường với đốc hậu cung, hai bên đắp phù điêu 1 bên voi, 1 bên ngựa. Bờ nóc phẳng, không trang trí mi thuật. Mái lợp ngói mũi (địa phương gọi là ngói mũi lợn), loại ngói được sử dụng rộng rãi trong những công trình kiến trúc thời Hậu Lê thường thấy ở Phú Thọ (sau này do việc trùng tu, đã thống nhất làm lại mẫu ngói mũi này để lợp cho hầu hết các công trình kiến trúc hiện có trên núi Hùng).

* **Tiền bái:** Gồm 3 gian, nhỏ, thấp, lòng nhà rộng 4,70m; dài 8,20m; mái trước cao 1,70m, mái sau cao 2,40m. Trên mái kiểu quạ giang đóng trụ, đầu gối vào cột xây, kèo cầu suốt.

* **Hậu cung:** Gồm 3 gian, được xây bit đốc, tường hậu, quạ giang gối tường, trên là kèo cầu, cài nóc. Hai bên đầu đốc có đắp hổ phù cản chữ thọ. Tường hậu giáp bệ thờ đắp nổi hình “Long châu nguyệt”. Phía trước hậu cung có 3 cửa. Hai cửa ra vào nhỏ hai bên, cửa sổ lớn chính giữa có 4 cánh kiểu bức bàn. Ba gian và đầu đốc có 4 bệ thờ. Trên bệ thờ đặt long ngai bài vị, ban chính giữa đồ thờ được bày kiểu thất sự, hai ban bên bày ngũ sự, ban đầu đốc bày tam sự. Các đồ thờ đều làm bằng gỗ, sơn son thiếp bạc phủ hoàng kim. Hầu hết có niên đại vào thời Nguyễn (thế kỷ XVIII – XIX).

Trong đền đặt 4 cỗ long ngai, 3 cỗ long ngai chính diện có bài vị thờ:



- Ất sơn Thánh vương vị.
- Đột ngột Cao sơn Cổ Việt Hùng thị thập bát thế Thánh vương vị.
- Viễn sơn Thánh vương vị.
- Cổ long ngai thứ 4 không có bài vị, trong văn tế thời phong kiến ghi thờ hai bà công chúa Tiên Dung, Ngọc Hoa là con gái Vua Hùng thứ 18.

3. Nhà bia

Được xây dựng năm 1917, kiến trúc kiểu hình lục giác, có 6 mái. Trên đỉnh có đắp hình nậm rượu, 6 mái được lợp bằng gạch bìa bên trong, bên ngoài láng xi măng, có 6 cột bằng gạch xây tròn, dưới chân có lan can. Trong nhà bia trước đây đặt tấm bia ghi việc làm sửa đường lên núi Hùng, hiện nay đặt tấm bia đá, nội dung ghi lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người về thăm Đền Hùng ngày 19 tháng 9 năm 1954:

“Các Vua Hùng đã có công dựng nước

Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”

4. Chùa Thiên Quang

a. Chùa: Được xây dựng vào thời Trần (thế kỷ XIII – XIV) có tên gọi là “Viễn Sơn Cổ Tự”. Đến thế kỷ XV, chùa được xây dựng lại đổi tên là “Thiên Quang Thiền Tự”. Đến thời Tự Đức năm thứ 3 (1850) chùa được xây lại, kiến trúc theo kiểu “Nội công ngoại quốc”, gồm các nhà: Tiền đường, thiêu hương, tam bảo ở phía trước; dãy hành lang, nhà Tổ ở phía sau. Năm 1917, một nhà phượng đình (có 2 tầng mái) được xây dựng phía sau tam bảo, làm nơi hội họp của các nhà chức trách hàng năm bàn về việc tổ chức Giỗ Tổ. Năm Khải Định thứ 9 (1924) chùa được trùng tu lại. Năm 1999 - 2000 chùa được đại trùng tu lớn như ngày nay.



Kiến trúc chùa kiểu chữ công (I) gồm 3 toà là: tiền đường (5 gian) thiêu hương (2 gian), tam bảo (3 gian). Các toà được làm theo kiểu cột trụ, quá giang gối đầu vào cột xây, kèo suốt cài nóc. Hành lang phía ngoài có hàng cột bằng gỗ xung quanh chùa (46 cột). Mái chùa được lợp ngói mũi, đầu đao cong. Bờ nóc tiền đường đắp lưỡng long chầu nguyệt, chùa thờ Phật theo phái Đại thừa.

* *Tiền đường*: Gồm 5 gian, tường mặt phía Đông và Tây xây kín, giữa trở cửa sổ bằng gạch hình chữ thọ. Ba gian còn lại có ba bộ cửa bức bàn, cửa chính giữa có song suốt. Xà dọc gian chính giữa có treo bức hoành phi: “Thiên Quang Thiển Tự”.

* *Tam Bảo*: 3 gian, xây kín, không có cửa sau.

b. Tháp sư: Trước sân chùa có 2 tháp sư hình trụ 4 tầng. Trên nóc đắp hình hoa sen. Lòng tháp xây rỗng, cửa vòm nhỏ. Trong tháp có bát nhang và tấm bia đá (0,30m x 0,50m) kể về các vị hoà thượng đã tu hành và viên tịch tại chùa.

c. Tam quan (gác chuông): Được xây dựng vào TK XVII, gồm 3 gian, 2 tầng mái, 4 vì kèo cột kiểu chống rường kết hợp với bẩy kẻ. Các bẩy kẻ hầu như để trơn không chạm trổ gì, chỉ riêng chiếc bẩy số 1 ở hiên trước và sau là trạm nổi hình mây lửa, đao mác và các chùm hoa văn xoắn, có dáng đắp mi thuật thời Lê. Các đầu dui phía mái tàu được đóng đinh đồng hoa. Cách vì kèo hai đốc khoảng 0,50m, có xây tường gạch kiểu cánh phong đỡ trụ vươn ra trước bốn cột trụ hình vuông, trên trang trí quả găng lồng đèn. Gian giữa tam quan có 4 cột cao vút lên tạo thành gác chuông, bốn mái cong. Chiều cao từ sàn lên nóc gác chuông là 2,85m x 2,90m. Hai đốc lịa gỗ, trước và sau để trống, có song tròn cao 0,20 m, ở góc ngoài gác chuông có hình mặt nạ gỗ “Ba tay vươn”. Mái lợp ngói mũi lợn giống đền Hạ và Chùa. Hai đầu đốc đắp nổi hổ phù cắn chữ thọ. Bờ nóc đắp lưỡng long chầu nguyệt. Lòng tam quan rộng 7m, dài 9m, mái hiên trước và sau cao 2,1m. Trong tam quan



có 3 tấm bia:

* **Bia thứ nhất:** “*Nhất bản xā tín thí*”. Bia bị gãy đầu, được trang trí cả hai mặt. Diềm bia trạm hoa cúc cách điệu thành tay mướp, chân bia trang trí lá đề sóng nước. Bia bị mờ chỉ còn đọc được một số chữ, trong đó có những chữ “*Nhất bản xā tín thí*” (bia công đức của xã). Trong bia còn ghi một số tên ruộng cung tiến, có tới 50% số ruộng gọi là Na như Na Lao, Na Hưu, Na Hoàng, Na Uy ... Niên đại bia được ghi: Năm Gia Thái (1573).

* **Bia thứ hai:** “*Sửa đường lên núi Hùng*”. Bia 2 mặt, một mặt viết chữ Hán, một mặt chữ quốc ngữ. Nội dung bia ghi việc bà Lê Thị Chại, người xã Thị Cầu, tỉnh Bắc Ninh công đức 1.000 đồng Đông Dương để tu sửa đường bậc lên xuống núi Hùng. Khởi công ngày 10 tháng 8 đến ngày mừng 1 tháng 11 thì hoàn thành.

Niên đại bia được khắc vào ngày mừng 1 tháng 11 năm Đinh Tỵ - Khải Định năm thứ 2 (1917).

* **Bia thứ ba:** “*Bài ký khắc trên bia ghi việc trùng tu chùa Thiên Quang*”. Nội dung bài ký ghi về việc trùng tu chùa Thiên Quang vào các đợt: Tháng tư năm giáp Thìn (1844) tân tạo gác chuông hoàn thành vào năm Ất Tỵ (1845). Đến năm Đinh Mùi (1847) trùng tu chùa và hậu đường. Tháng 8 năm Kỷ Dậu (1849) Thiên tăng đứng ra chiêu tập những người thiện tín phát tâm, trang hoàng tượng phật gồm hơn 30 toà, làm mới thêm toà hộ pháp, một toà long thiên, một toà đại phạm, một toà thiên vương cùng các đồ tế khí....

Niên đại bia khắc vào ngày tốt, tháng 10, năm Canh Tuất, niên hiệu Tự Đức thứ 3 - Hoàng triều (1850).

Trên gác chuông có treo quả chuông, không ghi niên đại đúc chuông mà chỉ ghi: “Đại Việt quốc, Sơn Tây đạo, Lâm Thao phủ, Sơn Vi huyện, Hy Cương xã, Cổ Tích thôn cư phụng”. Qua đó ta có thể đoán định niên đại quả chuông này được đúc vào thời Hậu Lê vì Quốc hiệu Đại Việt có từ thời Lý đến hết thời Lê. Nhưng phủ



Lâm Thao thì mãi tới thời Lê Sơ (thế kỷ XV) mới được thành lập. Bài minh chuông ghi lại hai thôn của huyện Yên Lạc quyền góp tiền để đúc lại quả chuông này lần thứ 2.

5. Đền Trung (Hùng Vương Tổ miếu)

Tương truyền là nơi Vua Hùng cùng các Lạc Hầu, Lạc Tướng du ngoạn ngắm cảnh thiên nhiên và họp bàn việc nước. Nơi đây Vua Hùng thứ 6 đã nhường ngôi cho Lang Liêu, người con hiếu thảo sáng tạo ra bánh chưng bánh dày tượng trưng cho trời đất.

Căn cứ vào phế tích các vật liệu kiến trúc xây dựng đã tìm được qua các cuộc khai quật khảo cổ học, cho thấy: Vào thời Trần và có thể trước đó, tại khu vực Đền Trung cũng như khu vực Đền Hạ và Đền Thượng, đã xuất hiện các kiến trúc tín ngưỡng và tôn giáo. Đến thế kỷ XV, Nho giáo phát triển, các công trình kiến trúc tôn giáo của cư dân địa phương thờ Phật trên núi Cả (núi Hùng), được qui tụ xây dựng tại 1 khu vực tương đương với khu đền Hạ, chính là ngôi chùa Thiên Quang hiện nay. Đền Trung là công trình kiến trúc tín ngưỡng thờ các Vua Hùng được xây dựng lại, kiểu dáng kiến trúc còn tồn tại đến ngày nay. Năm 1998 được đại trùng tu.

Đền Trung được xây dựng kiểu chữ nhất (-). Đền có 3 gian quay về hướng Nam. Dài 7,20m, rộng 3,70m. Mái hiên cao 1,80m, không có cột, kèo cầu quá giang gối vào tường, bít đốc tường hậu, phía trước mở ba cửa. Hai cửa bên hẹp, cửa giữa rộng có chấn song (13 chiếc) và 4 cánh. Ngói lợp giống như ngói ở đền Hạ và Chùa trong đợt đại trùng tu năm 1999. Hai đầu đốc trang trí hai vị ruồi.

Đền Trung thờ tự giống như đền Hạ. Ba gian và đầu đốc đặt 4 bệ thờ, trên đặt 4 long ngai, 3 bài vị. Ban chính giữa đồ thờ để thất sự, hai gian bên để ngũ sự, gian đầu đốc để tam sự. Các đồ thờ tự đều được sơn son thiếp bạc phủ hoàng kim, có niên đại hầu hết vào thời Nguyễn.



Trong đền treo 3 bức hoành phi có nội dung:

- + *Hùng Vương tổ miếu*: (Miếu thờ Tổ Hùng Vương) (gian giữa)
- + *Hùng Vương linh tích*: (Vết tích linh thiêng của Vua Hùng) (bên phải)
- + *Triệu Tổ Nam Bang*: (Tổ muôn đời của nước Nam) (bên trái).

Trong đền có 4 cỗ long ngai, 3 cỗ long ngai chính diện có bài vị thờ ghi:

- Ất sơn Thánh vương vị.
- Đột ngột Cao sơn Cổ Việt Hùng thị thập bát thế Thánh vương vị.
- Viễn sơn Thánh vương vị.
- Cỗ long ngai thứ 4 không có bài vị, trong văn tế ghi thờ hai bà công chúa Tiên Dung, Ngọc Hoa là con gái Vua Hùng thứ 18.

6. Đền Thượng và Lăng Hùng Vương

6.1. Đền Thượng: “Kính Thiên Linh Điện” (điện thờ trời trên núi Nghĩa Lĩnh). Tương truyền rằng thời Hùng Vương, Vua Hùng thường lên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh để tiến hành nghi lễ tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp thờ trời đất, thờ thần lúa, cầu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, nhân khang vật thịnh.

Truyền thuyết kể rằng, Vua Hùng thứ 6, sau cuộc kháng chiến chống giặc Ân thắng lợi, cảm kích vị anh hùng đã có công đánh giặc cứu nước nên cho lập miếu thờ Thánh Gióng trên đỉnh núi.

Tại đây còn phát hiện được 4 chiếc cột đá hình vuông, thót dần về 1 phía. Cách đầu cột. 0,40m có 2 lỗ đục ở 2 mặt cột liền nhau. Các nhà nghiên cứu cho rằng 4 chiếc cột đá này có thể là vết tích của một toà miếu cổ, nhưng rất khó đoán định được niên đại, rất có thể đây là toà miếu đá của cư dân địa phương dựng lên để thờ Thần (thần Núi hoặc Vua Hùng), cùng thời với các kiến trúc tôn giáo, chùa tháp thờ Phật (thời Trần) tại khu vực Đền Thượng. Thế



kỷ XV, kiến trúc đền (miếu), thờ Thần núi - Hùng Vương, được xây dựng lại trên đỉnh núi. Thời Nguyễn được tôn tạo và mở mang qua các đời vua, từ Minh Mệnh - Tự Đức - Duy Tân đến Khải Định. Đặc biệt từ năm 1914 đến 1922, triều đình nhà Nguyễn cấp tiền, cử quan tuần phủ về giám sát, tu sửa và mở rộng đền Thượng. Kiểu dáng kiến trúc được giữ nguyên từ đó đến nay.

Đền làm kiểu chữ Vương, kiến trúc đơn giản, kèo cầu, không có trạm trổ, nền được xây dựng qua 4 cấp khác nhau gồm: nhà chuông trống (cấp I), đại bái (cấp II), tiền tế (cấp III) và hậu cung (cấp IV).

**Nhà chuông trống*: Chiều dài bằng đại bái: dài 7,20m; rộng 3,80m. Nền lát gạch Bát Tràng. Là nơi treo chuông, trống để đánh khi lễ tế. Trước nhà chuông trống có một bức chắn phong là bức tường xây kiên cố: ở giữa giáp mái lầu chuông trống hai cửa phụ hai bên, có 4 cột trụ lớn, ở trên đắp theo kiểu lồng đèn, 4 mặt đều đắp tứ linh. Đỉnh cột có đắp 4 con nghê chầu. Giữa đắp trang trí lưỡng long chầu nguyệt. Phía trước ở chính giữa của đền Thượng có bức đại tự chữ Hán đề: “Nam Việt Triệu Tổ”, hai bên cửa phụ có hai cuốn thư, cửa bên trái đề “Nguyệt minh”, cửa bên phải đề “Nhật ánh”.

**Nhà đại bái*: Nền cao hơn nhà chuông trống 0,40m và thấp hơn nền hậu cung 0,30m. Rộng 5m, dài 7,20m. Vì kèo đơn giản kiểu kèo cầu, đốc xây liền đốc nhà chuông trống. Dầm trơn, thẳng; trên câu đầu ghi: “1914 tháng 5 sửa lại”.

**Nhà tiền tế*: Cách một luồng lộ thiên 0,50m là nhà tiền tế, làm kiểu quá giang kèo cầu, nền lát gạch bát tràng.

**Hậu cung*: Được xây liền với nhà tiền tế. cũng làm kiểu quá giang kèo cầu, kèo ở mái trước có 2 phần song song, tầng kèo trên gối lên hàng cột cửa nhà tiền tế. Trong hậu cung có 4 bệ thờ, trên đặt 4 cổ long ngai có 3 bài vị. Ban giữa đồ thờ để kiểu thất sự, hai

gian bên để ngũ sự, ban đầu đốc để tam sự.

Ba gian hậu cung có cửa bức bàn, đục bong trạm nổi hổ phù, tứ linh, tứ quý. Đền Thượng lợp ngói có mỏ neo ở đầu mũi.

Trong đền có 4 cỗ long ngai, 3 cỗ long ngai cnính diện có bài vị thờ:

- Ất sơn Thánh vương vị.
- Đột ngột Cao sơn hiển hùng ngao thống thủy điện an hoàng tế chiêu liệt ứng quảng huệ y diễm vệ hàm công Thánh vương vị.
- Viễn sơn Thánh vương vị.
- Cỗ long ngai thứ 4 trong đền không có bài vị, trong văn tế dưới thời phong kiến có ghi thờ hai bà công chúa Tiên Dung, Ngọc Hoa là con gái Vua Hùng thứ 18.

6.2. Nhà quan cư: Ở bên phải đền Thượng là nơi sắp lễ và chỉnh đốn trang phục trước khi làm lễ dâng hương. Nhà quan cư có 3 gian, 1 trái, kiến trúc đơn giản.

Trong nhà quan cư có 4 bia ghi nội dung về việc tu sửa đền Thượng, được gắn vào tường. Những bia này được viết bằng chữ Hán, có niên đại vào thời Nguyễn.

a. Bia số 1: “Khảo về đền Hùng Vương”

Bia có niên đại: Ngày mồng 10 tháng 3 năm Canh Thìn, niên hiệu Bảo Đại thứ 15 triều Nguyễn (1940), do Bùi Ngọc Hoàn giữ chức tham tri, linh tuần phủ Phú Thọ soạn.

Nội dung bia ghi việc tôn tạo các ngôi đền thờ trong khu di tích.

- Năm Tự Đức hoàng triều thứ 27 (1874) tổng đốc tam tuyên Nguyễn Bá Nghi theo sắc của triều đình cho trùng tu Đền Thượng.
- Năm Duy Tân thứ 6 (1912), diên mật quận công Hoàng Cao Khải trình công văn xin Chính phủ cấp 2000 đồng tu tạo lăng trên đỉnh núi (Lăng Hùng Vương).



Năm Tự Đức thứ 3 (1850) Hình Bộ thượng thư Nguyễn Đăng Giai, nhân thấy chùa cũ nên cho trùng tu. Năm Khải Định thứ 9 (1924) tuần phủ Lê Văn Đình lại cho tu bổ chùa.

Năm Khải Định thứ 7 (1922) trùng tu miếu Giếng. Năm Bảo Đại thứ 10 (1925) lại tu bổ thêm.

Đặc biệt bia còn ghi: “Trước đây, ngày quốc tế được tổ chức Xuân – Thu nhị kỳ. Năm Khải Định thứ 2 (1917) tuần phủ Phú Thọ là Lê Trung Ngọc có công văn xin bộ Lễ ấn định lấy ngày 10 tháng 3 Âm lịch hàng năm làm ngày Quốc tế, tức trước ngày Giỗ Tổ Hùng Vương một ngày, còn ngày Giỗ (11/3) do dân sở tại làm lễ tế.

b. Bia số 2: “Bia ghi kỷ niệm ở miếu thờ Hùng Vương” được khắc vào mùa xuân, năm Quý Hợi, niên hiệu Khải Định tháng 8 (1923) do Nguyễn Huy Vĩ, hiệu Tây Đình cư sĩ, người tỉnh Hà Đông viết chữ, nội dung bia ghi việc tu sửa các di tích trên núi Hùng.

- Năm Duy Tân thứ 3 (1909) Thái xuyên Hoàng Cao Khải thương lượng với Chính phủ xin cấp 2000đ tiền công để tu sửa lăng miếu Tổ Vương.

- Năm Duy Tân thứ 7 (1913) lĩnh số tiền cấp phát chế tạo đồ tự khí khai mở đường lên núi. Năm Duy Tân thứ 8 (1914) khánh thành.

- Năm Duy Tân thứ 9 (1915) đến Khải Định năm thứ 2 (1917) tu tạo miếu Thượng, tiền đường, làm thêm đồ tự khí, xây lầu cửa dưới chân núi, dựng phương đình sau chùa làm nơi công hội.

- Khải Định năm thứ 6 (1921) và Khải Định năm thứ 7 (1922) tạo dựng 7 gian nhà công quán hết 1609 đồng 7 hào 1 xu. Trùng tu miếu Giếng làm mới chính tẩm, bái đường, phương đình, hai bên nhà tả hữu.



- Năm Khải Định thứ 7 (1922) và Khải Định thứ 8 (1923) trùng tu lăng Tổ Vương và tạo 4 gian công quán bên cạnh miếu.

c. Bia số 3: “Bài ký trên bia ghi Cổ Tích của Tổ quốc”. Trên bia không ghi niên đại; chỉ ghi: Lê Đình Xán, Phó bảng khoa Tân Sửu(1901) người xã Nhân Mục (huyện Thanh Trì) tỉnh Hà Đông, giữ chức Điển học tỉnh Phú Thọ soạn.

Nội dung bia ghi về việc năm 1909 Khâm sai Bắc Kỳ kinh lược diên mậu quận công Thái xuyên Hoàng Cao Khải, người Hà Tĩnh xin Chính phủ cấp 2.000d tiền công tu sửa Tổ miếu.

d. Bia số 4: “Bia ghi tên hội đồng trùng tu” có niên đại: tháng 7 Niên hiệu Duy Tân thứ 8 (1914) do ông Nguyễn Đình Tiêu người xã Quan Nhân tỉnh Hà Đông, giữ chức Thư lại tỉnh Phú Thọ soạn; ông Vũ Dữu Do ở cửa hàng Nam Sơn, phố Thiên Tân, Hà Nội khắc bia.

Nội dung bia ghi họ tên các vị quan viên trong hội đồng trùng tu.

e. Bia số 5: “Bia ghi về điển lệ miếu thờ Hùng Vương” Niên đại bia: Mùa xuân năm Quý Hợi, niên hiệu Khải Định thứ 8 (1923) do Hội đồng kỷ niệm tỉnh Phú Thọ cùng nhau lập bia. Nguyễn Huy Vĩ, hiệu Tây Đình cư sĩ, người tỉnh Hà Đông viết chữ. Nội dung bia ghi: Phụng sao văn bản của Bộ lễ định ngày Quốc tế “Từ nay về sau lấy ngày mồng 10 tháng 3, linh tiến chi vào việc công, phụng mệnh kính trước 1 ngày so với ngày hội tế của bản hạt”. (Ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định thứ 1 (1917) Tư vụ Lê Tiềm phụng mệnh khai cấp).

- Lễ nghi vào ngày hội kỷ niệm hàng năm: Chiều ngày 9/3 các quan liệt hiến trong tỉnh cùng các quan viên trong các phủ, huyện của tỉnh đều phải mặc phẩm phục tề tữ, túc trực tại nhà công quán. Sáng sớm hôm sau (mồng 10 tháng 3) đến miếu kính tế. Lễ phẩm dùng cho ngày này gồm: bò, dê, lợn, xôi. Trước kỳ này, vị hội trưởng thông báo cho các hội viên trong hội đồng bàn bạc trình tại phủ đường thẩm xét, trích số tiền lợi tự điển bao nhiêu, cùng số



tiền 100 đồng do Nhà nước cấp mỗi năm, giao cho quan phủ Lâm Thao nhận lấy mua lễ phẩm và chi tiêu vào các khoản...

6.3. Lăng Hùng Vương: Tương truyền là mộ của Vua Hùng thứ 6. Lăng nằm ở phía đông Đền Thượng, có vị trí đầu đội sơn, chân đạp thủy, mặt quay theo hướng Đông Nam.

Xưa có thể là mộ đất, thời Tự Đức năm thứ 27 (1870) cho xây mộ, dựng lăng. Thời Khải Định tháng 7 (1922) trùng tu lại. Lăng hình vuông, cột liền tường, có đao cong 8 góc, tạo thành 2 tầng mái. Tầng dưới 4 góc đắp 4 con rồng tư thế bò, tầng trên đắp rồng uốn ngược, đỉnh lăng đắp hình “quả ngọc” theo tích “Cửu long tranh châu”. Mái đắp giả ngói ống, 3 phía đều đắp mặt hổ phù. Ba mặt Tây, Đông, Nam đều có cửa vòm, 2 bên cửa đều đắp kỳ lân; xung quanh lăng có tường bao, trang trí hoa, chất liệu bằng đá. Trong lăng có mộ Vua Hùng. Mộ xây hình hộp chữ nhật dài 1,30m, rộng 1,80m, cao 1m. Mộ có mái mũi lượn.

- Phía trong lăng có bia đá ghi: *Biểu chính* (lăng chính).
- Phía trên 3 mặt lăng đều có đề: Hùng Vương lăng (lăng Vua Hùng).

6.4. Cột đá thể: Tương truyền do Thục Phán dựng lên, khi được Vua Hùng thứ 18 nhường ngôi để thể nguyện bảo vệ non sông đất nước mà Hùng Vương trao lại và đời đời hương khói trông nom miếu Vũ họ Hùng.

Cột đá cao 1,30m, rộng 0,30m, hình vuông, là 1 trong 4 chiếc cột đá tìm thấy trên núi Hùng. Năm 1968 Ty văn hoá Vĩnh Phú tôn tạo lên bề như hiện nay. Năm 2003 đại trùng tu.

7. Đền Giếng (Tên chữ là Ngọc Tỉnh)

Tương truyền là nơi hai bà công chúa Tiên Dung, Ngọc Hoa (con gái của Vua Hùng thứ 18) thường soi gương, vấn tóc khi theo cha đi kinh lý qua vùng này. Hai bà có công dạy dân trồng lúa và trị thủy nên được nhân dân lập đền thờ phụng muôn đời. Đền xây



dựng vào thế kỷ XVIII. Năm Khải Định thứ 7 (1922) trùng tu lại. Năm 1998 được đại trùng tu. Đền làm theo hướng Đông Nam. Kiến trúc kiểu chữ công (I). Từ sân lên tiền bái có 6 bậc thềm chạy dài suốt. Hai bên có cánh phong đồng trụ, trên có 4 ô đắp tứ linh, đỉnh có nghê chầu. Đền Giếng có nhà tiền bái (3 gian), hậu cung (3 gian), 1 chuôi vó và 2 nhà oản (4 gian); có phương đình nổi tiền bái với hậu cung.

* **Tiền bái:** 3 gian kiến trúc kiểu chông rường, các bẩy chạm tứ linh (long, ly, qui, phượng). Hai bên kèo suốt có 2 bộ cửa nhỏ thông sang 2 buồng lộn, mái lợp ngói mũi. Bờ nóc đắp trang trí lưỡng long chầu nguyệt. Ba gian có 3 bộ cửa bức bàn.

Tiền bái rộng 4 m, dài 8,50m, hiên cao 2,25m, chính giữa treo 3 bức đại tự:

- *Ấm hà tư nguyên:* (Uống nước nhớ nguồn) (gian giữa)
- *Nam quốc anh hoàng:* (Anh hùng nước Nam) (bên phải)
- *Sơn thủy kim ngọc:* (Núi sông quý báu như vàng ngọc) (bên trái).

* **Nhà oản:** Gồm 4 gian. Bên tả 2 gian, bên hữu 2 gian, làm kiểu cầu phong ly tô. Năm 1998 được trùng tu lại, lợp ngói mũi. Trong nhà oản có 2 tấm bia:

- **Bia số 1:** Khắc vào mùa Xuân, năm Quý Hợi; niên hiệu Khải Định thứ 8 (1923).

Nội dung bia do: Phạm Văn Thụ tự Đàm Viên, hiệu Đông Bạch đỗ Phó bảng (khoa Nhâm Thìn, niên hiệu Thành Thái 1892) giữ chức Tổng đốc tỉnh Nam Định, được tặng Huân chương Bắc đẩu bội tinh hạng 4, phụng soạn.

Hội đồng kỷ niệm tỉnh Phú Thọ cùng nhau ghi:

Nguyễn Huy Vĩ, hiệu Tây Đình cư sĩ, người tỉnh Hà Đông



viết chữ.

- Bia ca ngợi công đức 2 bà công chúa Tiên Dung - Ngọc Hoa.

- Mùa xuân năm Nhâm Tuất, niên hiệu Khải Định thứ 7 (1922) tu sửa.

- **Bia số 2:** Năm Quý Hợi niên hiệu Khải Định thứ 8 (1923), Hội đồng kỷ niệm tỉnh Phú Thọ cùng nhau ghi lại. Nguyễn Huy Vĩ, hiệu Tây Đình cư sĩ, người tỉnh Hà Đông viết chữ.

- Nội dung bia ghi: Việc phụng thờ 2 vị công chúa. Đến ngày 10/3 dùng súc vật làm đồ tế lễ do uỷ viên mang đến miếu làm lễ. Các lễ phẩm dùng vào ngày lễ được trích từ nguồn lợi tự điền, ước khoảng 30 đồng, giao cho người sở tại của phủ nhận lấy.

+ Năm Khải Định thứ 7 (1922) trùng tu miếu Giếng, vẫn theo nền miếu cũ, tạo nội thất, ngoại thất bài đường, mỗi thứ 3 gian. Còn Phương đình, tả hữu mỗi bên 1 gian. Tiểu vu (nhà nhỏ) dùng bằng gỗ lim xây gạch lợp ngói và chế đồ tự khí, xây các khoản, lát sân giếng.

* **Cổng đền Giếng:** Xây dựng vào thời nhà Nguyễn (Thế kỷ XVIII – XIX). Kiểu dáng gần giống cổng chính nhưng nhỏ và thấp hơn. Cổng xây theo kiểu kiến trúc 2 tầng 8 mái. Tầng dưới, giữa có một cửa xây kiểu vòm, hai bên có hai cột trụ trên có đắp nghê chầu. Tầng trên giữa cổng có bức đại tự đề: “Trung sơn thiếu thất” (Ngôi miếu nhỏ trong núi). Hai bên đề câu đối và có tượng võ sỹ. Mặt sau cổng đắp tượng hổ (Mỗi bên một con).

8. Đền Quốc Mẫu Âu Cơ:

Được bắt đầu xây dựng năm 2001 và khánh thành tháng 12 năm 2004. Đền được xây dựng trên núi Ốc Sơn (Núi Vặn) theo kiến trúc truyền thống với cột, xà, hoành, dui bằng gỗ lim; mái được lợp bằng ngói mũi hài, tường bằng gạch bát. Đền chính có diện tích 137m², làm theo kiểu chữ Đinh (T), tiền đường 5 gian,



hậu cung chuôi vố 3 gian. Bên cạnh đền chính còn có nhà Tả vu, nhà Hữu vu, nhà Bia, Trụ biểu, Tứ trụ, Cổng tam quan, nhà đón tiếp khách và các hạng mục: Sân Vườn, điện, nước, hệ thống chống sét, bãi đỗ xe dưới chân núi.

9.Đền thờ Quốc Tổ Lạc Long Quân

Đền Lạc Long Quân được xây dựng tại đồi Sim, cách núi Nghĩa Lĩnh khoảng 1km, nơi có vị trí đặc địa, có thể “sơn châu thủy tụ.” Đồi Sim có hình thể giống một con rùa lớn, hai bên có Thanh Long, Bạch Hổ, phía trước là hồ Hóc Trai và phía xa là sông Hồng chảy xuôi về biển.

Ngôi đền được đưa vào sử dụng đầu năm 2009, gồm các hạng mục như đền chính, cổng, trụ biểu, cổng biểu tượng, phương đình, nhà tả vu, hữu vu, lầu hóa vàng, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật.

Đền chính có diện tích 210m², kiến trúc kiểu chữ đình truyền thống, nội thất bằng gỗ lim, sơn son thiếp vàng, mái lợp ngói mũi hài, nền lát gạch Bát Tràng, bó vỉa đá xanh.

Hậu cung đặt tượng thờ Đức Quốc Tổ Lạc Long Quân dáng vẻ uy nghiêm. Tượng được đúc bằng đồng, nặng 1,5 tấn, cao 1,98m ở tư thế ngồi trên ngai, đặt trên bệ đá chạm khắc họa văn theo môtip văn hoá Đông Sơn.

Cổng đền được xây dựng theo kiểu truyền thống, gồm có bốn cột, được xây dựng bằng bê tông cốt thép, phía ngoài ốp đá xanh chạm họa tiết hoa văn bốn mặt...

Đền thờ Quốc Tổ Lạc Long Quân được Nhà nước đầu tư xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình kiến trúc, các họa tiết trang trí được mô phỏng theo họa văn trên trống đồng Đông Sơn được cách điệu như hình ảnh người già gạo, hình ảnh chim lạc...

Tương truyền, Lạc Long Quân lấy Âu Cơ và sinh ra một bọc



trăm trứng, sau nở thành 100 người con trai. Để gây dựng giang sơn, 49 người con theo cha xuống biển, 50 người theo mẹ lên núi, suy tôn người con cả nối ngôi Vua, hiệu là Hùng Vương, đặt quốc hiệu là Văn Lang.

Nơi Vua ở là bộ Văn Lang, con trai Vua gọi là Quan Lang, con gái Vua gọi là My Nương, tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng. Tương truyền có 18 chi đời Vua đều gọi là Hùng Vương.

Đến Đền Hùng ngày nay, du khách không chỉ thắp hương tri ân công đức các Vua Hùng mà còn được thăm viếng đền Đức Quốc Tổ Lạc Long Quân và đền thờ Quốc Mẫu Âu Cơ - một sự quy tụ các giá trị văn hóa tâm linh đầy ý nghĩa thể hiện tâm thức và đạo hiếu của con dân đất Việt.

III. DI TÍCH LƯU NIỆM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TẠI ĐỀN HÙNG

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới đã 2 lần về thăm Đền Hùng.

*** Lần thứ nhất:** 2 ngày (ngày 18 và ngày 19/9/1954). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn Đền Hùng làm nơi gặp gỡ, nói chuyện với cán bộ Đại Đoàn quân Tiên phong. Đây là Đại đoàn chủ lực được thành lập đầu tiên của quân đội ta, đã lập nhiều chiến công xuất sắc. Cuộc gặp gỡ của Bác với Đại đoàn quân tiên phong tại Đền Hùng để ôn lại truyền thống dựng nước hào hùng của Tổ tiên. Bác động viên, cổ vũ, nhắc nhở và giáo dục cán bộ, chiến sĩ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, xứng đáng với truyền thống vẻ vang của dân tộc. Hành trình của Người đi từ Đại Từ - Thái Nguyên về Đền Hùng, sau đó lại từ Đền Hùng trở về Đại Từ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đi ô tô Zep mang biển số KT - 032 (KT là kí hiệu của Ban kiểm tra 12 - Bí danh của văn phòng Phủ thủ tướng). Cùng đi trên xe với Bác có đồng chí lái xe của Văn phòng



Phù Thủ tướng (có người nói là đồng chí Nguyễn Văn Ngọc tức Nền), đồng chí Đinh Văn Cẩn (người phục vụ, nấu ăn), đồng chí Dũng bảo vệ và nhà nhiếp ảnh Đinh Đăng Định.

Xe đi từ Đại từ - Thái Nguyên đến Đoan Hùng, Bác vào thăm đơn vị bộ đội tình nguyện Việt Nam mới ở Lào về đóng ở vùng đồi xã Chân Mộng. Sau đó đến thị xã Phú Thọ, Bác dừng xe nói chuyện với hai thương binh rồi vào thăm Tỉnh uỷ Phú Thọ đóng ở Thanh Hà. Đón Bác có đồng chí Phạm Dụ - Chánh văn phòng Tỉnh uỷ, đồng chí Trần Lưu Vỹ - Bí thư Ban cán sự kiêm Chủ tịch Uỷ ban hành chính thị xã Phú Thọ và một số đồng chí khác. Buổi tối Bác đến Đền Hùng. Người nghỉ lại đêm 18/9/1954 tại Đền Giếng.

Sáng ngày 19/9/1954, Bác đi thăm các đền. Đến cây vạn tuế trước cửa chùa Thiên Quang, Bác nghe đồng chí Song Hào - Chính uỷ Đại đoàn, đồng chí Thanh Quảng - Phó văn phòng quân uỷ Trung ương báo cáo về tình hình của đại đoàn và kế hoạch đưa bộ đội về tiếp quản thủ đô. Bác thăm Đền Trung, Đền Thượng và đọc bài minh trên quả chuông treo ở cây đại phía bên trái đền. Người chụp ảnh kỷ niệm ở cửa cạnh Đền Thượng. Sau đó Bác xuống Đền Giếng chờ bộ đội. Khoảng 9h có cán bộ của 3 Trung đoàn (Trung đoàn 102 - Trung đoàn Thủ đô), trung đoàn 36, trung đoàn 88 (Tu Vũ) và 1 số tiểu đoàn trực thuộc của Đại đoàn đi từ 5 hướng tới. Từ núi Thần Lầu (Vĩnh Phúc), từ Gia Thanh (Phù Ninh), từ Trại Cờ (Hiệp Hoà - Bắc Giang), từ Đại Từ (Thái Nguyên) và từ Phùng (Hà Nội). Ngoài ra còn có cán bộ văn công của đại đoàn và nhà báo Nguyễn Khắc Tiếp - phóng viên báo quân đội nhân dân.

Bác ngồi trên cửa ngách bên phải Đền Giếng, đồng chí Thanh Quảng và đồng chí Song Hào ngồi trên bậc lát gạch cạnh Bác, các đồng chí cán bộ, chiến sĩ của đại đoàn ngồi dưới sân đền (số lượng khoảng gần 100 người).

Bài nói chuyện của Bác đã được chuẩn bị nội dung chính từ trước. Bác căn dặn và nhắc nhở bộ đội phải thường xuyên học tập,



rèn luyện đạo đức, giữ nghiêm kỉ luật, thực hiện tốt chính sách dân vận, giữ vững lập trường giai cấp...

Lần đầu tiên trong lịch sử, quy luật dựng nước và giữ nước được Người tổng kết trong câu nói bất hủ:

“Các Vua Hùng đã có công dựng nước

Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”

Sự khẳng định của Người có ý nghĩa vô cùng to lớn, đã định hướng cho các nhà khoa học Việt Nam trong việc nghiên cứu về thời đại Hùng Vương và lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Lời dạy của Bác còn là tổng kết khoa học về quy luật tồn tại và phát triển của lịch sử dân tộc: Dựng nước đi liền với giữ nước. Điều đó có tác dụng giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức dân tộc, cội nguồn và tinh thần đại đoàn kết, vì đó là nguồn sức mạnh to lớn chi phối toàn bộ quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, là động lực cổ vũ lớn lao tinh thần đoàn kết của nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Lần thứ 2:** Ngày 19/8/1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Đền Hùng nhân dịp nhân dân Phú Thọ tổ chức mít tinh kỷ niệm cách mạng tháng 8/1945. Người về Phú Thọ ngày 18/8/1962. Sáng ngày 19/8/1962, Bác nói chuyện với đồng bào tại sân vận động thị xã Phú Thọ. Sau đó, Người đi thăm hợp tác xã Nam Tiến và Nhà máy Sup pe Phốt phát - Lâm Thao, rồi Người thăm Đền Hùng vào lúc gần trưa. Cùng đi với Bác có đồng chí Nguyễn Văn Trân - Bí thư Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ công nghiệp nặng, đồng chí Nguyễn Khai - Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung ương Đảng. Lên đến Đền Hạ, các đồng chí bảo vệ sợ Bác mệt, xin Bác nghỉ lại và mời Bác xuống núi. Bác nói: ***“Leo núi phải lên đến đỉnh, cũng như người làm cách mạng không được bỏ dở chừng, đã đi phải tới đích”. Khi lên Đền Trung gặp một tốp bộ đội đi viếng



Tổ, Bác hỏi có mấy cấp, mấy bậc, không ai trả lời được. Bác nhắc quân sự là phải quan sát địa hình. Lên Đến Thượng khoảng 11h trưa, Bác cùng đoàn nghỉ trưa, ăn cơm nắm ở cửa ngách phía đông nam Đến Thượng. Trước khi về Bác dặn các đồng chí lãnh đạo tỉnh Phú Thọ: *"Phải chú ý bảo vệ, trồng thêm hoa, cây cối để Đến Hùng ngày càng trang nghiêm và đẹp đẽ, thành công viên lịch sử cho con cháu sau này đến thăm quan"*.

Lời dạy của Bác vừa mang tính tổng kết, vừa có tính định hướng phát triển, tôn tạo Đến Hùng trong tương lai, đã trở thành kim chỉ nam cho biết bao tư duy, tình cảm và hành động của các thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau, biết trân trọng quá khứ, giữ gìn đạo lý truyền thống dân tộc, bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái, kế thừa và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Năm 2001, tại ngã 5 đến Giếng, dưới chân núi Nghĩa Lĩnh, Bộ quốc phòng đã xây dựng bức phù điêu có hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong. Đây là một công trình có quy mô hoành tráng được ghép từ 81 khối đá xanh có trọng lượng 253 tấn, cao 7 m rộng 12m, đặt trang trọng trong khuôn viên có diện tích hơn 4.000m²; thể hiện tình cảm của quân đội và nhân dân ta đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của dân tộc Việt Nam.







THƯ TỊCH HÁN NÔM

I - CÂU ĐỐI, HOÀNH PHI

A - CÔNG CHÍNH

1. Câu đối trụ ngoài:

(Vế phải):

登者係遐思萬古江山蟠造始

(Vế trái):

佳哉猶旺氣千年城郭尉葱間

Phiên âm:

(Vế phải): Đăng giả hệ hà tứ, vạn cổ giang sơn để tạo thủy;

(Vế trái): Giai tai do vượng khí, thiên niên thành quách úy thông gian.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Lên đây nhớ về cội, vạn cổ giang sơn chốn này tạo dựng;

(Vế trái): Đẹp thay nhờ vượng khí, nghìn năm thành quách cây cỏ tốt tươi.

THƯ TỊCH HÁN NÔM

I - CÂU ĐỐI, HOÀNH PHI

A - CỐNG CHÍNH

1. Câu đối trụ ngoài:

(Vế phải):

登者係遐思萬古江山蟠造始

(Vế trái):

佳哉猶旺氣千年城郭尉葱間

Phiên âm:

(Vế phải): Đăng giả hệ hà tứ, vạn cổ giang sơn đế tạo thủy;

(Vế trái): Giai tai do vượng khí, thiên niên thành quách úy thông gian.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Lên đây nhớ về cội, vạn cổ giang sơn chốn này tạo dựng;

(Vế trái): Đẹp thay nhờ vượng khí, nghìn năm thành quách cây cỏ tốt tươi.



2. Câu đối trụ trong:

(Vế phải):

拓始開基四顧山河歸版籍

(Vế trái):

登高望遠群峰羅列似兒孫

Phiên âm:

(Vế phải): Thác thủy khai cơ, tứ cố sơn hà quy bản tịch;

(Vế trái): Đăng cao vọng viễn, quần phong la liệt tự nhi tôn.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Mở lối đắp nền, bốn mặt non sông về một lối;

(Vế trái): Lên cao nhìn khắp, chập trùng đồi núi tựa cháu con.

B – CHÙA THIÊN QUANG

1. Câu đối

(Vế phải):

職掌者藍開闢田園功厚大

(Vế trái):

權居主宰匡扶善信眾坛那

Phiên âm:

(Vế phải): Chức trưởng giả làm, khai tịch điền viên công hậu đại;

(Vế trái): Quyền cư chủ tể, khuôn phù thiện tín chúng đàn na.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Chức chốn cửa thiền, khai mở rộng vườn công lao to lớn;

(Vế trái): Quyền ngôi chủ tể, phù trì thiện nam tín nữ khắp nơi.



2. Hoàng phi:

1. 甘露普霑

Phiên âm: Cam lộ phổ triêm

Dịch nghĩa: Mưa móc nhà Phật thấm khắp

2. 肅威風雲

Phiên âm: Túc uy phong vân

Dịch nghĩa: Nghiêm túc, uy nghi biến hóa vô lường

3. 天光禪寺

Phiên âm: Thiên Quang thiền tự

Dịch nghĩa: Chùa Thiên Quang

4. 萬德圓影

Phiên âm: Vạn đức viên ảnh

Dịch nghĩa: Vạn đức vẹn toàn

5. 氣高星漢

Phiên âm: Khí cao tinh Hán

Dịch nghĩa: Khí cao như sao Hán

6. 靈光無極

Phiên âm: Linh quang vô cực

Dịch nghĩa: Ánh sáng linh thiêng vô cùng



7. 慧鑒無私

Phiên âm: Tuệ giám vô tư

Dịch nghĩa: Trí tuệ soi sáng khắp nơi

8. 極樂導師

Phiên âm: Cực lạc đạo sư

Dịch nghĩa: Thế giới Phật là thầy dẫn đường

9. 山門鎮靜

Phiên âm: Sơn môn trấn tĩnh

Dịch nghĩa: Cảnh chùa là nơi yên tĩnh.

C - ĐỀN THƯỢNG

1. Câu đối trụ ngoài:

(Vế phải):

過故國眇爐洮依然碧浪紅濤襟帶雙流迴白鶴

(Vế trái):

登新亭拜陵寢猶是神州赤縣山河四面控朱鷺

Phiên âm:

(Vế phải): Qua cố quốc, miền Lô, Thao, y nhiên bích lãng hồng đào, khâm đai song lưu hồi Bạch Hạc;

(Vế trái): Đăng tân đình, bái lăng tẩm, do thị Thần châu Xích huyện, sơn hà tứ diện khống Chu Diên.



Dịch nghĩa:

(Vế phải): Qua cổ quốc, ngăm Lô, Thao, sóng hồng nước biếc như xưa, sông hai dải bao quanh châu Bạch Hạc;

(Vế trái): Lên đình mới, vãi lãng, tằm, huyện Xích châu Thần còn đó, bốn mặt núi sông gìn giữ Chu Diên.

2. Câu đối trụ trong:

(Vế phải):

葱葱蔚蔚中有陵焉寢焉父仙母之精靈啟侑後人罔缺

(Vế trái):

古古今今見此山也水也聖祖神尊之創造於獻前人不忘

Phiên âm:

(Vế phải): Thông thông úy úy, trung hữu lãng yên, tằm yên, long phụ tiên mẫu chi tinh linh, khải hựu nhân vông khuyết;

(Vế trái): Cổ cổ kim kim, kiến thử sơn dã, thủy dã, thánh tổ thần tôn chi sáng tạo, ô hô tiên nhân bất vong.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Giữa cỏ cây tốt tươi, nào lãng, nào tằm, tinh anh cha rồng mẹ tiên, phù hộ đời sau không chỗ nào sót;

(Vế trái): Suốt xưa đến nay, kia núi, kia sông, thánh tổ thần tôn sáng tạo, ô hô tiên nhân công đức chẳng quên.

3. Câu đối trong đền:

(Vế phải):

此地此山南國紀

(Vế trái):

吾王吾祖北宸尊



Phiên âm:

(Vế phải): Thử địa thử sơn Nam quốc kỷ;

(Vế trái): Ngô vương ngô tổ Bắc thần tôn.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Đất này, núi này, dân nước Nam ghi nhớ

(Vế trái): Vua ta tổ ta như Bắc Đẩu trên cao.

4.

(Vế phải):

神聖啟炎邦至今地不改關民不改聚

(Vế trái):

勲高奉清廟是謂木之有本水之有緣

Phiên âm:

(Vế phải): Thần thánh khai Viêm bang, chí kim địa bất cải tịch, dân bất cải tụ;

(Vế trái): Huân cao phụng thanh miếu, thị vị mộc chi hữu bản, thủy chi hữu nguyên.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Thần thánh mở nước Nam, đến nay dân vẫn đông đất vẫn rộng;

(Vế trái): Công lao thờ tại miếu, ấy là cây có gốc, nước có nguồn.

5.

(Vế phải):

啟我南教鴻貉千秋尊帝國

(Vế trái):

顯于西土傘爐一帶壽新祠



Phiên âm:

(Vế phải): Khải ngâ Nam giao, Hồng Lạc thiên thu tân đế quốc;

(Vế trái): Hiên vu Tây thổ, Lân Lô nhất đại thọ tôn từ.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Mở nước Nam ta, Hồng Lạc nghìn thu, con, cháu tôn thờ nước cũ;

(Vế trái): Hiên linh Tây thổ, Thán Lô một dải muôn năm đến mới vững bền.

6.

(Vế phải):

天書定分正統肇明都百粵山河知有祖

(Vế trái):

光乐協靈故宫成峯廟三江襟帶尚朝尊

Phiên âm:

(Vế phải): Thiên thư định phận, chính thống triệu minh đô, Bách Việt sơn hà tri hữu tổ;

(Vế trái): Quang nhạc hiệp linh, cố cung thành tụy miếu, tam giang khâm đại thượng triều tôn.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Sách trời đã định, chính thống dựng kinh đô, non sông Bách Việt đã có Tổ;

(Vế trái): Núi sáng linh thiêng, cố cung lập thành miếu, ba sông một dải hướng về nguồn.

7.

(Vế phải):

鴻貉故基存疊嶂層蠻群水合



(Vế trái):

帝王靈氣在號風怒雨一峰高

Phiên âm:

(Vế phải): Hồng Lạc cố cơ tồn, diệp chương tăng man quần thủy hợp;

(Vế trái): Đế vương linh khí tại, hào phong nộ vũ nhất phong cao.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Nền cũ Hồng Lạc còn đây, diệp chương trùng ba sông hợp lại;

(Vế trái): Linh khí đế vương vẫn còn đó, mưa gào gió thét một ngọn núi cao.

Hoành phi:

1. 南國山河

Phiên âm: Nam Quốc Sơn Hà

Dịch nghĩa: Sông núi nước Nam

2. 厥初生民

Phiên âm: Quyết sơ dân sinh

Dịch nghĩa: Dân buổi ban đầu

3. 肇基王迹

Phiên âm: Triệu cơ vương tích

Dịch nghĩa: Dấu tích nền móng đầu tiên của vua



4. 子孫保之

Phiên âm: Tử tôn bảo chi

Dịch nghĩa: Con cháu gìn giữ

D - LĂNG

(gồm 3 đôi câu đối)

1. Câu đối 1

(Vế phải):

喬喬皇皇配天其澤帝是祖

(Vế trái):

葱葱蔚蔚得地之靈山亦雄

Phiên âm:

(Vế phải): Duật duật hoàng hoàng, phối thiên kỳ trạch, đế nhi tổ;

(Vế trái): Thông thông úy úy, đắc địa chi linh, sơn diệc hùng.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Vời vợi lớn lao, ơn sánh ngang trời, vua là tổ;

(Vế trái): Tươi tươi tốt tốt, khí thiêng của đất, núi oai hùng.

2. Câu đối 2:

(Vế phải):

維祖國精神式十八傳根本地

(Vế trái):

考故都名勝幾千古載帝王陵

Phiên âm:

(Vế phải): Duy tổ quốc tinh thần, nhất thập bát truyền căn bản địa;

(Vế trái): Khảo cố đô danh thắng, kỳ niên cổ tải đế vương lăng.



Dịch nghĩa:

(Vế phải): Đất nước linh thiêng, trải mười tám đời đây nơi đất gốc;

(Vế trái): Khảo kinh đô cũ, mấy nghìn năm còn lại đế vương lăng.

3. (Câu đối Nôm):

(Vế phải):

陵寢自甃芾崗傘淹沱巖浩沕挿衛坦祖

(Vế trái):

文明當暝琨鴻詔貉蘇佞群別牧墓翁

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản sông Đà, non nước vẫn quay về đất Tổ;

(Vế trái): Văn minh đương buổi mới, con Hồng cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ mồ ông.

Đ – ĐỀN GIẾNG

Bức đại tự ngoài cổng chính

中山少室

Phiên âm: Trung sơn thiếu thất

Dịch nghĩa: Ngôi miếu nhỏ trong núi

Câu đối 1:

(Vế phải):

十八傳爲君爲王重出仙娥維末造

(Vế trái):

五十子龜山龜海別鐘神女紹英風

Phiên âm:



(Vế phải): Thập bát truyền vi quân vi lượng, trùng xuất tiên nga duy mặt tạo;

(Vế trái): Ngũ thập tử quy sơn quy hải, biệt chung thần nữ thiệu anh hùng.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Mười tám đời truyền làm quân làm vương, xuất hiện hai vị tiên nga cuối dòng họ;

(Vế trái): Năm mươi người con lên núi xuống biển, một nàng thần nữ nuôi ngôi cha.

Câu đối 2:

(Vế phải): 井用汲其福並受

(Vế trái): 山不高有仙則名

Phiên âm:

(Vế phải): Tỉnh dụng cấp, kỳ phúc tịnh thụ;

(Vế trái): Sơn bất cao, hữu tiên tắc danh.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Giếng để múc nước, phúc ấy cùng chung hưởng

(Vế trái): Núi không cao, nhờ có tiên mà nổi danh

Câu đối 3:

(Vế phải): 皇家衍出龍仙派

(Vế trái): 帝闕端門姊妹花

Phiên âm:

(Vế phải): Hoàng gia diễn xuất long tiên phái;

(Vế trái): Đế quyết đoan môn tỷ muội hoa

Dịch nghĩa:



(Vế phải): Hoàng gia vốn dòng dõi rồng tiên;

(Vế trái): Chị em là nhành hoa nơi cửa khuyết.

Câu đối 4:

(Vế phải):

祀典歷蜀趙丁李陳黎與徵朝二女王名千古

(Vế trái):

仙界合君臣父子夫婦繼祖國百男錄具傳奇

Phiên âm:

(Vế phải): Tự điển lịch Thục, Triệu, Đinh, Lý, Trần, Lê dữ Trưng
triều nhị nữ vương, danh thiên cổ;

(Vế trái): Trên giới hợp quân, thần, phụ, tử, phu, phụ kể Tổ
quốc bách nam lục cụ truyền kỳ.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Phụng thờ trải từ Thục, Triệu, Đinh, Lý, Trần, Lê
cùng hai nữ Trưng Vương, nổi danh thiên cổ;

(Vế trái): Tiên giới hợp sức quân, thần, phụ, tử, phu, thê kể trăm
năm nam Tổ quốc ghi đủ trong truyền kỳ.

Câu đối 5:

(Vế phải): 傘山地近岩光接

(Vế trái): 夜澤雲高月影停

Phiên âm:

(Vế phải): Tản Sơn địa cận nhâm quang tiếp;

(Vế trái): Dạ Trạch vân ca nguyệt ảnh đình.

Dịch nghĩa:



(Vế phải): Đất giáp Tân Viên khí núi trắng lan tỏa;

(Vế trái): Mây cao trùm Dạ Trạch lưu lại ánh trăng.

Câu đối 6:

(Vế phải):

月殿降雙娥桂影端籠雲母井

(Vế trái):

石屏依半嶺松濤聲大王祠

Phiên âm:

(Vế phải): Nguyệt điện giáng song nga, quế ảnh đoan lung Vân Mẫu đình;

(Vế trái): Thạch bình y bán lĩnh, tùng dào thanh động Đại Vương từ.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Nguyệt điện giáng hai nàng tiên, bóng quế tựa lồng che giếng Vân Mẫu;

(Vế trái): Đá như bình phong dựng lưng chừng núi, tiếng sóng tùng lay động đến Đại Vương.

Câu đối 7:

(Vế phải):

鴻貉出英姿一故神兩故化

(Vế trái):

仙龍鐘秀氣山則名水則靈

Phiên âm:

(Vế phải): Hồng Lạc xuất anh tư, nhất cố thần, lưỡng cố hóa;

(Vế trái): Tiên Long chung tú khí, sơn tắc danh, thủy tắc linh.



Dịch nghĩa:

(Vế phải): Hồng Lạc giống tinh anh, một là thần, hai là thánh;

(Vế trái): Tiên rồng hun tú khí, núi thì đẹp, sông thì thiêng.

Câu đối 8:

(Vế phải): 皇朝陵寢皇都在

(Vế trái): 南國神仙帝女宗

Phiên âm:

(Vế phải): Hoàng triều lăng tẩm hoàng đô tại;

(Vế trái): Nam quốc thần tiên đế nữ tông

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Lăng tẩm vua Hùng vẫn còn ở kinh đô này;

(Vế trái): Thần tiên nước Nam là dòng dõi con gái Vua.

Câu đối 9 (Câu đối Nôm):

(Vế phải):

姉我媵搃外仁迓兆駭群家道曉堆錡蒂女

(Vế trái):

吒傳琨納欣翠姪倆磋罅國魂殿楸奉神權

Phiên âm:

(Vế phải): Chị ngà em nường ngoài hai mươi triệu hãy còn gia
đạo trông đôi gương đế nữ;

(Vế trái): Cha truyền con nối hơn bốn nghìn năm xây dựng
quốc hồn thảy suốt phụng thần quyền.



Câu đối 10:

(Vế phải):

神種朝仙龍合注婆心施德水

(Vế trái):

故都屬鴻貉重新廟貌壽名山

Phiên âm:

(Vế phải): Thần chủng triều Tiên Long, hợp chú bà tâm thi đức thủy;

(Vế trái): Cổ đô thuộc Hồng Lạc, trùng tân miếu mạo thọ danh sơn.

Dịch nghĩa:

(Vế phải): Giống thần nở Rồng Tiên, hun đúc lòng từ thi hành đức thủy;

(Vế trái): Đô cũ thời Hồng Lạc, trung tu miếu mạo bền vững danh sơn.

Câu đối 11:

(Vế phải):

文郎風州幾桑海神光不散霓舞猶舞雙娥月

(Vế trái):

傘圓夜澤舊江山靈氣爲抬鶯綵迭迎二妹天

Phiên âm:

(Vế phải): Văn Lang, Phong Châu kỷ tang hải, thần quang bất tán, Nghiê tường do vũ song nga nguyệt;

(Vế trái): Tản Viên, Dạ Trạch cựu giang sơn, linh khí vi đài, oanh thái diệt nghinh nhi muội thiên.



Dịch nghĩa:

(Vế phải): Văn Lang, Phong Châu trải bao dâu biển, ánh sáng thần không mất, khúc Nghê thường hai nàng tiên vẫn múa;

(Vế trái): Tản Viên, Dạ Trạch giang sơn như cũ, linh khí ngút cao, vẻ oanh ca vui mừng đón chị em.

Câu đối 12 (Câu đối Nôm):

(Vế phải): 蘇裊橋濫佛法

(Vế trái): 灝情女界喻吒

Phiên âm:

(Vế phải): Thăm nẻo cầu lam thi Phật Pháp;

(Vế trái): Nhặt tình nữ giới dụ theo cha.



Hội làng Thanh Đình - Rước ông Khiu, bà Khiu - Ảnh: Tư liệu



NGỌC PHẢ CỔ TRUYỀN VỀ MƯỜI TÁM CHI ĐỜI THÁNH VƯƠNG TRIỀU HÙNG

(Bản sao Ngọc phả lưu tại viên quan lang Phụ đạo, cháu chắt của Hùng Vương, cha truyền con nối, cùng làng Trung Nghĩa là dân hộ nhi trường tạo lệ xã Nghĩa Cương coi giữ).

NGÀY TỐT THÁNG 10, MÙA ĐÔNG, NĂM CANH TÝ,
NIÊN HIỆU HOÀNG ĐỊNH THỨ NHẤT (1600). HÀN LÂM
THỊ ĐỘC NGUYỄN TRỌNG HIỆU ĐÍNH,
LỄ PHIÊN LÊ ĐÌNH HOAN SAO.

Ngọc phả cổ truyền về mười tám chi đời Thánh Vương
triều Hùng nước Việt cổ.

(Ngọc phả cổ tích về Hùng Vương Sơn Thánh tiền Thái Tổ
Cao Hoàng để lưu truyền lại).



Xưa cháu ba đời của Viêm Đế là Đế Minh (tôn phong là Đế Minh Vương Cao Cao Thái Tổ Đại Triều Hoàng đế) sinh ra Đế Nghi, nhân đi tuần xuống phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh (địa giới ở động Bạch Hồ thuộc Vân Nam, vốn nước ta trước đây gọi là quận Giao Chỉ, về sau gọi là động Xích Quỷ. Nay đổi là nước An Nam) gặp nàng Vụ Tiên thần nữ, rồi sinh ra Kinh Dương Vương. Kinh Dương Vương là bậc thánh trí thông minh, vượt hơn lượng độ Đế Nghi. Đế Minh muốn truyền ngôi báu lập Đế Nghi nối ngôi cai trị phương Bắc, phong cho Kinh Dương Vương sang nước Nam cai trị thiên hạ, lấy tên hiệu là nước Xích Quỷ. Kinh Dương (tôn phong là Hùng Dương Vương Cao Hoàng Thái Tổ Thái Bảo Đức Tông Hoàng đế) vâng chỉ, nghiêm túc theo uy trời đến núi Nam Miên đi xem phong thủy, chọn được thế đất tốt để lập đô ấp. Bền qua Hoan châu (nay đổi là các xã: Nội Thiên Lộc, Tả Thiên Lộc, Tĩnh Thạch của huyện Thiên Lộc, phủ Đức Quang, xứ Nghệ An), xem khắp hình thế, thấy một vùng phong cảnh lâu đài vạn lớp, gọi là núi Hùng Bảo Thửu Lĩnh, gồm 199 ngọn (tên cũ gọi là Cự Đô nay gọi là Ngàn Hống), giáp với cửa Hội Thống ngoài biển. Núi đi gấp khúc, nước chảy vòng theo, rồng cuộn hổ nằm, xem khắp bốn phía, mới dựng đô thành để định triều cống bốn phương. Bấy giờ, khí xuân ôn hoà, vạn vật đua sắc. Vua lúc bình sinh vốn yêu phong thủy, bền cử giá tuần du ngoài biển, xem khắp địa đồ, bất giác thuyền rồng đến thẳng hồ Động Đình. Vua sai dừng thuyền trên mặt nước ngắm nhìn, bỗng thấy một người con gái xinh đẹp yêu kiều, từ đáy nước hiện ra. Nàng có dung nhan tuyệt đỉnh, cho là kỳ ngộ xưa nay, liễn sai chèo thuyền lại, vua hỏi rằng: “Đẹp thay tiên nữ! Nàng từ đâu đến đây?” Nàng đáp: “Thiếp tên là Thần Long, chính là con gái Vua Động Đình, ở chốn điện vàng cửa ngọc, chờ đợi người anh hùng đã lâu. Nay trời xui gặp gỡ thiếp nguyện muốn được nâng khăn sửa túi. Vua mừng rỡ khôn xiết, bền mời vào trong thuyền, đưa về thành đô, lập Thần Long làm chính khốn (4). Về sau Vua lại đi tuần thú, trải khắp núi sông,



xa giá đến xứ Sơn Tây, thấy một khu địa hình, núi đẹp sông hay. Vua bèn tìm địa mạch, nhận thấy từ trên núi Côn Luân giáng khí qua cửa ải, tựa như cầu vồng thoát mạch, rồng đi vút xa, đến núi Tụ Long, liền đến châu Thu Vật của xứ Tuyên quang, biến xuất vạn đợt kim tinh. Mạch thông lưu đến các huyện Hạ Hoà, Thanh Ba, Sơn Vi, Tây Lan, Phù Ninh của phủ Lâm Thao, đến chùa Hoa Long của thôn Việt Trì ở sông ngã ba Bạch Hạc thì dừng. Còn mạch bên tả là Thanh Long, núi sông vạn trùng xuất phát từ các núi ở Lập Thạch, Bách Ngõa, Chu Diên, Thanh Sơn, Trà Sơn, Từ Sơn, Trạm Sơn, Tích Sơn, An Lão, núi phục châu, dẫn đến núi Yên Tử của huyện Hoa Phong, huyện Đông Triều thuộc xứ Hải Dương, thoát đến tám xã vùng Đồ Sơn miền biển, làm thế long đầu triều án. Phụ bên hữu, từ Ba Thục, Hán Giang, Nhĩ Hà, sông Lô, sông Thao, núi đi sông uốn theo, đến Thập Châu, Thanh Nguyên, Bạ Hà, sông Đà Hà của xứ Hưng Hoá và Tuyên Quang, đến huyện Bát Bạt, đợt ngọt tạo ra núi Tản Viên. Cung tiền bên hữu Bạch Hồ, vạn sông muôn núi, xuất phát từ các núi Tây Phương, Sài Sơn, Từ Trầm của các huyện Yên sơn, Thạch Thất, Phúc Lộc, Minh Nghĩa. Phụ bật bên hữu đến các núi Hương Tích, Hữu Na, Nam Công, Vũ Phượng, Đọi Điệp, Nghi Dương của huyện Đại An và Chương Đức xứ Sơn Nam, làm nội triều phục, thoát đến núi Chính đại cửa biển Thần Phù xứ Sơn Nam, làm nội triều phục, thoát đến núi Chích Trạ trong biển làm thế hổ đầu triều án, lấy sông Bạch Hạc làm nội minh đường, ngã Ba Lân của sông lớn huyện Nam Xương làm trung minh đường, núi Thượng Sơn Nam Hải làm ngoại minh đường. Nghìn núi quay lại, vạn sông châu về, tất cả đều hướng về núi Tổ Nghĩa Lĩnh, thu hết được hình thế. Vua nhận thấy thế đất này quý hơn hẳn đô thành cũ ở Hoan Châu, bèn lập chính điện ở núi Nghĩa Lĩnh. Bấy giờ, Vua thường ngự giá lưu lại ở đây, bên ngoài dựng đô thành Phong Châu (nay đô thành cũ còn thấy ở thôn Việt Trì xã Bạch Hạc của huyện Bạch Hạc), đặt quốc hiệu là Văn Lang (phía sông giáp biển, phía Tây đến Ba Thục, phía Bắc



đến hồ Động Đình, phía Nam tiếp giáp nước Hồ Tôn, nay là nước Chiêm Thành). Vua xa giá trở về đô thành cũ Hoan Châu dựng đặt đô thành mới ở núi Thấu Lĩnh, sau dựng ở núi Nghĩa Lĩnh. Nay lấy núi Nghĩa Lĩnh làm đô ấp sở tại của họ Việt Thường. Khi ấy, vua đi tuần thú, trở về cung điện ở núi Nghĩa Lĩnh, thấy bà cung phi Thần Long quân nữ mang thai, có điềm lành ứng rỗng, ánh hào quang đỏ đầy ấp nhà, trong trướng sinh hương, mùi thơm ngào ngạt trong mấy tuần, sinh ra Lạc Long Quân (Lạc Long Quân, húy là Sùng Lãm, ở ngôi 400 năm, thọ 420 tuổi, sinh một bọc trăm trứng, sinh ra điềm lành trăm người con trai, định trăm họ, đặt trăm tên, xưng trăm hiệu, phong trăm vương, làm trăm thần, mỗi thần cai quản một khu, đều xưng thủy tổ của Bách Việt, rất linh thiêng. Phụ Vương Long Quân hoá sinh bất diệt, về biến thành tiên, làm đế quân Động Đình). Long quân có tư chất phi thường, tự có khí tượng của bậc đế vương. Vua mới lập làm Hoàng Thái tử. Bấy giờ, có con gái của Đế Lai, tên Âu Cơ, về sống quê mẹ ở động Lăng Sương (nay đổi là sách Lăng Sương, huyện Bát Bạt) huyện Thanh Nguyên, châu Đà Bắc. Một hôm, Âu Cơ ra chơi ở bãi cát Trường Sa xem Vua tuần thú sông Đà, Vua thấy Âu Cơ phong tư đẹp đẽ, yêu thích lấy làm vợ, lập làm Hoàng phi. Sau Kinh Dương sai Lạc Long Quân ra núi Ngũ Lĩnh, ngự ở đô thành Phong Châu này giúp thay Vua trị nước. Dương Vương ở ngôi 215 năm, thọ 260 tuổi. Con là Lạc Long Quân nhiếp chính. Khi Long Quân lên ngôi, đổi tên hiệu là Hùng Hiền Vương (tôn phong là Hùng Hiền Vương Cao Hoàng Thái Tổ Quốc Tông Quang Hưng Hoàng đế). Bấy giờ, nàng Âu Cơ (tức Âu Cơ) mang thai, trải ba năm, ba tháng. mười ngày, thấy trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh có mây lành ngũ sắc xán lạn. Đến giờ Ngọ (5), ngày 25 tháng 12 năm Giáp Tý, Âu Cơ thấy bào thai chuyển động. Đến giờ Ngọ ngày 28, hương lạ đầy nhà, hào quang khắp phòng, bà sinh một bọc bạch ngọc, hương lạ giáng xuống. Bắt đầu sinh ở núi Ngũ Lĩnh đất Tổ Thấu phong, ao sen đình ngọc. Hiền Vương thấy bà sinh ra bọc lạ, cho là xưa nay chưa

có, việc lạ trong nước, bèn triệu văn võ bách quan trong triều châu trong chính điện. Lúc ấy, giờ Ngọ, bỗng thấy trong thành giữa trời, có ba tiếng hiệu lệnh, làm chuyển động trời đất sông núi cỏ cây, vạn vật kinh sợ. Mây lành ngũ sắc, sáng đầy khắp ba nghìn thế giới. Trên thượng điện, vạn chim bay; ngư, lân, tụ hội theo gió mưa cống triều. Vua thấy quốc gia có điềm lạ khác thường, xuống chiếu cho các quan văn võ chỉnh đốn ý mạo, tray khiết lòng thành, tể tự tại điện Kính Thiên, thắp hương đèn phùng châu triều bái Hoàng thiên thượng đế, đến tứ phủ vạn linh. Đến giờ Thân hôm ấy, bỗng thấy một áng mây xanh, từ hướng Tây kéo đến, tụ tại thềm rồng cửa điện Kính Thiên, tự nhiên có bốn vị tướng xuất hiện kỳ lạ, cao hơn trượng rưỡi, đầu đội mũ hoa, thân mặc bào xanh gấm vóc, eo thắt đai ngọc, chân đi hài sắt, miệng cười như hào quang sáng rực, mây tuôn cuộn cuộn, tay cầm một chiếc long bài (sắc) của Ngọc hoàng thượng đế, ban cho Hiền Vương của Nam Miên, một bọc trăm trứng; sinh ra nơi ngọc khuyết, thành trăm người con trai trị nước. Nay sai bốn vị Đại Thiên Vương giúp đỡ che chở cho nước. Vậy ban sắc! Hiền Vương chiếu theo long bài, truyền các quan văn võ, ngẩng mặt bái tạ trời, lại bái tạ Thiên Vương. Thiên Vương nói; “Trăm trứng ngọc bào do điềm rồng giáng sinh, thiên sứ báo cho Hiền Vương biết, hãy đặt vào bàn vàng, mang đến chùa cổ Viễn Sơn, tên là Từ Sơn Thiên Quang Hoà Thượng Thiên Thấu Linh (về sau đổi tên là Thiên quang Thiên tự) đặt ở trong chùa, chọn lấy vị quan trai giới châu trực, thắp hương không dứt”. Bọc đó vỡ ra, Hiền Vương bèn đỡ lấy thì bốn vị đại Thiên Vương tự nhiên biến hoá. Hiền Vương càng thành tâm cầu đảo. Đến giờ Ngọ, ngày rằm 15 tháng Giêng, trăm trứng vỡ ra, đều thành điềm trăm người con trai. rồng thành năm sắc, điềm ứng sáng ngời, hương trời giáng xuống, đầy khắp núi sông. Được khoảng một tháng, không phải bú mớm mà tự trưởng thành. Tất cả các con đều có hình dáng đẹp lạ, tướng mạo phương phi, anh hùng nổi tiếng ở đời, cao lớn ba thước bảy tấc. Hiền Vương triệu sáu nàng cung phi giao phát gấm

linh, cắt may thành trăm bộ áo mũ cấp cho trăm người con trai. Cả ngày trăm con vui cười, thường lấy lá hoa ao sen đùa nghịch. Sau một trăm ngày, các con khôn lớn, không nói mà hay cười. Qua hai trăm ngày, đến giờ Thìn, ngày 20, tháng 7, cả trăm người con trai đều cười to, nói rằng: “Trời sinh thánh vương trị nước, giúp bốn biển thanh bình, quốc gia yên vui, là trăm Hoàng tử đều ở thêm rống điện thượng”. Bỗng thấy một đoá mây ngũ sắc, từ không trung giáng xuống thêm rống. Hiến Vương thấy tám vị thiên tướng, đầu đội mũ đồng, mình mặc thiết giáp, chân đi hài bạc, eo thắt dài rống, dung mạo sán lạn, mắt sáng như sao, miệng xuất hào quang, tay cầm thần kiếm, linh trượng, bảo trử, thiết phủ, đứng hầu bên tả hữu, hai bên đối chầu, hư không biến hoá, gió mưa ập đến, bay vượt nhiều không trung trong điện Ngũ Lĩnh, rồi núi non thất hình, sông hồ sóng dâng trào, không thể lường cơ biến hoá. Sau ba giờ sáng lạng, tám vị tướng mới xưng danh là tám bộ Kim cương, vâng sắc của thượng thiên chư Phật, Bảo Đế lệnh sai giáng xuống che chở cho trăm người con trai. Nay tất cả đã trưởng thành, hiểu biết, nên tám vị tướng phụng mệnh đưa các vương tử đến cửa khuyết bái tạ Hoàng phụ, cai trị trong nước. Tám vị tâu xong, bay lên trời biến mất. Tám vị ban cho Hiến Vương một chiếc long bài, một chiếc thiên bảo thần ấn, một viên bạch ngọc, một chiếc thần kiếm, một quyển thiên thư, một chiếc thước ngọc, một chiếc bàn vàng đặt ở trong điện. Hiến Vương nhận lấy, cho đây là trời ứng điềm lành, giúp yên trong nước. Vua thấy trăm người con trai bỗng nhiên cao lớn, thân dài bảy thước ba tấc, mỗi người cầm một vật thiên bảo thần khí chia nhau đứng hầu hai bên tả hữu, bái tạ Hoàng phụ. Hiến Vương xuống chiếu rằng: “Trời sinh trăm người con trai, đều văn võ thánh thần, anh hùng tài lược giúp nước yên bình, thiên hạ cậy nhờ bởi ơn giáo hoá, phụ tử quân thần cùng nhau vui hưởng” Vua bèn triệu trăm quan bái tạ, cùng chung hội bàn thay hiệu đặt tên, trăm người con trai có một trăm hiệu, thứ vị trên dưới. Nhưng cả trăm người con trai đều có tư chất hơn người,

anh hùng nổi tiếng ở đời, là bậc thánh trí thần tài. Bấy giờ, bách quan trong triều không dám phân biệt ai hơn ai kém, khó đặt tên xưng hiệu. Triều đình tâu rằng: “Nước có thánh nhân sinh các hiền tướng, các quan trong triều này không ai sánh kịp, nên chẳng dám định tên đặt hiệu. Xin phụ vương cử tài lo liệu”. Vua phán quyết: “Chính sự trong triều là nơi tập hợp anh tài. Ta thừa mệnh trời kiến tạo cơ đồ dựng nước trị dân, thụ sắc của trời sinh được trăm người con trai. Trăm truyền bách quan thành tâm thiết lập đàn chay, biểu tấu mật đảo với trời, cùng vạn thần linh ngự hội, đặt tên cho trăm người con trai đó”.

Hôm ấy, Vua đến đàn cầu đảo. Cầu xong, tự nhiên cảm ứng, thần từ Tây Vực đến, thấy một ông già râu tóc bạc phơ, đầu đội mũ Phật gấm lĩnh, thân mặc áo vải, sắc màu sẫm, chân đi hài, tay cầm trúc trượng chơi tại chùa Quang Long ở bến sông Việt Trì, huyện Bạch Hạc. Ông già xuống sông rửa chân, rồi ngồi trên bàn đá. Sông ấy gọi là sông Nhị Hà. Hôm đó, có vị quan triều là Nguyên soái tiết chế tướng quân trấn đô thành Phong châu ngồi trên lầu sông, thấy ông lão tiên đang xem phong thủy, mắt chăm chú nhìn xuống đáy sông, chân giẫm lên lưng rùa đá (rùa đá này ở bên sông chùa Hoa Long của thôn Việt Trì huyện Bạch Hạc. Nay dấu tích của ông già tiên vẫn còn). Vị quan triều liền mời ông già đến, bạo dạn hỏi chân tình sự việc, khoản đãi yến tiệc, rước về cung điện núi Ngũ Lĩnh. Vị Nguyên soái vào tâu Vua, Vua đích thân ra mời vào cung, mở yến tiệc ăn mừng. Vua hỏi ông già: “Tiên sinh từ đâu đến ngao du phong cảnh ở đây? Nay trong nước có việc khó, xin cậy nhờ tiên ông chỉ giáo?”. Ông già cười ha ha, trí tuệ đồng đều, khó đặt danh hiệu thứ vị, không phân biệt được ai là anh, ai là em. Xin Tiên ông đặt giúp danh vị “Ông già đáp: Ta sinh ở thời Hoàng đế (6) học được đạo Phật, ngao du hải ngoại càn khôn khắp ba nghìn thế giới, gặp nước Nam Miên nên ngắm nhìn phong cảnh. Nay Vua mời đến, ta có quyền thần thư, bói biết trời đất, gọi được



các tiên, hướng gì quốc gia thành tâm cầu đảo, cầu tất sẽ ứng. Xin Vua thành tâm để ta thử vận trù một quẻ, đoán biết tiền định, dựng đặt danh hiệu bách nam, quan sát tướng mạo của họ sẽ phân biệt được thứ vị anh em”. Ông già liền bày giấy bút muốn làm rõ danh vị cho trăm người con trai này, đặt tại bàn vàng, định phân thứ vị, triệu họ về triều, dự trong chính điện để họ tự đề cử tên vào sách. Tất cả đều đồng thanh đặt người trưởng đích, như từng nói trước khi đứng hầu, phụng mệnh làm vương. Trừ Thái tử, còn 99 người đều đến bàn vàng, ghi tên vào sách. Từ đó phân biệt thứ vị cho trăm người con trai, anh em đều vui vẻ. Thiết lập thứ vị xong, ông già tự nhiên biến mất, tức thăng thiên lên trời.

Vua sai bách quan thường đến mật đảo tại chùa Thiên Quang Hoà thượng ở Từ Sơn cầu trời xin được ứng nghiệm. Người trưởng đích, tức Thái tử, tục gọi là Hùng Lân, về sau đổi tên là Hùng Quốc Vương (tôn phong là Hùng Quốc Vương Thượng Thánh Cao Tông Nguyên Triều Hoàng đế), còn các con theo thứ tự là Xích Lang, Quỳnh Lang, Mật Lang, Thái Lang, Vi Lang, Huân Lang, Yển Lang, Tiêu Lang, Diệu Lang, Tinh Lang, Tập Lang, Ngộ Lang, Hấp Lang, Tiểu Lang, Hộ Lang, Thục Lang, Khuyển Lang, Chiêm Lang, Văn Lang, Khương Lang, La Lang, Tuấn Lang, Tán Lang, Quyển Lang, Đường Lang, Kiều Lang, Dư Lang, Ác Lang, Hận Lang, Liệt Lang, Lý Lang, Trâm Lang, Tường Lang, Tróc Lang, Sát Lang, Cốc Lang, Nhật Lang, Sái Lang, Chiếu Lang, Diêm Lang, Kiềm Lang, Trường Lang, Thuận Lang, Tầm Lang, Thai Lang, Triệu Lang và Ích Lang. Bốn mươi chôn người con trai này theo về với cha.

Còn Hương Lang, Thiêm Lang, Thận Lang, Văn Lang, Vũ Lang, Linh Lang, Tịnh Lang, Hắc Lang, Quản Lang, Cao Lang, Tế Lang, Mã Lang, Chiếu Lang, Khang Lang, Chính Lang, Đào Lang, Nguyên Lang, Miên Lang, Xuyên Lang, Yển Lang, Thiếp Lang, Bái Lang, Tài Lang, Trừng Lang, Triệu Lang, Cố Lang, Lưu Lang, Lộ Lang, Quế Lang, Diêm Lang, Huyền Lang, Nhĩ Lang, Tào Lang,



Nguyệt Lang, Sâm lang, Lâm Lang, Triều Lang, Quán Lang, Canh Lang, Thái Lang, Lôi Lang, Thấu Lang, Việt Lang, Vệ Lang, Mãn Lang, Long Lang, Trình Lang, Tuấn Lang, Tòng Lang và Thanh Lang. Năm mươi người con trai này theo về với mẹ.

Từ đó các con có tên, khôn lớn phương trưởng vào triều nhận chức, địa vị đứng đầu trăm quan. Vua mới phong hầu, lập phen dậu, chia trong nước làm mười lăm bộ: Bộ thứ nhất là Sơn Tây, bộ thứ hai là Sơn Nam, bộ thứ ba là Hải Dương, bộ thứ tư là Kinh Bắc, bộ thứ năm là ái Châu, bộ thứ sáu là Hoan Châu, bộ thứ bảy là Bồ Chính, bộ thứ tám là Ô Châu, bộ thứ chín là Ai Lao, bộ thứ mười là Hưng Hoá, bộ thứ mười một là Tuyên Quang, bộ thứ mười hai là Cao Bằng, bộ thứ mười ba là Lạng Sơn, bộ thứ mười bốn là Quảng Tây, bộ thứ mười lăm là Quảng Đông. Trước đó, Long Quân bảo bà Âu cơ: “Ta là giống rồng, nàng là giống tiên, chủng loại khác nhau hợp lại thực khó”. Nhân đó mới chia biệt. Phân bốn mươi người con theo cha về miền biển gọi là Thủy Tinh; năm mươi người con theo mẹ về miền núi gọi là Sơn tinh. Các vương đều hiền liệt, cùng nhau trấn trị sông núi, tất cả là thần thuộc vạ.

Vua mới đặt tướng văn, gọi Lạc hầu, tướng võ, gọi là Lạc tướng, con trai của Vua gọi là Quan Lang, con gái của Vua gọi là Mỹ Nương, quan hữu ty gọi là Bồ chính. Đương lúc bấy giờ, trên thì nhân luân ngay ngắn, dưới thì phong hoá thuần hậu. Hễ ban bố để cử, đều được tiện nghi. Vua chỉ rủ áo khoanh tay, hoà kính với trời. Dân thì đào giếng cày ruộng, rộn ràng khắp nơi. Không một người dân nào không thoả lòng với cuộc sống, không một vật nào không yên bởi việc nuôi dưỡng. Công lao trị bình hơn cả các bậc tiền vương. Phong tục thờ thái cổ cũng không sánh được. Vua hưởng nước dài lâu, đời đời cha truyền con nối, đều xưng họ Hùng. Nghi lễ điển chương thống nhất, núi sông một mối, làm thủy tổ của Bách Việt. Hiền Vương ở ngôi 400 năm. Về sau trở về biển hoá



sinh bất diệt, làm vua nước Động Đình. Thái tử là Hùng Quốc Vương đứng đầu trăm người con trai tuân theo nghiệp lớn, lên nối ngôi báu, rất chuộng ở việc thi hành đức hoá, chú trọng việc nông tang, khiến dân không phải lo thiếu thốn. Trong nước dự trữ thừa thãi, bờ cõi thanh bình, không ai lừa dối, phong tục thuần hậu chất phác. Xem đương thời, thấy việc hưng công chế trị có hậu, sáng sủa hơn đời trước, suốt đời được khen là bậc hiền quân vậy.

Bấy giờ, vua truy tư các tiên thánh rẽ đất lật cò, mới lập các bộ Sơn tinh và Thủy Tinh, định làm trăm tước vương, đổi làm trăm họ, phân trị khắp các đầu non góc biển, hùng cứ một phương. Lập năm mươi hiệu trấn tại đầu non, đều gọi là thủy thượng linh thần, tiện để bảo vệ dân sinh, giúp phù xa tắc. Vua hưởng ngôi 221 năm, thọ 260 tuổi, sinh được nam nữ, 50 hoàng tử. Thái tử Hùng Hoa Vương (tôn phong là Hùng Hoa Vương Bảo Tôn Minh Vương Hoàng đế) nối thừa chính thống, ghi nhớ tiền công, lấy giáo hoá để khuyến khích tác phong kẻ sĩ, lấy nhân nghĩa để đào luyện phong tục của dân. Tu tạo miếu điện, xét phong thăng trật bách thần, giáo hoá khắp dưới gầm trời không đâu thiếu người tài giỏi. Trong bầu gió xuân hoá khí, từng ngày đều thấy vui vẻ. Cảnh tượng thái bình, tỏ rõ ở đời, thực so với đời trước, cũng đạt đến sự thịnh trị vậy. Vua ở ngôi 300 năm, mới lập thái tử Hùng Hy Vương (tôn phong là Hùng Hy vương Thần Tôn ân Trạch Hoàng đế) để nối quốc thống. Hy Vương lên ngôi, (Ngài) vỗ về vận nước, bốn đời đường hoàng, dốc chí vào việc hưng thịnh. Bên trong tu sửa văn đức để thu phục lòng người, bên ngoài chấn chỉnh võ bị để tỏ uy xa, khiến xa tắc yên vui, biên cương yên lặng. Từ người leo núi, người đi thuyền vượt biển, không ai không khen là thần. Người trong ngõ hẻm, người du cư, đều làm ơn giáo hoá. Công trị bình cao cả, không thẹn với tiền vương, đủ để làm một bậc hiền quân ở đời vậy. Vua hưởng nước 200 năm, mới lập Thái tử Hùng Huy Vương (tôn phong là Hùng Huy Vương Thái Tông Nhân Minh



Hoàng đế) để nói theo quốc tính. Huy Vương lên ngôi, lấy khuôn thước trước làm gương, chuyên chuộng dưỡng dân, cũng để chí vào việc trị bình vậy. Nhưng do hưởng yên bình đã lâu, ngòi lạch dễ đã thấy đầy, bèn đành lòng tự yên vui, không cần phải suy nghĩ lo toan nữa.

Bấy giờ có người Vu Nữ (7) tinh thông địa lý, hiểu thấu thiên văn, thường lấy bí pháp thần cơ nói cho Vua. Vua khen là người tiên, cho vào hầu trong triều, thường có việc là để hỏi. Hôm sau, đình thần tâu rằng: “Sách của Vu Nữ mệnh mang, (bà ta) vốn là người đàn bà ngu si, chỉ được cao giọng, biết đâu mệnh trời mà được hầu vua, nói toàn lan man hoang đường. Chúng thần cho rằng bà ta mê hoặc bệ hạ đó”. Vua nghe theo. Rồi sai người bắt Vu Nữ, giam trong cung, rồi sai lập riêng một đàn, làm giả một con voi trắng không ngà, một con voi đen ba chân, một con ngựa dò năm chân để tế trời. Vua bảo đình thần rằng: “Trẫm dùng kế này để thử Vu Nữ có biết được giả dối hay không?”. Nhưng trời tuy cao mà nghe được rất gần, soi thấy ở đàn dùng lễ giả, quả nhiên bất ứng, bèn giáng tai ương để cảnh báo việc bất đức của vua. Vua mới nghiệm thấy đạo trời báo ứng trước mắt, bèn gọi Vu Nữ đến, bảo rằng: “Người có khả năng lường biết cơ trời, nay nước có điềm chẳng lành, người có thể lên trời hỏi rõ lý do để Trẫm biết được chăng?”. Vu Nữ liền đi ngay lúc canh ba, mộng lung như trong mộng, đến thẳng cửa khuyết của Ngọc hoàng, tâu rằng: “Tôi vâng theo mệnh nước lên tâu thiên đình: nay dưới trần gian có tai ương, bởi đâu mà có như thế?”. Ngọc Hoàng phán rằng: “Người mau về dưới đó để báo cho vua: lưới trời lồng lộng tuy thưa nhưng không sót, người trần thế dầu tầm thường nhưng thực lòng cầu đảo tất sẽ như ý. Vì vua kiêu căng can rỡ, sửa lễ dối trá, đạo trời này mới báo họa cho biết đấy, chẳng phải chỉ giáng họa lần này, mà ba năm sau sẽ còn giặc nữa!”.



Ngọc Hoàng phán xong, Vu Nữ tỉnh dậy, tâu hết với Vua. Vua cả sợ, nhân đó giữ Vu Nữ lại trong cung để nghiệm xem lời bà ta đúng hay sai. Vua sai thiết đàn ở trung đô, lấy voi, ngựa, vàng bạc, mang hết đồ vật có trong cung bày đặt đủ lễ nghi, rồi đích thân ra tế. Khấn rằng: “Tôi vốn hèn mọn tối tăm, tiết lễ với trời, hậu quả bày trước mắt thật đã rõ ràng, cúi xin thương để chuyển hoá thành lành, thì may cho kẻ ngu này được đội ơn đức lớn của trời”. Khấn xong, bỗng thấy gió mây nổi lên cuộn cuộn, trời đất tối tăm, trên đàn toả khói hương, khí lành tạo thành mây rực rỡ. Vua bàng hoàng cả sợ, chấp tay bái tạ, cử xa giá về cung. Lại sai Vu Nữ về trời tâu xin Ngọc Hoàng giúp đỡ để yên trong nước. Vu nữ trở về báo với Vua rằng: “Ngài biết hối lỗi, trời đã xét tỏ rồi, tuy về sau có giặc đến xâm lược, trời sẽ sinh anh tài giúp cho nước, ngài không còn phải lo nghĩ nữa”. Vua mới tin lời.

Ba năm sau, bỗng thấy thư từ biên ải báo gấp có Thạch Linh Thần tướng giặc ân khởi binh ở đạo phía Bắc, mang quân đến xâm lược. Giáo mác đầy trời, cờ xí rợp đất, quả đúng như lời Vu Nữ nói. Vua cho đắp đàn, trảy giới thắp hương đến cầu đảo, còn quần thần thì hội bàn trong ba ngày. Sau đó gió mưa sấm chớp nổi lên dữ dội, thấy một ông cao hơn chín thước (8), râu tóc bạc phơ, ngồi ở ngã ba đường, nói cười múa may, mọi người thấy thế cho là việc lạ, bèn vào tâu Vua. Vua đích thân ra mời vào đàn, hỏi rằng: “nay có giặc phương Bắc sang xâm lược, chẳng thua thế nào xin ông chỉ giáo?” Ông lão suy nghĩ một lúc, gieo một quẻ bói, nói: “Nếu tìm được người (tài giỏi) thì giặc này sẽ dẹp được”. Nói xong, ông già bay lên trời mà đi. Vua mới biết đây là Lạc Long Quân chỉ giáo. Liên sai xã nhân (9) tìm người tài trong khắp cả nước. Khi đến hương Phù Đồng của quận Vũ Ninh (nay là huyện Tiên Du) gặp một gia đình nhà giàu, ông 79 tuổi, bà 59 tuổi. Trước nhà có một vườn rộng trồng các loại hoa trái. Sáng sớm ngày mồng 6 tháng Giêng năm Quý Hợi, bà vào vườn hái hoa, thấy một vết chân lớn,

liền gọi ông cùng vào xem xét, quả thấy dấu chân rất lớn của thần nhân. Ông bảo bà lấy chân trái ướm vào, tự nhiên thấy cảm ứng mang thai. Đến ngày mồng 8 tháng 4 năm Giáp Tý, bà sinh được một người con trai mới đầy tuổi thì ông qua đời, còn bà năm đó 60. Bà chăm sóc bú mớm được 3 năm, đặt tên là Thiết Xung thần Vương. Dứa trẻ ăn uống lớn béo, không biết nói cười. Hôm ấy đang nằm ở chõng, thấy mẹ nghe sứ giả giao tìm người tài khắp trong nước trị loạn, đùa vui nói rằng: “Con ta chỉ biết ăn uống, không biết đánh giặc để được nhận trọng tước triều đình, báo ơn sâu công lao bú mớm cho mẹ”. Nghe thấy mẹ nói, đứa trẻ đột nhiên bảo rằng: “xin mẹ mời sứ giả lại đây”. Thần Vương bảo sứ giả: “Ta là Thiết Xung Thần Tướng do trời sinh ra để giúp nước dẹp loạn cứu dân, (Người) hãy mau chóng trở về nói với Vua làm một con ngựa sắt cao mười thước, một chiếc gậy sắt dài mười thước, một chiếc nón sắt rộng ba thước mang đến giao cho ta, vua sẽ không phải lo gì nữa”. Sứ giả về chính điện ở núi Nghĩa Lĩnh tâu rõ sự việc lên Vua. Vua mừng lắm, sai sưu tầm 500 cân sắt, luyện thành các thứ ngựa sắt, gậy sắt và nón sắt. Đến giờ Mão, ngày mồng 7 tháng Giêng năm Bính Dần, Vua sai viên Tiết chế dẫn 10 vạn quân giỏi mang ngựa sắt, gậy sắt, nón sắt đến hương Phù Đổng. Thiết Đổng nói: “Vua tin lời ta, phúc nước sẽ lâu dài, quân giặc tất bị đánh bại, một ngày giúp nước, nghìn năm lưu tiếng thơm”. Lại nói với mẹ và mọi người thân thuộc trong hương rằng: “Đứa trẻ này thích ăn các đồ vật như thịt trâu, uống rượu, hưởng cỗ bàn, hoa quả. Các thứ có trong hương, vốn do mọi nhà cung cấp ăn uống mau chóng để giúp nước cứu dân”. Hôm ấy, đứng vào chính Ngọ, Đổng Thiết cười lớn, duỗi tay, hắt hơi mười tiếng vang như sấm, mắt sáng như điện, thân dài hơn mười tám thước, chưa kịp may áo, sau các quân tìm hái hoa lau kết làm y phục. Đổng Thiết bái lạy mẹ rồi bảo: “Mẹ là Thánh mẫu, con là Thần Vương; một ngày gian lao giúp nước, văn năm(10) hưởng hương đèn không dứt”. Nói xong, nhảy lên lưng ngựa hét vang như sấm, rằng: “Ta là Thiên Tướng



Thần Vương, vâng sắc trời sai xuống để giúp nước”. Ngựa phóng như bay, chốc lát đã đến chân núi Vũ Ninh ở huyện Yên Việt, đánh một trận lớn với Thạch Linh Thần tướng ở bên núi Vũ Ninh. Giặc Ân thua to, chạy tan tác, bắt được Thạch Linh thần tướng, chém chết hẳn. Chỉ còn các dư đảng chưa kịp diệt trừ thì gây sắt bị gãy. Thần Vương bèn nhổ các bụi tre quét sạch bọn chúng. Chạy đến núi Sóc của xã Vệ Linh huyện Kim Hoa, liển cỡi áo vạn hoa, cưỡi ngựa bay lên trời rẽ mây mà đi. Nay vẫn còn vết chân ngựa in trên đá. Vua nhớ đến việc giúp nước của Thần Vương, có công lao lớn, chưa được gặp mặt, không biết lấy gì để báo đáp, bèn tôn phong là Phù Đổng Thiên Vương, còn mẹ tôn phong là Thánh mẫu, lập đền thờ trên nền nhà cũ tại bản hương (nay ở xã Phù Đổng của huyện Tiên Du và thôn Đối Mã của xã Vệ Linh, huyện Kim Hoa có miếu điện phụng thờ hai vị), cấp 100 khoảnh ruộng làm hương hoả thờ tự. Vua lại lập điện Cửu Trùng Tiêu ở trên núi Nghĩa Lĩnh làm điện Kính Thiên (tờ 3a), hàng ngày đến đây cầu đảo để thấu lòng trời. Từ đó thiên hạ thái bình, quốc gia yên vui, nhà Ân trải 27 đời Vua, cộng hơn 600 năm không dám dùng binh đối với nước Nam.

Vua hưởng ngôi báu được 87 năm, thọ 100 tuổi (mộ đặt trước núi theo chính hướng Tây Bắc - Đông Nam). Thái tử Chiêu Vương (tôn phong là Hùng Chiêu Vương Minh Tông Thần Công Hoàng đế) tuân theo đại thống. Khi vừa lên ngôi, đã chăm lo chính sự, thừa hưởng thanh thế đảng hoàng đế lại, cho treo cung án giáp, không dùng đến võ bị, chỉ chăm lo dưỡng dân, tu sửa giáo hoá. Vua thường xem gương vết xe các đời vua trước, như việc làm sai lẽ vật, khiến trời giáng tai ương, giặc từ biên ải kéo đến, sáu đời được bình yên, lại chuyển thành loạn. Do vậy, Vua càng vâng theo đạo trời, kính thờ quỷ thần, phàm trong núi sông hể nơi nào có đền thiêng, đều ban chiếu sai bách quan văn võ tu sửa lại, rồi tô vẽ tượng thánh, tỏ rõ lòng thành thờ phụng. Vua ra ngự ở điện Kính Thiên, cho dựng đài vàng cửa ngọc, kẻ vẽ cung tường, trang



hoàng miếu vũ, thiết bày nghi vệ, tất thảy trang nghiêm. Còn các đồ tế khí, đều chạm khắc rồng mây, đêm ngày thắp hương không dứt. Mỗi tháng vào kỳ sóc, vọng (11) , Vua thường trai giới đến đây ngự thị châu trực. Cạnh điện có một ngôi chùa tạo dựng từ đời trước, là nơi vị thượng thánh đại bảo tu luyện thân tâm, khéo dùng linh đan, đắc pháp thành tiên, hoá sinh bất diệt, thăng thiên giữa ban ngày, phát tích tại chùa, được hoà nhập với các vị thần tiên giáng thế phù giúp sơn hà. Chùa là nơi chung đúc khí thiêng, hội tụ tinh thần nhật nguyệt, tập hợp bốn vị đại thiên vương, tám bộ Kim cương, hai tám vị tinh tú, trăm vị thần linh hội hợp thị vệ. Hai bộ Sơn Tinh, Thủy Tinh, núi non hải đảo, bách thú đến châu, đều quy về một mối. Xưa gọi là chùa Từ Sơn thừa Long (nay gọi là chùa Thiên Quang). Vua thường ngự giá đến đây truyền sai bách quan tả hữu tu sửa lại chùa, đồ hoạ khắp bốn bức tường cảnh sắc rực rỡ, rồi trồng các loại hoa để làm phong cảnh. Khi tu sửa hoàn thành, Vua ban hịch cho khắp các châu huyện, hễ ai là Tăng ni đạo sĩ đến hội đồng này, cấp phát cho họ áo mũ, hội giảng chân kinh thuyết pháp, khai phá đạo nguồn, tiến cúng hương hoa, bốn mùa thơm ngát. Vua sai quần thần dùng các lễ chay, thường xuyên dâng hiến vào ngày sóc, vọng. Còn hai ban văn võ, đều châu trực trang nghiêm. Vua cung kính viết sớ dâng trời, dẫu trời xa nhưng khói hương vẫn thấu mây lành. Một tấm lòng thành, cảm cách thấu đến trời đất, cầu tất sẽ ứng, xin được toại lòng. Bỗng thấy một ông già tướng ngọc mình vàng, rẽ gió cưỡi mưa đến. Vua bái tạ ông, rước vào trong chùa, ông già nói: “Ta là thần ở Tây Vực (12), sống nơi góc biển, tiêu dao con thuyền Bát nhã(13), không nhiễm lòng trần, vui thú cõi Niết bàn(14). Nay thấy có lòng thành cảm cách, nghe tiếng kinh kệ, ắt ta cảm ứng mà đến”. Vua mừng thắm, bảo rằng: “Người mà thanh tịnh, lòng trời sẽ thông”. Một lúc sau, ông già lấy trong tay áo đưa ra một chiếc móng rồng, một chiếc thiên bảo trao cho vua. Chỉ trong chớp mắt, thấy mây lành ngũ sắc sáng rực khắp núi, ông già bay lên trời biến mất, vua biết đây là vị Phật, liền bái



tạ theo. Ngay hôm ấy, sai bách quan trai giới sạch sẽ, lập đàn trên chùa, kính thỉnh bách thần đến hội ở núi Thượng Linh, khẩn rằng: “Hôm nay may gặp lão ông ban cho một đôi kỳ vật, chẳng biết là thứ báu vật gì, nếu có anh linh, xin cho được biết”. Khẩn xong, nhìn trên không trung sáng rực, mây lành đồn dập kéo đến, bốn vị Đại thiên vương hiện ra ở đàn, thân dài bảy thước, đầu đội mũ hoa, màu sắc huy hoàng, râu tóc bạc phơ. Vua đón vào trong điện, sửa sang mũ áo chỉnh tề bái tạ các vị. Một lúc sau, (bốn vị) bảo với vua rằng: “Trước đây có ông ban cho hai vật đó đều là báu vật của trời, một dùng để làm chiếc kiếm, một dùng để làm quả ấn, phải mài rửa mới thành khí, lấy làm quốc bảo”. Nói xong, cùng nhau theo mây mà đi. Vua bái vọng theo đứng ở đầu núi, nhân đó tô vẽ tượng thánh đặt trong chùa để phụng thờ. Vua cử giá trở về cung, bèn lấy báu vật của trời khắc thành ấn, còn móng rồng tạc làm kiếm. ấn gọi là ấn Thiên linh, kiếm gọi là kiếm Thiên linh.

Từ đó xã tắc yên vui, triều đình yên tĩnh. Vua nghiệm thấy lý trời thực huyền vi, nên để lòng sùng trọng, càng ngày càng đôn đốc tu sửa tâm tính bản thân. Bấy giờ cảnh trời mát mẻ, vạn vật tươi màu, khắc thành hồng tía đu kheo, sắc xuân đẹp đẽ, quần thần vâng lời, nói rằng: “Nghe đồn ở núi Tam Đảo có nhiều nàng tiên tụ hội, Vua vốn trọng việc quý thần thì nên một lần đến đó ngoạn thưởng”. Vua bèn khởi hành xa giá đi xem phong cảnh. Xe loan tới nơi, Vua thấy núi non như gấm vóc, lâu đài thiên tâm trùng điệp, khe biếc ngòi xanh, sóng nước nhẹ nhàng nối nhau, cảnh trí phong quang, có hoa ngào ngạt, đầu núi lô nhô, có bạch long giáng khí, xưa lập một chùa gọi là Tây Thiên. Vua cho dựng đàn, rồi chỉnh biện lễ chay, sau quần thần dâng lễ đứng chầu, Vua làm lễ bái yết, mở trường công đức ở chùa, sớm đảo tối cầu, qua bảy ngày bảy đêm. Nam nữ bốn phương tập hợp, cùng vui vẻ đến đây chiêm ngưỡng. chim trong rừng đến nghe kinh, cá dưới nước đến nghe giảng kệ. Công đức viên thành. Vua ngự trên suối Thạch Bàn



để xem cảnh tiên, bỗng thấy điện vũ huy hoàng, khói mây óng ánh, mây rồng bốn vách, tựa như lầu đài Tây Trúc mệnh mang, một bầu sơn thủy, mặt khẩn với trời, sai bách quan văn võ đứng châu trang nghiêm. Vua yết lễ, khẩn rằng: “Xin trời giáng thần tiên để được gặp gỡ, thực vui sướng ba đời”. Khẩn xong, vua bái tạ trời.

Sau ba ngày không gặp tiên, vua bối rối trong lòng, không biết làm sao? Vua lại ngự đến long đầu, đứng nhìn tiền đàn, kiên trì cầu đảo. Đêm ấy mơ thấy thần linh mách bảo rằng (tạm dịch):

Trên núi có nàng tiên,

Chưa gặp chớ buồn phiền.

Phía Đông có người đợi,

Đón thiếp về làm phi (15)

Vua được vị thần ban cho bốn câu thơ, phản giá trở về, ngự dưới chân núi, thấy một người đẹp phong tư diễm lệ, cốt cách thanh tú, đứng bên cạnh điện Cẩm Miếu xem Vua ngự. Vua thích sắc đẹp của nàng, lấy làm vợ. Khi trở về cung, hỏi rằng: “Nhà nàng ở đâu?” Nàng đáp: “Thiếp là người tiên giáng sinh ở đông lộ, làm con gái ông trưởng giả, mấy năm ở nơi nhà tranh, vịnh sử ngâm kinh, giữ ngọc gìn vàng để đợi người anh hùng. Nghe thấy bệ hạ khởi giá chơi chùa Tây Thiên, thiết lập đàn trường để chí cầu tiên, thiếp chẳng quản đường xa đến xem, may nhờ duyên trời định trước nên được gặp quân vương, nguyện xin chầu trực trong trướng, ngõ hầu không phụ ước tam sinh”. Vua nghe nàng nói, biết đây là trời ban thần tiên cho mình, bèn sai quần thần sửa sính lễ, nhanh chóng đưa đến đông lộ cho nhà ông trưởng giả, rồi trở về đô ấp Phong Châu, lập làm vương phi chính thất. Chưa được một năm, lúc ấy nàng Ngọc Tiêu mang thai, sinh được một nam, tư chất thông minh, tài giỏi vượt trội. Đến tuổi gia quan (16), Vua lập làm Hoàng Thái tử để nối theo quốc thống, đặt tên hiệu là Hùng Vương (tôn phong là Hùng Vương Hiến Tông Duệ Trí Hoàng



đế). Về sau, Vua và Hoàng phi, do có tiên thuật, hưởng nước 200 năm, tuổi thọ sánh với Bành Tổ, Kiêu Tông(17) hoá sinh bất diệt.

Hùng Vương lên ngôi, nối thừa ngôi báu tiền vương, vừa thi hành chính sự đã thấy khả quan. Vua thường lấy ấn kiếm ra bảo quần thần rằng: “Trẫm có một đôi linh bảo, lo gì không trị được thiên hạ?”. Do đó thần uy ngày càng mạnh, thanh thế ngày càng lẫy lừng, gian tặc bốn phương, đều một lòng khiếp đảm, trong nước thái hoà, biên cương vô sự, thiên hạ khen là bậc hiền chủ vậy. Hưởng nước 100 năm. Sau đó (truyền ngôi) cho Định Vương (tôn phong là Hùng Định Vương Vương Tông Quốc Bảo Hoàng Đế) ở ngôi 80 năm; đến Uy Vương (tôn phong là Hùng Uy Vương Cao Tông Trự Thắng Hoàng Đế) ở ngôi 90 năm; đến Trinh Vương (tôn phong là Hùng Trinh Vương Đức Tôn Minh Bảo Hoàng Đế) ở ngôi 107 năm; đến Vũ Vương (tôn phong là Hùng Vũ Vương Huy Tôn Quang Phúc Hoàng Đế) ở ngôi 96 năm; đến Việt Vương (tôn phong là Hùng Việt Vương Hoàng Tông Thượng Giác Hoàng Đế) ở ngôi 105 năm; đến Anh Vương (tôn phong là Hùng Anh Vương Hùng Tông Xuân Vương Hoàng Đế) ở ngôi 99 năm; đến Triều Vương (tôn phong là Hùng Triều Vương Nhân Tông Quang Đức Hoàng Đế) ở ngôi 94 năm; đến Tào Vương (về sau đổi tên là Ninh Vương, tôn phong là Hùng Tào Vương Kinh Tông Thiên Bảo Tiên Triều Hoàng Đế) ở ngôi 92 năm. Trải mười sáu đời, đều được khen là thịnh trị bình an.

Trải đến đời thứ 17 là Hùng Nghị Vương (tôn phong là Hùng Nghị Vương Thụy Tông Nam Triều Hoàng Đế) do thừa hưởng cơ đồ nhiều đời yên bình, nên đam mê rượu chè cờ bạc, vui thú du chơi, không chú trọng võ bị. Thục Vương nghe tin trong nước thường không dụng võ, muốn chiếm cơ đồ nhưng sợ nước Nam có thần kiếm, đành do dự chưa dám.

Bấy giờ có chúa Phụ đạo bộ Ai Lao vốn rất có tài, cũng là tông phái Hùng Vương. Thục Vương biết tin, liền cử binh đánh bộ Ai



Lao để đoạt chúa Phụ đạo. Ai Lao không có khả năng chống cự, bèn sai sứ cầu cứu Hùng Nghị Vương. Nghị Vương liền đem 10 vạn quân giỏi, tiến thẳng đến dưới thành Ai Lao để cứu giúp. Thục Vương biết tin sai ngay người đưa thư cho Nghị Vương, nói rằng: “Quân Thục từ phía Tây tiến đến đây muốn cướp Bộ chúa để truyền ngôi, đầu dám lấy tay bộ ngựa địch lại xe vạn thặng(18). Vua xem thư xong, bèn dẫn quân rút về. Thục Vương bắt được Bộ chúa đem về nước, gả ngay công chúa, rồi nhường ngôi cho (ông ta), sai sứ sang tạ ơn Nghị Vương, nguyện coi Nam triều là anh, Tây triều là em, cùng giảng hoà định ước, hai nước giao hảo với nhau. Vua đồng ý. Từ đó Tây triều và Nam triều thôi không dùng binh nữa. Vua ở ngôi 160 năm, mới lập Thái tử Hùng Duệ Vương kế vị (tôn phong là Hùng Duệ Vương Thiên Tông Minh Vương Hoàng Đế). Duệ Vương là người tư chất như thánh, tài lược anh hùng, thừa hưởng tổ tông bồi đắp, cơ đồ thịnh trị qua mười bảy đời vua. Bên trong chú trọng võ bị, bên ngoài phòng ngự biên cương, dốc lòng dựng nước giàu mạnh để giữ yên trong nước, luôn xem gương đời trước trị nước, tuân theo mệnh trời đất, kính trọng quỷ thần, muốn trời ban điềm lành, giúp nước. Do vậy, Vua càng sùng trọng kính tín thần nhân, truyền hịch cho thần dân trong nước tu tạo từ vũ, nghi trượng trang nghiêm, hàng ngày dâng hiến hương hoa, tồ lòng thành phùng thờ, còn các quan châu huyện, đều mỗi tháng hai kỳ đến miếu sở tại, mật đảo bách thần để mạch nước trường thọ. Vua cũng đích thân đến núi Nghĩa Lĩnh, thăm nom tôn điện tổ tông, cùng các linh điện của các danh tướng khai quốc trải trong các đời, tất thấy đều cho sửa sang tu tạo, thành mấy tầng vây bọc, lâu dài vạn trượng chọc trời, bốn vách sáng trưng, khắp trời thành bầu phong cảnh. Vua sai lập đàn yết lễ, cử các quan văn võ chỉnh trang áo mũ, làm chuẩn mực việc đứng chầu. Vua cũng khởi giá đến thăm các cung tiên ở núi Tam Đảo và Tản Viên, ngắm nhìn địa thế, chỗ nào có cảnh đẹp núi hay, đều cho dựng miếu điện, mật thiết cầu tự.



Bấy giờ, số trời trái đã gần hết, cơ đồ nhà Hùng mặt tạo. Vua mộng thấy điềm xà huỷ (19), sau đó sinh được hai người con gái đức hành trinh hiền, phong tư tuấn nhã, Tề Khương (20) Tổng nữ (21) cũng tâm thường, duy có để tử tiên nhân mới sánh kịp. Một người tên là Mỹ Nương Tiên Dung công chúa, một người là Mỹ Nương Ngọc Hoa công chúa. Vua rất yêu quý hai con.

Mỹ Nương Tiên Dung công chúa về sau gả cho Chử Đồng Tử (ở xã Đa Hoà huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, xứ Sơn Nam), còn Mỹ Nương Ngọc Hoa công chúa, vua muốn tìm người tài giỏi, kiệt xuất nên chưa gả cho ai. Vua lập hai lầu ở cửa núi Việt Trì, phía trước treo biển đề là “Lầu kén rể”, sai công chúa thứ hai đến ở. Vua gửi hịch cho bốn phương, hễ ai là văn nhân tài tử đến hội ở kinh thành. Vua ngự thí chọn người tài, gả công chúa cho. Việc ấy, khiến hào kiệt bốn phương, không ai không vui mừng nhảy múa, đều tụ hội về quốc đô. Vua ngự thí, lúc ấy hoặc có người thuộc thiên kinh vạn quyển, trộm sánh với cung tường Khổng Mạnh (22), hoặc có người giỏi bốn khoá ba truyền (23) không nhường thao lược Tôn Ngô (24). Hiền tài trong thiên hạ, đều hội thi một trường. Nhưng người được mặt này lại mất mặt khác, đều đều như nhau, chưa thấy người toàn tài ở đời, chỉ có Sơn Tinh ở núi Tản Viên và Thủy Tinh ở hồ Động Đình, vừa là thầy vừa là bạn của nhau, có nhiều phép thuật thông thiên triệt địa, không kịp đến dự thi cùng mọi người. Sau hai ngày mới đến kinh thành, vào tâu với vua rằng: “Chúng thần tài mọn, lạm sinh trong nước quốc vương, trộm nghe thánh thượng mở khoa kén rể, nhưng vì đến muộn, xin thi tài giỏi, may không bị bỏ ra ngoài đạo hịch chiêu hiền: Vua rất mừng, bèn cử giá gấp đến sông Bạch Hạc ngự thí. Sơn Tinh ngồi trên đầu sông, Thủy Tinh trở về đáy sông. Trong chốc lát, bỗng thấy mây mưa nổi trên mặt sông, gió mù mặt nước, sấm đáy sông đánh ầm ầm, chớp giật trong mây nhấp nhোáng, thuồng luồng, cá, giải trùng trùng nổi trên sóng cồn; ngac, kinh, ngao điệp nối nhau theo



sóng cả. Trời đất một vùng, dâng trào muôn sóng. Giữa khoảng tối sáng, người đời nhìn thấy đều phải run lòng, bạt vía (tờ 18b). Sơn Tinh tay phải cầm sách, tay trái cầm trượng, miệng đọc thần chú, chỉ trượng vào đâu, vạn quái nghìn tà đều bị quét sạch. Khi biến lúc hoá, tất thầy có diệu pháp thần cơ, khó lường được huyền vi. Vua thấy hai người đều giỏi, cũng cùng phép thuật như nhau, không biết gả cho ai, liền xa giá trở về cung, triệu cả hai người đến, bảo rằng: “Trẫm có viên ngọc lam điện(25) , trước đây Vua Thục cầu hôn nhưng không gả, nay có hai khanh đều là anh hùng, chưa biết thẩm định kể gì cho tiện. Ai có thể mang sình lễ đến trước, Trẫm tất gả cho”.

Việc ấy, Sơn tinh và Thủy Tinh, cả hai người cùng giao ước: “Chúng ta cùng về chuẩn bị sình lễ, thử xem ai mang đến trước?”. Thủy Tinh trở về thủy cung ở hồ Động Đình cầu tìm kỳ vật. Sơn Tinh về thẳng dưới lầu, lấy trúc trượng chỉ lên trời, xin được sình lễ, bỗng thấy voi trắng chín ngà, cùng các vật kỳ dị quý hiếm từ trời ban xuống. Sơn Tinh nhận lấy, đúng đến giờ Tý mang đồ lễ đến lầu rồng. Vua triệu Ngọc Hoa công chúa đến, gả cho Sơn Tinh. Sơn Tinh đón về động ở núi Tản Viên.

Đến giờ Mão, Vua mới thấy Thủy Tinh mang sình lễ đến. Vua nói: “Sơn Tinh đã mang lễ đến trước rồi”. Thủy Tinh hối hận, liền về thủy cung.

Vua hưởng nước được 115 năm, bèn truyền ngôi cho Sơn Tinh ở núi Tản Viên. Sơn Tinh ra sức chống từ không nhận. Vua nói: “Cơ đồ nhà Hùng sắp hết, ngươi phải thay ngôi cho ta”. Tản Viên do dự chưa nhận thì Thục Vương (là chúa Phụ đạo nước Ai Lao, cũng là tông phái Hùng Vương) nghe thấy Duệ Vương nhường ngôi cho Tản Viên, liền điều binh đánh Duệ Vương để cướp nước. Duệ Vương có binh cường tướng giỏi, nên Thục Vương nhiều lần phải bại trận. Duệ Vương nói với Thục Vương: “Ta có sức thần, ngươi không sợ chẳng?” bèn bỏ việc võ bị, không chú ý luyện tập, chỉ



đam mê rượu chè cờ bạc làm vui. Khi quân Thục đến gần, vẫn say chưa tỉnh. Quân của Duệ Vương trở giáo đầu hàng quân Thục. Vì việc đó nên Thục Vương đắp thành ở đất Việt Thường rộng nghìn trượng. Vòng quanh như hình tròn ốc, đặt tên Loa thành. Lúc đầu đắp thành, hễ đắp là đổ, thấy một con rùa vàng từ phía Đông bơi lại, xưng là Giang sứ. Vua đem rùa đặt lên bàn vàng, hỏi nguyên do thành bị đổ. Rùa vàng bảo: “Do quỷ làm hại, trừ được tinh khí đó thì thành mới đắp được”. Vua đem rùa vàng đến một ngôi quán bên cạnh núi Thất Diệu, giả làm người ở trọ. Đêm đến nghe thấy tiếng quỷ tinh từ ngoài đến gọi mở cửa, rùa vàng liền quất mắng, quỷ không thể vào được. Đến lúc gà gáy, bọn quỷ tẩu tán (tờ 19b). Rùa vàng xin vua cho đuổi theo đến núi Thất Diệu, thì tinh khí tiêu tan gần hết. Vua hạ lệnh cho đào núi, bắt được các nhạc khí đời cổ và các hài cốt, đem đốt thành tro rồi đổ xuống sông, yêu khí bị trừ diệt. Từ đó đắp thành không quá nửa tháng thì xong. Rùa vàng từ tạ xin về, cõng một chiếc móng của mình trao cho Vua, nói rằng: “quốc gia an nguy tự có số trời, nhưng người cũng phải đề phòng. Ví như có giặc đến hãy dùng linh thảo này làm nỏ thần, hướng về phía giặc mà bắn tên, ngài không phải lo nghĩ gì nữa”. Vua sai bề tôi là Cao Lỗ tạo nỏ thần, lấy linh thảo làm lẫy, đặt tên là Linh quang kim thảo thần nỏ. Khi Vua có nỏ thần, bèn thu tàn binh, tuyển chọn dân đinh, gửi hịch cho Tản Viên, nói rằng: “Nay quân Thục đến xâm lược để chiếm thành đô của ta, người nên mau chóng mang quân đến chi viện”. Tản Viên liền đem binh mã đến thẳng Loa thành cùng Vua thiết lập trần đồ để trưng thanh thế. Sau mấy ngày, Tản Viên khuyên can Vua rằng: “Cơ đồ nhà Hùng hưởng nước trải đã lâu dài, ý hằn lòng trời có hạn, nên mới giúp Thục Vương đến đánh nước ta. Và lại Thục Vương vốn là Bộ chủ Ai Lao, cũng là tông phái Hoàng đế đời trước, thế nước bất thường, đều do tiền định. Vua cơ sao phải yêu riêng một cõi phương Nam này mà cưỡng ý trời, làm hại sinh linh. Hơn nữa bề hạ và thần có phép thuật thần tiên, chẳng bằng đi khắp cõi bồng



lai lãg uyển, dong chơi nơi bắt lão, gác phượng lầu rồng, tránh nhiễm bụi trần gian. Vàng bạc ngôi báu, xem nhẹ như lông hồng. Ngọc nữ tiên đồng, vui nhìn thoả thích ấy là chí lớn vậy”. Vua nghe theo. Sau đó đưa thư cho Thục Vương rồi nhường nước cho. Thục Vương sai sứ sang cảm tạ Vua, nhân đó trao nỏ thần cho Thục Vương, rồi trở về núi Nghĩa Lĩnh, ước hẹn với Sơn Tinh ở núi Tản Viên, hoá sinh bất diệt.

Khi Thục An Dương Vương được nước, do cảm kích việc nhường nước của Duệ Vương, công đức lớn như trời đất, bèn cử giá đến núi Nghĩa Lĩnh lập đền đài lấy làm nơi thờ tự của nước, dựng hai cột đá ở giữa núi, chỉ gươm lên trời mà khấn rằng: “Nguyện có trời cao lồng lộng soi xét không bao giờ sai, nước Nam sẽ trường tồn, miếu thờ Hùng Vương sẽ còn mãi, nếu về sau các Vua kế trị mà trái ước bội thề, thì búa耨耨 rìu gió sẽ trừng phạt để không phụ lời thề của người đời trước”.

Khẩn xong, Vua bái yết, cho xa giá trở về đô thành ở Phong Châu, liền triệu những người trong phái ngọc cảnh vàng của Hùng Vương, ban là làng Trung Nghĩa, làm dân tạo lệ, cấp 500 mẫu ruộng ở xã Hy Cương thuộc làng Trung Nghĩa, lại cấp ruộng tô thuế tại các xứ, trên từ Tuyên Quang, Hưng Hoá, dưới đến các xã dân Việt Trì, nộp để làm hương hoá phụng thờ 18 đời cơ đồ nhà Hùng, từ Thánh Tổ Cao Hoàng Đế, đến các Liệt Vương kế tập trở xuống, cùng đất nước hưởng niềm vui, mãi mãi không dứt.

Thời An Dương Vương kế trị, trải 50 năm. Bấy giờ nhà Tần bắt những kẻ lưu vong cùng những người ở rể, và làm nghề buôn bán có ở các đạo sung quân, sai Hiệu úy Đồ Thư đem quân lâu thuyền, sai Sứ Lộc đào ngòi vận chuyển lương thực thâm nhập vào Lĩnh Nam, cướp đất Lục Lương, đặt làm các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng (quận). Lấy Nhâm Ngao (26) làm thái thú Nam Hải, lấy Triệu Đà làm quan Lệnh Long Châu. Nay ở đình Phàn Thủy của huyện Hưng Yên có miếu thờ, trên miếu có tám biển đề chữ “Khai



vật tế nhân”, và một đôi câu đối, ghi rằng:

“Nhớ việc chuyển thóc Việt Thành, ai tạo nước biếc một vùng, tiện xoay vận để tạo cơ đồ rộng;

Nghĩ buổi mở cõi Nghĩa Lĩnh, phong cảnh non xanh mấy dặm, lưu ơn trạch mà thành đô hội lớn”.

Về sau, Nhâm Ngao và Triệu Đà thừa hấn mang quân đến xâm lược, trú quân ở núi Tiên Du xứ Bắc Giang, giao chiến với An Dương Vương. Dương Vương lấy nỏ thần đem bắn, quân của Triệu Đà đại bại. Triệu Đà biết Thục An Dương Vương có nỏ thần, không thể đối địch, bèn sai con là Trọng Thủy vào châu Túc vệ, xin cầu hôn với My Châu là con gái Vua. Trọng Thủy dỗ My Châu ăn cắp nỏ thần, rồi ngầm phá huỷ, tráo cái khác, trở về báo với Triệu Đà. Triệu Đà liền phát động quân đánh Dương Vương. Dương Vương không biết nỏ thần đã mất, ngồi đánh cờ mà cười rằng: “Quân Triệu Đà không sợ nỏ thần chăng?”. Quân Triệu Đà tiến sát đến vây thành. Dương Vương đem nỏ ra bắn thì nỏ đã gãy, bèn thua chạy. Từ đó cơ đồ nhà Hùng bị mất.

Từ Triệu Vũ Đế (tên húy là Đà) kế đến các triều Đinh, Lê, Lý, Trần cho đến Hoàng triều ta, đều chuẩn y cung miếu điện, cùng làng Trung Nghĩa của bản xã, là dân tạo lệ đồng trà, với các khoản tô, thuế, binh, dân cùng sưu sai các dịch, đều giữ theo lệ cũ phụng thờ để làm thọ mạch nước, lưu tiếng thơm cho vạn đời, thịnh vượng thay!

Ngày tốt, tháng 3, năm Nhâm Thìn. Niên hiệu Hồng Đức năm thứ nhất (1470(27)).

Hàn Lâm Viện Trực học sĩ Nguyễn Cố phụng mệnh soạn Ngọc phả. Trở lên cộng lại là 21 trang(28).

* Bản dịch của Viện Hán Nôm – Hồ sơ khoa học Đền Hùng và các di tích thời đại Hùng Vương vùng phụng cận. Năm 2003.



PHẦN THỨ HAI

LỄ HỘI ĐỀN HÙNG

Trong đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam, từ nhiều đời nay, các thế hệ luôn luôn hướng tới một điểm tựa tâm linh thiêng liêng trong sâu thẳm tâm thức của dân tộc Việt Nam đó là Lễ Hội Đền Hùng và Giỗ Tổ Hùng Vương. Đã từ bao đời nay, câu ca dao quen thuộc vang mãi trong tâm khảm của mọi người mỗi khi về thăm viếng Mộ Tổ và dự lễ hội Đền Hùng:

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày Giỗ Tổ mồng mười tháng ba

Khắp miền truyền mãi câu ca

Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm”

Người Việt Nam vốn có truyền thống, đạo lý sâu sắc về cách ứng xử với các bậc tiền nhân, với thế hệ đi trước bằng triết lý: “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây”... Chính vì vậy mà các thế hệ nối tiếp nhau luôn tôn kính và biết ơn những người đã có công khai sinh ra đất nước, dân tộc, biết ơn Tổ tiên, gia đình và dòng họ. Từ truyền thống, đạo lý đó đã phát triển thành một hệ ý thức văn hoá tinh thần của tín ngưỡng dân tộc độc đáo đó là tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên của mỗi dòng họ và thờ cúng

Tổ tiên chung của cả dân tộc: Tín ngưỡng thờ tự các Vua Hùng - Những người đã có công tạo dựng cơ đồ Việt Nam ngày nay.

Các ngôi đền thờ vua Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh thuộc thôn Cổ Tích xã Hy Cương, huyện Lâm Thao (nay là Thành phố Việt Trì), tỉnh Phú Thọ là cơ sở vật chất chủ yếu để thể hiện hình thức sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống độc đáo và đặc sắc ấy.

Lễ hội Đền Hùng và Giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức hàng năm vào ngày mồng 10 tháng 3 âm lịch. Nó được bắt nguồn từ thời đại Hùng Vương dựng nước, là thời kỳ lịch sử có thật trong tiến trình dựng nước và giữ nước hàng mấy nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Sự ra đời và tồn tại lâu dài của Đền Hùng và Lễ hội Đền Hùng cùng với tín ngưỡng Giỗ Tổ Hùng Vương là sự khẳng định niềm tin vào truyền thống dựng nước và giữ nước đối với các thế hệ cha ông đi trước đã đổ biết bao công sức và xương máu để dựng nước và giữ nước. Chính từ ý nghĩa tâm linh thiêng liêng ấy mà Lễ Hội Đền Hùng đã trường tồn với thời gian, trường tồn cùng lịch sử dân tộc trong suốt mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Núi Hùng là ngọn núi cao nhất trong ba ngọn núi thuộc thôn Cổ Tích xã Hy Cương, tạo nên vùng đất thiêng “Tam Sơn cấm địa”, “Núi Cấm”, “Núi thiêng”... Đó là nơi người dân nơi đây đã thờ tự theo tín ngưỡng nguyên thủy trong buổi bình minh của lịch sử với tục thờ Thần Núi. Ba ngọn Tổ Sơn ở khu vực Đền Hùng đã được Thần thánh hoá thành các vị Thần Núi, sau này còn có tên là “Đột ngột cao sơn” (Núi Nghĩa Lĩnh), “Ất Sơn ...” (Núi Vặn) và “Viễn Sơn ...” (Núi Nồn). Tuy chỉ là tên gọi được đặt vào các đời sau, nhưng đó là ảnh xạ của những tên gọi thuộc tín ngưỡng cổ truyền mang tính chất nguyên thủy của thời sơ sử. Thần Núi và tục thờ Thần Núi là lớp văn hoá tín ngưỡng ban đầu trên núi Hùng (còn gọi là núi Cấm). Đó là một loại hình văn hoá tín ngưỡng đầu tiên thờ Thần Tự nhiên trong buổi đầu hình thành các tín ngưỡng dân gian của dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, trước khi thờ tự các vua



Hùng là những người có công dựng nước, trên núi Nghĩa Lĩnh đã có đền thờ Trời theo tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước để cầu cho “Mưa thuận, gió hoà” cho cây cối mùa màng quanh năm xanh tốt, bội thu. Vì vậy, ngôi đền Thượng trên núi Nghĩa Lĩnh có tên “Kính Thiên linh điện” (Điện thờ Trời trên núi Nghĩa Lĩnh). Truyền thuyết kể rằng: Đây là nơi các vua Hùng vẫn lên để tiến hành các nghi lễ cúng tế trời đất, thờ Lúa Thần để cầu cho “Mưa thuận, gió hoà”, an dân hạnh phúc. Núi Nghĩa Lĩnh (hay còn gọi là núi Cà), được coi là ngọn chủ sơn trong hệ thống “Tam Sơn cấm địa”, trước khi thành tín ngưỡng thờ Thần Tự nhiên của các cư dân Lạc Việt trong vùng. Nhờ có điều này đã tạo thuận lợi cho những tư duy tín ngưỡng về sau có cơ sở để phát triển thành tín ngưỡng thờ cúng các Vua Hùng là những người có công tạo dựng đất nước. Trong quá trình phát triển của tín ngưỡng ấy, luôn luôn có sự đan xen và tồn tại giữa tín ngưỡng nguyên thủy và tín ngưỡng thờ tự các Vua Hùng cho đến tận thế kỷ thứ XIX tại khu vực Đền Thượng, trước khi tiến hành trùng tu di tích năm 1917 vẫn còn dấu tích thờ một hạt lúa Thần có kích thước rất lớn (to bằng chiếc thuyền ba chèo mà người dân ở Phú Thọ thường dùng trong mùa nước lụt), có hình giống như một hạt thóc khổng lồ. Truyền thuyết kể rằng: Hàng năm, các Vua Hùng vẫn lên Đền Thượng để gọi vía lúa. Hiện nay những người dân dưới chân núi Hùng vẫn còn nhớ bài Đồng giao gọi vía lúa:

Hú ông lúa, bà lúa

Cỏ lên, cỏ úa

Lúa lên, lúa xanh

Tốt hơn xung quanh

Tốt hơn láng giềng

Cao lên bằng cỏ

Trở lên bằng đầu



Bông như đuôi trâu

Bông như đuôi nghé

Bông nào bé bé

Cũng bằng đuôi voi

Bông nào loi thoi

Cũng bằng đuôi ngựa

Hạt nào rụng rựa

Cũng bằng bình vôi

Ba con gà lôi

Cũng không lôi nổi.

Ở các làng Cổ, làng Trọc (Hy Cương), làng Vi (Chu Hoá), trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 vẫn còn tục chạy “Tùng Rí: Đâm vật giống và cướp lúa giống, cầu mong sự sinh sôi”. Ngày 25 tháng 5 âm lịch hàng năm, làng Hy Cương có lễ Hạ điền. Làng Thanh Đình có tục rước “Ông Khưu bà Khưu” tiến hành các nghi lễ phồn thực như lấy bánh chưng tày đâm vào oa (tượng trưng cho hình thức giao phối) rồi cướp lúa giống, cầu mong sự sinh sôi. Trong lễ hội Rước Chúa gái ở hai làng Hy Cương - Chu Hoá, trước kia có tục lấy chày đâm vào nong, thể hiện tính giao nam nữ. Phía sau núi Hùng, trên sườn núi Trọc bé còn có tục thờ đá Ông, đá Bà (dân địa phương còn gọi là hòn đá cối xay) tượng trưng chày - cối, những biểu tượng của tín ngưỡng phồn thực được coi là vật thiêng của lễ thức cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, tượng trưng cho sự sinh sôi, nảy nở.

Cư dân Việt Cổ vào thời đại Hùng Vương tại khu vực quanh núi Nghĩa Lĩnh đã sớm thực hiện những nghi thức của tín ngưỡng phồn thực và tổ chức lễ hội theo tín ngưỡng phồn thực. Đây chính là những tiền đề điều kiện để ký ức hồi cố và tái hiện các sự kiện lịch sử truyền thống ở các giai đoạn về sau, căn cứ vào những di



sản ấy mà tạo nên tín ngưỡng thờ cúng Tổ Tiên -Thờ cúng các Vua Hùng để xây dựng nên khu di tích tưởng niệm có ý nghĩa vô cùng to lớn trong đời sống tâm linh của cộng đồng dân tộc, cùng với nó là lễ hội Đền Hùng được kế thừa và phát triển từ những lễ hội dân gian mang tính chất nguyên thủy để nâng tầm thành một Lễ Hội lớn với nhiều ý nghĩa sâu sắc của đạo lý và bản sắc truyền thống đặc biệt Việt Nam.

Giỗ Tổ Hùng Vương và Lễ Hội Đền Hùng đã hình thành từ rất sớm và sự tồn tại của nó luôn gắn chặt với quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” và đạo lý “Ăn quả nhớ người trồng cây”. Các Vua Hùng cùng các vợ, con, các tướng lĩnh của thời kỳ Hùng Vương luôn được nhân dân ở các làng xã trên phạm vi cả nước tôn thờ. Từ giữa thế kỷ XV, đến cuối thế kỷ XVII, cả nước có 73 làng xã, trong đó có 12 làng có sắc phong, 61 làng chưa có sắc phong (Theo Nam Việt thần kỳ hội lục - Bản chính bộ Lễ triều Lê Cảnh Hưng thứ 24-1763).

Khi cư dân ở các làng Vi, Trẹo vốn là cùng một cư dân gốc ở Làng Cả đã cùng nhau làm lễ mở cửa đền vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm để làm lễ hội. Thời gian của lễ hội kéo dài trong ba ngày, diễn trường của lễ hội được diễn ra trên núi Hùng và các vùng xung quanh chân núi. Nghi thức giỗ Tổ Hùng Vương và Lễ Hội Đền Hùng trong thời kỳ này mang tính chất địa phương với quy mô do các làng Vi, Trẹo tổ chức tiến hành nghi lễ cầu tế, tuyên đọc sắc phong và tóm tắt Thần tích, Thần linh. Sau đó tổ chức các trò rước voi, ngựa, chạy địch, chạy tùng rí, lấy tiếng hú. Vui hơn cả là tục rước chúa gái và diễn trò bách nghệ khôi hài. Chỉ có chúa gái được ngồi trên kiệu rước, còn chúa trai phải đi bộ chứ không được rước. Tục rước chúa gái chính là mô phỏng truyền thuyết Ngọc Hoa chào tạm biệt vua cha để về nhà chồng. Chạy địch là phản ánh truyền thuyết vua Hùng đi săn, lấy tiếng hú là thể hiện tiếng hiệu trừ tịch, trừ tà. Hàng năm, Nhà nước cấp cho dân trường tạo lệ là



thôn Cổ Tích xã Hy Cương 3 quan tiền và 3 đấu gạo nếp của triều đình để làm lễ. Năm 1600, Vua Lê Hiến Tông cho tổ chức quốc lễ tại Đền Hùng, nhà vua về làm lễ Tổ. Vua Lê Hiến Tông về thắp hương tưởng niệm các vua Hùng và có thơ đề vịnh tại Đền Hùng:

“Quốc tịch Văn Lang cổ
Vương thư việt sử tiền
Hiền thừa thập bát đài
Hình thẳng nhất tam xuyên
Cự trưng cao phong bán
Sùng từ tuần linh biên
Phương dân ngưng trắc dáng
Hương hoá đảo kim tuyến”

Dịch nghĩa:

“Mở nước Văn Lang cổ
Dòng vua dấu Việt sử
Mười tám đời nối nhau
Ba sông đẹp như vẽ
Mộ cũ ở lưng đồi
Đền thờ bên sườn núi
Muôn dân đến phụng thờ
Khói hương còn mãi mãi.”

Chúa Trịnh Tùng đã có lần về viếng Tổ và để tặng đôi câu đối:

Vấn lai dĩ sự tu vi sử
Tế nhận thư đồ dục mệnh thi.

Dịch nghĩa:



Ngẫm lại chuyện xưa nên chép sử

Nhìn phong cảnh đẹp muốn đề thơ

Nhà nước và nhân dân ta từ đời Lê đến đời Nguyễn luôn luôn quan tâm đến việc tu sửa, tôn tạo khu di tích Đền Hùng và tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương và Lễ Hội Đền Hùng vào dịp mừng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm. Ngoài việc miễn thuế cho dân Hy Cương để dùng tiền thuế vào việc đèn nhang, sắm lễ vật thờ cúng, Nhà nước phong kiến Việt Nam còn chú ý đến việc tổ chức Giỗ Tổ và Lễ Hội Đền Hùng hàng năm. Nhất là khi nhà Nguyễn lên trị vì đất nước (Thế kỷ XVIII) năm Minh Mạng thứ 4 (1823) đã cho xây Miếu Lịch Đại Đế Vương ở địa phận xã Phú Xuân về phía Nam kinh thành (nay là xóm Lịch Đới, phường Phường Đúc, thành phố Huế). Miếu thờ các vị minh quân tiêu biểu và những danh tiếng của Việt Nam - Trung Hoa, trong đó có thờ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và Hùng Vương. Các Vua nhà Nguyễn theo lệ cứ 5 năm (vào những năm chẵn 5, chẵn 10), Nhà nước đứng ra tổ chức Lễ Hội Giỗ Tổ, những năm lẻ do địa phương đăng cai tổ chức. Diền trường trung tâm của Lễ Hội là núi Hùng và xung quanh dưới chân núi Hùng. Tới năm Khải Định thứ hai (1917), quan Tuần phủ Lê Trung Ngọc trình bộ Lễ ấn định ngày Quốc Lễ vào ngày mồng 10 tháng 3 âm lịch (Trước ngày huỷ của Vua Hùng một ngày), ngày 11 tháng 3 âm lịch để dân sở tại làm lễ. Thời gian tổ chức lễ hội thường bắt đầu từ ngày mùng 8 đến ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch. Và cũng từ đó, vị thế của lễ hội Đền Hùng được nổi tiếng khắp nơi:

Sơn Tây vui nhất chùa Thầy

Vui thì vui vậy chẳng tày Hội He

Đến năm 1920, sau khi tiến hành tu sửa lớn, quan Tuần phủ Phú Thọ và các quan tri phủ, tri huyện, tri châu trong cả tỉnh Phú Thọ đều về làm lễ tế Vua Hùng và cho phép 5 làng xung quanh có thờ tự Hùng Vương được phép tổ chức rước kiệu vào lễ hội Đền



Hùng, đó là Hùng Lô, Cao Mại, Sơn Vi, Hữu Bồ, Xuân Lũng và tổ chức các trò diễn dân gian như hát trống quân, hát xoan, đánh cờ người, đấu vật...

Tiết trời tháng ba mùa xuân thời tiết rất đẹp, trước hội bao giờ cũng có những trận mưa rào đầu hạ có ý nghĩa như là rửa sạch đến trước khi vào hội. Những trận mưa ấy có tác dụng làm cho cây rừng Đền Hùng đã xanh lại càng xanh hơn, không khí trong lành, mát mẻ, dễ chịu làm cho du khách đi dự lễ hội cảm thấy như mình được trở về với thuở hồng hoang thời mở nước.

Các thủ tục hành lễ được tuân theo quy định của lễ giáo phong kiến rất chặt chẽ. Phần lễ được diễn ra trang nghiêm, trọng thể tại các đền và chùa Thiên Quang trên núi Nghĩa Lĩnh. Phần hội được tổ chức trong một không gian rộng khoảng vài km vuông với nhiều trò chơi dân gian phong phú và hấp dẫn tạo cho lễ hội có không khí tấp nập, náo nhiệt. Vào ngày Giỗ Tổ, nhiều địa phương ở các vùng lân cận có thờ tự vua Hùng, vợ con và các tướng lĩnh của các vua Hùng tổ chức rước kiệu về dự Giỗ Tổ. Ban tổ chức chấm giải cho các làng xã có kiệu tham gia: Kiệu nào đẹp, đoạt giải thì được rước lễ vật và bánh chưng, bánh dầy lên núi để dâng vua Hùng trong buổi hành lễ vào sáng mùng 10 tháng 3. Còn các kiệu của các làng xã khác đoạt giải thấp hơn thì rước xung quanh lễ hội để mọi người chiêm ngưỡng và tạo không khí trang nghiêm cho lễ hội. Ngoài ra còn có nhiều trò diễn, các trò chơi dân gian như đánh trống đồng, đâm đuống, đấu vật, chọi gà, kéo lửa thối cơm thi, đánh cờ người v.v... làm cho không khí ngày hội thêm tưng bừng, phấn khởi. Bên cạnh đó, những hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao hiện đại cũng được tổ chức để phục vụ đồng bào về dự lễ hội, tạo nên màu sắc của lễ hội càng thêm tươi vui, rực rỡ.

Tín ngưỡng thờ cúng Vua Hùng và tổ chức lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương đã trở thành lễ hội mang tính văn hoá tâm linh lớn nhất ở nước ta. Đến ngày Giỗ Tổ và tổ chức Lễ Hội, con cháu trên mọi



miền Tổ quốc nướm nượp kéo về với tấm lòng thành kính dâng lên Tổ tiên, tỏ lòng biết ơn công lao dựng nước của các Vua Hùng và các bậc tiền nhân của dân tộc.

Tín ngưỡng thờ cúng các vua Hùng xuất phát từ đạo lý, từ truyền thống của dân tộc Việt Nam vốn giàu lòng yêu nước và truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất, nhưng cũng rất thủy chung, có trước, có sau, nhân hậu, luôn luôn biết ơn những người đi trước. Lễ hội Đền Hùng đã trở thành động lực tinh thần của dân tộc Việt Nam. Năm 1941, Mặt trận Việt Minh đã treo cờ Đảng, cờ Tổ quốc trên gác chuông trước cửa chùa Thiên Quang để tuyên truyền Cách mạng, kêu gọi toàn dân đoàn kết đánh đổ Nhật - Pháp để cứu nước trước đông đảo quần chúng về dự lễ hội. Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trong dịp lễ hội Đền Hùng năm 1946, quyền Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, cụ Huỳnh Thúc Kháng được Chủ tịch Hồ Chí Minh uỷ quyền thay mặt Chính phủ về dự lễ hội Đền Hùng, khi Lễ Tổ dâng một thanh gươm và một tấm bản đồ Việt Nam cần cáo với các vua Hùng (tư liệu của nhà sử học Dương Trung Quốc công bố). Năm 1954, đoàn quân đi Nam trên con đường hành trình thống nhất đất nước đã về tuyên thệ tại Đền Hùng. Ngày 19 tháng 9 năm 1954, trước khi về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ và căn dặn các cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân tiên phong tại Đền Hùng với câu nói bất hủ:

“... Các Vua Hùng đã có công dựng nước

Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước...”

Thời đại chúng ta hôm nay, đang kế tục truyền thống của các Vua Hùng và các thế hệ cha anh đi trước truyền lại. Hàng năm, lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương vẫn được tổ chức theo các nghi lễ truyền thống của dân tộc. Vào những năm chẵn, Nhà nước đứng ra tổ



chức để điều hành các hoạt động lễ hội. Vào những năm lẻ, UBND Tỉnh tổ chức công việc Giỗ Tổ. Những năm chẵn, do Bộ Văn hoá tổ chức triển khai công tác tổ chức Giỗ Tổ.

Từ sau tết nguyên đán cho đến hết 3 tháng mùa xuân, đồng bào trên mọi miền Tổ quốc về thăm viếng Đền Hùng rất đông. Đặc biệt từ ngày mồng 1 đến mồng 10 tháng 3 âm lịch, hàng chục vạn lượt người về dự lễ hội. Trong những ngày này, đường xá, đồi núi tại khu di tích Đền Hùng nườm nượp dòng người trẩy hội.

Nội dung của Lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương chủ yếu gồm hai phần: Phần Lễ và phần Hội. Phần Lễ được tiến hành với nghi thức trang nghiêm, trọng thể tại đền Thượng; phần Hội được diễn ra xung quanh dưới chân núi Hùng.

Trong phần lễ: Nghi thức dâng hoa của các đoàn đại biểu Đảng, Chính phủ, các tỉnh thành được tổ chức long trọng trên đền Thượng. Từ chiều mùng 9, làng nào được Ban tổ chức cho phép rước kiệu dâng lễ bánh giầy, bánh chưng đã tập trung đông đủ dưới cổng Công Quán. Sáng sớm hôm sau, các đoàn đại biểu xếp hàng chỉnh tề đi sau cỗ kiệu rước lễ vật lần lượt lên đền trong tiếng nhạc lễ của phường bát âm và đội múa sinh tiền. Tới trước cửa đền Thượng (Kính thiên linh điện), đoàn đại biểu dừng lại, kính cẩn dâng lễ vào Thượng cung của đền Thượng. Đồng chí lãnh đạo Tỉnh thay mặt cho nhân dân cả nước (năm chẵn là đồng chí nguyên thủ quốc gia hoặc lãnh đạo Bộ Văn hoá thể thao và du lịch) kính cẩn đọc diễn văn Lễ Tổ. Toàn bộ nội dung hành lễ được các hệ thống phát thanh, truyền hình đưa tin để đồng bào cả nước theo dõi lễ hội. Trong thời gian tiến hành nghi lễ, toàn bộ diễn trường hội ngừng các hoạt động để theo dõi nghi thức Giỗ Tổ cũng là để tăng thêm tính nghiêm trang của Lễ Hội.

Phần Hội: Diễn ra tưng bừng, náo nhiệt xung quanh khu vực núi Hùng. Hội Đền Hùng ngày nay có thêm nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá phong phú hấp dẫn hơn hội Đền Hùng xưa. Trong



khu vực hội, nhiều cửa hàng bán đồ lưu niệm, văn hoá phẩm, các quán bán hàng dịch vụ ăn uống, hội trại văn hóa, các khu hoạt động biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao v.v... được tổ chức và duy trì trật tự, quy củ.

Tại khu Văn - Thể, các trò chơi dân gian được Ban tổ chức chọn lọc đưa vào phục vụ lễ hội như đấu vật, bắn nỏ, rước kiệu, hội thi giã bánh giày, gói bánh chưng, thi kéo lửa thổi cơm, trò diễn "Bách nghệ khôi hài" và Trò Trám của làng Tứ Xã, rước lúa Thần v.v.... Cạnh đó là sân khấu của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp như Chèo, kịch nói, hát quan họ, hát xoan, chiếu bóng, có cả hội diễn văn nghệ quần chúng để tuyển chọn nhân tài. Trên khu Công quán thì âm vang tiếng trống đồng và tiếng giã đuống rộn ràng của các nghệ nhân dân gian người dân tộc Mường ở Thanh Sơn ra phục vụ Lễ hội.

Ngoài các hoạt động văn hoá, văn nghệ trong diễn trường hội, mọi người về dự hội còn được tham quan Bảo tàng Hùng Vương, nơi lưu giữ và trưng bày các hiện vật phản ánh thời kỳ Hùng Vương dựng nước để tìm hiểu lịch sử truyền thống dựng nước trên quê hương Đất Tổ.

Thời đại của chúng ta hôm nay đang ngày càng góp sức tô điểm và phát huy sức sống trường tồn của Giỗ Tổ Hùng Vương và Lễ hội Đền Hùng. Ý nghĩa tâm linh của cuộc hành hương trở về Đền Hùng đã trở thành nếp nghĩ, nét văn hoá truyền thống không thể thiếu được của mỗi con người Việt Nam. Đó là truyền thống văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam. Tất cả mọi người, không phân biệt già, trẻ, trai, gái, dân tộc, tôn giáo đang sinh sống trên mọi miền Tổ quốc đều bình đẳng trước Mộ Tổ, đều có quyền tự hào mỗi khi về dự Giỗ Tổ Hùng Vương và Lễ hội Đền Hùng.



Hát Thờ Vua Hùng - Một nghi thức được tổ chức hàng năm tại các phường Xoan Phú Thọ

Ảnh: Nguyễn Ngọc Long - Viện Âm Nhạc



PHẦN THỨ BA

MỘT SỐ BÀI VIẾT CỦA TÁC GIẢ VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG

VUA HÙNG TRONG TÍN NGƯỠNG NGUỒN CỘI CỦA NGƯỜI VIỆT

*(Bài đăng báo Phú Thọ số chuyên đề
Giỗ Tổ Hùng Vương – Lễ hội Đền Hùng năm 2010
- Tạp chí Dân Tộc số 146, tháng 2/2013)*

1. Vua Hùng trong tòa chính sử đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Vua Hùng là Tổ của dân ta - Thủy tổ của người Việt. Ông Vua đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, “Thánh Vương ngàn đời của Cổ Việt”. Các thế hệ người Việt Nam đương đại mặc nhiên thừa nhận và tự hào là con Lạc Hống - dòng giống Rồng Tiên. Hàng năm ngày 10 tháng 3 âm lịch lại cùng nhau nô nức hành hương về miền đất Tổ để viếng mộ thăm đền, thắp hương thờ cúng Tổ Tiên.

Với ý thức tìm lại những dòng lạc khoản đầu tiên của các sử thần Việt Nam ghi chép về Hùng Vương và chính thức hóa đưa



vào tòa Chính sử Việt Nam để dựng lại ý nghĩa của việc đồng bào Việt Nam, trăm cành một gốc, trăm họ một nhà, cùng tôn vinh Vua Tổ.

Sách “Lĩnh Nam chích quái” của Trần Thế Pháp thế kỷ XIII là một tập sách ghi chép về những chuyện cổ tích và truyền thuyết của nước ta. Ở đó những chuyện “Họ Hồng Bàng”, “Truyện Ngư Tinh”, “Truyện Hồ Tinh”, “Truyện Đồng Thiên Vương”, “Truyện Nhất dạ trạch”, “Truyện Mộc Tinh”, “Truyện trâu cau”, “Truyện dưa hấu”, “Truyện Lý Ông Trọng” đã phản ánh về thời các vua Hùng nhưng chủ yếu tập trung giải thích về nguồn gốc “đồng bào” Việt Nam, về ý thức lao động của con người để chinh phục thiên nhiên, cải tạo thiên nhiên, làm ra của cải vật chất phục vụ cuộc sống cho chính mình: Chử Đồng Tử khai phá đầm lầy; Mai An Tiêm cải tạo đảo hoang, trồng nhiều dưa hấu, buôn bán trao đổi sản vật; Tản Viên Sơn đắp đê chống lụt; Mầu Âu Cơ dạy dân cấy lúa, làm bánh, trồng dâu, chăn tằm, dệt vải...

Cũng trong thời gian này, sách “Việt Sử Lược” (biên soạn năm 1377) đã chép về Hùng Vương dựng nước Văn Lang nhưng Vua với tư cách là 1 pháp sư tài giỏi thấu tóm được quyền lực của các bộ tộc để trở thành một vị thủ lĩnh tối cao của bộ lạc.

Năm 1372, Hàn lâm viện học sĩ Hồ Tông Thốc với sách “Việt Nam Thế Chí”, ông là người đầu tiên đưa vào chính sử các vị Hùng Vương vừa như một nhân vật lịch sử, lại vừa như là tinh thần dân tộc để nhắc nhở, răn dạy con cháu theo quan niệm trung hiếu của Nho giáo với những người có công mở nước.

Năm 1435, trong sách “Dư địa chí”, Nguyễn Trãi đã nhắc đến Hùng Vương theo thư tịch thời Trần như một niềm tự hào dân tộc.

Năm 1470, vua Lê Thánh Tông - niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497) đã cho Hàn lâm viện Trác học sĩ Nguyễn Cổ lập Ngọc phả Hùng Vương với tên gọi đầy đủ là “Ngọc phả cổ truyền về 18



chi đòi Thánh Vương triều Hùng” (Hùng đồ thập bát diệp thánh vương Ngọc phả cổ truyền). Với sự ra đời của bản ngọc phả này, Hùng Vương đã được chính thức hóa trong tòa chính sử Việt Nam và từ đây vua Hùng đã có tông phả ở giữa thế gian. Cũng nhờ có tông phả đó mà triều đình Hậu Lê mới có đủ điều kiện để làm lễ “tế giao” như các vua phương Bắc, để xác nhận quyền độc lập quốc gia và quyền lực chuyên chế của ông vua nước Đại Việt:

“Như nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu

Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác”

(Bình ngô đại cáo - Nguyễn Trãi)

Năm 1497, trong “Đại Việt sử ký toàn thư”, nhà sử học Ngô Sĩ Liên đã có đủ yếu tố thuận lợi để đưa họ Hồng Bàng vào chính sử Việt Nam. Đó là bước phát triển vượt bậc trong ý thức hệ và tư duy của Nho giáo phong kiến Việt Nam xưa luôn hạ mình là hàng “phiên thần” trong ý thức tự ti, chia sẻ văn hóa theo thứ bậc để vượt lên ý thức tự tôn dân tộc, văn hóa bác học ngang hàng với nước lớn Bắc phương.

Từ đây về sau vua Hùng được gọi là Thánh tổ và được chính quyền Trung ương công nhận; nhân dân ta trên khắp mọi miền đất nước xây đền thờ phụng. Đền Hùng thuộc xã Hy Cương, TP. Việt Trì được lưu giữ Ngọc phả Hùng Vương và nhân dân xã Hy Cương được vinh danh là dân trưởng tạo lệ hương hòa ngàn thu.

2. Vua Hùng trong ánh xạ văn hóa tâm linh của người Việt.

Trải qua hàng trăm năm, từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV, từ ngữ danh xưng Hùng Vương đã được tích tụ dần trở thành chính thống bằng việc soạn dựng “Ngọc phả cổ truyền về 18 chi đời Thánh Vương triều Hùng”. Năm 1470, triều đại Hậu Lê đã khẳng định vị



trí độc tôn dựng nước, sinh dân tộc thuộc về các Vua Hùng. Vấn đề “Quốc Tổ” đã được gắn với “Hùng Vương” thay vì chữ nghĩa “Lạc Vương” trong tâm thức vương quyền vay mượn của một dân tộc chưa khẳng định nền quốc gia độc lập. Từ đây trong ảnh xạ văn hóa tâm linh của người Việt - Vua Hùng hiển hiện như bình diện của ý thức tự cường của một quốc gia hùng mạnh:

“Trải Triệu - Đinh - Lý - Trần bao đời xây nền độc lập

Cùng Hán - Đường - Tống - Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương”

Cổ giáo sư sử học Trần Quốc Vượng đã giải thích rằng “Vua Hùng” là phiên âm của một từ Việt cổ: Vua -> Bua -> Bô -> Pô = (bố); Hùng -> Khun = Cun = Thủ lĩnh. Vua Hùng = Bố của các thủ lĩnh = Thủ lĩnh tối cao. Danh hiệu Hùng Vương chỉ là một sự lắp ghép danh hiệu Bố Cái Đại Vương (Bố Cái = Vua lớn = Đại Vương) để chỉ vua Phùng Hưng sau này.

Sách “Việt sử lược” đời Trần chép: “Đến đời Trang Vương nhà Chu (696 - 682 TCN), ở bộ Gia Ninh có người lạ, dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, phong tục thuần hậu, chất phác, chính sự dùng lối kết nút, truyền được 18 đời đều gọi là Hùng Vương”.

Như vậy, trong ký ức văn hóa của nhân dân, hình ảnh Vua Hùng được khắc họa là ông vua mở nước dựng làng; để rồi ở các thế kỷ sau chính ông vua ấy lại trở thành ông Tổ của người Việt, sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra 100 người con trai - hình thành nên nghĩa “đồng bào”.

“Ngọc phả cổ truyền về 18 chi đời Thánh Vương triều Hùng” đã viết “Đến giờ Ngọ ngày 28 tháng Chạp, hương lạ đầy nhà, hào quang khắp phòng, bà Âu Cơ sinh một bọc...; đến giờ Ngọ ngày Rằm tháng Giêng, trăm trứng vỡ ra đều thành điểm trăm người con trai”.

Các sách “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” năm 1840; “Việt Nam sử học” năm 1919; “Việt Nam văn hóa sử cương”



năm 1938; “Thần linh đất Việt” - 2002; “Truyền thuyết Hùng Vương” (1971 - 2003)... đều ghi chép lại việc bà Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng nở thành 100 người con trai hình thành nên hai tiếng “đồng bào”.

Nhiều thế kỷ nay với người Việt Nam, “đồng bào” đã trở thành ý thức bình diện của ý thức dân tộc, niềm tự hào dân tộc; điểm hội tụ của tinh thần đoàn kết toàn dân tộc, điểm hội tụ ấy đã trở thành động lực tinh thần của dân tộc Việt Nam.

3. Vua Hùng trong tín ngưỡng nguồn cội của nhân dân.

Vua là Tổ của dân. Dân là gốc của một nước. Nước muốn vững bền nhờ dân luôn thịnh trị, dân được thịnh trị trông ơn mưa móc Tổ Tiên.

Trong sự thăng tiến phẩm trật của thần linh, vua Hùng từ quan niệm ban đầu là thần núi với các mi tự: “Đột Ngột Cao Sơn; Viễn Sơn; Ất Sơn” dần trở thành tín niệm trong tâm thức dân gian. Tín niệm ấy được lan tỏa rộng ra và trở thành niềm tin thiêng liêng của mỗi người dân đất Việt - niềm tin vào Tổ tiên và sức mạnh thiêng liêng tiềm ẩn của các thế lực siêu nhiên tuy không cùng sống, cùng sinh hoạt song đang đồng hành trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của nhân dân: tín ngưỡng thờ cúng Vua Hùng - thờ cúng Tổ tiên.

Trong tâm thức của nhân dân ta từ bao đời nay, Vua Hùng là vị vua Thủy tổ dựng nước, là Tổ tiên của dân tộc Việt Nam, của con người Việt Nam. Ghi nhớ và tôn vinh công lao dựng nước của Tổ tiên là một hành vi văn hóa, ý thức đạo đức và bốn phận mỗi người. Dân tôn thờ vua là Thánh: Thánh Tổ Hùng Vương. Dựa vào uy linh của Thánh, ý thức cộng đồng đã được hình thành và phát triển, từ trong gia đình đến gia tộc, hàng xóm láng giềng ra cả nước theo quan hệ huyết thống: dòng máu Lạc Hồng, con cháu Lạc Hồng...

Người Việt Nam luôn sống với nhau có nghĩa có tình, có thủy có chung, có trên có dưới, có xóm có làng, có sau có trước, có nước



có nhà, có tổ có tông,... sống có văn hóa - văn hóa cộng đồng. Văn hóa ấy là tấm gương phản chiếu sự hiểu biết những niềm tin và phong tục cổ truyền của một dân tộc. Trong sâu thẳm tâm hồn người Việt Nam ai cũng luôn quan niệm rằng: chúng ta là người sinh ra cùng một bọc (đồng bào) là con cháu Lạc Hồng - dân cả nước đều là anh em một nhà.

“Con người có Tổ có tông

Như cây có gốc, như sông có nguồn”

Ngày nay quan niệm đó càng được nhân lên gấp bội. Con cháu ở đâu, ông bà - Tổ tiên ở đó. Quan niệm đó dần trở thành ý thức hệ được hun đúc trong từng người và trong cả cộng đồng. Vua Hùng đã hiển nhiên tồn tại và ngự trị trên bình diện ý thức tâm linh của người Việt. Tín ngưỡng thờ Tổ phát triển không chỉ trên vùng đất Tổ mà xuyên cả quốc gia, vươn tới các cộng đồng người Việt đang sống xa Tổ quốc ở các quốc gia khác. Người Việt lập làng ở đâu sẽ xây đền thờ Tổ Hùng ở đó; cúng giỗ Tổ ở đó để cùng nhau “uống nước nhớ nguồn”, tri ân công đức Tổ tiên.

Lịch sử Việt Nam đã chứng minh rằng dù trong lúc đất nước thái bình hay trong những khi vận mệnh cam go nhất, Vua Hùng vẫn hiển diện như một nguồn lực vô tận xuyên suốt cả thời gian lẫn không gian đến với từng người dân Việt Nam, từng gia đình người Việt Nam ở bất cứ nơi đâu trong nước hay ngoài biên giới Tổ quốc, như một động lực tinh thần cổ vũ niềm tin và sức mạnh cho toàn dân tộc tiến lên phía trước, phát triển và hội nhập toàn cầu.

Vua Hùng trong tín ngưỡng nguồn cội của nhân dân đã trở thành niềm tin thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Vật chất có thể sẽ thay đổi, thậm chí sẽ mất đi song niềm tin thiêng liêng đó sẽ còn lại mãi mãi với thời gian, trường tồn cùng lịch sử trong ký ức của mỗi con người./.



TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG TÂM THỨC NGUỒN CỘI CỦA NGƯỜI VIỆT

(Bài đăng báo Tin Tức số 75+ 76 ngày 30 tháng 3 năm 2012)

1. Thờ cúng Hùng Vương là tín ngưỡng “tộc bái” của người Việt.

Trong tâm thức của những người con dân đất Việt, từ bao đời nay Hùng Vương là vị vua Thủy tổ dựng nước, là tổ tiên của cộng đồng người Việt. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương được tôn là tín ngưỡng phổ quát trong hệ chuẩn văn hoá Việt Nam. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương không những chỉ có mặt ở hầu khắp các địa phương trên toàn cõi Việt Nam mà còn có mặt trên toàn thế giới, ở những nơi có cộng đồng dân cư người Việt sinh sống và tụ cư.

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là một tín ngưỡng thuộc dòng bản địa có sự giao thoa, hoà đồng của văn hoá Phật giáo và Nho giáo. Thờ cúng Hùng Vương gắn liền với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt.

Thờ cúng tổ tiên nghĩa là lập bàn thờ tại gia hoặc tại nhà thờ họ; cúng bái trong ngày tết hoặc ngày sóc, ngày vọng. Thông qua việc thờ cúng nhằm xác lập “mối liên hệ giữa người sống với người chết”, giữa con người hiện tại với những người ở thế giới tâm linh. Hầu khắp các gia đình người Việt đều lập bàn thờ cúng tổ tiên với quan niệm người chết chưa phải là đã hết, mà chết là về thế giới bên kia, nơi chín suối; ở cõi Tây phương cực lạc, song vẫn thường xuyên di về, thăm nom, phù hộ cho con, cho cháu.



Thờ cúng tổ tiên là công việc đặc biệt hệ trọng của người Việt Nam. Thông qua thờ cúng tổ tiên, người Việt gửi lòng mình vào sự tri ân công đức tổ tiên, biết ơn lớp tiền nhân theo đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”. Người Việt gắn thờ cúng tổ tiên với việc thờ cúng các Vua Hùng - những người đã có công mở nước, sinh dân, hun đúc nghĩa “đồng bào”.

Hùng Vương là vị Thánh Tổ của người Việt. Thờ cúng Hùng Vương không phân biệt huyết thống, dòng họ; không phân chia địa lý, vùng miền, quốc gia, dân tộc. Chỉ cần là người Việt Nam hay các dân tộc khác có cùng nguồn gốc, cùng bản sắc văn hoá cội nguồn của cư dân nông nghiệp... đều công nhận Vua Hùng là tổ tiên của dân tộc mình, dòng tộc mình, chi họ mình.

Vua Hùng là tổ tiên chung của cộng đồng quốc gia, dân tộc và ngày mồng 10 tháng 3 Âm lịch hàng năm là ngày Giỗ tổ chung của đồng bào Việt Nam trên khắp mọi miền đất nước và ở cả nước ngoài, nơi có kiều bào Việt Nam sinh sống. Đến năm 2005, theo kiểm kê bước đầu của Cục Văn hoá cơ sở - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và của Sở VH TT & DL Phú Thọ, cả nước có 1.417 di tích thờ Hùng Vương và các nhân vật liên quan thời Hùng Vương dựng nước. Người Việt lập làng ở đâu thì lập đền thờ Vua Hùng ở đấy với quan niệm con cháu ở đâu thì tổ tiên ở đó.

Vì vậy, thờ cúng Hùng Vương là tín ngưỡng “tộc bái” của 1 dân tộc có cùng nguồn gốc. Đó thực sự là một tín ngưỡng bản địa có sức sống mãnh liệt, có sức lan toả rộng, sâu, lâu bền trong cộng đồng người Việt.

2. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là “Quốc giáo” của Việt Nam.

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương được hoà trộn với tín ngưỡng tâm linh và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian, thờ cúng Hùng Vương đã trở thành lễ tục chính



thống, được nhà nước Việt Nam qua các thời đại công nhận và trực tiếp tham gia thực thi tín ngưỡng.

Cộng đồng dân tộc Việt Nam có truyền thống tổ chức Giỗ tổ Hùng Vương vào ngày mồng 10 tháng 3 Âm lịch hàng năm. Giỗ tổ Hùng Vương là ngày giỗ quan trọng nhất của dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam. Đây không chỉ là ngày giỗ của một gia tộc, một dòng họ, một làng, một xã, một vùng, một địa phương mà là ngày giỗ cụ Tổ chung của cả nước.

Theo dòng lịch sử, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương dù được tổ chức dưới hình thức sơ khai nhất cũng đã cách ngày nay trên 2000 năm có lẽ. Bắt đầu từ việc An Dương Vương - Thục Phán dựng cột đá trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh để thể “nguyện có đất trời lồng lộng chứng giám, nước Nam được trường tồn, lưu ở miếu Tổ Hùng Vương; nguyện đời đời trông nom lăng miếu họ Hùng và giữ gìn giang sơn gấm vóc mà Hùng Vương trao lại...”

Tới thời Hồng Đức Hậu Lê, khi vua Lê Thánh Tông khẳng định: Nho giáo là hệ tư tưởng rường cột của Quốc gia Đại Việt thì tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương được chính thức hoá bằng pháp luật. Vua sai Hàn lâm viện - Trục Học sỹ Nguyễn Cổ soạn: “Ngọc phả cổ truyền về 18 chi đời Thánh Vương triều Hùng” (Hùng đồ thập bát diệp Thánh vương Ngọc phả cổ truyền). Từ đây Vua Hùng đã trở thành bậc đế vương muôn đời của nước Việt, có tông phả giữa thế gian, trời, đất. Cũng chính nhờ tông phả đó mà triều đình Hậu Lê mới có đủ điều kiện làm lễ “tế giao” như các Vua phương Bắc.

Năm 1479 trong “Đại Việt sử ký toàn thư” nhà sử học Ngô Sĩ Liên đã đưa họ Hồng Bàng vào chính sử Việt Nam. Đó là bước phát triển vượt bậc trong ý thức hệ và tư duy của Nho giáo Việt Nam. Từ đây về sau Vua Hùng được tôn là Thánh Tổ và được chính quyền Trung ương công nhận; nhân dân ta trên khắp mọi miền đất nước đã xây dựng đền thờ Vua Hùng và các nhân vật lịch sử thời Hùng Vương dựng nước. Đền Hùng - Phú Thọ được lưu giữ Ngọc



phả Hùng Vương và trở thành di tích quốc gia đặc biệt; dân xã Hy Cương được ban phong là dân “tạo lệ” thừa hưởng hương hoá ngàn thu.

Năm 1917 triều đình nhà Nguyễn giao cho Bộ Lễ chính thức định ngày Quốc lễ - Giỗ Tổ Hùng Vương vào ngày mồng 10 tháng 3 Âm lịch hàng năm.

Năm 1946 cụ Hồ Chí Minh- Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà đã ra sắc lệnh đưa ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3 Âm lịch hàng năm là ngày lễ chính thức của dân tộc và cho phép viên chức Nhà nước được nghỉ lễ, hưởng nguyên lương. Cụ Huỳnh Thúc Kháng - Phó chủ tịch nước đã vẽ dự Giỗ Tổ, dâng một thanh gươm và tấm bản đồ Tổ quốc để khẳng định quyết tâm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam .

Năm 1995 Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị về tổ chức các ngày lễ lớn trong năm, trong đó có ngày Giỗ Tổ Hùng Vương.

Năm 1999 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết 11-NQ/TW (ngày 28/7/1999) về việc tổ chức các ngày lễ lớn - trong đó có ngày Giỗ Tổ Hùng Vương.

Năm 2001, Chính phủ ban hành Nghị định số 82/2001/NĐ-CP (ngày 6/11/2001) về nghỉ lễ nhà nước - trong đó có quy định chi tiết nghỉ lễ tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương.

Năm 2004, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 33 - NQ/TW (ngày 9/ 2/ 2004) về việc tổ chức các ngày lễ lớn trong 2 năm 2004 - 2005; trong đó có ngày Giỗ Tổ Hùng Vương.

Năm 2007, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Luật sửa đổi, bổ sung điều 73 của Bộ Luật lao động cho phép người lao động được nghỉ làm việc hưởng nguyên lương trong ngày lễ Giỗ Tổ Hùng Vương hàng năm.



Có thể nói, trải qua hàng ngàn năm lịch sử; đặc biệt từ thế kỷ XV đến ngày nay tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương có nguồn cội từ tín ngưỡng dân gian đã trở thành tín ngưỡng chính thống của người Việt, được Nhà nước công nhận và trở thành Quốc giáo Việt Nam.

3. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương-Tâm thức nguồn cội của người Việt.

Thờ cúng Tổ tiên là một phong tục lâu đời của người Việt. Trong tiến trình lịch sử dân tộc, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên luôn được đặt ở vị trí tâm điểm cho sự cố kết cộng đồng, đoàn kết và toàn vẹn của gia đình, dòng họ và cả dân tộc. Người Việt Nam thờ tổ tiên trong gia đình; thờ tổ họ trong dòng họ; thờ thần thành hoàng ở làng; thờ Tổ của nước ở Đền Hùng. Giỗ tổ Hùng Vương là biểu tượng tinh thần để quy tụ lòng người, quy tụ sự đoàn kết toàn dân tộc. Đó là biểu tượng văn hoá nói chung, văn hoá chính trị nói riêng; đồng thời trở thành nhu cầu văn hoá tinh thần của cộng đồng, quốc gia, dân tộc.

Trong các luận giải nghiên cứu về tín ngưỡng của mình, cụ Đào Duy Anh viết: “Việc tế tự Tổ tiên không phải chỉ cốt cho linh hồn tổ tiên khỏi khổ mà còn có ý nghĩa sâu xa hơn nữa là nhớ ơn Tổ tiên và lưu truyền nòi giống mãi về sau; cho nên ta có thể cho rằng tế tự Tổ tiên là lấy duy trì chủng tộc làm mục đích”.

*(Đào Duy Anh - Văn hoá sử cương - Nhà xuất bản VHNT,
H.2000 – tr. 250).*

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương được Nhà nước tôn vinh làm Quốc giáo nhằm mục đích cố kết cộng đồng, thông qua các sinh hoạt văn hoá để giáo dục truyền thống lịch sử và ý thức đoàn kết dân tộc thành một khối thống nhất vì sự tồn vong của đất nước. Ý thức ấy được thấm vào máu thịt từng con người thông qua



hoạt động văn hoá tâm linh. Biểu tượng Vua Hùng và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là điểm hội tụ của tinh thần đại đoàn kết dân tộc Việt Nam. Khi tâm thức nguồn cội của người Việt được nâng cao thì tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương được lan toả và trở thành niềm tin thiêng liêng của mỗi người - niềm tin vào tổ tiên và sức mạnh thiêng liêng tiềm ẩn của các Vua Hùng.

Tên gọi Hùng Vương đã đi vào thế giới tiềm thức của mỗi người dân đất Việt. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã trở thành hiện tượng xã hội, là nội dung tinh thần quan trọng gắn với đời sống văn hoá của dân tộc Việt Nam. Biểu tượng Hùng Vương được khẳng định là ông Tổ chung và duy nhất của đất nước Việt Nam, con người Việt Nam. Trong tâm thức nguồn cội của người Việt, Vua Hùng là ông Vua mở nước, sinh dân, tạo ý nghĩa đồng bào. Vua Hùng đã thực sự thấm sâu vào ý thức tự tôn dân tộc của người Việt.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đã vượt qua mối quan hệ huyết thống, biên giới địa lý, tôn giáo, dân tộc và ngày Giỗ tổ Hùng Vương đã vượt ra khỏi tín ngưỡng dân gian để trở thành Quốc tế. Hùng Vương đã trở thành Quốc Thánh, là vị thần chung cho tất cả mọi người đang cùng sống trên đất Việt.

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương không có biên giới riêng mà là biên giới cộng đồng. Đó là điều căn bản triết lý để hình thành một quốc gia thống nhất. Ở đó tất cả mọi người đều có chung một vị Thánh Tổ - Vua Hùng. Trong tâm thức nguồn cội của người Việt - tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương - Giỗ tổ Hùng Vương là điểm đồng quy về ý thức cộng đồng - quốc gia - dân tộc./.



GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG

TÍN NGƯỠNG BẢN SẮC VĂN HÓA CỦA NGƯỜI VIỆT

(Bài đăng Thế giới di sản số 66 tháng 3 năm 2012)

1. Vua Hùng – Cụ Tổ của người Việt.

Vua Hùng là nhân vật minh triết trong tâm khảm của người Việt. Ông được tôn là Vua, là minh chủ đồng thời là Tổ - Tổ của dân, của nước. Giỗ Tổ Hùng Vương/ Vua Hùng đã trở thành tín ngưỡng đặc trưng, tín ngưỡng bản sắc văn hóa của người Việt.

Từ ngàn xưa và mãi mãi mai sau, trồng tâm thức của người Việt “Vua Hùng”, “Tổ Hùng”, “con Lạc cháu Hồng”, “con Rồng cháu Tiên”, “dòng dõi lạc Hồng”... luôn luôn là biểu tượng cao đẹp thiêng liêng. Đó là biểu tượng thiêng liêng nhất, cao đẹp nhất trong đạo nghĩa “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” với quan hệ đồng tộc, đồng bào.

Chủ nhân của tín ngưỡng thờ cúng Vua Hùng là người Việt ở Phú Thọ, họ thờ cúng Vua Hùng như bậc Thánh Vương trong các đình, đền, miếu được xây dựng tại các làng, xã. Từ Đền Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh- xã Hy Cương- thành phố Việt Trì là tâm điểm, tín ngưỡng này đã lan tỏa tới các tỉnh, thành trong cả nước và một số cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Khởi nguồn từ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, người Việt đã thờ cúng Vua Hùng là cụ Tổ khai sinh dân tộc, đất nước. Ý thức tín ngưỡng thờ cúng Vua Hùng đã thấm vào máu thịt của cộng đồng



người Việt, được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hình tượng Vua Hùng đã gắn với hồn thiêng sông núi đất Việt. Thánh Tổ Hùng Vương do nhân dân tôn vinh được các triều đình quân chủ phong kiến và nhà nước đương đại đồng thuận. Trên bình diện ý thức dân tộc Thánh Tổ Hùng Vương được gắn với các mỹ tự: Đột Ngột Cao Sơn Thánh Vương, Viễn Sơn Thánh Vương, Ất Sơn Thánh Vương hay việc đồng nhất Hùng Vương với các vị thần núi ở các vùng miền khác trong phạm vi cả nước.

Vua Hùng gắn với người Việt không chỉ bởi sự hào quang của lịch sử mà chính đó là sự phản chiếu hình ảnh của ông Vua mở nước, quy tụ thần linh, gắn kết lòng người bằng huyết tộc- đồng bào. Vua Hùng được cộng đồng tôn vinh là Cụ Tổ của người Việt.

2. Giỗ Tổ Hùng Vương- tín ngưỡng văn hóa đặc trưng.

Xuất phát từ đạo lý văn hóa “Ấm hà tư nguyên/ Uống nước nhớ nguồn”, người Việt đã tôn Hùng Vương là Thủy Tổ của dân tộc. Thờ cúng Vua Hùng/ Giỗ Tổ Hùng Vương đã trở thành tín ngưỡng văn hóa đặc trưng của người Việt. Ngày Giỗ Tổ không chỉ đơn thuần là ngày con cháu bốn phương hội tụ thắp hương cúng giỗ Tổ tiên mà còn là ngày giao lưu văn hóa giữa các vùng miền cùng biên cõi.

Trên khắp mọi nẻo đường, mọi vùng quê, chốn đầu non ngọn suối, trong tâm thức của người dân đất Việt đều khắc cốt ghi xương, sâu đậm ký ức thiêng liêng về một cội nguồn chung:

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày Giỗ Tổ mồng 10 tháng 3

Khắp miền truyền mãi câu ca

Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm”

Thế kỷ XV(năm 1470) nhà Hậu Lê cho biên soạn Ngọc Phả Hùng Vương với tên gọi đầy đủ là: “ Hùng đồ thập bát diệp Thánh



Vương ngọc phả cổ truyền/Ngọc phả cổ truyền về 18 chi đời Thánh Vương triều Hùng” đã xác định vị trí độc tôn dựng nước, sinh dân thuộc về các Vua Hùng. Cũng chính thức từ đây Đền Hùng được xác định là trung tâm/vùng lõi tín ngưỡng thờ cúng Vua Hùng của Người Việt.

Với quan niệm văn hóa tâm linh “con cháu ở đâu thì ông bà, tổ tiên ở đấy”. Người Việt đã thờ cúng Vua Hùng như sự hiện diện đặc trưng bởi ý thức tự cường của một quốc gia hưng thịnh. Theo “Nam Việt thần kỳ hội lục” chép năm 1763 thì tới thế kỷ XVIII ở nước ta mới có 73 làng thờ cúng Hùng Vương, vậy mà tới năm 2005 theo sách “Những di tích thờ Hùng Vương ở Việt Nam” của Cục Văn hoá thông tin cơ sở- Bộ Văn hoá Thông tin đã có 1417 nơi thờ Hùng Vương và các nhân vật liên quan thuộc triều Hùng.

Trong ký ức của người Việt- Vua Hùng được khắc hoạ là một minh quân, ông vua mở nước, sinh dân, dựng làng, dựng nước... để rồi lưu truyền, tiếp nối các thế kỷ sau chính ông Vua này lại trở thành cụ Tổ của người Việt, sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra 100 người con trai- hình thành nên nghĩa trọng: đồng bào.

Giỗ Tổ Hùng Vương- Tri ân công đức Tổ Tiên đã trở thành tín ngưỡng bản sắc văn hóa đặc trưng của người Việt và trở thành minh triết trong văn hoá Việt Nam.

3. Hướng về Đất Tổ-sự cố kết cộng đồng dân tộc.

Thành kính tri ân công đức Tổ tiên, ông cha ta đã ghi thành câu đối treo tại lăng Hùng Vương:

“Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản, sông Đà, non nước vẫn quy về Đất Tổ

Văn minh đương buổi mới, con Hồng, cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ mô Ông”

Đó là tiếng nói chung, là sự tự ý thức về nguồn cội của các thế



hệ con cháu các Vua Hùng. Tất cả đều là đồng bào, là người trong một nước, cùng một tổ, chung cội, chung giân. Quan hệ đó đã đem lại tâm lý yêu thương, đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau, cùng tồn tại và phát triển bền lâu; tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Sức mạnh đó đã đưa dân tộc ta lên đỉnh vinh quang của lịch sử, sánh vai với các cường quốc năm châu, bốn biển. Trải qua hơn 1000 năm bị phong kiến phương Bắc xâm lược đô hộ; hàng trăm năm bị thực dân, đế quốc thống trị; đất nước này không những không bị diệt vong mà quốc gia Việt Nam vẫn vững vàng, tồn tại và phát triển; văn hoá Việt Nam không những không bị đồng hoá mà trái lại đã dung nạp và làm chuyển hoá văn hoá ngoại lai, tiếp thu sự tinh túy của văn hoá ngoại lai để hoà đồng phát triển cùng văn hoá dân tộc. Đó là sự thể hiện sức mạnh phi thường của dân tộc, sức mạnh đó được hình thành và đang phát triển bởi văn hiến hàng ngàn năm của dân tộc; văn hiến đó là sức mạnh của con người, của tinh thần đoàn kết cộng đồng được hình thành bằng ý thức vững vàng về nguồn cội, về quốc gia, dân tộc..., từ một gia tài quý báu do Tổ tiên để lại. Cộng đồng đó, dân tộc đó đã trao truyền cho nhau ngọn lửa thiêng Đất Tổ, tình yêu quê hương đất nước, nguyện quyết chí bảo vệ, giữ gìn non sông đất nước như của thiêng vật báu, không cam chịu để cơ nghiệp của Tiên Tổ rơi vào tay kẻ địch.

Trải qua bao biến thiên của lịch sử, bao lần đất nước bị xâm lăng; bị thiên tai huỷ hoại; song trong cuộc vật lộn cam go ấy, gian khổ ấy ý thức cộng đồng càng được hun đúc, cố kết thành chân lý:

“Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại thành hòn núi cao”

Từ trong gian khó ấy, người Việt càng thấm thía với giá trị của lao động và xương máu, của sức mạnh tiềm ẩn nền văn hoá dân tộc - văn hoá cội nguồn; càng thiết tha yêu quê hương đất nước, càng thấm thía biết ơn công lao dựng nước của các Vua Hùng. Hay nói đúng hơn, ý thức cộng đồng dân tộc được hun đắp từ thời



Hùng Vương dựng nước, từ trong gia đình, thân tộc, dòng họ, láng giềng, hàng xóm rồi cả nước. Ý thức đó đã tạo nên sức mạnh đoàn kết – sự cố kết cộng đồng- sức mạnh toàn dân tộc. Sức mạnh đó đã đưa dân tộc Việt Nam vững vàng bảo vệ và xây dựng đất nước qua hàng ngàn năm lịch sử.

Biết ơn Tổ tiên- thành kính tri ân công đức Tổ tiên- chịu giỗ Tổ tiên, con cháu các Vua Hùng cùng nhau thờ cúng Tổ tiên- Giỗ Tổ Hùng Vương.

Giỗ Tổ Hùng Vương là sự khẳng định tín ngưỡng bản sắc văn hoá của người Việt và trở thành động lực tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt nam. Văn hoá ấy, nền tảng đạo lý ấy ngày càng được củng cố, phát triển đã trở thành lẽ sống, đạo đức, niềm tin cho các thế hệ người Việt và trở thành sức mạnh vô địch của cộng đồng Việt Nam vững bước trên con đường công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh./.



GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG ĐỒNG LỰC TINH THẦN CỦA DÂN TỘC

(Bài đăng báo Phú Thọ số 119 ngày 17 tháng 4 năm 1999)

Từ ngàn xưa và mãi mãi mai sau, trong tâm thức của đồng bào Việt Nam “Vua Hùng” “Tổ Hùng” “Con Hồng Máu Lạc” “dòng dõi lạc Hồng”... luôn luôn là biểu tượng cao đẹp thiêng liêng. Đó là biểu tượng cao đẹp nhất trong đạo nghĩa “uống nước nhớ nguồn” “ăn quả nhớ người trồng cây với quan hệ đồng tộc, đồng bào, tổ tiên, của con người Việt Nam dân tộc Việt Nam.

Trong tâm thức của mỗi người dân Việt Nam trên khắp mọi miền đất nước đều khắc sâu ký ức thiêng liêng Việt Nam về một cội nguồn chung:

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mồng 10 tháng 3

Khắp miền truyền mãi câu ca

Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm”

Hay:

“Dù ai đi đâu bán đâu

Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ”



Sách Đại Việt sử lược chép: “Xưa hoàng đế dựng muôn nước thấy giao chỉ ở xa ngoài cõi Bách Việt, không thể thông thuộc được bèn chia giới hạn ở góc tây nam...”

Có 15 bộ lạc...

Đến đời Trang Vương nhà Chu (692- 688 trước công nguyên) ở bộ Gia Ninh (1 trong 15 bộ) có người dùng ảo thuật phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, phong tục thuần hậu, chất phác, chính sự dùng lối kết nút. Truyền được 18 đời, đều gọi là Hùng Vương

Trong sách Dư địa chí – Nguyễn Trãi lại chép : “Hùng Vương tiếp nối ngôi Vua, dựng nước gọi là Văn Lang. Hùng vương là con Lạc Long cháu kinh Dương Vương, nơi đóng đô ở Văn Lang truyền nhau 18 đời đều gọi là Hùng Vương”

Bên cạnh những pho sử quý giá trên ghi chép về Vua Hùng- Tổ tiên của dân tộc Việt Nam, còn nhiều tài liệu khác về khảo cổ học, Folklore địa lý, lịch sử, truyền thuyết... giữ một vị trí hết sức quan trọng, sẽ là nguồn bổ trợ lớn cho chúng ta nghiên cứu về thời đại Hùng Vương – Vua Hùng; Về cội nguồn dân tộc Việt Nam.

Song từ tất thảy những điều nêu trên, chúng ta đã cùng nhau hiểu biết rằng: Vua Tổ Hùng Vương là Vua đầu mở nước Văn Lang, là Vua Thủy tổ, là ông Tổ của dòng dõi con Lạc cháu Hồng, con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam .

Từ xa xưa hàng ngàn năm nay người ta đã thừa nhận, trao truyền cho con cháu những điều ghi nhớ, phụng thờ, tôn vinh văn hóa hay nói đúng hơn, chính xác hơn đó là văn hóa cội nguồn. Một nhận thức như vậy xem ra có vẻ giản đơn, hoang sơ nhưng nó hàm chứa một triết lý đơn giản đầy sức thuyết phục như một chân lý:

“Con người có tổ có tông

Như cây có gốc, như sông có nguồn.”



Gốc cội có xum xuê thì cành lá mới xanh tốt; nguồn nước có mệnh mông thì dòng nước mới chảy dài lâu.

Ngọc phả Hùng Vương tại Đền Hùng được Hàn lâm viện, Trục học sỹ Nguyễn Cổ soạn đời Hồng Đức Hậu Lê (năm 1470) có đoạn viết: “từ thời nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý, nhà Trần rồi đến triều đại ta bây giờ là Hồng Đức Hậu Lê vẫn cùng hương khói phụng thờ đấng Thánh Tổ xưa tại thôn Trung Nghĩa, làng Cổ Tích...”

Và rồi lịch sử đã qua đi, truyền thống được bảo lưu, nòi giống được lưu truyền ...chúng ta biết nhận ra chân lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” hay nói gọn lại theo hình tượng văn học như thi sỹ Tản Đà đã khắc họa trên đôi câu đối hiện còn tại Đền Hùng :

“Tổ tổ, tôn tôn, tôn tổ cũ

Non non, nước nước, nước non nhà”

Đó là tiếng nói chung, là nhận thức chung của các thế hệ con cháu Vua Hùng. Tất cả đều là đồng bào, là người chung 1 nước, cùng 1 tổ, chung cội, chung giàn. Quan hệ đó tạo nên tâm lý yêu thương, đoàn kết, thủy chung, đùm bọc lẫn nhau cùng tồn tại và phát triển bền lâu. Đó là sức mạnh của dân tộc Việt Nam, quốc gia Việt Nam. Chẳng thế mà trải qua hơn 1000 năm bị phong kiến phương Bắc xâm lược và đô hộ, đất nước này không những không bị tiêu vong mà Quốc gia Việt Nam, văn hóa Việt Nam vẫn tồn tại và phát triển vững bền. Được như vậy hẳn có 1 sức mạnh phi thường mà ở đây sức mạnh đó được hình thành và duy trì phát triển bởi văn hiến hơn 4000 năm của dân tộc. Văn hiến đó là con người, là cộng đồng cư dân có ý thức vững vàng về cội nguồn, về quốc gia, dân tộc mình với 1 gia tài quý báu do tổ tiên để lại. Cộng đồng đó, dân tộc đó quyết bảo vệ, giữ gìn đến cùng, không cam chịu để cơ nghiệp của tổ tiên rơi vào tay của kẻ khác.



Trải qua cuộc vận lộn cam go gian khổ ấy, ý thức của con người :

“Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”

“Lá lành đùm lá rách”...

Càng thấm thía giá trị của lao động và sương máu, càng thiết tha với quê hương. Càng thiết tha với quê hương lại càng thấm thía công lao dựng nước của các Vua Hùng. Hay nói đúng hơn ý thức cộng đồng được vun đắp ở thời Hùng Vương, từ trong gia đình, thân tộc, hàng xóm, láng giềng, rồi cả nước. Ý thức đó đã tạo nên sức mạnh đoàn kết, sức mạnh cộng đồng và nó đã tạo nên sự cố kết làng và nước.

Làng và nước gắn bó mật thiết với nhau, quan hệ khăng khít với nhau. Làng còn nước còn, nhờ có ý thức cộng đồng. Vậy nên trải qua 1000 năm Bắc thuộc, gần 100 năm Pháp thuộc rồi đế quốc Mỹ xâm lược...ta vẫn là ta.

“Bốn ngàn năm ta vẫn là ta”

Sự vĩ đại của các Vua Hùng ở chỗ đã xây dựng nên nền tảng đạo lý của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam ngay từ những ngày đầu dựng nước.

Biết ơn Tổ tiên, thành kính Tổ tiên, chịu giỗ Tổ tiên cùng nhau thờ cúng Tổ tiên. Giỗ Tổ Hùng Vương là sự khẳng định một nền đạo lý Việt Nam. Đó là động lực tinh thần của cả dân tộc Việt Nam. Đạo lý đó, động lực đó đã trở thành lẽ sống, niềm tin cho con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam và trở thành sức mạnh vô địch của cộng đồng Việt Nam, đưa dân tộc Việt Nam vững vàng tiến vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên của trí tuệ, niềm tin, công bằng và văn minh hạnh phúc.



GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG THEO DÒNG LỊCH SỬ

(Bài đăng báo Phú Thọ số 537 ngày 20 tháng 4 năm 2007)

1. Dân ta có truyền thống tổ chức giỗ tổ Hùng Vương vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm.

Giỗ Tổ Hùng vương là ngày giỗ quan trọng nhất của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Đây không chỉ là ngày giỗ của một gia tộc, một dòng họ, một làng một xã, một vùng mà là ngày giỗ Cụ Tổ chung của cả nước.

Hoạt động tổ chức lễ hội Đến Hùng nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, biết ơn sâu sắc các Vua Hùng cùng các bậc tiền nhân đã có công dựng nước. Ghi nhớ và tôn vinh công lao to lớn của tổ tiên và cội nguồn dân tộc là một ý thức đạo đức, là bổn phận của mỗi người; niềm tin vào tổ tiên và sức mạnh của dân tộc là điểm tựa tinh thần rất thiêng liêng. Trong tâm thức của nhân dân từ bao đời nay Vua Hùng là vị Vua Thủy Tổ của cả nước, là tổ tiên của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Trong đời sống tâm linh của người Việt Nam, Vua Hùng có một vị trí đặc biệt linh thiêng và sâu sắc.

Theo dòng lịch sử ngày giỗ tổ Hùng Vương dù được tổ chức dưới hình thức sơ khai nhất cũng đã cách ngày nay 2000 năm có lẽ. Bắt đầu từ An Dương Vương – Thục Phán dựng cột đá trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh để thế: “Nguyện có đất trời lồng lộng chứng giám nước Nam được trường tồn lưu ở miếu Tổ Hùng Vương, xin đời



đời trông nom lăng miếu họ Hùng và giữ gìn giang sơn đất nước mà Hùng Vương trao lại; nếu nhạt hèn, sai thể sẽ bị gió giăng, búa đập”

Thời Hồng Đức Hậu Lê, năm 1470; bằng việc Hàn lâm viện, Trục học sĩ Nguyễn Cổ soạn “Ngọc phả cổ truyền về mười tám chi đời Thánh Vương Triều Hùng” thì vị thế đền Hùng thờ các Vua Hùng được xác lập vững vàng trên nền tảng pháp lý của nhà nước quân chủ phong kiến Việt Nam.

Đầu thế kỷ thứ XX, dưới triều Nguyễn, năm 1917 Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch hàng năm được chính thức hóa bằng pháp luật, thay vì ý thức hệ tâm linh và truyền thống văn hóa dân tộc:

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ mồng mười tháng ba”

Sau cách mạng tháng 8/1945, ngày 18 tháng 02 năm 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 22/SL cho công chức nghỉ ngày 10/3/ âm lịch hàng năm để tham gia tổ chức các hoạt động Giỗ Tổ Hùng Vương - hướng về cội nguồn dân tộc. Trong ngày Giỗ Tổ năm Bính Tuất 1946 Cụ Huỳnh Thúc Kháng – quyền Chủ tịch nước đã dâng một tấm bản đồ tổ quốc Việt Nam cùng một thanh gươm quý nhằm cáo với Tổ tiên về đất nước bị xâm lăng và cầu mong Tổ tiên phù hộ cho quốc thái dân an, thiên hạ thái bình, cùng nhau đoàn kết, đánh tan giặc xâm lược, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp (1945-1954) đã gây cản trở cho việc thực hiện Sắc lệnh 22/SL; nước chưa bình yên, dân chưa hạnh phúc, công chức chưa được nghỉ lễ trong ngày Giỗ Tổ Hùng Vương.

Ngày 02/04/2007 Quốc hội khóa XI (kỳ họp thứ 11) đã thông qua luật sửa đổi, bổ sung điều 73 của Bộ Luật Lao động: Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong ngày Giỗ



Tổ Hùng Vương. Ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm đã trở thành ngày lễ lớn (QUỐC LỄ) mang ý nghĩa bản sắc văn hóa, thể hiện được thần thái QUỐC HỒN của dân tộc. Trong ngày này nhân dân cả nước nói chung và người lao động nói riêng có điều kiện tham gia vào các hoạt động văn hóa thể hiện lòng thành kính tri ân các Vua Hùng đã có công dựng nước và các bậc tiền nhân đã vì dân giữ nước.

Giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức trọng thể tại Đền Hùng thuộc Làng Cổ Tích, Xã Hy Cương Huyện Lâm Thao (nay là xã Hy Cương, thành phố Việt Trì) tỉnh Phú Thọ. Dưới thời phong kiến, năm chẵn do quan Thượng thư bộ Lễ đại diện cho triều đình, năm lẻ do quan Tuần phủ Phú Thọ làm chủ tế, tri huyện Lâm Thao, Phù Ninh làm bồi tế. Dân sở tại Hy Cương được cấp 3 quan tiền và 5 đấu nếp thơm làm lễ vật cúng tế Vua Hùng. Từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay tỉnh Phú Thọ thường xuyên duy trì tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương , có đại diện nhà nước về dâng hương. Năm 1946 cụ Huỳnh Thúc Kháng- Quyền Chủ tịch nước ; năm 2000 đồng chí Nông Đức Mạnh - Chủ tịch Quốc hội; năm 2001 Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải; năm 2010 Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng... đã chủ trì lễ dâng hương trong ngày Giỗ Tổ 10-3 âm lịch

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hai lần về thăm Đền Hùng (19/9/1954 và 19/8/1962). Người căn dặn “Các Vua Hùng đã có công dựng nước- Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Người còn nhắc: “phải chú ý bảo vệ trồng thêm hoa, thêm cây cối để Đền Hùng ngày thêm trang nghiêm và đẹp đẽ, thành công viên lịch sử cho con cháu sau này tới thăm quan”

Các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng như Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Văn Linh, Lê Đức Anh, Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Văn An, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn



Dũng, Nguyễn Phú Trọng ... và nhiều đồng chí khác đã đến đền Hùng từ 4 đến 5 lần để thắp hương tưởng nhớ Tổ tiên và trồng cây lưu niệm trong khu rừng Quốc gia Đền Hùng.

Từ năm 1990 tới nay, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương những năm chẵn (1990, 1995, 2000, 2005) được Đảng và Nhà nước quyết nghị là một ngày lễ lớn/Quốc lễ của đất nước. Nhân dân Việt Nam trên mọi miền đều hành hương về lễ Tổ. Tại các tỉnh thành trong cả nước có 1.417 di tích thờ Vua Hùng và các nhân vật liên quan đến thời đại Hùng Vương đều tổ chức lễ cúng vọng các Vua Hùng và nhiều hoạt động mang chủ đề: Hướng về cội nguồn dân tộc; hướng về đất Tổ Hùng Vương. Nhiều trường học, cơ quan, đơn vị, đường phố, địa phương... được mang tên Hùng Vương. Báo chí đều có số chuyên đề, số chuyên trang để ghi dấu ngày kỷ niệm thiêng liêng này của dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam.

2. Giỗ Tổ Hùng Vương là điểm hội tụ văn hóa tâm linh của dân tộc Việt Nam.

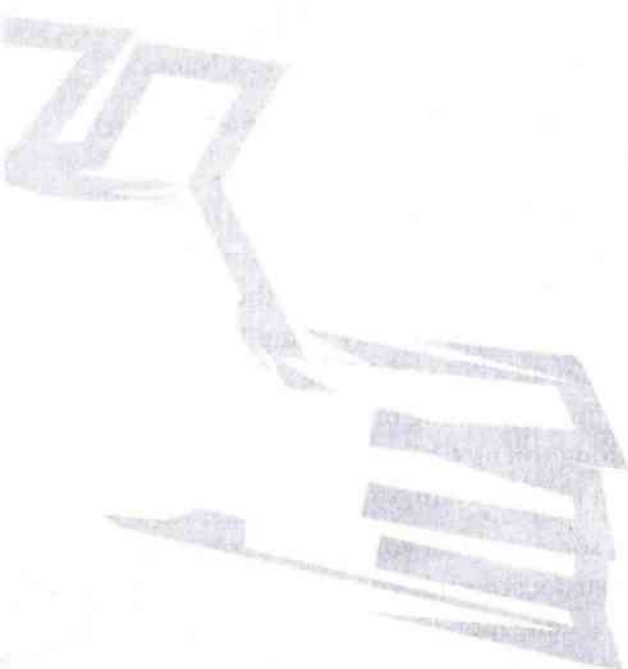
Giỗ Tổ Hùng Vương đã trở thành động lực tinh thần của dân tộc Việt Nam. Sự khẳng định một nền đạo lý Việt Nam, sức mạnh đại đoàn kết cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nói theo cách khác ý thức cộng đồng đã được vun đắp ở thời kỳ Hùng Vương dựng nước, từ trong gia đình, thân tộc láng giềng, làng xóm và mở rộng ra cả nước theo quan hệ huyết tộc: Dòng máu Lạc Hồng, con cháu các Vua Hùng là biểu tượng thiêng liêng nhất, cao cả nhất trong đời sống tâm linh của dân tộc Việt Nam.

Người Việt Nam luôn sống có nghĩa với nhau; có trên có dưới, có xóm có làng, có sau có trước; có nước có nhà, có tổ có tông vv.. Trong sâu thẳm tâm hồn ai cũng luôn quan niệm rằng: con cháu ở đâu ông bà tổ tiên ở đó. Quan niệm đó được hun đúc trong từng người và trong cả cộng đồng. Vì vậy người Việt lập làng ở đâu sẽ



xây đền thờ ở đó, còn cúng giỗ chính phải về nhà trường, nhà tổ; đền thờ gốc.

Hiện nay đồng bào ta khắp mọi miền đất nước, cả người Việt Nam sống ở nước ngoài đều có nguyện vọng được xây đền thờ tổ Hùng Vương. Dù là đền thờ vọng nhưng ai cũng mong muốn ngôi đền có được sinh khí “QUỐC HỒN” trong đó. Vì vậy, nên phong trào hành hương về Đền Hùng viếng Tổ và xin chân hương, xin đất núi Hùng, nước giếng Ngọc và cây con rừng Nghĩa linh đang dần trở thành một phong tục văn hóa riêng biệt – đặc trưng của dân tộc Việt Nam./.





ĐỀN HÙNG BƯỚC THÔNG ĐIỆP VÙNG VĂN HÓA DÂN TỘC

(Bài đăng tạp chí VHTT&TT Vinh Phú năm 1993)

Việt Nam dân tộc có những truyền thống vô cùng tốt đẹp. Một trong những truyền thống ấy là ân nghĩa thủy chung, uống nước nhớ nguồn. Thờ cúng Tổ tiên là một biểu hiện truyền thống đặc trưng trong ý thức của con người Việt Nam, ý thức văn hóa về cội nguồn dân tộc.

Từ thừa xa xưa ông cha ta đã luôn ý thức rằng “Uống nước nhớ nguồn” là đạo lý, là lối sống và là nhân cách của mỗi con người, ý thức cội nguồn đã bám sâu, bám chặt trong tâm hồn Việt Nam.

Khu vực Đền Hùng là khu di tích tưởng niệm Tổ tiên được hình thành sớm trong lịch sử dân tộc. Theo những tư liệu nghiên cứu khảo cổ, lịch sử, dân tộc, địa lý, ngôn ngữ... Đền Hùng được hình thành như sau: Thừa xa xưa, buổi đương thời các Vua Hùng đã đến đây tiến hành tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp thời cổ: thờ thần mặt trời, thần núi, thần lửa, thờ vật tổ...; khi các Vua Hùng qua đời con cháu lập đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương. Từ ý nghĩa lịch sử đó đền Hùng đã trở thành đền thờ Tổ, không phải tổ riêng của một dòng họ, một làng, một gia đình mà là tổ của cả nước, cả dân tộc, cả cộng đồng Việt Nam. Ngày giỗ Tổ Hùng Vương và lễ



hội Đền Hùng thực sự trở thành một bức tranh toàn cảnh về văn hóa tâm linh trong xã hội Việt Nam đương đại. Đó là một trong những nét đặc trưng độc đáo của đời sống văn hóa tinh thần người Việt. Tìm về cội nguồn để biết ơn các vị Thủy Tổ đã có công khai sáng, mở nước cho đời đời con cháu mai sau.

Việc nhớ ơn Tổ tiên, nhớ ơn Tổ Hùng đã trở thành triết lý chính trị, triết lý nhân văn và cũng là triết lý vẹn toàn của con người Việt Nam:

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mùng 10 tháng 3

Khắp miền truyền mãi câu ca

Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm”

Theo cuốn Hùng đồ thập bát diệp thánh vương ngọc phả cổ truyền do Hàn lâm viện, Trục học sỹ Nguyễn Cổ soạn năm 1470 có đoạn viết: “phụng ban hương Trung Nghĩa (Cổ Tích) làm dân trưởng tạo lệ, cấp năm trăm mẫu ruộng tại xã Hy Cương, lại cho thu thuế ruộng một vùng, trên từ Tuyên Quang, Hưng Hóa, dưới đến Việt trì làm hương hòa phụng thờ”.

Thăm đền Hùng, viếng mộ Tổ đã trở thành tập quán tốt đẹp cổ truyền của dân tộc Việt Nam. Trải qua nhiều thế kỷ, thăm viếng mộ Tổ Hùng Vương đã thực sự trở thành phong tục văn hóa của con người Việt Nam tồn tại trong nhân dân mang ý nghĩa lịch sử, xã hội sâu sắc. Đó là một dấu ấn lịch sử, nơi hội tụ cội nguồn của văn hóa văn minh dân tộc. Đó còn là phong tục sinh hoạt xã hội, có ý nghĩa giáo giục truyền thống cho các thế hệ mai sau, là bức thông điệp bản sắc văn hóa vùng trung du Đất Tổ.

Theo truyền thuyết lịch sử thì Vua Hùng thứ 18 vì không có con trai nên đã nhường ngôi Vua cho Thục Phán theo lời khuyên của Tản Viên. Thục Phán lên ngôi đem lòng cảm kích dựng cột đá thể

trên đỉnh núi Nghĩa cường, nguyện muôn đời bảo vệ giang sơn gấm vóc mà Hùng Vương trao lại và đời đời hương khói tại lăng miếu họ Hùng. Từ đó tới nay thăm viếng Đền Hùng đã thành tập quán tốt đẹp, là việc làm có nghĩa cử của mỗi người dân nước Việt Nam. Ngọc phả Hùng Vương soạn đời Hồng Đức Hậu Lê có đoạn viết: “từ đời nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý, nhà Trần rồi đến triều đại ta bây giờ là Hồng Đức Hậu Lê vẫn cùng hương khói trong ngôi đền ở làng Trung Nghĩa (Cổ Tích); ở đây nhân dân toàn quốc đều đến lễ bái để tưởng nhớ công lao của đấng Thánh Tổ xưa”

Như vậy trong thời đại phong kiến các vương triều luôn luôn coi trọng việc tế lễ vua Hùng và xem đó như một việc hệ trọng của cả nước.

Từ khi cách mạng tháng 8/1945 thành công đến nay, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều tổ chức dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng vào ngày 10/3 âm lịch hàng năm theo nghi thức Nhà nước.

Năm 1946 cụ Huỳnh Thúc Kháng quyền chủ tịch Nước đã tới dự lễ tưởng niệm các Vua Hùng. Các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước; Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười... và nhiều đồng chí lãnh đạo các bộ, ngành ở trung ương đã đến thăm viếng mộ Tổ Hùng Vương.

Nhiều năm nay Giỗ Tổ Hùng Vương và ngày lễ tưởng niệm các Vua Hùng do Bộ trưởng Bộ Văn Hóa thông Tin và Chủ tịch UBND tỉnh đồng chủ trì, nhân dân cả nước hàng ngày nô nức cùng nhau đến thăm viếng mộ Tổ.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, xu hướng mỗi năm một đông hơn, nhiều hơn lượt đồng bào về thăm viếng mộ Tổ Hùng Vương. Người Việt Nam sống xa tổ quốc, khách nước ngoài đến Đền Hùng ngày càng nhiều hơn. Mấy



năm gần đây ước chừng mỗi năm có khoảng 50 đến 80 vạn lượt người về thăm viếng đền Hùng.

Giỗ tổ Hùng Vương được Nhà nước tổ chức chu đáo, trang nghiêm, trọng thể, đạt hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Với mục đích giáo dục lòng yêu nước và truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” nội dung hội Đền Hùng ngày càng được tổ chức thêm phong phú. Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương đã đi vào ký ức của con người Việt Nam.

Bằng ý thức và trách nhiệm đối với Tổ tiên, nhiều năm qua Bộ Văn Hóa thông tin và UBND tỉnh Vĩnh Phú đã từng bước khảo sát quy hoạch và tôn tạo di tích, trồng rừng sinh cảnh, làm đường, xây dựng hồ nước, mở mang các hoạt động du lịch và dịch vụ, xây dựng nhà bảo tàng... theo hướng xây dựng Đền Hùng thành một công viên lịch sử quốc gia để phục vụ nhân dân, các đoàn khách quốc tế, đồng bào Việt Nam đang sống xa Tổ quốc về thăm viếng mộ Tổ, thăm Đền Hùng. Đề án quy hoạch tổng thể khu di tích lịch sử đền Hùng đang được UBND tỉnh Vĩnh Phú phối hợp với Bộ văn hóa thông tin và các ngành liên quan đệ trình lên Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Công việc tôn tạo, tu bổ phát huy tác dụng khu di tích lịch sử Đền Hùng hiện tại và tương lai đang đòi hỏi trí lực, tài lực và công đức của nhiều người, nhiều tổ chức đoàn thể, bạn bè quốc tế để từng bước hoàn thiện các công trình văn hóa trong khu di tích theo đề án quy hoạch tổng thể.

Hy vọng trong tương lai gần, quy hoạch tổng thể được phê duyệt và đền Hùng từng bước được xây dựng đáp ứng lòng mong mỏi của đồng bào cả nước, xứng đáng là cái nôi của dân tộc Việt Nam. Đền Hùng vùng văn hóa dân tộc đặc sắc sẽ trở thành bức thông điệp gửi tới các thế hệ mai sau một triết lý vẹn toàn của dân tộc Việt Nam: “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây”./.



VỀ THẾ CHÍ 18 CHI ĐỜI HÙNG VƯƠNG DỰNG NƯỚC

(Bài đăng báo Phú Thọ số 823 ngày 13 thán 10 năm 2012).

Với sự ra đời của bản “Ngọc Phả cổ truyền về 18 chi đời Thánh Vương Triều Hùng” thời Vua Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức Hậu Lê (1470- 1497) do Hàn lâm viện - Trục học sỹ Nguyễn Cổ biên soạn đã cung cấp cho muôn đời con Lạc - cháu Hồng một niềm tự hào, một sự khẳng định: Vua Hùng dựng nước Văn Lang truyền được 18 chi đời, đóng đô ở trung tâm Bộ Văn Lang (thành phố Việt Trì ngày nay).

Tuy nhiên, hiện tại vẫn có nhiều người còn nghi hoặc về thế chí của 18 chi đời Hùng Vương dựng nước. Bài viết này tóm lược nội dung một số văn tự để cung cấp cho người đọc có thêm tư liệu hiểu được rõ ràng hơn, đầy đủ hơn về 18 chi đời Hùng Vương dựng nước:

1. Thư tịch đình làng Hà Lộc, xã Hà Lộc (thị xã Phú Thọ): viết năm Thiên Phúc nguyên niên, tức năm thứ nhất Vua Lê Đại Hành (năm 980). Học viện Viễn Đông Bác Cổ chép lại năm 1943, hiện được lưu giữ trong kho sách thần tích của Viện nghiên cứu Hán Nôm tại Hà Nội (số liệu AE 9a/27)

2. Thư tịch đình làng Văn Luông (xã Văn Phú, TP. Việt Trì - bản chép tay lưu tại Ban quản lý di tích đình Văn Luông).



3. Thần tích xã Hy Cương, tổng Chu Hóa, huyện Sơn Vi, phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ: hiện được lưu giữ trong kho sách thần tích của Viện nghiên cứu Hán Nôm tại Hà Nội (số hiệu EA9/25)

Sau khi nghiên cứu, đối chiếu những nội dung được chép trong 3 thư tịch nêu trên chúng tôi nhận thấy:

* Thứ nhất: Cả 3 văn bản đều cùng được ghi chép dưới thời Vua Lê Đại Hành và đều có chung dòng lạc khoản của năm viết là ngày 25 tháng Giêng, niên hiệu Thiên Phúc nguyên niên (Năm 980).

* Thứ hai: Các thư tịch trên đều có sự ghi chép tương đối thống nhất về các chi đời Hùng Vương, gồm:

+ Thế chi của mỗi chi.

+ Thời gian ở ngôi

+ Cung phi, con, cháu, chất

+ Miếu hiệu của từng chi.

+ Mỹ tự truy phong của người đời sau cho mỗi chi.

* Thứ ba: Việc truyền ngôi của Hùng Vương được trải dài suốt 18 chi đời Thánh Vương Triều Hùng (bắt đầu từ năm Nhâm Tuất-2879 Tr.CN). Cụ thể như sau:

- Kinh Dương Vương (Chi thứ nhất – Chi Càn) tên húy là Lộc Tục, ở ngôi 86 năm (từ 2879-2794 Tr.CN). Vua sinh con trưởng là Lạc Long Quân . Kinh Dương Vương có 6 cung phi, sinh 24 hoàng tử và 20 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 36 chi, sinh 596 chất. Vua cai trị các chư hầu trong thiên hạ luôn cảm phục, bách man bốn phương đến làm khách, thuần phong mỹ tục hòa hợp; quần phương tám cõi cùng hưởng phúc thái bình, trong nước không thu thuế khóa, dân không dổi trá.

- Lạc Long Quân tức Hùng Hiền Vương (chi thứ hai – chi Khâm), tên húy là Sùng Lãm, ở ngôi 269 năm (từ 2793-2525 Tr.CN). Hiền Vương lấy con gái của Đế Lai, tên là Âu Cơ, trở về



ở núi Nghĩa Lĩnh, sinh một bọc trăm trứng, nở ra điểm tốt trăm người con trai, làm chủ nước Văn Lang, là thủy tổ của Bách Việt. Hùng Hiền Vương có hoàng tôn miêu duệ gồm 170 chi, sinh 3.599 cháu, chất. Vua trị nước, đều có thiên khí, đại bảo, thần tài hỗ trợ, là việc xưa nay hiếm thấy. Sinh ra trăm hoàng vương, cai trị các khu vực trong nước, mỗi người cát cứ một phương, định làm bách tính, một nhà lưu truyền liệt thánh.

- Hùng Quốc Vương (chi thứ ba – Chi Cấn), tên húy là Lân Lang, ở ngôi 282 năm (từ 2524- 2253 Tr.CN). Vua hiển liệt cùng các tôn thần, hội họp tại điện, là một trong 50 vương theo mẹ trở về rừng phân trị trong nước, nối dựng cơ đồ, mạch nước dài lâu. Hùng Quốc Vương có 12 cung phi, sinh được 33 hoàng tử, 18 công chúa, con trưởng Hùng Hoa Vương nối ngôi báu; có 51 chi, 900 cháu chất. Vua trị nước, thăng tiến giữa ban ngày, hóa sinh bất diệt.

- Hùng Hoa Vương (chi thứ tư – Chi Chấn), tên húy là Bửu Lang, ở ngôi 334 năm (từ 2252-1918 Tr.CN). Vua hóa sinh bất diệt, thành kim tiên thượng giác, ở nơi ngọc khuyết, cai quản tam thiên tiên chúa. Sinh con trưởng là Hy Vương nối theo ngôi báu. Hùng Hoa Vương có 24 cung phi, sinh được 49 hoàng tử, 20 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 59 chi, cộng 1.591 cháu chất. Bấy giờ vua cai trị thiên hạ, bách tính thần dân không phải nộp thuế, không cần phải động binh, chỉ lấy việc nông tang làm gốc, bốn phương giàu có, thiên hạ hùng cường .

- Hùng Hy Vương (chi thứ năm – Chi Tốn), tên húy là Bảo Lang, ở ngôi 204 năm (từ 1917 – 1713). Sinh con trưởng là Hồn Vương, truyền ngôi cai trị. Hùng Hy Vương có 36 cung phi, sinh được 12 hoàng tử, 9 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 61 chi, với 1600 cháu chất. Vua cai trị, thiên hạ hưởng thái bình, dân không già đối. Việc binh, hộ cứ theo triều trước mà noi gương.

- Hùng Hồn Vương (chi thứ sáu – Chi Ly) tên húy là Long Tiên



Lang, ở ngôi 80 năm (từ 1712- 1632). Sinh con trưởng Chiêu Vương, truyền đời cai trị. Hùng Hồn Vương có 48 cung phi, sinh được 33 hoàng tử, 19 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 52 chi, sinh 699 cháu chắt. Vua trị nước, tuân theo phép độ của tiền vương. Bấy giờ lập đàn cầu đảo trời, lòng người không thuận, sửa lễ đối trá, quần thần dèm pha, trời sinh giặc Ân xâm lược ở phía Bắc.

- Hùng Chiêu Vương (chi thứ bảy – Chi Khôn) tên húy là Quốc Lang, ở ngôi 200 năm (từ 1631- 1432). Vua lấy bà Năng Thị Tiêu ở núi Tam Đảo, lập làm hoàng phi. Sinh con trưởng là Vĩ Vương, truyền vương cai trị. Hùng Chiêu Vương có 60 cung phi, sinh được 23 hoàng tử, 36 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 59 chi, sinh 750 cháu chắt. Bấy giờ vua cai trị, thiên hạ thái bình, chư hầu phục tùng, dân không cướp trộm, không thu thuế ruộng đất.

- Hùng Ninh Vương (chi thứ tám – Chi Đoài) tên húy là Văn Lang, ở ngôi 100 năm (từ 1431-1332 Tr.CN). Sinh con trưởng Định Vương, truyền vương cai trị. Hùng Ninh Vương có 29 cung phi, sinh được 31 hoàng tử, 16 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 47 chi, với 579 cháu chắt. Vua trị nước, thiên hạ thái bình, dân đình theo cựu lệ.

- Hùng Định Vương (chi thứ chín – Chi Giáp) tên húy là Chân Nhân Lang, ở ngôi 80 năm (từ 1331 – 1252). Sinh con trưởng Uy Vương, nối ngôi giữ nước. Hùng Định Vương có 46 cung phi, sinh được 33 hoàng tử, 9 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 42 chi, có 519 cháu chắt. Vua trị vì thiên hạ thái bình, người dân theo cựu lệ nộp thuế, nhập vào công khố.

- Hùng Uy Vương (chi thứ mười – Chi Ất) tên húy là Hoàng Long Lang, ở ngôi 90 năm (từ 1251 – 1162). Sinh con trưởng Trinh Vương, truyền vương cai trị. Hùng Uy Vương có 40 cung phi, sinh được 29 hoàng tử, 30 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 59 chi, với 434 cháu chắt. Vua cai trị thiên hạ, bốn biển thanh bình, dân đình theo cựu lệ, nộp tiền nhập vào công khố.



- Hùng Trinh Vương (chi thứ mười một – Chi Bính) tên húy là Hưng Đức Lang, ở ngôi 107 năm (từ 1161 – 1055). Sinh con trưởng Vũ Vương lên nối ngôi, truyền vương cai trị. Hùng Trinh Vương có 36 cung phi, sinh được 46 hoàng tử, 18 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 64 chi, có 490 cháu chắt. Vua trị nước, ngoại nội yên vui, không dùng giáo giáp, tiền thu được nhập vào công khố.

- Hùng Vũ Vương (chi thứ mười hai – Chi Đinh) tên húy là Đức Hiền Lang, ở ngôi 80 năm (từ 1054- 969 Tr.CN). Sinh con trưởng Việt Vương lên nối ngôi, truyền đời cai trị. Hùng Vũ Vương có 25 cung phi, sinh được 50 hoàng tử, 6 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 50 chi, với 305 cháu chắt. Vua trị vì, thiên hạ thanh bình, chư hầu trong nước cảm phục, thuế suất đinh nộp nhập vào công khố.

- Hùng Việt Vương (chi thứ mười ba – Chi Mậu) tên húy là Tuấn Lang, ở ngôi 114 năm (từ 968- 854 Tr.CN). Sinh con trưởng Anh Vương lên nối ngôi, truyền đời giữ nước. Hùng Việt Vương có 31 cung phi, sinh được 27 hoàng tử, 30 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 67 chi, sinh cháu chắt được 541 người. Vua trị nước, thiên hạ thái bình, dân không giả dối. Đinh mỗi suất nộp tiền 1 mạch, nhập công khố.

- Hùng Anh Vương (chi thứ mười bốn – Chi Kỷ), tên húy là Viên Lang, ở ngôi 99 năm (từ 853- 755 Tr.CN). Sinh con trưởng Triệu Vương lên nối ngôi, truyền đời vương cai trị. Hùng Anh Vương có 8 cung phi, sinh được 18 hoàng tử, 20 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 40 chi, với 309 cháu chắt. Vua trị nước, thiên hạ thái bình, bốn phương yên ổn, dân đinh mỗi suất nộp tiền thuế 1 thạch, nhập vào công khố.

- Hùng Triệu Vương (chi thứ mười lăm – Chi Canh), tên húy là Cảnh Chiêu Lang, ở ngôi 94 năm (từ 754- 661 Tr.CN). Sinh con trưởng Tạo Vương lên nối ngôi, truyền đời vương cai trị. Hùng Triệu Vương có 60 cung phi, sinh được 40 hoàng tử, 60 công chúa, hoàng tôn miêu duệ gồm 56 chi, với 399 cháu chắt.



Vua trị nước, thiên hạ thái bình, mỗi suất đình nộp tiền 18 văn, nhập vào công khố.

- Hùng Tào Vương (chi thứ mười sáu – Chi Tân), tên húy là Đức Quân Lang, ở ngôi 92 năm (từ 660- 569 Tr.CN). Sinh con trưởng Nghị Vương lên nối ngôi, truyền các đời vương cai trị. Hùng Tào Vương có 29 cung phi, sinh được 30 hoàng tử, 7 công chúa, hoàng tôn miếu duệ gồm 37 chi, với 319 cháu chắt. Vua trị quốc, thiên hạ thái bình, trăm họ giàu sang phú quý, mỗi suất đình nộp tiền 1 mạch, nộp tại công khố.

- Hùng Nghị Vương (chi thứ mười bảy – Chi Nhâm), tên húy là Bảo quang Lang, ở ngôi 160 năm (từ 568- 409 Tr.CN), thọ 217 tuổi. Sinh con trưởng Duệ Vương lên nối ngôi, truyền các đời vương cai trị. Hùng Nghị Vương có 39 cung phi, sinh được 20 hoàng tử, 15 công chúa, hoàng tôn miếu duệ gồm 37 chi, với 291 cháu chắt. Vua trị nước, giữ gìn hồng phúc dài lâu, người dân không phải như bấy cáo chuột. Dân đình mỗi suất nộp tiền 3 mạch, giao tại công khố, ruộng 1 mẫu thu thuế 10 văn, 50 suất đình chọn 01 suất lính.

- Hùng Duệ Vương (chi thứ mười tám – Chi Quý), tên húy là Huệ Lang, ở ngôi 150 năm (từ 408- 258 Tr.CN). Vua cùng với rể hiền Tản Viên thắng thiên giữa ban ngày ở thượng điện, biến thành tiên, hóa sinh bất diệt, tung tích vạn cổ, đứng đầu Thánh vương, Thiên vương tối linh thượng đẳng bách thần. Truyền các đời vương cai trị. Ban đầu truyền ngôi cho con trưởng là Kinh Vương cai trị được 6 năm thì ốm chết. Vua truyền ngôi tiếp cho Tản Viên Sơn, chế định thiên hạ. Được 10 năm, cha con đồng lòng hóa thành thượng tiên chính giác, đại pháp thần thông, làm người tiên thiên vạn cổ bất diệt, rồi nhường ngôi cho Thục An Dương Vương, cũng là tôn diệt Hùng Vương, là tông phái của hoàng đế triều trước, là cháu mười sáu đời làm Bộ chúa Phụ đạo.

Hùng Duệ Vương có 100 cung phi. Sinh được 20 hoàng tử, 6 công chúa, hoàng tôn miếu duệ gồm 21 chi, với 194 cháu chắt. Việc



trị nước đến lúc cáo chung, cơ đồ nhà Hùng mặt vắn, 20 hoàng tử cùng 4 công chúa đều chết sớm, chỉ còn hai người: một người là My Nương Tiên Dung công chúa gả cho Chử Đồng Tử; một người là My Nương Ngọc Hoa công chúa gả cho Tản Viên Sơn Thánh. Vua Hùng Duệ Vương và Tản Viên Sơn Thánh, cùng hóa thành tiên bất diệt, xưa nay thực đáng là bậc minh vương đại thánh, đời sau không ai sánh kịp.

Trở lên tính trong 18 chi đời, các Vua Hùng đã truyền ngôi Thánh Vương cho 180 đời kế vị. Tổng cộng các năm của 18 chi đời Thánh Tổ Hùng Vương là 2.622 năm, sinh được 1.007 chi; các hoàng tử, công chúa sinh được 14.115 cháu, chắt. Núi sông quy về một mối, kiến lập được 122 thành điện. Miếu hiệu Hùng Vương Thánh Tổ, phụng thờ khắp đầu non góc biển trong biên cõi cả nước, vạn cổ trường tồn, mãi mãi không bao giờ dứt./.



BƯỚC ĐẦU KIỂM KÊ CÁC DI TÍCH THỜ VUA HÙNG TRONG CẢ NƯỚC

(*Tạp chí VHTT Phú Thọ. Số tháng 3 năm 2006*)

Giỗ Tổ Hùng Vương là ngày Giỗ quan trọng nhất của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Đây không chỉ là ngày giỗ của 1 gia tộc, 1 dòng họ, 1 làng, 1 xã, 1 vùng mà là ngày giỗ Ông Tổ chung của cả nước, cả dân tộc Việt Nam.

Giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức trọng thể hàng năm vào ngày mồng 10 tháng 3 Âm lịch tại Đền Hùng thuộc làng Cổ tích, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Dưới thời phong kiến, năm chẵn do quan Thượng thư Bộ lễ đại diện cho triều đình, năm lẻ do quan Tuần phủ Phú Thọ làm chủ tế. Tri huyện Lâm Thao, Phù Ninh làm bồi tế. Dân sở tại Hy Cương được cấp 3 quan tiền và 5 đấu gạo nếp thơm làm lễ vật cúng tế Vua Hùng. Từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay, tỉnh Phú Thọ chủ trì tổ chức Giỗ Tổ, có đại diện Nhà nước về dâng hương. Năm 1946 cụ Huỳnh Thúc Kháng - Quyền Chủ tịch nước; năm 2000 đ/c Nông Đức Mạnh - Chủ tịch Quốc hội; năm 2001 Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải; năm 2010 Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng ... đã chủ trì lễ dâng hương trong ngày Giỗ Tổ 10/3 Âm lịch. Chủ tịch Hồ

Chí Minh đã 2 lần về thăm Đền Hùng (19/9/1954 và 19/8/1962). Người căn dặn: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước - Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Các đ/c lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước như Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Văn Linh, Lê Đức Anh, Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Văn An, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Minh Triết, Trương Tấn Sang ... và nhiều đ/c khác đã đến Đền Hùng từ 1 đến 3 - 4 lần để thắp hương tưởng nhớ Tổ tiên.

Từ năm 2000, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương được Chính phủ xác định là 1 trong những ngày lễ lớn của đất nước. Nhân dân Việt Nam trong cả nước đều hành hương về lễ Tổ. Tại các tỉnh, thành phố; người Việt Nam đều cúng vọng Các Vua Hùng. Báo chí đều có chuyên trang, có số chuyên đề để đánh dấu ngày kỉ niệm thiêng liêng này của dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam.

Trong 5 năm (2001 - 2005) Sở Văn hóa thông tin Phú Thọ đã phối hợp với Cục văn hóa cơ sở; các bảo tàng và Ban quản lý di tích một số tỉnh, thành trong cả nước điều tra, khảo sát, kiểm kê bước đầu các di tích thờ Vua Hùng, vợ con, tướng lĩnh thời Các Vua Hùng dựng nước.

Tính tới tháng 12/2005 số lượng di tích đã khảo sát điều tra được là 1.417 di tích. Phân bố tại các tỉnh như sau:

- Tỉnh Phú Thọ	326 di tích
- Tỉnh Vĩnh Phúc	62 di tích
- Tỉnh Hà Tây	364 di tích
- Thành phố Hà Nội	161 di tích
- Tỉnh Hưng Yên	60 di tích
- Tỉnh Hải Dương	40 di tích
- Tỉnh Bắc Ninh	168 di tích



- Tỉnh Thái Nguyên	11 di tích
- Tỉnh Bắc Giang	39 di tích
- Thành phố Hồ Chí Minh	14 di tích
- Tỉnh Thừa Thiên Huế	1 di tích
- Tỉnh Đồng Nai	2 di tích
- Tỉnh Lâm Đồng	2 di tích
- Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1 di tích
- Tỉnh Hà Nam	143 di tích
- Tỉnh Nghệ An	8 di tích
- Thành Phố Hải Phòng	14 di tích
- Tỉnh Khánh Hòa	1 di tích.
- Tỉnh Kiên Giang	1 di tích.
*Cộng:	1.417 di tích

Như vậy số lượng di tích được khảo sát, kiểm kê đã tăng gấp hơn 19 lần các di tích thờ Hùng Vương thời Hậu Lê. Theo “Nam Việt thần kỳ hội lục” của Bộ Lễ soạn năm Cảnh Hưng thứ 24 (1763) thì thời Hậu Lê cả nước có 73 làng đó lập đền thờ Vua Hùng; hầu hết các làng này đều nằm trong vùng địa lý của kinh đô Văn Lang xưa.

Cụ thể là: huyện Sơn Vi, trấn Sơn Tây: 6 địa điểm; huyện Phù Ninh: 50 địa điểm; huyện Bạch Hạc: 1 địa điểm; huyện Yên Sơn: 1 địa điểm; huyện Thanh Ba: 14 địa điểm và huyện Lập Thạch: 1 địa điểm.

Trong số 73 địa điểm thờ Vua Hùng trên - Bộ lễ còn quy định đền thờ chính tại xã Hy Cương, huyện Sơn Vi, xứ Sơn Tây. Có 12 làng được ban sắc phong; 61 làng chưa được ban sắc phong.

Ngày nay nhu cầu của nhân dân các địa phương có di tích thờ vọng Vua Hùng, vợ con, tướng lĩnh thời Hùng là được tổ chức lễ

Giỗ Tổ Hùng Vương trùng thời điểm và chung nghi thức với việc tổ chức lễ dâng hương tại Đền Thượng, khu di tích lịch sử Đền Hùng hàng năm.

Có thể xem việc Tín ngưỡng thờ Vua Hùng là cả 1 hệ thống. Giỗ Tổ Hùng Vương và lễ hội Đền Hùng là tóm điểm được tổ chức trên quê hương Đất Tổ. Song song với sự chính thống thờ Các Vua Hùng tại Đền Hùng với tư duy chuyên nhất “con cháu ở đâu - Tổ Tiên ở đó”, nhân dân ta ở khắp mọi miền đất nước đều lập đền thờ Tổ Hùng Vương; thờ Kinh Dương Vương; Lạc Long Quân; Âu Cơ; cộc vị anh em với Vua Hùng cùng trong một bọc sinh ra “đồng bào” được nhân dân nhiều xã trong vùng đồng bằng Bắc bộ thờ làm Thành hoàng làng. Rồi đến con cháu Vua Hùng: điển hình là Sơn Tinh, Tản Viên, Ngọc Hoa, Tiên Dung - Chử Đồng Tử ... đến ngay cả các tướng lĩnh thời Hùng như Thánh Dóng, Cao sơn, Quý Minh ... cũng đều được suy tôn là các bậc thánh thần để thờ tự. Ngày nay đồng bào ta không riêng chỉ đến Đền Hùng để thờ cúng Tổ Tiên mà còn đến với các di tích lịch sử khác, tham dự các lễ hội ấy để tưởng nhớ tới các vị thánh, thần cũng là đồng thời với việc tri ân công đức Các Vua Hùng.

Việc kiểm kê, hệ thống hoá các di tích thờ Vua Hùng; vợ con, tướng lĩnh và cộc nhơn vật lịch sử thời Hùng đó góp phần đáng kể giúp cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý chính trị, văn hoá xác định lễ nghi và nghi thức trong ngày Giỗ Tổ Hùng Vương hàng năm trên phạm vi cả nước.

Song song với việc kiểm kê các di tích kiến trúc Sở VH TT & DL còn tổ chức nghiên cứu, điều tra, khảo sát, hệ thống hoá các thần sắc, thần tích, ngọc phả thờ Vua Hùng tại 6 tỉnh phía Bắc, nằm trong vùng địa lý bộ Văn Lang xưa là: Phú Thọ 62 bản; Vĩnh Phúc 21 bản; Hà Tây 74 bản, Hà Nội 46 bản; Bắc Ninh 31 bản; Bắc Giang 11 bản. Cả thảy là: 245 bản. Các bản thần sắc, thần tích, thần phả nói trên đang được Sở phối hợp với Viện nghiên cứu Hán Nôm



cùng một số nhà Hán học tổ chức dịch thuật. Hiện nay toàn bộ các văn tự chữ Hán gồm các hoành phi, đại tự, câu đối, bia ký, ngọc phả Đền Hùng “Hùng đồ thập bát diệp thánh vương ngọc phả cổ truyền” tại khu di tích lịch sử Đền Hùng; các thần tích, thần sắc còn lưu được tại các xã Hy Cương, Chu Hoá, Tiên Kiên (huyện Lâm Thao), xã Phù Lỗ (huyện Phù Ninh); các lệnh chỉ (còn gọi là lệnh đồng trà); tục lệ ... của xã Hy Cương đã được tập hợp, phiên âm, dịch nghĩa, chú giải, thẩm định và hiệu đính đầy đủ một cách khoa học. Tổng số 792 trang gồm 410 trang chữ Hán và 382 trang phiên âm, dịch nghĩa. Đây là 1 tập hợp tư liệu quý nghiên cứu về lịch sử, lễ hội, phong tục và nghi thức thờ cúng Vua Hùng, vợ con, tướng lĩnh thời Hùng. Đó là phần không thể thiếu được trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, giữ gìn truyền thống tốt đẹp trong phong tục tập quán Việt Nam./.



MIỀN ĐẤT TỔ BA DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI

(Bài in báo Phú Thọ số Xuân 2013)

Phú Thọ - Đất Tổ Hùng Vương, đất phát tích của dân tộc Việt Nam. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, vùng đất này hiện đang bảo tồn, phát huy giá trị 1372 di tích lịch sử gồm 161 di tích khảo cổ học, 262 chùa, còn lại là di tích kiến trúc nghệ thuật hoặc dấu vết kiến trúc và các di tích lịch sử cách mạng kháng chiến. Trong số đó (tính đến hết tháng 12 năm 2012) có di tích lịch sử Đền Hùng được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đặc biệt; 73 di tích được xếp hạng quốc gia, 12 di tích lịch sử; 207 di tích kiến trúc nghệ thuật đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Có 260 lễ hội, gồm 223 lễ hội dân gian, 5 lễ hội tôn giáo, 32 lễ hội cách mạng; hiện còn 97 lễ hội được duy trì hoạt động thường niên và mới khôi phục lại; 3 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận là di sản văn hóa của nhân loại là: Di sản văn hóa phi vật thể hát Ca Trù của người Việt năm 2009 (Phú Thọ là 1 trong 15 tỉnh được ghi danh); Hát Xoan Phú Thọ được công nhận tháng 11 năm 2011 là di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp; Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Việt Nam được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại tháng 12 năm 2012. Như vậy trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đang hiện hữu 3 di sản văn hóa thế giới.



1. Ca Trù của người Việt.

Ca Trù có nhiều tên gọi, theo từng địa phương. Có nơi gọi là hát cửa đình, hát ả đào, hát cửa quyền, hát cô đầu, hát nhà tơ, hát nhà trò và hát ca công. Ca Trù là loại hình nghệ thuật có từ lâu đời, độc đáo và có ý nghĩa đặc biệt trong kho tàng âm nhạc Việt Nam; gắn liền với lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, văn chương, âm nhạc, tư tưởng, triết lý sống của người Việt.

Theo đánh giá của UNESCO: “Ca Trù đã trải qua một quá trình phát triển ít nhất từ thế kỷ 15 đến nay; được biểu diễn trong không gian văn hóa đa dạng gắn liền, ở nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Ca Trù thể hiện ý thức về bản sắc và sự kế tục trong nghệ thuật biểu diễn, có tính sáng tạo, được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua các tổ chức giáo phường. Những giáo phường này đã duy trì các cộng đồng có quan hệ mật thiết, tạo nên nét đặc trưng cho Ca Trù. Mặc dù trải qua nhiều biến động của lịch sử xã hội nhưng Ca Trù vẫn có một sức sống riêng bởi giá trị nghệ thuật đối với văn hóa Việt Nam”.

Ca Trù độc đáo ở không gian nghệ thuật riêng, nhạc cụ và thể thơ riêng biệt. Hiện đã sưu tầm, khôi phục được 56 thể cách (gồm thể thức hoặc giai điệu khác nhau); kỹ thuật hát rất tinh tế, công phu như thể ca sỹ nắn nót, trau chuốt từng chữ; nhả chữ, nắn từ. Nhạc cụ được tinh giản với sự tương phản âm sắc đã tôn vẻ đẹp của từng nhân vật (còn gọi là đào và kép) tham gia trình diễn.

Đào ngồi giữa chiếu, vừa hát vừa gõ phách lấy nhịp; kép đệm đàn đáy cho người hát; quan viên ngồi cầm trống trâu (đánh trống).

Theo thống kê của Viện Âm nhạc Việt Nam, Ca Trù hiện còn hoạt động trên địa bàn 14 tỉnh, thành phố là: Hà Nội, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Viện âm nhạc đang lưu giữ được 7



điệu múa và 42 bài bản Ca Trù.; 26 bản Hán Nôm; 25 cuốn sách về Ca Trù của người Việt.

Tỉnh Phú Thọ hiện có 3 câu lạc bộ Ca Trù đang duy trì hoạt động là câu lạc bộ Ca Trù của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, câu lạc bộ Ca Trù thành phố Việt Trì và câu lạc bộ Ca Trù xã Bình Bộ (huyện Phù Ninh). Mỗi câu lạc bộ có trên 10 người tham gia. Bà Phạm Thị Bang hơn 90 tuổi ở xã Bình Bộ, huyện Phù Ninh là người duy nhất được công nhận là Nghệ nhân dân gian Việt Nam (do Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam công nhận năm 2005).

2. Hát Xoan Phú Thọ.

Hát Xoan còn được gọi là Khúc môn đình, Ca môn đình (hát cửa đình), là lối hát thờ thần; tương truyền có từ thời các Vua Hùng. Hát Xoan là loại hình dân ca nghi lễ phong tục, với hình thức nghệ thuật đa yếu tố: có nhạc, hát, múa; thường biểu diễn vào dịp đầu xuân, phổ biến ở vùng Đất Tổ Hùng Vương - Phú Thọ. Hát Xoan Phú Thọ được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp của nhân loại ngày 24 tháng 11 năm 2011.

Theo đánh giá của các chuyên gia thẩm định, hồ sơ Hát Xoan Phú Thọ đã hội đủ các yêu cầu cần thiết của UNESCO để được công nhận là: tính giá trị, tính cộng đồng trong việc sáng tạo và truyền dạy từ đời này qua đời khác; sức sống mạnh mẽ của Hát Xoan cũng như cam kết bảo vệ nghệ thuật này không bị biến mất trong đời sống hiện đại.

Hồ sơ Hát Xoan Phú Thọ là một trong những hồ sơ nhận được sự ủng hộ tuyệt đối của Hội đồng khoa học xét duyệt sơ khảo và được UNESCO đánh giá là hồ sơ tốt nhất trong quá trình xét duyệt.

Theo truyền ngôn thì Hát Xoan có từ thời các Vua Hùng dựng nước, diễn ra vào những ngày đầu xuân, khi có hội hè, đình đám các làng kết nghĩa mời nhau đến hát và chúc xuân.



Hát Xoan có 3 chặng: Hát nghi lễ, hát quả cách và hát giao duyên (hát hội).

- Hát nghi lễ: gồm các bài: Hát chào Vua, mời Vua, Giáo trống, Giáo pháo, Thơ nhang, Đóng đám.

- Hát quả cách: gồm 14 bài (quả là bài; cách là hình thức hát, lối hát): Kiểu giang cách; Nhân ngâm cách; Tràng mai cách; Ngư tiểu canh mục cách; Đối dấy cách; Hồi liên cách; Xoan thời cách; Hạ thời cách; Thu thời cách; Đông thời cách; Tứ mùa cách; Thuyền chèo cách; Tứ dân cách; Chơi dâu cách.

- Hát hội: gồm nhiều bài, hát tự do phóng khoáng, nội dung các bài hát mang tính trữ tình sâu sắc: Thết trâu (còn gọi là Bơm gái); Bò bọ; Xin huê - Đỗ huê; Đỗ chữ; Hát dúm; Cài huê; Mỏ cá...

Theo sử sách ghi lại thì Hát Xoan Phú Thọ đã ra đời từ thời các Vua Hùng dựng nước; tồn tại cho đến ngày nay là di sản văn hóa dân gian đặc sắc của cư dân nông nghiệp vùng Đất Tổ. Trên chặng đường dài của lịch sử, Hát Xoan đã được nhiều thế hệ nối tiếp trao truyền; nhiều người có chức sắc; các nhân sĩ trí thức đã nâng đỡ, tạo điều kiện duy trì, phát triển. Do nguồn gốc của Hát Xoan gắn với những câu chuyện truyền thuyết của thời đại Vua Hùng; các làng Xoan gốc đều là những ngôi làng cổ nằm trên địa bàn trung tâm nước Văn Lang như: Kim Đái, Phù Đức, Thét (xã Kim Đức), An Thái (xã Phương Lâu), thành phố Việt Trì, nên Hát Xoan còn bảo lưu được nhiều yếu tố cổ thuộc tầng sâu của Văn hóa dân gian thời đại bình minh lịch sử dựng nước của dân tộc ta.

Hát Xoan có tổ chức chặt chẽ: Hát Xoan phường, Hát Xoan đoàn và Hát Xoan lễ hội. Phường Xoan là tổ chức văn nghệ làng, phần lớn là những người có quan hệ anh em, họ hàng với nhau. Đứng đầu mỗi phường Xoan là ông Trùm, đồng thời là người dạy nghệ thuật hát múa Xoan và cũng là người quản lý, tổ chức biểu diễn; thành viên của phường là các đào Xoan (thôn nữ dưới 20



tuổi, chưa lấy chồng, xinh đẹp, múa dẻo, hát hay) và các kép Xoan. Trong hát Xoan múa và hát luôn đi cùng, kết hợp với nhau, dùng điệu múa minh họa cho lời ca.

Hát Xoan vừa là sản phẩm văn hóa dân gian đặc sắc, vừa là hiện tượng văn hóa dân gian đặc trưng của vùng Đất Tổ Hùng Vương. Là một loại hình nghệ thuật dân gian cổ truyền phát triển theo phương thức truyền khẩu, truyền ngôn, truyền nghề; có lịch sử lâu đời và có vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa cộng đồng của cư dân nông nghiệp. Người dân Phú Thọ quan niệm rằng: đầu xuân năm mới, đi thắp hương Đền Hùng, thờ cúng tổ tiên; được nghe câu Hát Xoan sẽ mang lại sự nhân đôi những điều may mắn trong suốt cả năm.

Hát Xoan đã vượt qua không gian văn hóa Phú Thọ để đến với cộng đồng các dân tộc Việt Nam và cả nhân loại trên toàn thế giới. Hát Xoan Phú Thọ qua ngàn đời vẫn tiềm tàng sức sống.

3. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Việt Nam.

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú thọ, Việt Nam đã trở thành di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại là niềm tự hào vô hạn của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đây là lần đầu tiên một di sản văn hóa của Việt Nam được vinh danh ở loại hình tín ngưỡng.

Theo đánh giá của UNESCO: Hồ sơ tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Việt Nam đã nêu rõ giá trị của di sản là sự thể hiện lòng tôn kính đối với tổ tiên theo tinh thần “uống nước nhớ nguồn” “ăn quả nhớ người trồng cây”. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã đáp ứng được 5 tiêu chí theo yêu cầu của công ước quốc tế 2003 về di sản văn hóa phi vật thể; trong đó tiêu chí quan trọng nhất là: di sản có giá trị nổi bật mang tính toàn cầu, kích lệ ý thức chung của mọi dân tộc trong việc thúc đẩy giá trị đó. Mặt khác hồ sơ tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú thọ, Việt Nam còn được đánh giá cao về mặt “thực hành tốt nhất trong đời sống xã



hội” thể hiện qua việc thực hành nhuần nhuyễn, trang trọng và bền vững trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, nhất là nhân dân các dân tộc tỉnh Phú Thọ. Ngoài ra tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương còn thể hiện sự liên kết chặt chẽ giữa giá trị văn hóa tâm linh của cả một dân tộc, có chung “đồng bào” từ học trứng mẹ Âu Cơ.

Kết quả kiểm kê bước đầu năm 2005 của Cục Văn hóa Cơ sở thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Phú Thọ, cả nước có 1417 địa điểm có di tích thờ cúng các Vua Hùng, vợ con, tướng lĩnh và các nhân vật lịch sử liên quan đến thời đại Hùng Vương dựng nước.

Qua đó có thể nhận diện được Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương tồn tại và phát triển theo dọc chiều dài của lịch sử dân tộc Việt Nam. Dưới các triều đại phong kiến, thờ cúng Hùng Vương-Giỗ Tổ Hùng Vương-Hội Đền Hùng đã được tất cả các tầng lớp nhân dân đặc biệt quan tâm. Lễ hội Đền Hùng và lễ hội ở nhiều nơi trong cả nước, tại các di tích lịch sử có liên quan đến thờ cúng Hùng Vương đã được chính quyền Nhà nước Trung ương công nhận cấp “Quốc tế” (cấp quốc gia) như: lễ hội Đền Hùng, lễ hội Đền Mẫu Âu Cơ... Vì vậy Giỗ tổ Hùng Vương-Lễ hội Đền Hùng đã được nhà nước hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp đứng ra tổ chức.

Từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay, Đảng, nhà nước ta luôn quan tâm đến bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương.

Theo dòng lịch sử, Giỗ tổ Hùng Vương dù được tổ chức dưới hình thức sơ khai nhất cũng được bắt đầu từ năm 258 trước Công Nguyên, với việc An Dương Vương dựng cột đá thể trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh: “Nguyện có đất trời lồng lộng chứng giám, nước Nam được trường tồn lưu ở miếu Tổ Hùng Vương, xin đời đời trông nom lăng miếu họ Hùng và gìn giữ giang sơn, đất nước mà Hùng Vương trao lại...”

Triều Hồng Đức Hậu Lê năm thứ nhất (1470) cho soạn “Hùng



đồ thập bát diệp Thánh Vương Ngọc phả cổ truyền/ Ngọc phả cổ truyền về 18 chi đời Thánh Vương triều Hùng” đã xác định vị trí độc tôn dựng nước, sinh dân thuộc về các Vua Hùng.

Thời nhà Nguyễn, năm 1917 ngày Giỗ Tổ mừng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm được chính thức hóa bằng pháp luật nhà nước.

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, ngày 18 tháng 2 năm 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 22/SL-CTN cho công chức, viên chức nghỉ ngày mừng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm để tham gia các hoạt động Giỗ Tổ Hùng Vương, hướng về cội nguồn dân tộc.

Năm 2001, Chính phủ ban hành Nghị định số 82/2001/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2001 về Nghi lễ nhà nước, trong đó có quy định chi tiết nghi lễ tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương hàng năm (năm tròn, năm chẵn, năm thường).

Năm 2007, Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua Luật sửa đổi, bổ sung điều 73 của Bộ luật lao động cho phép người lao động được nghỉ làm việc hưởng nguyên lương trong ngày lễ Giỗ Tổ Hùng Vương hàng năm.

Ngày 6 tháng 12 năm 2012 tại phiên họp lần thứ 7 Ủy ban liên Chính phủ của Công ước 2003 về bảo tồn văn hóa phi vật thể (gọi tắt là UNESCO) đã công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Việt Nam” là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ hiện có 326 di tích thờ Vua Hùng và các nhân vật liên quan đến thời đại Hùng Vương ở Việt Nam. Trong đó, huyện Lâm Thao: 46 địa điểm; huyện Phú Ninh: 54 địa điểm; thành phố Việt Trì: 32 địa điểm; thị xã Phú thọ: 11 địa điểm; huyện Đoan Hùng: 20 địa điểm; huyện Hạ Hòa: 9 địa điểm; huyện Cẩm Khê: 38 địa điểm; huyện Tam Nông: 51 địa điểm; huyện Thanh Ba: 23 địa điểm, huyện Thanh Sơn: 27 địa điểm; huyện Yên lập: 15 địa điểm. Trong số các di tích ấy, Đền Hùng là Trung



thực hành nghi lễ tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương lớn nhất và lâu đời nhất ở Việt Nam.

Hiện nay cả nước có 7039 lễ hội dân gian đang tồn tại và được tổ chức hàng năm; riêng ở Phú Thọ có 223 lễ hội dân gian (trong đó có 97 lễ hội được tổ chức và phục dựng tổ chức hàng năm).

Biểu tượng Vua Hùng và Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Việt Nam là hình tượng của một ý thức dân tộc sâu sắc như sự minh triết văn hóa được ông cha ta để lại, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là sợi chỉ điều gắn kết người Việt ở khắp mọi miền đất nước, kể cả người Việt đang sống xa Tổ quốc lại với nhau; góp phần củng cố sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong thời đại ngày nay, đất nước đang từng bước phát triển và từng nhịp hội nhập quốc tế. Kinh tế phát triển; văn hóa tạo nguồn lực để củng cố an ninh, quốc phòng; giữ vững ổn định chính trị; đảm bảo an sinh xã hội... Chúng ta tự hào là 1 tỉnh vinh dự có 3 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Cùng với Đền Hùng là Khu di tích lịch sử văn hóa quốc gia đặc biệt, là trung tâm bảo tồn và thực hành Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương; hàng trăm di tích lịch sử văn hóa trên hàng ngàn di tích đã được xếp hạng quốc gia và cấp tỉnh; hàng trăm lễ hội dân gian được cộng đồng bảo lưu tổ chức sẽ là nguồn lực vô cùng mạnh mẽ để đưa Phú Thọ trở thành 1 tỉnh ổn định về chính trị; phát triển về kinh tế, văn minh trong xã hội; có đời sống văn hóa phát triển; vững mạnh về quốc phòng an ninh; giàu lên từ hoạt động du lịch dịch vụ...

Di sản văn hóa là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta./.



KINH ĐÔ VĂN LANG - THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ VỊ THẾ ĐỊA- CHÍNH TRỊ/VĂN HÓA

(Bài in báo Phú Thọ số 630 ngày 21 tháng 1 năm 2006)

1. Quá khứ

Nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã dày công tìm kiếm để duy danh xác định phạm vi về địa giới hành chính Kinh đô Văn Lang thời đại các Vua Hùng dựng nước. Đây là câu hỏi vô cùng thú vị, bởi đến nay chưa có ai tìm được tấm bản đồ cổ hay dòng địa chí nào ghi chép đầy đủ về địa giới vùng đất này trong lịch sử.

Nếu lấy Đền Hùng làm tâm điểm để kẻ 2 trục tung hoành của đồ thị trong trời đất thì trục tung (Bắc – Nam) có đỉnh điểm Bắc là thị trấn Bãi Bằng, huyện Phù Ninh, đỉnh điểm Nam là phường Bạch Hạc – TP. Việt Trì; còn trục hoành (Đông – Tây) sẽ có Đông đỉnh điểm là sông Lô và Tây đỉnh điểm ở bên bờ sông Thao. Lại từ các đỉnh điểm ấy ta nối thành hình chữ nhật rồi quy chiếu trên bản đồ địa lý hành chính sẽ được phạm vi một vùng đất sơn thủy hữu tình, địa linh nhân kiệt. Vùng đất đó theo các nhà nghiên cứu lịch sử - địa văn hóa và một số nhà “Đền Hùng học” đồ rằng đó chính là cương vực phạm vi kinh đô Văn Lang xưa, thời đại các Vua Hùng.

Sách Việt sử lược, đời nhà Trần (thế kỉ XIII) chép rằng: “Xưa, Hoàng đế dựng muôn nước, lấy Giao Chỉ ở xa ngoài cõi Bách Việt,



không thể thống thuộc được, bèn chia giới hạn ở góc Tây Nam.

Có 15 bộ lạc là: Giao Chỉ, Việt Thường Thị, Vũ Ninh, Quận Ninh, Gia Ninh, Ninh Hải, Lục Hải, Thanh Tuyền, Tân Xương, Bình Văn, Văn Lang, Cửu Chân, Nhật Nam, Hoài Hoan, Cửu Đức.

Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, hiệu là nước Văn Lang, phong tục thuần hậu, chất phác, chính sự dùng lối kết nút. Truyền được 18 đời đều gọi là Hùng Vương”.

(Việt sử lược – Bản dịch tiếng Việt năm 1960 – Tr.13)

Thế kỷ XV, Ngô Sĩ Liên chép trong Đại Việt sử ký toàn thư: “Hùng Vương lên ngôi, đặt quốc hiệu là Văn Lang (nước này đông giáp biển Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc đến hồ Động Đình, nam giáp nước Hồ Tôn tức Chiêm Thành – nay là Quảng Nam), chia nước làm 15 bộ..., bộ Văn Lang là nơi Vua đóng đô...”

(Đại Việt sử ký toàn thư; NXB KHXH – H 1998, Tr.133)

Trong sách Việt Nam sử lược (thế kỷ XX) Trần Trọng Kim viết: “Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu (bây giờ ở vào địa hạt huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên)...”

(Việt Nam sử lược, NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh 2002, Tr.18)

Vậy là từ xa xưa cho tới ngày nay, cả một miền đất rộng lớn gồm đồi núi, ruộng bãi, ruộng lũng và cả 1 hệ thống ao hồ, sông ngòi chằng chịt ấy là miền đất trung tâm của kinh đô Văn Lang. Miền đất này có mối quan hệ đặc biệt mật thiết, gắn bó với sự phát triển của cư dân và tín ngưỡng Việt Cổ, đồng thời cũng là vùng trung tâm văn hóa của sự cộng cảm mối quan hệ tâm linh; tín ngưỡng thờ cúng Vua Hùng trong quá khứ - hiện tại và tương lai.



Theo cương vực phạm vi địa lý ấy, đây là 1 vùng đất cổ có đầy đặc các di sản văn hóa (cả di sản vật thể và di sản văn hóa phi vật thể). Dấu vết của các di chỉ khảo cổ học và di sản văn hóa dân gian (Folklore) đã giúp ta nhận diện về vùng đất được gọi là Kinh đô Văn Lang ấy.

Chuyện xưa kể rằng: “Vua Hùng đi nhiều nơi để tìm đất đóng đô. Đi mãi nơi này, nơi khác mà chưa chọn được nơi nào hợp ý để định đô. Mãi tới khi đi tới một vùng đất, trước mặt có 3 con sông tụ lại, 2 bên có Tản Viên, Tam Đảo châu về, có đồi gần núi xa, có ruộng đồng tốt tươi, có cư dân đông đúc. Giữa miền đất đó lại có một quả núi cao hẳn lên như đầu một con rồng lớn hướng về phương Nam, còn những dãy kia như những khúc của thân rồng uốn lượn. Vua cả mừng thấy nơi đây núi non kỳ tú, đất tốt sông sâu, cây cối xanh tươi. Đất có thể hiểm để giữ, có thể thoáng để mở, có mặt đất rộng mà bằng phẳng cho muôn dân tụ hội. Vua Hùng chọn là đất đóng đô. Đó là kinh đô Văn Lang xưa”.

*(Nguyễn Khắc Xương – Truyền thuyết Hùng Vương,
Hội Văn nghệ dân gian Vĩnh Phú xuất bản năm 1974)*

Trong nhiều thư tịch cổ chép bộ Văn Lang thời các Vua Hùng dựng nước ở vào khu vực trung châu hợp lưu của 3 dòng sông lớn: Sông Đà, sông Thao và sông Lô; bao gồm một vùng đất đai rộng lớn từ thềm Ba Vì tới chân Tam Đảo (gồm Phú Thọ, Vĩnh Phúc và 1 phần Hà Nội ngày nay). Địa bàn này chia ra làm 3 miền rõ rệt: miền gò đồi đất giữa do thềm phù sa cổ được nâng lên bởi vận động tạo sơn; miền đồng bằng màu mỡ do hợp lưu của 3 dòng sông lớn tạo thành.

Trên vùng đất đó các nhà nghiên cứu đã làm xuất lộ và khai quật trên 100 di tích khảo cổ học gồm đủ các giai đoạn văn hóa từ Sơn Vi, Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun đến Đông Sơn. Sự



phát hiện di chỉ khảo cổ học Phùng Nguyên với niên đại các bon phóng xạ hiện biết đã xác định văn hóa Phùng Nguyên tồn tại từ đầu thiên niên kỉ thứ II, thậm chí là cuối thiên niên kỉ thứ III cho đến giữa hay khoảng đầu nửa sau thiên niên kỉ thứ II trước Công nguyên. Việc phát hiện này đã xác lập được nhận thức về việc hình thành cái nôi đầu tiên của người Việt cổ, chủ nhân nền văn minh sông Hồng. Có người đã tìm nguồn gốc dân tộc Việt ở văn hóa Phùng Nguyên. Đặc biệt là qua những bộ nha chương đá được tìm thấy ở di chỉ Phùng Nguyên (Kinh Kê - Lâm Thao) và ở Xóm Rền (Gia Thanh – Phù Ninh) đến chiếc qua đồng trong sưu tập hiện vật ở ngôi mộ táng tại Gò De (Thanh Đình – Lâm Thao); chiếc khóa thắt lưng đồng hình 8 con rùa (Làng Cả - Việt Trì)... đã đặt ra những giả thiết xác định quyền uy gồm oai quyền thống lĩnh, thủ lĩnh chinh phạt và thần quyền, quyền lực của người đứng đầu bộ lạc – đất nước: Các Vua Hùng trong tâm thức văn hóa Việt Nam.

Cùng với việc chiếm lĩnh đồng bằng của cư dân Phùng Nguyên đã để lại nhiều dấu vết của mình ở nơi hội tụ, vùng ngã ba sông. Khu di tích khảo cổ học Làng Cả (Việt Trì) là một di sản, tài sản văn hóa có vai trò đặc biệt của quốc gia. Làng Cả vừa là nơi cư trú vừa là khu mộ táng thuộc văn hóa Đông Sơn lớn nhất hiện biết. Phân tích bộ sưu tập hiện vật khai quật được tại khu di chỉ khảo cổ học Làng Cả các nhà khoa học đều thống nhất nhận định chung đây là một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa sầm uất và có tính liên tục: Thời Hùng Vương – thời Bắc thuộc – thời phong kiến tự chủ. Có thể truyền thuyết, thư tịch từng đề cập đến một kinh đô của Nhà nước sơ khai thời Hùng Vương ở vùng ngã ba sông đã hàm chứa một phần sự thật lịch sử.

Việc làm xuất lộ các di tích KCH thuộc giai đoạn văn hóa Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun, Đông Sơn đã chứng minh mối liên hệ không gian văn hóa giữa Việt Trì – Đền Hùng – Phù Ninh và Lâm Thao thời tiền sử.



Trong mối liên hệ không gian văn hóa ấy còn phải kể đến xung quanh Khu di tích quốc gia đặc biệt Đền Hùng có trên 130 di tích kiến trúc (trong đó ở Việt Trì là 32 di tích, ở Phù Ninh là 54 di tích và ở Lâm Thao là 46 di tích) là cái lõi tâm linh thờ tự Vua Hùng và các nhân vật lịch sử có liên quan đến thời đại Vua Hùng dựng nước hiện còn được bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng. Sự lan tỏa của các di tích KCH và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương chính là sự phát triển của cư dân và văn hóa: Cư dân nông nghiệp và văn hóa bản địa - văn hóa phi Hoa. Đó là nét đặc trưng cơ bản nhất của bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Không gian văn hóa của Việt Trì trong quá khứ còn là sự thăng hoa của văn hóa dân gian (folklore). Với sự dày đặc các truyền thuyết về thời đại Hùng Vương, mà các truyền thuyết ở đây nhiều khi được lịch sử hóa và nhân dân hóa đã hiện thân vào việc minh chứng cho sự tồn tại của lịch sử truyền thống và văn hóa dân tộc. Cha Lạc Long Quân đưa mẹ Âu Cơ về núi Nghĩa Lĩnh sinh sống. Khi mẹ Âu Cơ sinh bọc trăm trứng nở thành trăm người con trai, Lạc Long Quân đã nhờ Tiên ông ở vùng ngã ba Bạch Hạc đặt tên và phân ngôi thứ cho từng người. Núi Nghĩa Lĩnh là nơi Vua Hùng tế trời và bàn việc nước. Gò Mã Lao (Minh Nông) là nơi Vua Hùng luyện quân tập ngựa bắn cung. Làng Minh Nông, Chợ Lú - Làng Núi là nơi Vua Hùng dạy dân cấy lúa, làng Cẩm Đội (Thụy Vân) là nơi Vua luyện quân. Lâu Thượng, Lâu Hạ là nơi ở của vợ con Vua; ruộng Trầm (làng Trầm - Dữu Lâu) là nơi trồng lúa nếp thơm làm bánh chưng, bánh giầy; Thận Thịnh là nơi dân làng giã gạo làm bánh dâng Vua cúng tế đất trời; Tiên Cát là nơi Vua Hùng thứ 18 dựng lầu kén rể; Bến Gót là nơi có hòn đá còn in dấu chân Tiên ông; Dữu Lâu là nơi có làng trồng trầu...

Các lễ hội truyền thống: Vua Hùng dạy dân cấy lúa ở Minh Nông; bơi chải ở Bạch Hạc; nấu cơm thi, giã bánh giầy thi ở Mộ Chu Hạ; gói bánh chưng thi ở Minh Nông; lễ hạ điền ở Hy Cương;

lễ rước Chúa Gái ở Hy Cương, Chu Hóa; lễ hội rước ông Khiu, bà Khiu ở Thanh Đình; lễ hội cướp bông, ném chài ở Vân Lương (Vân Phú); đặc biệt là hát Xoan ở An Thái (Phượng Lâu), ở Kim Đài, Phù đức, Thét (Kim đức) được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp... đã góp phần tạo nên sự sống động của không gian văn hóa Việt Trì. Sự sống động ấy đã làm thành một diện mạo văn hóa đặc trưng bản sắc dân tộc, có ý nghĩa vô cùng quan trọng tạo nên diện mạo Việt Trì – Thành phố Lễ hội về cội nguồn.

2. Hiện tại

Trong từng làng, xã, từng phường, từng đường phố, từng tên đất của Việt Trì nay còn bao dấu tích lịch sử và truyền thuyết về thời đại Hùng Vương dựng nước. Dù cho năm tháng dần qua đi, sự thăng trầm của lịch sử cũng sẽ qua đi, thiên nhiên luôn tàn phá khốc liệt, một số di tích đã mai một, nhưng đất Việt Trì – đất cổ đô vẫn còn mãi với những trang sử hào hùng, những hiện vật KCH vô giá, những truyền thuyết, những tục truyền và những trang huyền thoại, những di tích kiến trúc về thời dựng nước.

Lịch sử chứng minh rằng: Cái tạo nên sức mạnh Việt Nam, bảo đảm cho dân tộc Việt Nam tồn tại và phát triển, tự khẳng định mình, vượt qua mọi thử thách của thiên tai và sự nô dịch của giặc ngoại xâm... không chỉ riêng bằng của cải vật chất mà còn bằng cả của cải tinh thần. Những giá trị văn hóa, sự cố kết cộng đồng, những chuẩn mực đạo đức trong đạo lý làm người, quan niệm thống nhất giữa con người với thiên nhiên,... là cả một kho tàng di sản văn hóa vô giá đã được nhiều thế hệ người Việt Nam liên tục lưu giữ và phổ biến cho đời sau. Kho tàng di sản văn hóa đó được vật thể hóa bằng các di tích lịch sử. Đó là bức thông điệp nổi lên quá khứ - hiện tại – tương lai. Di tích lịch sử là biểu hiện cụ thể nhất, đặc trưng nhất về bản sắc văn hóa dân tộc. Các di tích



kiến trúc như: Đền Hùng, đình Việt Trì; đình Lâu Thượng; đình An Thái; đền Lang Đài; Thiên Cổ Miếu; di tích KCH Làng Cả; chùa Hoa Long; chùa Đại Bi, đình Hùng Lô, đền Văn Luông... vừa có ý nghĩa như một trung tâm chính trị - văn hóa lại vừa có ý nghĩa là những trung tâm cộng cảm trong mỗi làng xã Việt Nam.

Trải qua nhiều đời nay, các di tích lịch sử vẫn gắn bó, tồn tại cùng sự phát triển đi lên của đất nước, dân tộc và đóng một vai trò mật thiết với đời sống văn hóa của cả cộng đồng. Sự tồn tại rất lâu đời của thôn Việt Trì hay huyện Bạch Hạc xưa cũng như huyện Hạc Trì; rồi thành phố Việt Trì ngày nay thì hình ảnh mái đình, cây đa, giếng nước, cổng làng, cổng chùa,... đã hiển hiện như một ý thức văn hoá của dân tộc, là bình diện tâm linh không thể thiếu được đối với mọi người dân từ khi chào đời đến khi nhắm mắt xuôi tay về với đất mẹ. Họ coi đó là tâm điểm để giải tỏa tinh thần rất hữu hiệu, là nơi trao đổi tâm tư tình cảm giữa các thành viên cộng đồng, là trung tâm cộng cảm giữa con người với các bậc siêu nhiên. Hãy gạt đi lớp mù huyền thoại hoặc những giải thích mang sắc màu của mê tín dị đoan, mỗi khi bước chân đến các di tích lịch sử văn hóa mỗi người chúng ta đều cảm thấy tâm hồn mình được thanh thản hơn giữa cuộc đời trần tục. Mỗi khi đất nước bị lâm nguy bởi ngoại xâm hay thiên tai tàn phá thì các di tích lịch sử còn là điểm hội tụ, tập trung lực lượng, đoàn kết toàn dân thành một khối vững chắc cùng nhau đánh giặc cứu nước, cùng nhau chống thiên nhiên bảo vệ mùa màng.

Từ góc độ khoa học xã hội và nhân văn ta xác nhận di tích lịch sử văn hóa có vai trò hết sức quan trọng đối với quá trình đấu tranh sinh tồn và phát triển của quốc gia, dân tộc; và như vậy trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì những nhân tố trên càng có ý nghĩa thực tiễn, đóng góp một phần quan trọng thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.



Với vị trí địa – chính trị, văn hóa; xây dựng Việt Trì không riêng chỉ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghiệp, du lịch của tỉnh Phú Thọ mà còn là đầu mối giao thông quan trọng nối các tỉnh miền núi phía Bắc với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ; có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng liên tỉnh; có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

Với ý nghĩa đó, di sản văn hóa và các di tích lịch sử đã tạo nên diện mạo bản sắc văn hóa vùng trung du đất Tổ. Đó chính là không gian văn hóa, là bệ đỡ quan trọng để xây dựng thành phố Việt Trì trở thành thành phố lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam.

3. Tương lai

Chính phủ đã ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Việt Trì đến năm 2020 (Quyết định số 277/2005/QĐ-TTg ngày 02/11/2005). Theo quyết định trên, phạm vi Việt Trì có diện tích khoảng 10.637 ha; tổng dân số đến tháng 11 năm 2010 là 184.685 người; phía bắc giáp xã Phù Ninh, xã Tử Đà, xã Vĩnh Phú và xã An Đạo huyện Phù Ninh; phía đông giáp huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc; phía tây giáp xã Thạch Sơn, thị trấn Hùng Sơn, thị trấn Lâm Thao và xã Tiên Kiên huyện Lâm Thao; phía nam giáp xã Cao Xá, xã Sơn Vi huyện Lâm Thao và huyện Ba Vì, Hà Tây (nay là Hà Nội).

Phải chăng đây có thể là sự tính toán trong ý đồ riêng của những người lập dự án quy hoạch hay chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên, vì rằng với phạm vi như vậy thì cơ bản thành phố Việt Trì sau khi mở rộng đã nằm gọn trong không gian văn hóa của kinh đô Văn Lang xưa. Thành phố Việt Trì vừa tròn 50 năm thành lập nhưng kinh đô Văn Lang xưa bao trọn Việt Trì nay đã, đang là bệ đỡ đầy tiềm năng để xây dựng thành phố lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam.

Chúng ta đang sống trong thời đại bùng nổ thông tin, khi toàn cầu hóa đang dần ảnh hưởng và chi phối tất cả các nước trên thế



giới thì vấn đề bảo tồn di sản văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc và vấn đề phát triển kinh tế đang đặt ra như một mối quan tâm hàng đầu. Quan hệ giữa bảo tồn và phát triển là mối quan hệ khăng khít và mật thiết liên quan trực tiếp đến cuộc sống hiện tại và tương lai của mỗi quốc gia. Sự tiến bộ hay lạc hậu của con người, phát triển hay trì trệ của một dân tộc, thành công hay thất bại của một đất nước phụ thuộc rất nhiều vào việc nhận thức văn hóa. Văn hóa được vận dụng như thế nào để đạt được thành công trong phát triển kinh tế xã hội.

Đảng ta đã chỉ rõ: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội đồng thời là mục tiêu của CNXH”. Nước ta đang tiến hành CNH-HĐH đất nước, hội nhập quốc tế để phát triển; song nếu chỉ chú ý thiên về phát triển kinh tế mà tách khỏi bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc thì dễ lâm vào nguy cơ bị tha hóa. Phát triển kinh tế thị trường mà xa rời những giá trị văn hóa truyền thống thì ta sẽ trở thành cái bóng mờ của dân tộc khác, nước khác.

Cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã viết: “Nói đến văn hóa là nói đến dân tộc. Một dân tộc đánh mất truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc thì dân tộc ấy sẽ mất tất cả. Văn hóa suy thoái sẽ trực tiếp cản ngại cho tiến trình xây dựng kinh tế và không thể xây dựng kinh tế thành công. Kinh tế và văn hóa là hai nội dung cốt lõi của sự sinh tồn và phát triển của một dân tộc. Muốn xây dựng kinh tế phải có con người được đào tạo, rèn luyện trong môi trường văn hóa lành mạnh...”

Thành phố Việt Trì hiện nay đã và đang là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghiệp, du lịch của tỉnh Phú Thọ. Song để Việt Trì trở thành thành phố lễ hội về với cội nguồn của dân tộc Việt Nam, là đầu mối giao thông quan trọng của các tỉnh miền núi phía Bắc với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng liên tỉnh, có vị



trí quan trọng về an ninh quốc phòng đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của nhân dân Phú Thọ nói chung, của nhân dân thành phố Việt Trì anh hùng nói riêng.

Chỉ xét riêng về tiêu chí để trở thành thành phố lễ hội về với cội nguồn của dân tộc Việt Nam thôi cũng đã đủ thấy nhiều việc cần và phải làm. Tôn tạo, đầu tư bổ sung xây dựng khu di tích lịch sử Đền Hùng – điểm hội tụ văn hóa tâm linh của cả dân tộc Việt Nam, đền thờ Tổ của người Việt. Xây dựng quảng trường Hùng Vương có tượng đài Quốc Tổ Hùng Vương - biểu tượng của Việt Trì kinh đô văn lang xưa. Xây dựng khu du lịch Văn Lang, khu du lịch Bến Gót, rồi hệ thống thiết chế phục vụ du lịch sinh thái ven sông Lô; xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa điểm Người về thăm Việt Trì khi bắt đầu xây dựng thành phố; quy hoạch lại vườn tượng quốc tế; xây dựng làng thể thao, làng văn hóa dân tộc... Hầu hết địa điểm này đều đặt trên nền các dấu tích xưa của thành cũ kinh đô Văn Lang. Vì vậy phải tối đa hạn chế việc thay đổi địa hình tự nhiên, lưu ý cải tạo ao hồ, đồn điền cũ, vùng ruộng trũng, thung lũng hẹp, sâu thành những hồ nước liên thông nhau tạo nên những công viên cây xanh – mặt nước liên hoàn, tạo nét trung du trong bản sắc văn hóa đô thị vùng. Quy hoạch tôn tạo các di tích lịch sử, đặc biệt là bảo tồn tôn tạo di tích khảo cổ học Làng Cả - dấu tích nổi nét nhất của kinh đô Văn Lang hiện còn; tôn tạo phát huy giá trị các di tích kiến trúc nghệ thuật: đình, chùa, đền, miếu; khôi phục tổ chức các lễ hội truyền thống: lễ Tịch điền – Vua Hùng dạy dân cấy lúa ở Minh Nông; lễ hội bơi chải và cướp còn, nấu cơm thi, thi giã bánh giầy ở Bạch Hạc; lễ hội ném chài ở Vân Long (Vân Phú); hội hát Xoan – Kim Đức và An Thái (Phượng Lâu); lễ hạ điền, lễ rước Chúa Gái ở Hy Cương – Chu Hóa; lễ rước ông Khiu – bà Khiu ở Thanh Đình và một số lễ hội tiêu biểu khác. Bên cạnh đó ta xây dựng các chợ quê: chợ Lú (Minh Nông), chợ Dầu (Dữu Lâu), chợ Xóm (Hùng Lô), chợ Đình (Hy



Cương), chợ Gát (Thanh Miếu)...; xây dựng các phố ẩm thực dân gian; nghiên cứu lựa chọn bảo tồn một số làng quê truyền thống: trồng dâu nuôi tằm dệt vải ở Lâu Thượng, làng lúa ở Hương Trầm (Dữu Lâu), làm bún, làm bánh gạo ở Hùng Lô, làm bánh giầy ở Bạch Hạc, làm bánh nẳng ở Thanh Đình...; bảo tồn một số làng cổ, nhà cổ, phố cổ... hiện còn.

Tất cả các công trình công cộng trong thành phố Việt Trì đã được xây dựng đúng theo quy hoạch cần được đặt tên gọi riêng, nên chẳng các tên riêng đó đều gắn với, gợi lại một điển tích văn hóa về thời đại Các Vua Hùng dựng nước Văn Lang. Việc đặt tên này sẽ góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa, xã hội; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, nâng cao tình yêu quê hương đất nước, con người, lòng tự hào dân tộc, tình hữu nghị và đoàn kết quốc tế.

Việt Trì là nơi gìn giữ những dấu tích văn hóa sâu đậm nhất về kinh đô Văn Lang, nhà nước Văn Lang và hoạt động dựng nước của các Vua Hùng. Ngày nay Việt Trì vẫn mang trong mình một sức mạnh tiềm tàng và vô tận của nền văn hóa ấy; một không gian văn hóa nơi cội nguồn dân tộc: Đất Tổ Hùng Vương./.



PHẦN THỨ TƯ

MỘT SỐ ĐỀN THỜ HÙNG VƯƠNG TIÊU BIỂU TRONG CẢ NƯỚC

(Theo tư liệu điều tra do Sở VHTT Phú Thọ phối hợp
Cục Văn hóa cơ sở thực hiện năm 2005)

LĂNG VÀ ĐỀN THỜ KINH DƯƠNG VƯƠNG Ở HUYỆN THUẬN THÀNH TỈNH BẮC NINH

Trở về “vấn tổ tìm tông” là khát vọng ngàn đời của mỗi người con đất Việt. Xuất phát từ đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, việc dâng hương tưởng niệm Kinh Dương Vương vào dịp giỗ Thủy Tổ Việt Nam; ngày 18 tháng Giêng, vừa là tín ngưỡng thể hiện niềm tôn kính đối với ông cha ta đã có công dựng nước và giữ nước, mở mang bờ cõi, phát triển giống nòi vừa là bản sắc văn hóa của các thế hệ con cháu Lạc Hồng. Lăng và đền thờ Kinh Dương



Vương – Lạc Long Quân ở thôn Á Lữ, xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh là nơi thờ Thủy Tổ cội nguồn dân tộc.

Dù trải qua biết bao biến cố thăng trầm của lịch sử nhưng dấu tích Lăng và Đền thờ Kinh Dương Vương – Lạc Long Quân cùng các nguồn sử liệu thành văn, nguồn sử liệu truyền miệng, lễ hội. Địa danh và các nguồn tư liệu khác ở thôn Á Lữ trực tiếp liên quan đến dòng giống của người Lạc Việt và nhà nước phôi thai đầu tiên của dân tộc vẫn in đậm trong tâm khảm của mỗi người dân đất Việt.

Nằm ở vị trí trung tâm của đồng bằng châu thổ Bắc Bộ, Á Lữ cùng tồn tại bên cạnh Luy Lâu; từ rất sớm đã là nơi giao hội các luồng giao thông thủy, bộ; giữ vị trí trung tâm của đất nước hàng thiên nhiên kì trước và sau Công nguyên. Luy Lâu không chỉ là một trong những cái nôi sinh thành dân tộc, mà còn là địa bàn hình thành nền tảng văn hóa Việt Nam trong buổi bình minh lịch sử. Hơn bất cứ ở đâu, vùng này tập trung khá đậm đặc các đình, đền, miếu, truyền thuyết, lễ hội... có liên quan đến Kinh Dương Vương – Lạc Long Quân – Âu Cơ cùng các tướng lĩnh, con gái, con rể Vua Hùng. Những tài liệu và chứng tích lịch sử đã từng bước làm sáng tỏ Luy Lâu là một trong những trung tâm cư trú, trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa quan trọng của người Việt cổ. Cùng với những di tích lịch sử văn hóa, trên vùng Thuận An, Kinh Bắc xưa vẫn truyền tụng bài ca:

“Kể từ giờ mở phân ban

Xưa đầu có họ Hồng Bàng mới ra

Sinh làm quân trưởng nước ta

Tên là Lộc Tục hiệu là Kinh Dương

Hóa cơ dựng nước cương thường

Động Đình sớm kết với nàng Thần Long

Ngọc Hoa ứng với Lưu Hồng

Sinh con là hiệu Lạc Long trị vì
Lạc Long sánh với Âu Cơ
Trăm trai ấy ứng người giờ bốn phương”

Từ thị xã Bắc Ninh, xuôi theo đường 38 qua sông Đuống, tới cầu Hồ, rẽ phải 1 km là ngã tư Hồ, dọc theo đê sông Đuống chừng 5 km đến thôn Á Lữ, là nơi có Lăng và đền thờ Kinh Dương Vương – Lạc Long Quân – Âu Cơ. Đây là một trong những lăng mộ và ngôi đền thiêng, cổ nhất Việt Nam, được nhân dân ta xây dựng và bảo vệ từ rất lâu đời cho đến ngày nay. Nhân dân Phúc Khang (Thuận Thành xưa) có câu:

“Phúc Khang nguyên lăng miếu
Nghĩa Lĩnh cổ kinh thành”
*(Lăng miếu đầu tiên tại thôn Phúc Khang
Kinh thành xưa kia ở núi Nghĩa Lĩnh)*

Quảng Hóa tướng quân, thời Hùng Duệ Vương: “Khi xa giá qua trang Phúc Khang, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, xứ Kinh Bắc. Ông bái yết ngôi Đền thờ Kinh Dương Vương. Lễ xong Ông cho dừng xa giá tại đây”. Chính nơi thiêng liêng này được “Xếp vào loại miếu thờ đế Vương các triều đại, mỗi lần quốc khánh vua sai quan đến tế”.

Lăng Kinh Dương Vương nằm ở ngoài đê, cách dòng sông Đuống khoảng 500m. Các triều đại phong kiến Việt Nam đều chú ý bảo tồn, tôn tạo tông miếu xã tắc. Tương truyền, Lăng Kinh Dương Vương được xây lại từ thời nhà Trịnh khoảng thế kỷ XVII. Ngày 16/11 năm Minh Mạng thứ 21 (1840) lăng được trùng tu lại. Kiến trúc đẹp có điểm gồm 8 mái, 8 đao cong dựng trên nền cao giật cấp 5 bậc so với mặt sân bãi. Xung quanh (khu nội) xây tường bao chắn, 2 bên phía trước có đôi rồng đá. Trong Lăng có tấm bia đá xanh (một di vật quý có ý nghĩa quan trọng đối với khu di

tích) được tạo như kiểu bài vị thờ, thân nhỏ hơn phần trán, kích thước cao 1,5m, rộng 0,45m, trán rộng 50cm tạo vòng tựa kiểu chiếc khánh. Trán bia trang trí hình lưỡng long chầu nhật, trên điểm chạm nổi hoa dây cách điệu, đường nét mạnh mẽ chắc khỏe. Trong lòng bia khắc 19 chữ, chính giữa có dòng chữ Hán “Kinh Dương Vương Lăng”, cỡ 10cm x 10cm, khắc chìm đậm. Bia đặt ngay ngắn, trang trọng trên chiếc sập đá 4 chân. Trên trán lăng đắp nổi những dòng chữ Hán lớn: “Bất vong” (không bao giờ mất); “Nam bang Thủy Tổ” (Thủy Tổ nước Nam) cùng các câu đối:

- “Vạn cổ giang sơn tư tụy Tổ

Nhất khâu phong vũ ngật hồng bì”

(Từ vạn cổ, cả nước Nam đã suy nghĩ về ngọn nguồn Tiên Tổ, -

Một năm mốt nhỏ, trải bao mưa gió, vẫn sừng sững một tấm bia hồng)

- “Thiên cổ cương lăng linh tích tại

Nhất đàn chử đệ quốc ân sùng”

(Dấu vết thiêng liêng ngày xưa vẫn còn đây

Bàn thờ đầy lễ vật là do cả nước thành kính dâng lên)

Trước cửa có hai ban thờ bằng gạch. Trên ban thờ bên phải có 2 chữ: “Hữu vũ”, bên trái có 2 chữ: “Tả văn”. Đầu đường đi vào có một bia: “Hạ mã”. Xưa nay dù công hầu hay khanh tướng, đi vòng hay ngựa xe đến đây đều phải xuống đi bộ; thế cũng đủ biết Lăng Kinh Dương Vương có vị thế uy nghiêm đến chừng nào. Toàn bộ khu Lăng lọt dưới vòm cây cổ thụ xum xuê, um tùm tạo thêm vẻ cổ kính, tĩnh mịch, tôn nghiêm, kỳ vĩ. Phía trước là giếng Ngọc, dãy núi Nguyệt Hằng cùng đỉnh non thần Phật Tích với sự tích “Tiên Thiên giáng trần”...; phía sau 99 con chim phượng hoàng đỗ trên 99 quả đối muôn thuở còn truyền; bên phải dãy núi Dạm, núi Nam Sơn, núi Thiên Thai... tuy cao nhưng thế đất yên



ồn, sơn thủy hữu tình, khí hậu thanh trong... bên trái là đỉnh núi Tân Viên, mây trời non nước bao la...

Đền thờ Thủy Tổ Kinh Dương Vương – Lạc Long Quân có kiến trúc 2 tòa nối với nhau ở gian giữa bằng một giải muống tạo thành hình chữ công. Đền có kiến trúc đẹp, đắp vẽ cầu kỳ các hình “tứ linh” “tứ quý” vân mây cách điệu trên các con chổng kẻ bầy..., kỹ thuật chạm khắc đắp vẽ tinh xảo. Tiêu biểu là bộ ngai thờ, gồm ba cỗ ngai để trong Hậu cung. Ngai thờ Kinh Dương Vương đặt ở ban giữa, bên trái ngai Lạc Long Quân, bên phải ngai Âu Cơ. Tất cả ngai thờ đều được chạm lộng, kênh bong các hình rồng, đầu hổ phù, tứ quý (thông, cúc, trúc, mai) hoa lá, cách điệu...rồi sơn son thiếp vàng tỉ mỉ, cầu kỳ. Dưới thượng điện là hương án, quán tây, bộ bát bửu có giá trị nghệ thuật cao, bộ bát xà mâu bằng đồng bạch còn nguyên vẹn mang giá trị nghệ thuật về kỹ thuật đúc đồng. Ngoài ra, còn đủ các loại đồ thờ bằng đồng, sứ, gỗ, vải thêu... với các kích cỡ to, nhỏ khác nhau mang đậm dấu ấn lịch sử, khá phong phú về niên đại, loại hình, thể loại và chất liệu cấu thành. Các di vật trên đều mang giá trị khoa học lịch sử và nghệ thuật. Hầu hết là những tác phẩm nghệ thuật có niên đại thời Nguyễn. Nổi trội là các bức hoành phi, câu đối được sơn son thiếp vàng lộng lẫy. Bức đại tự “Nam bang Thủy Tổ” (Thủy Tổ nước Nam) đặt ở vị trí trang trọng chính giữa “Nam Tổ miếu” (Miếu thờ Thủy Tổ của nước Nam) và các câu đối:

- “Việt Nam sơ đầu xuất

Hồng Bàng vạn đại xương”

(Vị Tổ đầu tiên của nước Việt Nam, Họ Hồng Bàng muôn đời thịnh vượng)

- “Việt Nam hoành đồ vạn lý giang sơn để tạo thủy

Hồng Bàng để trụ thiên thu hà lạc tứ linh thanh”

(Cương vực Việt Nam núi sông vạn dặm, vốn đã được tạo lập từ



ngàn xưa

Họ Hồng Bàng Đế Vương ngàn năm chung đúc khí thiêng, tiếng thơm còn mãi).

Đền hiện còn lưu giữ 15 đạo sắc của các Vua nhà Nguyễn. Đạo sắc có niên hiệu sớm nhất... “Gia Long cửu niên (1810) tháng 8 ngày 21. Sắc chỉ, Diêu Loại huyện, Á Lữ xã, viên sắc xã trưởng đồng xã đẳng nhĩ xã tòng tiền phụng sự Kinh Dương Vương nhất vị kinh hữu lịch triều gia tôn mỹ tự tư thôi. Hứa y cựu phụng sự dĩ thần kính ý. Cố sắc “...Qua 4 chữ: “Tòng tiền phụng sự” chứng tỏ việc thờ Kinh Dương Vương thời Gia Long là sự tiếp tục công việc thờ cúng từ các triều đại trước. Đạo sắc có niên hiệu muộn nhất... “Khải Định cửu niên(1924) tháng 7 ngày 25. Sắc chỉ, Bắc Ninh tỉnh, Thuận Thành phủ, Siêu Loại huyện, Á Lữ xã, tòng tiền phụng sự Kinh Dương Vương miếu hộ quốc tỵ dân, hiển hữu công đức, tiết mông ban cấp, sắc chỉ: Chuẩn hứa phụng sự tứ kim chính trực, trăm tử tuần đại khánh tiết kinh ban bảo chiếu, đảm ân lễ long đẳng trật. Đặc chuẩn y cựu phụng sự, dụng chí quốc khánh dĩ đáp thần ma. Khâm tai”... Thần phả làng Á Lữ xưa đề cập đến những vấn đề cơ bản: Từ thuở khai thiên lập địa, vị trí địa lý của nước ta trong buổi bình minh lịch sử, quá trình gây nghiệp mở nước của họ Hồng Bàng, lai lịch công trạng của Kinh Dương Vương. Thần phả còn ghi: “Hồng Bàng thị ký, Kinh Dương Vương hựu Lộc Tục, Thần Nông thị chí hậu dã. Nhâm Tuất nguyên niên, sơ Viêm Đế Thần Nông thị chi thể tôn Đế Minh sinh Đế Nghi, Ký nhi Nam tuần chí ngũ nhạc tiếp đắc Vụ Tiên nữ sinh Vương. Vương Thánh trí thông minh ư thị Vương Đế Nghi vi tự phong vị Kinh Dương Vương trị Nam phương, hiệu Xích Quỷ quốc, Vương thú Động Đình quân nữ viết Thần Long sinh Lạc Long Quân”; nghĩa là: Lịch sử họ Hồng Bàng, Kinh Dương Vương tên là Lộc Tục dòng dõi vua Thần Nông. Xưa kia, vào năm Nhâm Tuất cháu ba đời của Viêm Đế Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi. Sau



Đế Minh nhân đi tuần phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên sinh Vương. Vương là bậc thánh trí thông minh. Đế Minh rất yêu quý muốn truyền ngôi cho. Vương cố nhường lại cho anh không dám vâng mệnh. Đế Minh mới lập Đế Nghi nối ngôi cai quản phương Bắc, lại phong cho Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ, Vương lấy con gái Động Đình Quân là Thần Long sinh ra Lạc Long Quân”.

Với kiến trúc riêng biệt về dáng kiểu, to lớn về qui mô, đa dạng về cấu trúc, độc đáo về điêu khắc; Lăng và Đền thờ Kinh Dương Vương in đậm dấu tích của một nền văn hóa kiến trúc nghệ thuật cổ, xứng đáng là nơi tưởng niệm của nhân dân cả nước đối với Thủy Tổ Việt Nam.

Hàng năm, lễ hội diễn ra từ ngày 12 đến hết ngày 24 tháng Giêng. Việc tế giỗ Thủy Tổ rục rờ sắc xuân trong ngày chính hội:

Nhớ ngày mười tám tháng Giêng

Ngày giỗ Thủy Tổ thiêng liêng nước nhà

Dù ai xuôi ngược gần xa

Hướng về Thủy Tổ xứng là đạo con

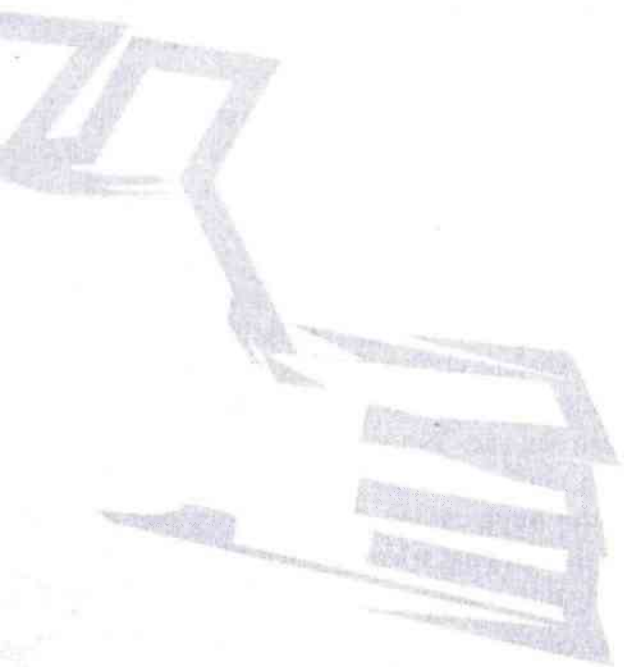
Đặc sắc nhất trong ngày hội là lễ “Rước nước” do ông chủ tế cùng các “Văn quan”, “Nữ quan” đội khăn điều, mặc áo nâu, đi thuyền ra giữa dòng sông Đuống, chọn nơi trong nhất, lấy nước đổ vào thạp đồng, đưa lên kiệu, rước về Đền. Tục “Rước nước” mang ý nghĩa triết lý nhân văn sâu sắc; “Nước” tượng trưng cho giang sơn xã tắc và “Nước” là nguồn gốc của sự sống của muôn loài. “Rước nước” – sự tôn thờ nước có liên quan trực tiếp đến nông nghiệp lúa nước, đánh dấu sự phát triển của nền văn minh sông Hồng rục rờ, cao đẹp đầy tính nhân văn của người Việt cổ.

Sau lễ rước nước, các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân địa phương cùng du khách muôn phương về đây tụ hội, tổ chức tế lễ,



các diễn xướng dân gian, đọc diễn văn tại tông miếu xã tắc, rước bài vị Kinh Dương Vương – Lạc Long Quân – Âu Cơ trên 3 kiệu có lọng che, long đình cùng bát bửu, lọng tàn, chấp kích... từ Đền tới Lăng rồi dâng hương hoa, lễ vật, tổ chức múa cờ, múa kỳ lân sư tử, các trò chơi dân gian, hát quan họ, tuồng, chèo, ca trù cùng nhiều các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao thể hiện niềm tin tín ngưỡng. Phản ánh lịch sử thờ cúng Tổ tiên và lễ hội cầu mùa (cầu cho mọi sự sinh sôi, nảy nở tốt lành...).

Ngày 2/2/1993, Bộ Văn hóa Thông tin ra Quyết định số 74/VH – QĐ công nhận di tích lịch sử Lăng và Đền thờ Kinh Dương Vương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia./.





ĐỀN TIÊN THỜ THỦY TỔ QUỐC MẪU THẦN LONG

Đền Tiên thuộc phường Tiên Cát thành phố Việt Trì. Đền được gọi theo địa danh di tích, là tên thường gọi trong dân gian. Trải qua bao nhiêu biến cố thăng trầm của lịch sử, các tên làng, tên xã, tên phường của thành phố Việt Trì có nhiều sự thay đổi, nhưng từ xưa đến nay dân làng vẫn gọi di tích này là Đền Tiên.

Đền Tiên là một di tích nằm ở trung tâm của thành phố Việt Trì, nằm tách biệt với khu dân cư, tọa lạc trên địa thế bằng phẳng với khuôn viên rộng 3.979 m². Đền nhìn theo hướng Tây Nam, trước mặt Đền không xa là đường quốc lộ số 2, phía ngoài đê là dòng sông Thao cuộn cuộn đổ về, tới Bạch Hạc thì hội tụ, hợp lưu với 2 dòng sông lớn: sông Đà, sông Lô thành sông Hồng nặng đỏ nước phù sa. Với địa thế phong thủy của Đền nhìn ra sông là tiền án phía trước, xa xa là dãy núi Ba Vì, phía sau dựa vào dãy Tam Đảo, đúng với luật phong thủy cổ xưa “Tiền án hậu chẩm” thế “Tựa núi nhìn sông” tạo cho Đền sự phong quang, khoáng đạt, thu hút khí lành để ban phát ân hưởng cho muôn đời con cháu.

Căn cứ vào cuốn ngọc phả của Đền dày 59 trang viết bằng chữ Hán, do Viện Hán Nôm lưu giữ và các tài liệu thư tịch có liên quan



thì Đến Tiên thờ Mẫu Thần Long Hồng Đăng Ngạn – Hoàng Hậu nước Xích Quỷ vợ của Vua Kinh Dương Vương, mẹ đẻ của Lạc Long Quân. Người đã sát cánh cùng chống trong buổi đầu dựng nước, trong việc dạy dỗ nhân dân được nhiều người yêu mến gọi là bà chúa tằm. Người có công lớn trong việc sinh hạ và giáo dục thái tử Sùng Lãm. Người đã được vua Kinh Dương Vương phong “Vi cung chính khốn” (Hoàng Hậu) và thưởng cho cung Tiên Cát. Khi Bà mất, nơi đây chuyển thành Tiên Cát Lăng, được nhân dân trông nom gìn giữ suốt mấy ngàn năm. Căn cứ vào “Ốc Tổ Bách Việt Triều Thánh” Người sinh ngày 5 tháng 5, mất ngày mùng 9 tháng 10. Ngày giỗ của Người đã để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng con cháu.

Trong “Hùng Vương ngọc phả cổ truyền” có viết: “Nhà vua (Kinh Dương Vương) cho lập tại khu làng Cả một cung điện đặt tên là Tiên Cát Cung cho Thần Long Ngọc Nương ở”.

Còn ngọc phả Đến Tiên lại ghi: “Vua cha dặn Lạc Long Quân: Ta được vùng địa hình thuộc xứ Sơn Tây ở núi Nghĩa Lĩnh, ngàn ngọn núi quay về, vạn dòng sông châu tới, ắt có thể trăm đời làm đế vương, sau có thể thần tiên bất tử, do vậy thiết lập “Thành đô Phong Châu đại bảo” gọi là Tiên Cát cung cho Ngọc Nương. Nơi này tuy là mảnh đất nhỏ bên sông, nhưng là đất quý chẳng phải tầm thường để làm quốc bảo, phải sai con cháu giữ gìn”. Từ đó Tiên Cát cung được Lạc Long Quân thường xuyên chăm sóc.

Trong ngọc phả còn viết: “... Một hôm Thần Long Ngọc Nương bỗng thấy hai nàng Thủy Tiên công chúa, theo sau là một đoàn con gái với Long Chu Phượng tán bước vào cung nói rằng: “Nay đã đến kỳ hạn, xin quý thư lên châu Đế quyết”. Kinh dương Vương được tin, vội vã đến Tiên Cát cung thì Thần Long Ngọc Nương đã yên giấc. Vương vội sai quân làm lễ kính tế và khóc lóc thảm thiết. Sau đó cho chôn cất Thần Long tại Tiên Cát cung, truyền cho dân địa phương lập miếu, xây lăng thờ phụng và phong cả ba vị làm thần nữ:



- Đệ nhất ả nương thần nữ Ngọc Tinh, nàng cả đại vương.
- Đệ nhị Thủy Tinh thần nữ, nàng hai đại vương.
- Đệ tam Bạch Hoa thần nữ, nàng ba đại vương.

Sai ba vị quan lang: Cự Linh thần tướng, Ất Linh Lang, Linh Thông Thủy đều là các hoàng tử trong bọc trăm trứng, cho phép quản trị khu vực đầu sông, giữ gìn cung sở”.

Kinh Dương Vương mất, Lạc Long Quân rồi đến Hùng Quốc Vương lên ngôi đều thường xuyên ngự giá về cung Tiên Cát thăm viếng tôn lẫm, tu bổ cung sở, tặng phong cho ba hoàng đệ làm thượng đẳng phúc thần, được phối hưởng thờ phụng. Đến đời Hùng Duệ Vương – Tản Viên Sơn Thánh còn cử vị “Sung công Đốc Linh” sang Tiên Cát để bảo vệ cung Lăng Thánh Mẫu. Đến các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần... các vị đế vương đều ban sắc phong mỹ tự, muôn đời huyết thực, hương hỏa truyền lưu. Thời nhà Lý ngôi đền được nhà nước đầu tư xây dựng với các tường bằng đá, voi đá, ngựa đá đứng chầu. Năm Tự Đức thứ 31 ngôi đền được tu bổ lại vẫn giữ nguyên các bức tượng đá, voi đá, ngựa đá và thêm gác chuông, gác trống. Nhân dịp tết ngũ tuần đại khánh của Tự Đức (1837) đã cấp 5 sắc phong và ghi rõ; “Cho phép xã Tiên Cát, huyện Phù Ninh, tỉnh Sơn Tây thờ phụng như cũ”.

Tháng 6/1935 và tháng 6/1938 Nhà nước đã tiến hành kiểm kê ghi vào sổ, hiện được lưu giữ tại Viện Hán Nôm. Năm 1964 Ty Văn hóa Phú Thọ tiến hành kiểm kê lại một lần nữa và đã ghi vào sổ của bảo tàng Phú Thọ.

Đền Tiên hay “Tiên Cát Cung” chính là đền thờ Thủy Tổ Mẫu Thần Long, mẹ của Lạc Long Quân. Ngôi đền từ xưa đã linh thiêng và luôn bao phủ bởi những điều bí ẩn về sự huyền linh. Trải qua các triều đại, các bậc quân Vương qua đây đều cầu đảo, tế tự và được linh phù hiển ứng.

Căn cứ vào quyết định của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 08/05 /2000



ngôi đền được khởi công xây dựng lại. Hội văn học nghệ thuật Việt Trì cùng các cụ trong ban quản lý di tích đã làm việc quên mình và vận động mọi người dân đất Việt thành tâm cung tiến, tiền của, vật liệu nên chẳng bao lâu ngôi đền đã được khánh thành, trông thật uy nghi, xứng tầm là nơi Thủy Tổ Quốc Mẫu của dân tộc Việt Nam, đảm bảo tính lịch sử, tính tâm linh, tính nghệ thuật.

Ngôi đền xây dựng theo kết cấu kiến trúc chữ đình (I) nền cao, sân rộng 400m². Trên nóc mái, đắp hình “Lưỡng long chầu nhật”. Tất cả nhà tiền tế, hậu cung đều được xây dựng bằng đá phiến, mái lợp ngói mũi hài, bên trong lát gạch đỏ nung. Toàn bộ cột kèo, đầu bẩy bằng bê tông, cốt sắt nhưng được sơn nâu, giả gỗ, thể hiện rõ sự cổ kính, như đền đã có từ lâu đời. Hậu cung 3 gian trên là 3 pho tượng bằng đá quý có bề ngời, ở giữa là Mẫu và hai bên là hai người em kết nghĩa của Mẫu. Tượng Mẫu ngời, cao 1,67m với khuôn mặt đôn hậu, tai chảy dài, tay trái để trên gối, tay phải để ngửa, đặt trong lòng bàn tay là viên ngọc, thể hiện sự sáng suốt, linh ứng của Mẫu. Bên phải tay Mẫu là nàng Thủy Tinh và bên trái Mẫu là nàng Bạch Hoa, ngời thấp hơn Mẫu, tượng cao 1,46m. Tiếp đến 3 pho tượng của chàng Cự Linh, Ất Linh và Thông Thủy tượng cao 1,27m ở giữa là người anh cả Cự Linh, đầu độ mũ, thân hình khỏe mạnh, tay cầm thẻ bài, thể hiện uy quyền của người đứng tướng, bên trái và bên phải là tượng của hai người em, cũng được tạc toàn bộ bằng khối đá quý. Càng nhìn kỹ 3 pho tượng ta càng thấy sự tàng ẩn trong đó tình đoàn kết anh em, được Mẫu che chở, phù giúp.

Khám thờ đặt phía trước hai bệ của hai lớp tượng được chạm nổi, mặt trước cũng như hai bên đốc hình tứ linh “Long, Ly, Qui, Phượng” xung quanh thể hiện hình trống đồng, trạm trổ rất tinh xảo.

Bức phù điêu bằng đá ghép phía sau tượng Mẫu diện tích rộng tới 34m² thể hiện sinh động được toàn cảnh núi non, sông nước, sơn thủy hữu tình, đó là biểu trưng của ngũ hành: Kim, Mộc,



Thủy, Hỏa, Thổ tương ứng với các màu trong tranh. Toàn bộ bức phù điêu toát lên nét đẹp cổ kính, sự uy linh tiềm ẩn. Trong đền còn có trống đồng, bánh dày, bánh chưng, hồng Hạc, cá Anh Vũ, thuyền rồng của Mẫu cũng tạc bằng đá bạch ngọc.

Đền Tiên nằm trong quần thể di tích thuộc vùng kinh đô Văn Lang xưa, nơi mà khảo cổ học đã chứng minh thời văn hóa Đông Sơn cách đây mấy ngàn năm đã tồn tại. Điều đó chứng tỏ bề dày lịch sử của vùng đất cũng như khẳng định sự tồn tại của ngôi đền trong lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Ngày 21/7/2003, Đền Tiên, Phường Tiên Cát thành phố Việt Trì được Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ ra quyết định xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh:

Hướng về Đất Tổ, luôn là tâm khảm của mỗi người dân trong cả nước. Về với thành phố lễ hội cội nguồn dân tộc Việt Nam, thăm viếng Đền Tiên như giúp mỗi con người chúng ta hiểu thêm, tự hào thêm về vùng Đất Tổ Hùng Vương./.



ĐÌNH THỜ LẠC LONG QUÂN Ở BÌNH ĐÀ - THANH OAI - HÀ NỘI

Từ thị xã Hà Đông xuôi theo quốc lộ 21B khoảng 9km ta đến với làng Bình Đà từ xưa đã nổi tiếng với nghề làm pháo. Tại mảnh đất này cũng đã phát hiện được trống đồng và nhiều hiện vật văn hóa của người Việt cổ thời Đông Sơn. Điều đó đã khẳng định đây là một làng quê có nền văn hiến lâu đời. Trên dòng chảy văn hóa đó, cổ nhân làng Bình Đà đã để lại cho chúng ta những ngôi đình, ngôi chùa, giếng nước... Một quần thể di tích đặc sắc lưu giữ nhiều nét văn hóa truyền thống đầy tính nhân văn.

Đình Nội làng Bình Đà thuộc xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội; còn được gọi là đình Trong – nơi thờ đức Quốc tổ Lạc Long Quân nên còn có tên chữ là “Lạc Long Quân từ”.

Ngôi đình được xây dựng trông ra đường quốc lộ 21B, trên một thế đất cao ráo, thoáng đãng với bố cục kiến trúc kiểu nội công ngoại quốc, gồm các hạng mục công trình chính: giếng Ngọc, Nghi môn, Phương đình, tả hữu mạc, Đại bái và Hậu cung. Xung quanh đình, còn giữ được nhiều cây cổ thụ trong đó có tới 16 cây muỗm tạo cho đình có được không gian cảnh quan hết sức linh thiêng mà vẫn ấm áp, nên thơ.

Theo dân gian truyền tụng, ngôi đình được xây dựng từ thừa lập làng, đã được trùng tu nhiều lần bởi kiến trúc gỗ không thể lâu bền do ảnh hưởng của thiên nhiên khắc nghiệt và chiến tranh tàn



phá. Năm 1947 nhiều hạng mục kiến trúc của đình đã bị tiêu thổ để phục vụ cho cuộc kháng chiến Pháp của toàn dân tộc, chỉ còn lại tòa Hậu cung là công trình kiến trúc của thời Nguyễn (1918). Di sản vật chất ở đình còn giữ được nổi tiếng nhất là bức phù điêu gỗ chạm khắc tinh vi, quý hiếm, dài 2.8m, rộng 2.2m. Phù điêu khắc chạm hình Lạc Long Quân ở chính giữa, bên cạnh là 20 vị quan văn mặc áo thụng, đầu đội mũ cánh chuồn, tay cầm hốt; 16 vị quan mặc võ phục, tay cầm long đao; 18 thị nữ mặc áo dài, tay cầm cờ, quạt, tàn, tán, ô, lọng. phía xa có voi ngựa và một tốp nam thanh niên đội mâm dâng hoa quả. Tiễn cảnh của bức phù điêu là dòng sông nước tạo sóng nhấp nhô với 4 thuyền rồng, 10 trai tráng mình trần đóng khố đang cố sức chèo về đích như trong các cuộc đua thuyền. Đây là một trong số ít các bức phù điêu được thờ trong Hậu cung các đình làng ở Hà Nội, thể hiện sức tưởng tượng đầy ý thức Nho giáo của người dân Bình Đà xưa và là một sáng tạo hiếm thấy trong việc thờ phụng Thành hoàng làng. Bên cạnh đó đình cũng lưu giữ được một số di vật quý giá như hạc thờ, sắc phong, chiêng đồng, bia đá thời Lê, thời Nguyễn.

Hội làng Bình Đà vào ngày 06 tháng 3 (âm lịch) hàng năm, từ lâu đã trở thành ngày hội lớn của cả vùng. Công việc chuẩn bị cho lễ hội được tiến hành từ ngày 5, dân gian gọi là giáp hội với nghi thức đầu tiên là mở cửa đình để làm lễ mộc dục, tiếp đó là cuộc thi xôi chè làm lễ vật dâng lên đức Thành hoàng làng. Buổi chiều dân làng tổ chức rước kiệu từ đình Nội sang đình Ngoại (đình trong) – nơi thờ Linh Lang đại vương để đón sắc ra đình Nội. Khi trời sẩm tối đoàn rước mới bắt đầu trở về đình Nội với đội cờ hoa rực rỡ trong tiếng nhạc rộn ràng khắp đường thôn ngõ xóm. Những nhà dân ở hai bên đường, nơi có đoàn rước đi qua đều bày nhang án ra cửa làm lễ bái vọng, hòa vào không khí vui tươi của ngày hội, đón nhận ân lộc của Thành hoàng làng.

Khoảng giờ Tuất cùng ngày (19-21h) đoàn rước thánh đến cổng đình Nội, tạm dừng để chờ đoàn rước của nhà chùa đến dâng lễ.



Các lễ vật này được chuẩn bị từ những vật phẩm dân dã của nhà nông nhưng có nét đặc biệt là mỗi loại phải đủ trăm: 100 phẩm oản, 100 quả chuối, 100 miếng trâu, ... Với việc chuẩn bị lễ vật như thế, các nhà nghiên cứu dân gian cho rằng có thể đó là hình ảnh gợi nhớ tới cha Rồng mẹ Tiên và 100 người con trai sau trở thành các Vua Hùng nối đời xây dựng đất nước.

Cùng tối hôm đó, mâm bánh cúng do dòng họ Nguyễn Văn ở trong làng chuẩn bị cũng được đưa đến và rước vào Hậu cung đình để chuẩn bị cho cuộc lễ ngày chính hội.

Ngày mùng 6 tháng 3, trời vừa rạng sáng, làng đã nổi trống chiêng kêu gọi nhân dân tập trung tại đình thực hiện nghi lễ tế thánh; bắt đầu bằng múa cờ, múa bông để mời đức Thành hoàng làng dự hội. Tiếp đó là lễ tế trời, đất ở phía trước cửa đình. Trong buổi tế này, các giáp phải chuẩn bị lễ vật bằng lợn để nguyên cả con trên đàn lễ. Một người thay mặt ban tế lên đọc văn tế cầu phúc lộc cho toàn dân. Nghi thức tế xong đến lễ rước bánh thánh (còn gọi là bánh vía) ra giếng Ngọc trước đình làng – một nghi thức đặc sắc của lễ hội làng Bình Đà.

Bánh thánh là một loại bánh đặc biệt, chỉ có gia đình ông trưởng tộc Nguyễn Văn ở xóm Chùa đời này nối tiếp đời khác được phân công làm. Chất liệu, phương pháp làm bánh được giữ bí mật, chỉ truyền cho người được chọn kế tục làm bánh. Dân gian cho rằng, những viên bánh thánh là một mật hiệu chỉ có trời đất biết và khi thả những viên bánh này vào nước giếng Ngọc – tương truyền là bước chân thánh để lại thì đây như là một tín hiệu để thần thánh nhớ đến mà mang uy lực của ngài đến cho dân chúng được ấm no, muôn loài sinh sôi, phát triển.

Sau một hồi trống chiêng, bánh được đặt lên kiệu để rước đi. Phía trước kiệu là những người mang cờ, quạt, đồ bát biểu, chấp kích, sau kiệu là Chủ tế đình Nội, đình Ngoại, quan viên tế, thủ từ, hai ông trùm cai và đại diện gia đình làm bánh thánh, rồi đến

các cụ phụ lão và dân làng. Có một người cầm đuốc dẫn đường mặc dù lúc đó vào giờ Ngọ, trời đất chan hòa ánh nắng ấm áp. Tại giếng Ngọc đã quây sẵn một khung cót tròn, đọc nhẩm những lời thần chú xong, ông Chủ tế mở đài lấy từng chiếc bánh bóp nát thả xuống nước. Người ta cho rằng, bánh chìm hết mới tốt và năm đó chắc chắn mọi việc đều được suôn sẻ và may mắn.

Buổi chiều ngày 06 có cuộc rước hoàn cung, cả 6 cỗ kiệu rước trà sắc về đình Ngoại. Làm lễ xong, 3 cỗ kiệu được để lại, còn ba cỗ rước về đình Nội tạm cất chờ đến hội năm sau.

Ngoài hội rước sắc, hội thả bánh thánh, làng Bình Đà còn mở hội pháo. Hội pháo được tổ chức từ ngày 25/2 đến 06/3 âm lịch. Ngày xưa, cứ chiều ngày 03/03 các giáp tiến hành thả pháo cây, tức là pháo 16 quả nổ cùng một tiếng.

Đêm 05/03 sau lễ thỉnh bách thần về dự hội, lần lượt 27 giáp đua tài với nhau bằng những cây pháo bông muôn màu muôn vẻ. Sáng ngày 06/03 dân chúng đứng ken dày đặc xung quanh khu ao sen xem đốt pháo bèo. Chiều ngày 06/03 thi đốt pháo cây. Hầu như tất cả mọi người từ trẻ đến già của từng giáp đều hồi hộp chờ đợi kết quả giải cây pháo của giáp mình. Mỗi khi tiếng loa xướng giải vang lên thì tiếng vỗ tay vui mừng cũng ào ào náo nhiệt. Cuộc thi kéo dài đến tận khuya mới tan. Ai đã từng một lần được chứng kiến cảnh thi pháo huyền ảo với những cây pháo bông muôn màu muôn sắc, pháo chuột lóe sáng chạy loăng quăng, pháo bèo kì lạ, pháo cây nổ như sấm rền,... chắc hẳn không thể nào quên được.

Đến với đình và lễ hội Bình Đà là đến với một nét văn hóa đặc sắc của một vùng quê nông nghiệp trồng lúa nước. Qua những quan niệm của người dân về Thành hoàng làng – đức Quốc tổ Lạc Long Quân của người Việt, qua lễ hội với những tục, hèm luôn nghĩ tới sự hài hòa giữa âm với dương, con người với thiên nhiên... ở đó con người ta tìm được triết lí “hòa bình” để sống hạnh phúc./.

ĐỀN QUỐC MẪU ÂU CƠ Ở HIỂN LƯƠNG, HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

Đền Mẫu Âu Cơ là di tích thờ Quốc Mẫu ở xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Nơi đây có núi non trùng điệp, có đầm nước trong xanh, có những cánh đồng ven sông mầu mỡ, cây cỏ tốt tươi, bốn mùa hoa trái.

Chuyện xưa kể rằng, nàng Âu Cơ kết duyên cùng Lạc Long Quân rồi sinh được một bọc trăm trứng, sau nở thành 100 người con trai. Một ngày kia, Lạc Long Quân đưa 49 người con về biển, Âu Cơ đưa 50 người con lên núi, để lại người con trưởng ở lại Văn Lang nối nghiệp là Vua Hùng thứ nhất. Âu Cơ đưa các con đi mãi, khi đến vùng Hiền Lương (ngày nay), thấy phong cảnh non xanh nước biếc, đất đai phì nhiêu, rừng nhiều muông thú bèn dừng lại khai khẩn đất đai, lập làng xóm đông vui trù phú. Một ngày kia, mẹ Âu Cơ theo đám mây ngũ sắc hóa về trời, để lại dưới gốc đa đầu làng một dải yếm đào. Dưới gốc đa ấy, nhân dân Hiền Lương đã lập đền thờ để tưởng nhớ công ơn to lớn của Tổ Mẫu.

Đền Mẫu Âu Cơ được xây dựng vào thời Lê, dưới triều Vua Lê Thánh Tông niên hiệu Hồng Đức thứ 6 (1475). Đền dựng trên một thế đất đẹp, thoáng dang, bên tả đền có giếng Loan, bên hữu có giếng Phượng, phía sau có núi Giác đẹp như một án thư, ngang lưng có sông Hồng uốn khúc như rồng thiêng bao bọc. Xưa kia đền làm kiểu 5 gian thờ dọc, mái lợp ngói mũi hài cổ kính, các cột



làm bằng gỗ tứ thiết được sơn son, thiếp hình rồng cuốn rất đẹp. Kết cấu vì kèo theo kiểu chống rường – hạ bẩy. Trên các đầu dư, đầu bẩy, xà ngang, cốn nách, câu đầu... được đục chạm tỉ mỉ hình tứ linh và hoa lá. Đặc biệt các bức chạm trên cốn mê, cửa võng và riềm xung quanh cửa thượng cung thể hiện hết sức công phu hình rồng, hổ phù, tứ quý... mang đậm phong cách nghệ thuật thời Lê. Các bức chạm này dùng kỹ thuật đục bong, chạm nổi điêu luyện và được sơn son thiếp vàng lộng lẫy uy nghiêm.

Gian trong cùng của ngôi đền tạo dựng một Thượng cung thờ bề thế, trên đặt khám thờ lộng kính 3 mặt. Diềm xung quanh cửa khám chạm thủng nhiều lớp theo đề tài tứ quý: Tùng, Cúc, Trúc, Mai. Trong lòng khám đặt tượng Mẫu Âu Cơ ngồi uy nghi trên ngai, mình mặc áo đỏ yếm trắng, đầu đội mũ lấp lánh như kim cương, cổ đeo vòng vàng, một tay cầm viên ngọc, tay kia đặt trên gối thư thái. Đây là pho tượng được tạo tác vào thời Lê, có giá trị cao về nghệ thuật tạo hình và thẩm mỹ. Ngoài ra trong đền còn có nhiều di vật khác như tượng Đức Ông, long ngai, sập thờ, án gian... đục chạm tỉ mỉ tinh tế.

Cách đền Mẫu Âu Cơ 500m về phía Đông xưa kia có ngôi đình Hiền Lương, Đình thờ Đức Ông Đột Ngột Cao Sơn và hai người con là Hùng Trấn Quý Minh và Hùng Trấn Bảo Quốc. Cách không xa về phía Tây là chùa Hiền Lương, tên chữ là Linh Phúc tự. Trong chùa có 20 pho tượng và 1 chuông đồng cổ. Xưa chùa được dựng trên đỉnh gò, xung quanh cây cối rậm rạp, một con đường dốc độc đạo lên chùa từ phía Đông tạo nên khung cảnh thâm nghiêm tĩnh mịch.

Lễ hội chính của đền Mẫu Âu Cơ vào ngày mồng 7 tháng Giêng (ngày Tiên giáng). Xưa có câu ca:

“Mồng 7 trong tiết tháng Giêng

Dân Hiền tế lễ trống chiêng vang trời...”

Sáng ngày mồng 7, trên sân đền cờ thần phấp phới, trống chiêng



rộn rã thúc dục lòng người. Mở đầu là lễ tế thành hoàng tại đình rồi rước kiệu bát cống về đền. Đám rước có cờ quạt rực rỡ, bát âm rộn ràng, sau kiệu bát cống là các vị chức sắc, bô lão mặc áo thụng xanh rồi đến dân làng đi trẩy hội. Đúng giờ Thìn, đám rước vào đến sân đền. Sau lễ dâng hương là lễ vật gồm 100 cái bánh ngọt, 100 phẩm oản, hoa quả... Phân tế ở đây là đội tế nữ gồm 12 cô gái mặc áo dài các màu, đội khăn kim tuyến, chân đi hài thêu, riêng chủ tế trang phục toan màu đỏ. Tế nữ là nghi lễ đặc sắc thu hút sự chú ý của mọi người. Sau khi tế xong, nhân dân chen vai vào thắp hương, dâng lễ lên Tổ Mẫu. Ngoài sân đền tổ chức các trò chơi dân gian như đu tiên, cờ người, chọi gà... Sau 3 ngày lễ hội kết thúc nhưng nhân dân khắp nơi vẫn về lễ Mẫu cho đến hết tháng Giêng, tháng hai âm lịch và rải rác trong năm. Có thể nói, lễ hội đền Mẫu Âu Cơ là một trong những lễ hội truyền thống hấp dẫn trong một không gian văn hóa mang đậm bản sắc nguồn cội của vùng đất Tổ.

Xã Hiền Lương, nơi có đền Mẫu Âu Cơ là một vùng đất cổ nằm trong địa bàn của bộ Văn Lang thời các Vua Hùng. Với địa bàn có suối, sông, đồng bằng và đường giao thông thuận tiện. Hiền Lương được coi là một trong những cửa ngõ đi từ vùng trung du Bắc Bộ lên miền Tây Bắc của Tổ Quốc, cũng chính vì vậy, trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, Hiền Lương được xây dựng thành một chiến khu, làm bàn đạp cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Phú Thọ và Yên Bái. Nhiều cuộc họp quan trọng của chi bộ Đảng đã được tổ chức tại đình, chùa và đền Hiền Lương. Đặc biệt, tháng 5 - 1945 tại chùa Hiền Lương, đội du kích Âu Cơ được chính thức thành lập. Đây là một trong những đơn vị tiền thân của lực lượng vũ trang tỉnh Phú Thọ sau này, góp phần quan trọng vào cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Phú Thọ và Yên Bái tháng 8 - 1945 lịch sử. Cái tên "xã Âu Cơ" hay "chiến khu Âu Cơ" ra đời trong thời gian này, mãi sau khi hòa bình lập lại mới đổi lại là xã Hiền Lương.

Với giá trị lịch sử - kiến trúc nghệ thuật độc đáo, đền Mẫu Âu

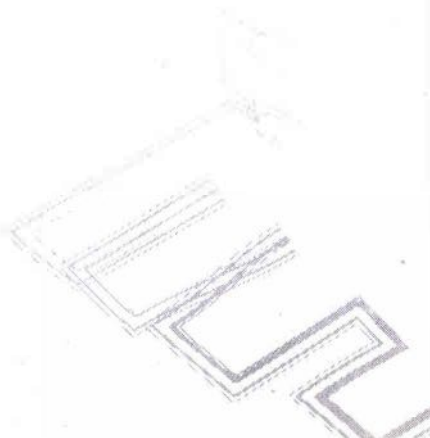


Cơ được Bộ Văn hóa – Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa quốc gia vào năm 1991.

Năm 2008, đền được trùng tu tôn tạo lớn. Kiến trúc đền hiện nay kiểu chữ Đinh bao gồm 5 gian Đại bái và 3 gian Hậu cung, với cấu kiện kiến trúc bằng gỗ tứ thiết, các bức chạm khắc tinh vi đạt trình độ cao về kỹ thuật và thẩm mỹ, một công trình trùng tu di tích đạt chất lượng hiệu quả đúng với những nguyên tắc của ngành Bảo tồn - Bảo tàng về trùng tu kiến trúc cổ. Cũng trong đợt trùng tu này đã hoàn chỉnh phục hồi công trình tả, hữu mạc, phục hồi ao sen và giếng Loan, giếng Phượng ...

Nhằm tiếp tục tạo ra một quần thể di tích lịch sử văn hóa đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của nhân dân và chiến lược phát triển du lịch, UBND tỉnh Phú Thọ đã phê duyệt quy hoạch tổng thể tôn tạo khu di tích đền Mẫu Âu Cơ gồm các hạng mục: sân lễ hội và các công trình phụ trợ khác như chùa Linh Phúc, đình thờ Đức Ông, xây dựng đường giao thông và các hạng mục như cổng, tường rào, đường nội bộ, cây xanh, hệ thống cấp điện, cấp nước, chống cháy; các công trình dịch vụ du lịch...

Cùng với Khu di tích lịch sử Đền Hùng, dự án quy hoạch đền Mẫu Âu Cơ thực hiện sẽ gắn liền với khu du lịch danh thắng Ao Châu – Ao Giời, Suối Tiên tạo thành một tuyến hành hương du lịch hấp dẫn và lý thú, xứng đáng với vị thế nơi thờ Quốc Mẫu Âu Cơ – cội nguồn dân tộc./.





Tế nữ quan trong ngày Giỗ Tổ Hùng Vương tại Đền Tổ Mẫu Âu Cơ - Khu DTLS Đền Hùng

Ảnh: Nguyễn Ngọc Long - Viện Âm Nhạc



ĐỀN THỜ QUỐC MẪU TÂY THIÊN Ở TAM ĐẢO TỈNH VINH PHÚC

Người Việt từ thời chưa có chữ viết và trước thời kì văn hóa Trung Hoa du nhập vào nước ta, đã có những tư duy về vũ trụ. Đó là những tư duy về âm dương, âm dương hòa hợp hướng tới sự sinh sôi phát triển.

Những biểu hiện tư duy ấy tuy chưa hoàn chỉnh, chưa được kí hiệu hóa, nhưng chúng đã được thể hiện ra bằng ý niệm về số đếm và ẩn dụ trong rất nhiều biểu tượng và hình tượng văn hóa.

Trong cấu trúc thờ tự tại đền Hùng có 3 cung: đền Thượng, đền Trung và đền Hạ. Mỗi đền lại bài trí ba cổ long ngai, có bài vị (giữa gọi là trung vị, bên trái gọi là tả vị, bên phải gọi là hữu vị).

Nơi thờ Quốc Mẫu Tây Thiên cũng được tuân theo quy tắc đó: trung cung là đền Tổng; tả cung là đền Bùa; hữu cung là đền Thông, trên núi cao là đền Thượng.

***Đền Tổng:** toạ lạc ở thôn Khang Diển (còn gọi làng Chanh) xã Quan Ngoại, tổng Quan Ngoại, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên; nay là thôn Quan Ngoại, xã Tam Quan, huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Đền có biển đề là “Tây Thiên Tam Đảo Sơn Trụ Quốc Mẫu trung cung”, do 3 xã cũ là Quan Ngoại, Quan Nội và Vạn Phẩm cùng thờ cúng. Đó là đền thờ chính, được “Nam Việt thần kỳ hội



lục” ghi chép lại. Trong đền có một đạo sắc, nội dung chữ phong là “Tề tinh chung đẳng thần”, hợp phong cho 3 xã vào năm Khải Định thứ 9 (1924).

Đền Tổng có hai nhà theo lối chữ “Nhị”, xây tường bao quanh sân. Cổng xây hai cột trụ, là một kiến trúc cổ, không có đục chạm gì.

***Đền Bùa:** thuộc xã Quan Đình, tổng Quan ngoại, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên; nay là thôn Quan Đình, xã Tam Quan, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đền Bùa do 3 thôn của xã Quan Đình là Xuân Mầu (tục danh là làng Mầu), Xuân Chù (tục danh làng Mạ) và Xuân Quang (tục danh là làng Quảng) thờ phụng. Đền Bùa có cấu trúc theo lối chữ “công”, nhưng không rõ làm từ bao giờ, tọa lạc ở chân núi thuộc xã Quan Đình. Có 3 đạo sắc phong từ năm Tự Đức thứ 6 (1853). Năm Đồng Khánh thứ 2 (1887) tặng chữ “được bảo trung hưng”. Năm Duy Tân thứ 3 (1909), cho được thờ cúng như cũ.

Sắc để thờ ở đền Bùa, chung cho 3 thôn; khi thôn nào có tiệc thì lên để rước về đình. Xong tiệc lại rước về đền.

***Đền Thông:** thuộc địa phận thôn Khổn Thông (địa phương gọi là Khuôn Thông) thuộc xã Sơn Đình, tổng Quan Ngoại, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên; nay là xã Tam Quan, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đền tọa lạc ở chân núi Thạch Bàn, nơi cửa rừng lên đến Thượng Tây Thiên nên còn gọi là “đền trình” (chữ “trình” có nghĩa là “đưa lên trên”). Vì thế mà thôn này có tên là “Khổn thông”. Chữ “khổn” là để chỉ nơi giới hạn cánh cửa trong nơi ở của phụ nữ. “Khổn thông” là qua cánh cửa; chữ “trình” còn mang ý nghĩa giữ dấu ấn nguyên thủy, tục lệ “mở cửa rừng” khi con người vào rừng săn bắt hái lượm.

Kiến trúc hiện tại không rõ niên đại dựng đình, không có đục chạm, câu đầu có chữ “Giáp tuất niên trùng tu” (sửa chữa lại năm



Giáp tuất nhưng không rõ năm Giáp tuất nào?).

***Đền Thượng Tây Thiên**

Đền Thượng Tây Thiên, thờ Quốc mẫu Tây Thiên Lăng Thị Tiêu, vị Vua Hùng thứ 6. Đền được xây dựng trên núi Thạch Bàn, dãy Tam Đảo thuộc địa phận xã Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; có độ cao hơn 800m so với mặt nước biển.

Theo Ngọc phả Hùng Vương do Hàn lâm viện, Trục học sỹ Nguyễn Cổ soạn năm 1470 (thời Hồng Đức Hậu Lê), bà Lăng Thị Tiêu vốn là tiên thể giáng trần, sinh ở Đông Lộ, là con gái nhà trưởng giả họ Lăng ở Sơn Đình dưới chân núi Tam Đảo. Bà là bậc nữ nhi hào kiệt, sắc nước nghiêng thành, song toàn văn võ. Do tiền duyên trời định, Hùng Chiêu Vương trong lần du ngoạn vùng Tam Đảo đó gặp gỡ và kết duyên cùng Bà. Rồi Vua đưa Bà về Nghĩa Lĩnh, lập làm Vương phi chính thất. Vương phi sinh ra Hùng Vi Vương sau nối nghiệp Vua. Bà hết lòng giúp sức Vua, dạy dân trồng dâu, chăn tằm, dệt vải, trồng lúa nước...; nhân dân đời đời ấm no, nhà nhà hạnh phúc, đất nước thanh bình. Ôn cao nghĩa cả, đời sau nhân dân lập đền Thượng trên núi Tam Đảo thờ bà, với tôn xưng Quốc Mẫu Tây Thiên: “Tam Đảo sơn trụ Quốc Mẫu”.

Đền Thượng đã được xây dựng từ rất lâu đời, do địa hình và điều kiện cụ thể của vùng rừng núi Tam Đảo, khởi thủy đền được xây dựng chủ yếu bằng vật liệu tranh, tre, nứa, lá... Đầu thế kỷ XX, được trùng tu xây dựng lại bằng vật liệu gạch, ngói.

Đền được công nhận là di tích lịch sử - văn hoá – danh lam thắng cảnh của quốc gia năm 1995./.



MIẾU LỊCH ĐẠI ĐẾ VƯƠNG THỜ CÁC VUA HÙNG Ở THỪA THIÊN - HUẾ

Trong quần thể di tích Cố Đô Huế được xây dựng dưới triều Nguyễn (1802 – 1945) đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa của nhân loại, bên cạnh hệ thống các di tích lịch sử văn hóa phong phú, đa dạng bao gồm từ hệ thống thành quách, cung điện, dinh phủ, đền đài còn có di tích miếu Lịch Đại Đế Vương, ngôi miếu thờ các vị minh quân và những danh tướng của Việt Nam và Trung Hoa, trong đó thờ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và Hùng Vương.

Theo sách Đại Nam Nhất Thống Chí, miếu Lịch Đại Đế Vương được xây dựng vào năm Minh mạng thứ 4 (1823), nằm ở đại phận xã Phú Xuân, về phía nam, ngoài kinh thành (nay là xóm Lịch Đợi), phường Phường Đúc, Thành Phố Huế. Miếu Lịch Đại Đế Vương được người dân biết đến với tên miếu Lịch Đợi (do đọc chệch từ tên miếu Lịch Đại – tên gọi tắt của Lịch Đại Đế Vương). Đây là một trong những ngôi miếu quan trọng của triều Nguyễn. Hằng năm, triều đình tổ chức tế hai lần: vào ngày Tân, tháng Trọng Xuân (tháng 2 âm lịch) sau ngày tế ở đền Xá Tắc và ngày Tân đầu tháng Trọng Thu (tháng 8 âm lịch).

Miếu quay mặt về hướng Nam, được dựng trên một nền cao khoảng 1 mét, chính miếu là tòa nhà kép kiểu “trùng thiềm điệp ốc”, một kiến trúc thường thấy ở các cung điện được xây dưới triều



Nguyễn; chính điện 5 gian 2 chái kép, tiền điện 7 gian 2 chái đơn, mái lợp ngói âm dương; trước nền có 3 bệ cấp, mỗi bệ có 5 bậc, xây bằng đá. Phía trước là tam quan 23 tầng 3 gian, mái lợp ngói âm dương, đầu đao đắp nổi hình rồng. Các nhà tả vu, hữu vu đều 5 gian, lợp ngói âm dương; trước nền có 3 bệ cấp, mỗi bệ 5 bậc, xây bằng đá (phía trước là cổng tam quan 2 cửa). Chung quanh miếu là tường gạch bao bọc cả bốn mặt, bên ngoài tam quan còn được xây dựng thêm phương môn, với bốn cột trụ bằng gạch ở mặt tiền, dưới chân cột trang trí dóa sen. Biển hoành ở cửa giữa bên trong đề “Đế vương thống kỉ” (nối dòng đế vương). Biển hoành ở cửa đề “khoáng nghi quang vãng điệp”, (lễ phép làm sáng sử sách trước) và Biển hoành ở cửa bên hữu đề “Hống hướng điện viêm bang” (phúc lớn định được nước Nam); bên ngoài đề: “phương huy cổ đại” (tốt thơm đời xưa, đời nay vẫn còn) và “Đạo thống Bắc Nam đồng” (đạo thống Việt Nam và Trung Quốc như nhau).

Dưới thời Nguyễn, miếu Lịch Đại Đế Vương thường xuyên được chăm sóc, sử sách triều Nguyễn đã ghi lại:

- Năm Minh Mạng thứ 10 (1829), xây dựng Sở Tinh Tế (nơi giết mổ các con vật trong các lễ cúng tế) 3 gian, nằm ở phía Bắc, bên ngoài miếu. Ngôi nhà này được trùng tu năm Thành Thái thứ 14 (1902).

- Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), Sắc chỉ truyền rằng: tường thấp, tường cao phía trước phía sau miếu Lịch Đại Đế Vương phải nên sửa chữa lại cho được rộng rãi để coi cho đẹp, ở mặt sau miếu cho xây thêm 2 tầng bao quanh bằng tường gạch thấp.

Qua các thời đại Thiệu Trị, Tự Đức, Duy Tân triều đình đều có tu bổ.

Cách bài trí tại các án thờ miếu Lịch Đại Đế Vương, sách “Đại Nam nhất thống chí” ghi rõ:



Tại chính miếu:

- Gian chính giữa: ở giữa thờ Phục Hy, tả nhất thờ Thần Nông, hữu nhất thờ Hoàng Đế, tả nhị thờ Đế Nghiêu (Đường Nghiêu), hữu nhị thờ Đế Thuấn (Ngu Thuấn), tả tam thờ Hạ Vũ Vương, hữu tam thờ Thương Thang Vương, tả tứ thờ Chu Vũ Vương.

- Gian tả nhất thờ 5 vị vua khai sáng dân tộc Việt: Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Hùng Vương, Sĩ Vương, Đinh Tiên Hoàng.

- Gian hữu nhất thờ Lê Đại Hành và 3 vị vua triều Lý (Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Anh Tông).

- Gian tả nhị thờ 3 vị vua triều Trần (Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông).

- Gian hữu nhị thờ 4 vị vua triều Lê (Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông, Lê Trang Tông, Lê Anh Tông).

Tại tả vu và hữu vu mỗi bên đặt 5 án thờ:

Tả vu thờ 14 vị, trong đó có 6 danh tướng Trung Quốc: Phong Hậu, Cao Dao, Long Bá Ích, Phó Duyệt, Lữ Vọng, Thiệu Hổ; và 8 danh tướng Việt Nam: Nguyễn Bặc, Lê Phụng Hiệu, Tô Hiến Thành, Trần Nhật Duật, Trương Hán Siêu, Lê Niệm, Lê Xí, Hoàng Đình Ái.

Hữu vu thờ 15 vị, trong đó có 8 danh tướng Trung Quốc: Lục Mục, Hậu Quì, Bá Di, Y Doãn, Chu Công Đán, Thiệu Công Thích, Phương Thúc, Lê Hiến và 4 danh tướng Việt Nam: Đinh Liệt, Lê Khôi, Trịnh Duy Thuần, Phùng Khắc Khoan.

Với vị trí đặc biệt quan trọng đời sống tâm linh của triều đình nhà Nguyễn, miếu Lịch Đại Đế Vương được xếp vào hàng Liệt miếu (ngang hàng với các miếu thờ tổ tiên nhà Nguyễn), đồng thời được nhà Nguyễn định ra các quy tắc trong tế tự: ngoài 2 ngày đại tế (tháng 2 và tháng 8 âm lịch), gặp năm có khánh điển (lễ lớn)



thì Vua sẽ đích thân tế lễ, còn thường thì phái hoàng tử đi khâm mạng (thay vua). Sách Đại Nam thống nhất chí đã ghi nhận lại những năm Vua đích thân lên tế lễ tại miếu Lịch Đại Đế Vương: năm Minh Mạng thứ 11 (1830) và 21 (1840), hai lần rước Thánh Tổ Nhân hoàng đế thân đến làm lễ; năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) và thứ 6 (1846), hai lần rước Hiến Tổ Chương hoàng đế thân đến làm lễ; Năm Tự Đức thứ 4 (1851), rước Kim Thượng đế đến làm lễ.

Trên tạp chí “Những người bạn cố đô Huế” (B.A.V.H) tập 1, năm 1914), có đăng bài khảo cứu: Liệt kê các đền miếu và những nơi thờ tự ở Huế của hai nhà nghiên cứu: A. Sallet và Nguyễn Đình Hòe đã khảo tả về ngôi miếu này; tác giả viết: “...Hiện nay chỉ còn ngôi nhà chính thờ các bài vị của Vua và Chúa, hai nhà ngang thờ bài vị của các công thần. Xung quanh có tường, ở trước cổng tam quan có chữ nhưng nay đã bị xóa”.

Miếu Lịch Đại Đế Vương không chỉ thờ các Vua Hùng mà còn thờ tất cả các minh quân danh tướng tiêu biểu của cả nước ta qua các thời kì. Đây là một ngôi miếu độc đáo ở nước ta thuộc dạng này được ghi lại khá đầy đủ trong “Đại Nam nhất thống chí” và “Đại Nam hội điển sử lệ”. Tuy nhiên, do thời gian và chiến tranh đã làm cho ngôi miếu này bị đổ nát và đi vào quên lãng. Khu nền miếu đã bị hộ dân xâm chiếm, xây dựng nhà cửa. Đã đến lúc chúng ta cần xem xét và khôi phục lại miếu Lịch Đại Đế Vương để làm nơi thờ tế Vua Hùng trong ngày Giỗ Tổ mồng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm.



ĐỀN THỜ HÙNG VƯƠNG TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Đến ngã sáu trung tâm Thành Phố Nha Trang, theo đường Lê Thánh Tôn khoảng 200m gặp một công viên tráng lệ. rẽ phải, tới đường phố sầm uất mang tên Ngô Gia Tự thuộc phường Tân Lập. Giữa không khí nhộn nhịp, sôi động của thành phố xuất hiện một ngôi đền uy nghiêm trong không gian tĩnh lặng. Đó là đền Hùng Vương, ngôi đền được nhân dân đời đời tôn kính. Chỉ gọi tên thôi, đủ để cho mọi người biết được tấm lòng thành kính của nhân dân Nha Trang – Khánh Hòa đối với Vua Hùng như thế nào.

Với đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, nhớ về Tổ tiên, về đất Tổ Vua Hùng cái nôi sinh ra con cháu Lạc – Hồng, năm 1971, các tầng lớp nhân dân Nha Trang – Khánh Hòa bao gồm các thân hào, nhân sĩ, trí thức, tu sĩ, học sinh, sinh viên... đã thành lập Ban sáng lập vận động xây dựng đền Hùng Vương ở thành phố Nha Trang. Ban đã vận động quyên góp được trên 10 triệu đồng (tương đương 1000 lượng vàng thời bấy giờ), đồng thời giám sát thi công xây dựng trong vòng ba năm. Đặc biệt, thật cảm động khi các em học sinh nhin ăn quà sáng để tiết kiệm tiền và tổ chức đi gắn huy hiệu trong thành phố quyên góp tiền xây dựng đền Hùng Vương.



Ngày 25/6/1973 đền Hùng Vương đã được khánh thành long trọng, trang nghiêm, thành kính, với sự tham dự đông đủ của mọi tầng lớp nhân dân Nha Trang – Khánh Hòa.

Từ đó đến nay, nhân dân Nha Trang – Khánh Hòa có một ngôi nhà chung, ngôi nhà thờ Tổ tiên. Mỗi năm đến ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch là dịp con cháu tề tựu về đây làm lễ dâng hương lên Đức Quốc Tổ Hùng Vương để tỏ lòng thành kính tri ân cha ông đã khai sinh ra dân tộc, đất nước và con người Việt Nam.

Đền Hùng Vương với cổng Tam Quan xây theo kiểu cổ lầu, trên đỉnh có đắp hình “lưỡng long chầu nguyệt” nổi bật lên không gian trước đền. Hệ thống uốn cong được cách điệu hình dấu dao và nâng lên bởi 4 trụ cột, có 4 câu đối bằng chữ Hán Nôm. Chính giữa cổng có đắp chữ nổi “Đền Hùng Vương”. Hai bên cổng có hình phù điêu ngựa đen ở bên phải, ngựa bạch ở bên trái đứng chầu trang nghiêm. Tất cả tạo nên khung cảnh bề thế của ngôi đền.

Qua khoảng sân rộng là đền tòa chính điện, 4 trụ tròn lớn có chạm khắc hình rồng, đầu quay xuống rất sinh động, nâng hệ mái trước hàng hiên cửa đền. Hệ cửa được thể hiện đường nét kiểu “thượng song hạ bản” mang đậm bản sắc dân tộc.

Nội thất của đền được chia làm ba gian: chính điện, tả ban, hữu ban. Giữa các gian là hai hàng trụ lớn sơn son. Mỗi trụ đều có mang câu đối. Tổng cộng đền có 12 câu đối và 03 bức hoành phi.

Gian chính điện: bên trong cùng là bàn thờ chính, xây tầng thật trang trọng, được ngăn cách phía bên ngoài bằng một lớp cửa nhiều cánh bằng gỗ. Đây là bàn thờ Đức Quốc Tổ Hùng Vương. Mỗi tầng được bày biện các vật dụng thờ cúng, nghi lễ khác nhau như: lư đồng – bình hoa – lư hương – bộ từ khí, bộ đèn đồng đại, bài vị.

Đặc biệt, tầng một là tầng chính có một lư hương lớn, đặt trên một giá gỗ 3 chân, hai bên có hai chim hạc miệng ngậm li dâng



rượu, nước cúng. Phía trước có vẽ bức tranh Rồng - Phụng thể hiện ý nghĩa nòi giống Tiên Rồng...

- Tả ban: Trong cùng là bàn thờ, bên ngoài đặt một bộ kiệu bằng gỗ sơn son thếp vàng, chạm trổ hình Rồng rất đẹp. Tượng trưng cho vua Hùng.

- Hữu ban: Ngoài bàn thờ có một bài vị, một bộ võng bằng gỗ chạm trổ Rồng Phụng, sơn son thếp vàng, tượng trưng cho Hoàng hậu.

Phần mái của đền Hùng Vương xây theo lối cổ lầu. Các mặt tường cổ lầu đều vẽ các hình tượng Rồng - Phụng thể hiện ý nghĩa nòi giống Tiên Rồng.

Hiện nay trong đền Hùng Vương có nhiều hiện vật có giá trị văn hóa như: Bàn thờ Bác Hồ và tượng Bác, 12 chiếc đèn lồng, 6 chiếc lư hương, 6 bát hương, 3 bài vị, bằng gỗ, 2 mâm đựng thức vật cúng, 6 chiếc lọng, 1 trống lớn, 1 chiêng, 1 bộ tứ khí...

Ngày 02/4/1975 thành phố Nha Trang được hoàn toàn giải phóng. Cùng với khí thế chiến thắng, mặc dù có nhiều khó khăn trong những ngày đầu chính quyền cách mạng tiếp quản thành phố nhưng chính quyền và nhân dân đã không quên giữ gìn bảo vệ đền Hùng Vương, lập ngay ban quản lý đền Hùng Vương và tiếp tục duy trì, phát huy, phát triển việc tổ chức lễ Giỗ Tổ Hùng Vương hằng năm vào ngày mồng 10 tháng 3 Âm lịch theo nghi thức cổ truyền của dân tộc và mỗi năm càng nâng cao chất lượng, qui mô tổ chức.

Ngày nay, hàng năm đền Hùng Vương Nha Trang - Khánh Hoà đều được các ngành, các cấp và nhân dân quan tâm giữ gìn, trùng tu, tôn tạo. Bộ mặt của đền Hùng Vương ngày càng tăng thêm phần trang trọng, thu hút ngày càng đông đảo các tầng lớp nhân dân, các ngành, các cấp tham gia góp phần xây dựng đền và về dự lễ dâng hương Giỗ Tổ Hùng Vương. Năm 2003 xây dựng miếu thờ



Địa Tạng, khu nhà hậu cần và trang bị cơ sở vật chất hành lễ, tổng kinh phí hàng chục triệu đồng.

Ngày 26/7/1989 nhân chuyến viếng thăm tỉnh Khánh Hòa, cố thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đến thăm đền Hùng Vương, dự lễ ra mắt “hội bảo vệ văn hóa truyền thống dân gian tại Nha Trang” và lưu bút trong sổ vàng truyền thống như sau: “...Tôi thân ái chúc các bậc lão thành và anh chị em chủ trương xây dựng nhà lưu niệm đền Hùng và Hội bảo vệ văn hóa truyền thống dân gian ngày càng thêm những kết quả thiết thực trong mọi hoạt động đáng khích lệ của mình...”

Ngoài ra, các vị lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta khi về thăm Khánh Hòa, có dịp cũng đều đến viếng, dâng hương tại đền Hùng Vương. Đây là nghĩa cử và truyền thống tốt đẹp, đặc sắc của dân tộc Việt Nam đáng được trân trọng, bảo tồn và phát huy.

Năm 1995 đền Hùng Vương tại Nha Trang, Khánh Hòa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng là di tích lịch sử cấp./.



ĐỀN THỜ HÙNG VƯƠNG Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

Lâm Đồng là tỉnh miền núi phía Nam Tây nguyên, có diện tích tự nhiên gần 10 ngàn km², với số dân trên một triệu người, gồm 32 dân tộc anh em cùng chung sống. Trong số những dân tộc ít người có ba dân tộc gốc Tây Nguyên là K'ho, Mạ, Chu Ru với dân số gần 250 ngàn người, chiếm 23% tổng số dân toàn tỉnh. Dân tộc Kinh có số dân đông nhất chiếm 70% tổng số dân, sinh sống hầu hết trên các địa bàn của tỉnh Lâm Đồng xong tập trung đông nhất ở thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ và các vùng kinh tế mới tập trung. Người Kinh từ các vùng miền của Tổ quốc Việt Nam đến sinh sống và lập nghiệp trên đất Lâm Đồng đã từ rất sớm, và theo họ là cả một lễ hội. Việc thờ Vua Hùng vốn là một truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam. Huyền thoại cha Rồng – mẹ Tiên và công đức của các vua Hùng đã có công dựng nước đã thấm sâu vào tâm khảm mỗi người dân Lâm Đồng. Các đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương, các đình làng từ mọi vùng, miền được tôn tạo, xây dựng trên đất Lâm Đồng, mặc dù trải qua hàng trăm năm đã có biết bao sự biến động, nhưng tấm lòng người dân Lâm Đồng vẫn luôn hướng về “Quốc Tổ Hùng Vương”. Đặc biệt vào ngày 10/3 âm lịch từ các đình đền, từ các tên trường, tên đường, tên làng, tên đất trên các địa bàn tỉnh Lâm Đồng, nhân dân không ai bảo ai, đoàn kết, thân ái, tổ chức các hoạt động lễ hội, các hình

thức diễn xướng hướng về đất Tổ, tưởng nhớ công lao dựng nước của Các Vua Hùng để tâm niệm cùng nhau xây dựng cuộc sống mới hạnh phúc.

Trong số các địa danh mang tên Hùng Vương trên đất Lâm Đồng tiêu biểu nhất có: Đền thờ Vua Hùng ở số 9 Nguyễn Thị Nghĩa, phường 2, Đà Lạt; Đền ở số 91 Ngô Quyền, phường 6, Đà Lạt; Đền Công Hinh, khu phố 6, phường B'lao, thị xã Bảo Lộc; đền Hiệp Thạnh, xã Tam Bố, huyện Di Linh và 3 đền (thượng, trung, hạ) tại khu du lịch thác Pren, phường 3, thành phố Đà Lạt...

- Đền ở số 9 Nguyễn Thị Nghĩa được cư dân Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam xây dựng từ 1958, từ đình làng thờ thần Thành hoàng "Đức Thánh Trần". Năm 1989 đền được sửa lại và tổ chức rước chân nhang, đất, nước từ Đền Hùng (Phú Thọ) về lập bàn thờ riêng, từ đó đến nay, được tổ chức cúng lễ long trọng.

- Đền ở số 91, Ngô Quyền, Đà Lạt, được xây dựng từ năm 1947, do cư dân Thừa Thiên – Huế và Quảng Nam – Đà Nẵng lập nên. Khởi đầu đền thờ các bà Chúa Mẫu, năm 1960 lập thêm bàn thờ Đức Thánh Trần, sau ngày miền Nam giải phóng 30/4/1975, đền được sửa sang xây lại thêm nhà thờ Quốc Tổ Hùng Vương. Ngày 22/4/2002 UBND thành phố đã làm lễ an vị các linh vật (đất, nước, chân nhang) được rước từ Đền Hùng – Phú Thọ. Hàng năm, vào ngày 10/3 âm lịch tổ chức tế lễ, diễn xướng tưởng niệm công đức Vua Hùng.

- Đền Công Hinh, khu phố 6, phường B'lao, được xây dựng từ năm 1957, do cư dân Thừa Thiên – Huế lập đền. Trước 1975 là đình làng, thờ thành hoàng làng, từ năm 1978 được sửa sang lại, lập bàn thờ Quốc Tổ Hùng Vương. Năm 2003, đền được nâng cấp, tổ chức an vị linh vật lấy từ đền thờ các Vua Hùng – tỉnh Phú Thọ. Hàng năm, đến ngày 10/3 âm lịch bà con tổ chức cúng tế, diễn xướng, vui chơi, múa hát để tưởng nhớ công lao của các vua Hùng, du khách địa phương và nhân dân trong vùng đến tưởng niệm rất đông.



- Đền Hiệp Thạnh, xã Tam Bồ, Di Linh được cư dân Thanh - Nghệ Tĩnh và Thừa Thiên - Huế di vào từ năm 1958, sau 30/4/1975 bà con có sửa chữa lại, năm 2001 được xây dựng lại khá khang trang, bốn đền đã tổ chức an vị các linh vật (đất, nước, chân nhang) từ đền thờ các Vua Hùng tỉnh Phú Thọ về an vị tại đền. Hàng năm, vào ngày 10/3 âm lịch bà con tổ chức tế lễ, diễn xướng tưởng nhớ công lao các Vua Hùng.

Trước yêu cầu của công chúng hướng về đất Tổ Hùng Vương, Công ty du lịch Đà Lạt, Lâm Đồng đã đầu tư nhiều tỉ đồng, cử các nhà chuyên môn đến tận Phú Thọ, đến Chương Mỹ - Hà Tây học hỏi kinh nghiệm, thuê chuyên gia về xây dựng (mô phỏng) 3 đền (thượng, trung, hạ) khá quy mô, trên một đồi thông khá đẹp, được gắn liền với di tích thắng cảnh xếp hạng quốc gia "Thác Prem". Hàng năm, vào ngày 10/3 âm lịch công ty tổ chức cúng tế khá quy mô, được du khách thập phương và nhân dân trong vùng hưởng ứng.

Cũng như các nơi thờ tự Đức Quốc Tổ, các đơn vị trường học mang tên Hùng Vương hàng năm đều tổ chức các hoạt động tưởng nhớ công lao dựng nước của các Vua Hùng. Tại các đình làng như đình Nghệ Tĩnh, đình Định An, đình Gia Hiệp, đình Ánh Sáng... và các đền thờ Mẫu, ngày 10/3 âm lịch hàng năm nhân dân đều tổ chức cúng tế tưởng nhớ công đức các Vua Hùng, tổ chức các trò chơi, diễn xướng ca ngợi công đức Thánh Mẫu và đức Quốc Tổ...

Thờ cúng Vua Hùng là một truyền thống tốt đẹp, một nhu cầu về tình cảm, một biểu hiện về đạo đức của nhân dân các dân tộc thuộc tỉnh Lâm Đồng.

"Dù ai buôn đâu, bán đâu

Nhớ ngày Giỗ Tổ rủ nhau mà về" /.



ĐỀN THỜ HÙNG VƯƠNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thời đại Hùng Vương đã được lưu truyền sâu đậm trong tâm thức dân gian, nhất là từ khi kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực, đặc biệt là khoa học lịch sử đã chứng minh thời đại Hùng Vương là có thật trong lịch sử và là một giai đoạn lịch sử quan trọng về thời kì dựng nước đầu tiên trong diễn trình lịch sử của dân tộc ta. Với truyền thống đạo lí “Uống nước nhớ nguồn”, người dân Việt Nam qua các thời đại đã tôn vinh Tổ tiên của mình, lập những đền thờ các Vua Hùng. Tại Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Nam Bộ nói chung các thế hệ con cháu đến khấn hoang và lập nghiệp ở vùng đất mới này cũng đã luôn nhớ về cội nguồn, tổ tiên là các Vua Hùng, đã lập đền thờ tưởng nhớ công lao.

Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đến nay có một số đền thờ Vua Hùng riêng biệt; đồng thời nhiều cơ quan, đơn vị, trường học, công viên và cả tên đường cũng được đặt tên liên quan đến danh xưng, tên gọi thời đại Hùng Vương.

1. Đền thờ Hùng Vương

Ngôi đền này được xây dựng trong những năm 1930 – 1932, thoát đầu đền được thờ theo quan niệm đa tín ngưỡng, trong đó



thờ Khổng Tử và thờ Vua Hùng là tâm điểm, do Hội Khổng học quản lí. Từ năm 1975 đến nay, Bảo tàng lịch sử Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức quản lý, phát huy giá trị di tích với tên gọi là đền thờ Hùng Vương và đã đưa nhiều tư liệu, hiện vật khảo cổ học thuộc thời đại Hùng Vương (phục chế) trưng bày tại đây nhằm giới thiệu lịch sử về thời đại Hùng Vương để chứng minh thời đại Hùng Vương là có thật trong lịch sử chứ không phải là chỉ trong truyền thuyết. Những năm sau này, đền thờ Hùng Vương đã được thành phố Hồ Chí Minh đưa vào sử dụng và hàng năm tiến hành làm lễ Giỗ Tổ Hùng Vương đúng vào ngày 10 tháng 3 âm lịch.

a. Về kiến trúc:

Ngôi đền được xây dựng với một không gian mở, trên một nền cao với ba tầng ngói âm dương. Trên đỉnh mái là hình Hồ Lô, bốn góc của tầng mái trên cùng là tượng rồng và ở tầng giữa là hình tượng cá hóa rồng trong tư thế đang uốn lượn, đầu rồng quay ra ngoài góc mái, vòng quanh ô giữa của tầng mái trên cùng và là tầng mái thứ hai là những ô chữ “Thọ” bằng gỗ. Bốn góc của tầng mái dưới cùng trang trí chim phượng, đầu quay ra góc mái. Cửa đền thờ mở ra ba hướng: Bắc, Đông, Tây, mỗi cửa có ba ô, mỗi ô có bốn cánh khép lại được, phía Nam là phía hậu của đền được xây kín.

Bên trên trần gỗ, ở ô chính giữa là phù điêu rồng uốn lượn trên nền mây (thiếp vàng). Các ô tiếp theo trang trí long phụng, những ô vuông ngoài cùng của trần hình chữ nhật trang trí hình những con dơi (phúc). Mái được trụ bởi bốn hàng cột, hai hàng cột ở chính giữa – mỗi bên hai cột (nhưng không phải kiểu tứ trụ); hai hàng cột ngoài cùng, mỗi bên bốn cột. Đế cột phía dưới hình bát giác, phía trên là viên tròn. Khoảng giữa các đầu cột được trang trí các bao lam. Phía trên tường ở bên trong gắn với đầu tường là những bức họa, mỗi mặt tường có năm bức họa, với những họa



tiết trang trí như hoa mai, chim công và một số hình hoa lá khác.

Nền của đền tạo thành hành lang bao quanh, bốn mặt thành ban công, mỗi bậc cửa lên xuống là những bậc xây bằng những tảng đá xanh. Hai bên bậc lên xuống của ba cửa là hình rồng đang lượn trên những đám mây, đuôi ở trên, đầu chúc xuống phía dưới.

b. Đồ thờ cúng.

Đồ thờ:

Hiện tại trong đền thờ có ba bàn thờ, ở phía trước chính giữa một bàn thờ có lư hương lớn, phía dưới là chậu đựng 18kg đất và một bình nước được rước từ Đền Hùng (Phú Thọ) về. Phía sau có ba bàn thờ, bàn thờ chính giữa, trên bài vị có hàng chữ: Việt Nam Quốc Tổ Tiên Đế Hùng Vương Ngọc Lục Hội. Hai bên là hai bàn thờ nhỏ bằng đồng, trên bàn thờ đều có ngai thờ.

Đồ cúng:

Đồ cúng trong dịp Giỗ Tổ Hùng Vương có bánh chưng, bánh giầy, xôi, chè và các hoa quả khác, đặc biệt là bánh tét (đặc trưng phía Nam), đồ mặn thường là gà luộc, lợn luộc, lợn quay, trâu cau, rượu, nước...

c. Phần lễ.

Hàng năm đúng vào ngày 10/3 âm lịch; Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ Chí Minh đứng ra tổ chức lễ Giỗ Tổ Hùng Vương theo nghi thức truyền thống.

Chương trình buổi lễ gồm có nghi thức khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, diễn văn của Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp theo là đọc chúc văn do một cụ cao niên, khỏe mạnh, có giọng đọc truyền cảm thực hiện. Chúc văn có nội dung cơ bản là ca ngợi công lao của các Vua Hùng trong việc dựng nước, giữ nước và những lời báo công của



các thế hệ đời sau trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước nói chung và ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng qua các thời kì lịch sử, thể hiện sự đền ơn, tiếp nối truyền thống dựng nước và giữ nước của thời đại Hùng Vương. Tiếp theo là lễ dâng hương, dâng hoa của các đồng chí lãnh đạo Thành phố, các vị đại biểu và Ban quý tế nam, quý tế nữ, với các thành viên được lựa chọn và thường là những người đã thực hành cúng đình, đến trên địa bàn thành phố có kinh nghiệm.

d. Phần hội:

Hằng năm, trong thời gian lễ Giỗ Tổ Hùng Vương diễn ra tại đền, trong khu vực sân đền thờ đều diễn ra phần hội khá phong phú như: múa lân, rồng, cờ người, một số trò chơi dân gian, đặc biệt là việc tổ chức ẩm thực với các món ăn truyền thống của người Việt.

Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương hằng năm tại đây đã thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân, các ngành, các cấp, các giới, các đoàn thể xã hội của thành phố tham dự với không khí vừa trang nghiêm, trọng thể, vừa vui nhộn trong không khí hội hè.

Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương diễn ra tại đền đã góp phần thôi thúc thêm niềm tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc; giáo dục cho thế hệ trẻ hôm nay về thời kì dựng nước và giữ nước đầu tiên của dân tộc ta trong thời đại các vua Hùng.

2. Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương tại quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ bưu điện trung tâm thành phố qua đại lộ Trần Hưng Đạo hướng Tây đi thẳng chừng 3km gặp đường Trần Bình Trọng rẽ tay trái là đến hẻm 22/93, nơi đây có đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương. Đền thờ nằm tại mặt tiền của con hẻm phố với diện tích chừng 60m², mái lợp tôn, tường gạch. Kiến trúc nhà gồm tiền điện, chính điện và nhà phía sau có gác gỗ.

Phía trên tường của mặt tiền có đề “Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương”. Đền có hai lớp cửa ra vào, lớp ngoài được thiết kế với cửa sắt kéo ở chính giữa, chiều rộng 1.46m x cao 2.40m, cửa phụ bằng gỗ ở hai bên, mỗi bên cửa rộng chừng 1.05m x cao 2.15m. Qua khỏi cửa ngoài chừng hơn 1m là đến lớp cửa pa nô bốn cánh bằng sắt vuông có gắn kính màu trà, cửa có chiều rộng 3.83m, cao 2.40m, trên có treo bức hoành phi tựa đề “Nam thiên Quốc Tổ”. Người phụ trách đền thờ là ông Nguyễn Viên, năm nay trên 70 tuổi thông tin rằng bức hoành phi này có từ năm 1970. Qua khỏi lớp cửa thứ hai là phần nền nhà hình chữ nhật, toàn bộ diện tích này để thờ cúng các vua Hùng. Tại chính điện phía trên có hai bức trướng với màu sắc rực rỡ của cặp “lưỡng long tranh châu” phủ lên dòng chữ “uống nước nhớ nguồn”, hai bên chính điện, mỗi bên có một tấm liềm bằng gỗ, tấm liềm bên phải có ghi “Bốn ngàn năm văn hiến vững bền xây”, tấm liềm bên trái ghi “Bảy chục triệu đồng bào cùng chung một gốc”.

Khám thờ các Vua Hùng nơi chính điện được xây dựng bằng bê tông, cốt sắt và gạch, mặt trước và hai bên khám thờ được ốp gạch men. Khám thờ được thiết kế hai tầng. Tầng dưới là nơi có các di vật để phục vụ thờ cúng như: lư hương, chân đèn bằng đồng, đĩa quả, bát nhang, bình hoa bằng gốm sứ, được bài trí trang nghiêm theo quan niệm “Đông bình Tây quả”. Tầng hai là nơi thờ bài vị Vua Hùng chất liệu bằng gỗ, hình chữ nhật với tượng Vua Hùng ngồi trên ngai uy nghi, chững chạc; bên phải có Lạc hầu, bên trái có Lạc tướng. Vách tường sau tượng Vua Hùng ở phía trên có thờ Trời với dòng chữ “Tổ tiên chứng giám, đại đạo sinh tồn”, trên ban thờ có biểu tượng lưỡng nghi (âm và dương). Cũng tại chính điện cao hơn ở phía bên phải là tượng thờ Quốc Mẫu Âu Cơ với tư thế ngồi của Phật, nét mặt đôn hậu nhân từ, bên trái chính điện thờ ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Trên vách tường trái của đền thờ có treo một bức tranh lớn phác họa cổng Đền Hùng tại Phú Thọ với những hình ảnh sinh động về ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch. Trên bức tranh có hai câu thơ:

Chim có tổ người có tông

Tổ tiên là đấng hóa thân sinh thành

Dưới bức tranh vẽ là tấm bảng gỗ ghi lại danh xưng 18 chi đời Hùng Vương, các triều đại của Nhà nước phong kiến Việt nam cho đến khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập tháng 8 năm 1945. Đối diện với vách tường bên trái, ở vách tường bên phải của đền thờ có một cửa thông ra căn hẻm phố, cửa sắt kéo này có tác dụng mở rộng không gian đền, làm cho nội thất đền rộng và sáng hơn mỗi khi có lễ Giỗ Tổ hàng năm. Cạnh cửa sắt trên vách tường của đền thờ có ghi rõ tên chi của Hội đoàn (Ban cúng lễ) với nội dung:

- Với gia đình: Kính hiếu ông bà cha mẹ, hòa thuận anh em.
- Với xã hội: Khiêm nhường, lễ phép, giúp đỡ tha nhân.
- Với bản thân: Trung thành đạo pháp Tổ tiên, giữ gìn luật giới, tu luyện bản thân.

Hàng năm cứ đến ngày mồng 10/3 âm lịch, đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương lại sôi động hẳn lên bởi không khí náo nhiệt, đông vui, ấm áp tình người của hàng ngàn con dân đất Việt từ khắp nơi đổ về dự lễ Giỗ Tổ Hùng Vương với tấm lòng thành kính, tri ân công đức Các Vua Hùng.

3. Đền thờ Hùng Vương tại khu du lịch Suối Tiên

Tại đây đã xây dựng một ngọn núi nhân tạo khá cao bằng chất liệu Camposit, trên đỉnh núi dựng đền thờ Hùng Vương; trong đền có tượng Vua Hùng, đầu đội mũ lông chim, kích thước khá lớn. Đi trên đường xa lộ Hà Nội có thể chiêm ngưỡng được toàn



cảnh khu vực đền thờ. Hàng năm, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức trang nghiêm, trọng thể; có hàng chục ngàn người từ khắp nơi về dự lễ dâng hương với tâm lòng biết ơn thành kính.

4. Đền Tưởng niệm Các Vua Hùng tại Quận 9.

Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang xây dựng công viên lịch sử văn hóa dân tộc rộng hàng trăm hecta, trong đó có Đền tưởng niệm các Vua Hùng. Nhìn từ trên cao xuống là hình chim Lạc, chính giữa là hình mặt trống đồng. Trong gian thờ có bàn thờ và ngai thờ Vua Hùng và ngai thờ Lạc hầu, Lạc tướng. Dọc đường từ dưới lên đền thờ là các bậc đá, phía trên vách đá hai bên sẽ thể hiện những bức tranh phản ánh nội dung lịch sử, văn hóa thời đại Hùng Vương dựng nước./.



ĐỀN THỜ HÙNG VƯƠNG Ở TỈNH ĐỒNG NAI

1. Đền thờ Hùng Vương ở Biên Hòa

Đền thờ Hùng Vương tọa lạc trên khu đất rộng khoảng hơn 3000m², thuộc khu phố 3, phường Bình Đa; cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 7 km theo Quốc lộ 15 đến chợ Tam Hiệp, rẽ phải theo đường Trần Quốc Toản khoảng 150m.

Đền được xây dựng năm 1968 do sáng kiến của 14 vị trưởng lão xã Tam Hiệp. Năm 1971 đền được khánh thành và đi vào hoạt động. Đền đã qua nhiều đợt trùng tu, tôn tạo. Ngôi đền hiện nay có diện tích 230m², được xây dựng kiên cố. Đồ thờ cúng được bài trí phù hợp với truyền thống văn hóa của người Việt Nam. Đền có khuôn viên rộng thoáng dang, có bồn hoa, cây cảnh, có hòn non bộ, lại được hưởng gió mát từ sông Đồng Nai thổi lên; là nơi sinh hoạt văn hóa và là địa điểm tham quan lý tưởng cho du khách thập phương.

Từ ngoài vào, cổng đền có bức hoành phi “Quốc Tổ Hùng Vương”. Bên trong đền thờ, gian chính điện thờ Quốc Tổ Hùng Vương, bên tả thờ quan võ, bên hữu thờ quan văn, trước chính điện thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, hàng năm nhân dân địa phương được sự hỗ trợ của các cấp chính quyền đã long trọng tổ



chức Giỗ Tổ Hùng Vương vào hai ngày 9 và 10 tháng 3 âm lịch. Các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND, MTTQ tỉnh; lãnh đạo các Sở, ban, ngành và lãnh đạo TP. Biên Hòa đã đến dâng hương, dự lễ Giỗ Tổ Hùng Vương.

Việc tổ chức buổi lễ được chuẩn bị rất chu đáo, long trọng. Ngày mồng 9 tháng 3 âm lịch, đông đảo nhân dân địa phương tham gia làm vệ sinh, sửa sang, quét dọn trong và ngoài điện. Các vị cao niên, có chức sắc sắp đặt lại các đồ thờ cúng. Các nghệ nhân trang trí khánh tiết cho ngày lễ. Tất cả đều làm việc một cách tự nguyện, thể hiện tấm lòng thành kính của mình với tổ tiên.

Sau lễ tắm tượng là sắp bày lễ vật. Lễ vật được các nghệ nhân trang trí một cách công phu gồm: Mâm ngũ quả hình rồng, phượng, lân; bông hoa, rượu, heo quay, bánh chưng, bánh giày...

Phần lễ có Lễ cáo yết và lễ Giỗ Tổ.

Lễ cáo yết: Chiều ngày mùng 9, ban khánh tiết tiến hành dâng hương hoa, lễ vật nhằm mục đích mời Quốc Tổ, các tướng lĩnh, Bác Hồ về dự lễ hội cùng con cháu.

Trong ngày hôm đó, từ 7h đến 11h; hoạt động văn hóa, nghệ thuật diễn ra dưới nhiều hình thức: hát dân ca, hát chèo, hát quan họ, hát tuồng, hát cải lương,... Nội dung mang ý nghĩa giáo dục truyền thống, nhằm nhắc nhở con cháu về cội nguồn dân tộc, ghi nhớ công ơn dựng nước của các Vua Hùng. Ngoài ra còn có chương trình diễu diễn nghệ thuật của Trung tâm VH TT tỉnh và TP. Biên Hòa.

Lễ giỗ Quốc Tổ: Sáng mồng 10/3 là chính lễ, mở đầu bằng nghi thức đọc diễn văn ca ngợi công đức các Vua Hùng.

Phần tế lễ: do Ban quý tế thực hiện gồm: Ban nhạc lễ và đội tế (Chủ tế, bồi tế và các tế viên) trong trang phục truyền thống, đội mũ cánh chuồn, áo dài xanh, quần trắng, chân quần xà cạp, đi hia



đen. Chủ tế mặc áo đỏ, ban nhạc lễ điểm chiêng trống. Chiêng trống được khởi với 3 hồi, 3 tiếng như một hiệu lệnh để mở màn cho buổi tế lễ.

Nghi thức dâng hương: sau phần khai màn buổi tế lễ, chánh tế cùng những người trong ban quý tế tập trung trước chính điện với nghi thức dâng hương, tiến rượu lên bàn thờ Quốc Tổ; sau đó đọc chúc văn. Đọc xong thì mời rượu ở bàn thờ Bác Hồ, các vị quan văn, quan võ, các tướng sĩ xung quanh Quốc Tổ. Đồng thời với việc mời rượu là hóa vàng và đốt văn tế. Sau phần nghi thức của ban tế là phần dâng hương bày tỏ tấm lòng biết ơn sâu sắc của dân làng, khách thập phương đối với tổ tiên, những người đã có công mở nước, dựng nước và giữ nước.

Phần hội: diễn ra vào ngày chính lễ (trưa mồng 10). Ban tổ chức tiếp đãi quan khách; mọi người quây quần bên nhau trong niềm hân hoan của ngày hội. Ngoài sân là các hoạt động văn hóa, thể thao, đánh cờ, múa lân, ca hát,...

Khi phần hội kết thúc. Lễ tạ Tổ tiên được tiến hành vào chiều mồng 10. Lễ tạ diễn ra ngoài sân đền. Lễ vật gồm: hương, hoa, trà, rượu, muối, gạo,... với ý nghĩa trước là tạ tổ, sau là cúng cho vong hồn những người không nơi nương tựa, cầu cho dân làng được bình an, hạnh phúc, làm ăn phát đạt.

Cứ đến ngày Giỗ Tổ mồng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm, người Biên Hòa – Đồng Nai lại tề tựu về đền thờ Hùng Vương, phường Bình Đa, TP. Biên Hòa để dâng hương tưởng nhớ Vua Hùng, Bác Hồ và các anh hùng có công dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước.

Nhớ câu ca dao xưa: “Dù ai đi ngược về xuôi; Nhớ ngày Giỗ Tổ mồng 10 tháng 3”; người Biên Hòa - Đồng Nai luôn nhớ về đất Tổ, tôn kính các Vua Hùng. Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương ở phường Bình Đa, TP. Biên Hòa sẽ mãi mãi là nơi để cộng đồng người Việt

thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, tưởng nhớ đến Tổ tiên của mình.

2. Đền thờ Hùng Vương ở huyện Tân Phú

Đền thờ Hùng Vương, ấp Phú Lâm, xã Phú Sơn, huyện Tân Phú tọa lạc trên khu đất khoảng 3140m². Đền có diện tích 140m², trên một ngọn đồi cao, thoáng mát, trong khu dân cư, sát lộ 20, cách Biên Hòa khoảng 100km, cách TP. Hồ Chí Minh khoảng 130km.

Đền được xây dựng năm 1957 do nhân dân ấp Phú Lâm, xã Phương Thọ, quận Định Quán, tỉnh Long Khánh cũ (nay là ấp Phú Lâm, xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai) xây dựng. Phần lớn nhân dân ấp Phú Lâm đều là người Bắc di cư vào. Những người sáng lập như ông Nguyễn Văn Bèo, ông Đỗ Văn Bàng, ông Nguyễn Bá Hưng và một số người khác đều đã quá cố. Ngôi đền ban đầu được làm bằng gỗ, mái lợp lá rất đơn sơ. Đến năm 1992, bà con ấp Phú Lâm quyên góp xây dựng lại ngôi đền khang trang hơn với tường xây, mái lợp ngói, nền xi măng.

Hàng năm vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch, Ban quản lý đền thường tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương quy tụ đông đảo nhân dân đến dâng hương cúng lễ. Nghi thức cúng tế và trang phục, rước lễ được thực hiện như nghi lễ Giỗ Tổ Hùng Vương tại Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên nghi lễ có phần đơn giản hơn.

Ngoài ra hàng năm cũng tại ngôi đền này, Ban quý tế và nhân dân địa phương còn tổ chức lễ giỗ đức thánh Trần Hưng Đạo vào ngày 20 tháng 8 âm lịch, lễ Thượng nguyên ngày 16 tháng Giêng, lễ Tất niên ngày 26 tháng Chạp. Tuy đây chỉ là ngôi đền nhỏ thờ các vị Vua Hùng của một ấp nhưng ảnh hưởng rất lớn đến ý thức, tình cảm của người dân trong khu vực. Từ lâu đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân địa phương./.



Rước Lễ vật dâng Thánh Tổ Hùng Vương

Ảnh: TTXVN



PHẦN PHỤ LỤC

BẢNG THỐNG KÊ 18 CHI ĐỜI VUA HÙNG (TỪ 2879 TR.CN ĐẾN 258 TR.CN)

STT	Thuộc chi	Hiệu Vua	Huý	Số đời	Số năm giữ Vương quyền
1	Chi Càn	Kinh Dương Vương	Lộc Tục		86 năm (từ 2879 - 2794) TCN
2	Chi Khảm	Lạc Long Quân	Sùng Lâm		269 năm (từ 2793 - 2525) TCN
3	Chi Cấn	Hùng Quốc Vương	Lâm lang		282 năm (từ 2524 - 2253) TCN
4	Chi Chấn	Hùng Hoa Vương	Bửu Lang		342 năm (từ 2252 - 1918) TCN



STT	Thuộc chi	Hiệu Vua	Huý	Số đời	Số năm giữ Vương quyền
5	Chi Tồn	Hùng Hy Vương	Bảo Lang		204 năm (từ 1917 - 1913) TCN
6	Chi Ly	Hùng Hồn Vương	Long Tiên Lang	2	80 năm (từ 1712 - 1632) TCN
7	Chi Khôn	Hùng Chiêu Vương	Quốc Lang	5	200 năm (từ 1631 - 1432) TCN
8	Chi Đoài	Hùng Vi Vương	Vân Lang	5	100 năm (từ 1431 - 1332) TCN
9	Chi Giáp	Hùng Định Vương	Chân Nhân Lang	3	80 năm từ 1331 - 1252) TCN
10	Chi ất	Hùng Uy Vương	Hoàng Long Lan	3	90 năm (từ 1251 - 1162) TCN
11	Chi Bính	Hùng Trinh Vương	Hưng Đức Lang	4	107 năm (từ 1161 - 1055) TCN
12	Chi Đinh	Hùng Vũ Vương	Đức Hiến Lang	3	86 năm (từ 1054 - 969) TCN
13	Chi Mậu	Hùng Việt Vương	Tuấn Lang	5	105 năm (từ 968 - 854) TCN



STT	Thuộc chi	Hiệu Vua	Huý	Số đời	Số năm giữ Vương quyền
14	Chi Kỷ	Hùng Anh Vương	Viên Lang	4	99 năm (từ 853 - 755) TCN
15	Chi Canh	Hùng Triệu Vương	Cảnh Chiêu Lang	3	94 năm (từ 754 - 661) TCN
16	Chi Tân	Hùng Tạo Vương	Đức Quân Lang	3	92 năm (từ 660 - 569) TCN
17	Chi Nhâm	Hùng Nghi Vương	Bảo Quang Lang	4	160 năm (từ 568 - 409) TCN
18	Chi Quý	Hùng Duệ Vương	Huệ Lang		150 năm (từ 408 - 258) TCN



THỐNG KÊ CÁC DI TÍCH THỜ VUA HÙNG VÀ CÁC NHÂN VẬT LIÊN QUAN ĐẾN THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG Ở VIỆT NAM

(Tổng số trong toàn quốc: 1417 di tích)

STT	TỈNH PHÚ THỌ (326 di tích)	
1. Huyện Lâm Thao		
1	Đình Tập Lục (đình xóm Mờ), xã Tiên Kiên	Thờ Hùng Vương thứ 18
2	Đình Khuân (đình Cả, đình Trung), xã Tiên Kiên	Thờ các Vua Hùng và Thần núi
3	Đình Hậu Lộc (kẻ hậu), xã Chu Hóa	Thờ 18 đời Hùng Vương, Đột Ngột Cao Sơn, Ất Sơn, Viễn Sơn, Tiên Dung, Ngọc Hoa công chúa.
4	Đình Triệu Phú (làng Treo), xã Hy Cương	Thờ 18 đời Hùng Vương, Đột Ngột Cao Sơn, Ất Sơn, Viễn Sơn, Tiên Dung, Ngọc Hân Công Chúa.
5	Đình Cổ Tích (đình Cả), xã Hy Cương	Thờ Vua Hùng và Cao Sơn Đại Vương
6	Đình Đông, xã Chu Hóa	Thờ 18 đời Vua Hùng
7	Đình Kệ, xã Kinh Kệ	Thờ Đại Vương Lý Bân Cảnh
8	Đình Chấn, xã Tiên Kiên	Thờ 18 đời Hùng Vương
9	Đình Cả, xã Chu Hóa	Thờ 18 đời Hùng Vương và Đột Ngột Cao Sơn



10	Đình làng Hạ, xã Chu Hóa	Thờ Đức Vua Nhị Đông Hải Đại Vương
11	Đình Chu Hóa Thượng, xã Chu Hóa	Thờ Đức Vua Nhị Đông Hải Đại Vương
12	Chùa Thượng, xã Chu Hóa	Thờ Đức vua Tam Đông
13	Đình Vàng, xã Cao Xá	Thờ Nguyễn Kỳ
14	Đình Cao Xá (đình Sỏi), xã Cao Xá	Thờ Bá Lang Quang Khẩu, Chiêu Minh Thái Hậu
15	Đình Cao Xá (đình Cao), xã Cao Xá	Thờ Bát Hải Long Vương, Quý Minh Đại Vương
16	Đình thôn Vĩnh Mộ, xã Cao Xá	Thờ Nguyễn Kỳ
17	Đình Thanh Đình, xã Thanh Đình	Thờ Tản Viên Sơn, Quý Minh Đại Vương
18	Đền Nhà Bà, xã Cao Mại	Thờ Nguyệt Cư Công chúa
19	Đình Sơn Thị, xã Cao Mại	Thờ Nguyệt Cư công chúa
20	Đình, chùa Lâm Nghĩa, xã Cao Mại	Thờ Đông Hải Đại Vương
21	Đình Đông Chấn, xã Cao Mại	Thờ Lý Văn Lang
22	Đình Bình Chính, xã Cao Mại	Thờ Lý Lang Công
23	Đình Côi Nhãn, xã Sơn Vi	Thờ Đại Hải Công
24	Đền Giếng Giá, xã Sơn Vi	Thờ Đại Hải Công
25	Đình Nội, xã Sơn Vi	Thờ Tướng Hắc Hải
26	Đình Do Nghĩa, xã Sơn Vi	Thờ Đại Hải Công
27	Miếu Mộc Xanh, xã Sơn Vi	Thờ Mộc Xanh Đại Vương
28	Đình Viêng, xã Sơn Vi	Thờ vọng mẹ Đại Hải Công
29	Đình Sơn Vi, xã Sơn Vi	Thờ Cao Sơn, Quý Ất, Bạch Minh, Xanh Công, Quý Minh Đại Vương



30	Đình Cổ Nhuế, xã Kinh Kệ	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
31	Đình Hữu Bồ Thượng, xã Kinh Kệ	Thờ Thánh Mẫu, Đình Công Tuấn
32	Đình Hữu Bồ Hạ, xã Kinh Kệ	Thờ Đình Công Tuấn
33	Miếu Vũ, xã Bản Nguyên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
34	Miếu xóm Dã, xã Tiên Kiên	Thờ Hùng Vương thứ 18
35	Miếu Sơn Dương, làng Sơn Sương	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
36	Đình Ngọc Lâm, xã Hà Lộc	Thờ Hùng Vương
37	Đình Văn Thê, xã Hà Lộc	Thờ Hùng Vương
38	Đình Lục, xã Hà Lộc	Thờ Hùng Vương
39	Đình Ngọc Châm, xã Hà Lộc	Thờ Đột Ngột Cao Sơn
40	Đình Liêng, xã Văn Lung	Thờ Cao Sơn, Bách Sơn, Trường Bạch, Tiên Dung
41	Đình Mua, xã Tiên Kiên	Thờ Hùng Vương
42	Khu di tích lịch sử Đền Hùng, thôn Cổ Tích, xã Hy Cương	Thờ Vua Hùng, Đột Ngột Cao Sơn, Ất Sơn, Viễn Sơn, vợ con các Vua Hùng
43	Đền Hạ, khu di tích Đền Hùng	Thờ Vua Hùng.
44	Đền Trung, khu di tích Đền Hùng	Thờ Vua Hùng.
45	Đền Thượng, khu di tích Đền Hùng	Thờ Vua Hùng.
46	Đền Giếng, khu di tích Đền Hùng	Thờ Tiên Dung Công chúa và Ngọc Hoa công chúa

2. Huyện Phù Ninh

1	Đình Kim Đái, xã Kim Đức	Thờ Vua Hùng
2	Đình Thét, xã Kim Đức	Thờ Vua Hùng



3	Miếu Lãi Lèn, xã Kim Đức	Thờ Vua Hùng
4	Miếu Lạn, xã Phù Ninh	Thờ Đột Ngột Cao Sơn, Ất Sơn, Ấp Đạo Quang, Thành Hoàng Đại Vương Thánh Vị
5	Đình Thọ Khảo, xã Phù Ninh	Thờ Đột Ngột Cao Sơn, Ất Sơn, Ấp Đạo Quang, Thành Hoàng Đại Vương Thánh Vị và 18 đời Vua Hùng
6	Đình Hùng Lô, xã Hùng Lô	Thờ Vua Hùng thứ 18
7	Đền Sơn Dương, xã Sơn Dương	Thờ Quý Minh Đại Vương
8	Đình Bình Bộ, xã Bình Bộ	Thờ Ất Sơn, Viễn Sơn, Vũ Lâm Đại Vương
9	Đình thôn Trung, xã Kim Đức	Thờ Ất Sơn, Viễn Sơn, Vũ Lâm Đại Vương
10	Đền Mẫu (đền Nhà Bà), xã Tiên Du	Thờ Tiên Dung Công chúa
11	Đình Hương Cốc, xã Hạ Giáp	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Linh Lang Đại Vương
12	Đình Cả, xã Phú Nham	Thờ thất vị đức vua, nhất vị đức vua
13	Đền Thái Tổ (đền Tổ), xã Trạm Thán	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Bạch Thạch Đại Vương
14	Đình Lâm, xã Trạm Thán	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
15	Đình Ngoại, xã Trạm Thán	Thờ U Sơn, Ả Quang Kế, Thái Sơn Bạch Hồ, Cao Sơn, Quý Minh đại Vương
16	Đình thôn Nhương Bộ, xã Vĩnh Phú	Thờ Đô Trạch Quan Đại Vương
17	Đình Tranh, xã Vĩnh Phú	Thờ Đô Trạch Trần Quan



18	Đình Long Châu, xã Trạm Thán	Thờ U Sơn, Ả Quang Kế, Thái Sơn Bạch Hồ, Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
19	Đình An Lăng, xã Trị Quận	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
20	Đình Trạch, xã Trị Quận	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
21	Đình Trung, xã Trị Quận	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
22	Đình Ninh Viễn, xã Trị Quận	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
23	Đình Hạ, xã Trị Quận	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
24	Đình Tử Đà, xã Trị Quận	Thờ Ất Sơn, Viễn Sơn, Cao Sơn Đại Vương
25	Đình Hùng, xã Liên Hoa	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
26	Đình Phù Lão, xã Liên Hoa	Thờ Cao Sơn Đại Vương
27	Đình Bảo Thanh, xã Bảo Thanh	Thờ 10 vị, có dòng dõi Hùng Vương
28	Đình Thôn Bung, xã Bảo Thanh	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
29	Đình Tiên Du, xã Chân Mộng	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
30	Đình Kim Lăng, xã Chân Mộng	Thờ Út Sơn, Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
31	Đình Chân Mộng, xã Chân Mộng	Thờ Út Sơn, Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
32	Đình An Thái, xã Kim Đức	Thờ Ất Sơn, Viễn Sơn Đại Vương



33	Đình Phú Long, xã Phú Lộc	Thờ Cao Sơn Đại Vương
34	Đình Trung, xã Kim Đức	Thờ Ất Sơn, Viễn Sơn, Áp Đạo Quang Đại Vương
35	Đình Hội, xã Kim Đức	Thờ Ất Sơn, Viễn Sơn, Áp Đạo Quang Đại Vương
36	Đình An Đạo, xã An Đạo	Thờ Út Sơn
37	Đình Phù Lỗ, xã Phù Lỗ	Thờ tướng thời Hùng Vương
38	Đình Xuân Hưng, xã Phù Lỗ	Thờ 6 vị tướng thời Hùng Vương
39	Đình Ngọc Khôi, xã Phù Ninh	Thờ Đột Ngột Cao Sơn, Viễn Sơn Đại Vương
40	Đình Phú Mãn, xã Phù Ninh	Thờ Đột Ngột Cao Sơn, Viễn Sơn Đại Vương
41	Đình Phù Lưu, xã Trung Giáp	Thờ Đột Ngột Cao Sơn, Viễn Sơn Đại Vương
42	Đình Khuân Dậu, xã Trung Giáp	Thờ Hùng Hương
43	Đình Dợm, xã Vụ Quang	Thờ Cao Sơn Đại Vương
44	Đình An Thọ, xã Vụ Quang	Thờ Cao Sơn Đại Vương
45	Đình Vân Khê, xã Vụ Quang	Thờ Dương Sơn, Linh Sơn, Út Sơn, Cao Sơn Đại Vương
46	Đình Canh Phú, xã Phú Hộ	Thờ Cao Sơn Đại Vương



47	Đình Thanh Quang, xã Phú Hộ	Thờ Bát Lang, Cao Sơn Đại Vương
48	Đình Pheo, xã Phú Hộ	Thờ Cao Sơn, Viễn Sơn, Đồ Sơn, Út Sơn
49	Đình Bốn Phe, xã Trị Quận	Thờ Quý Minh, Cao Sơn Đại Vương
50	Đền Chùa, xã Phú Hộ	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
51	Miếu Bà, xã Phù Lỗ	Thờ Âu Cơ
52	Miếu Ông, xã Phù Lỗ	Thờ Lạc Long Quân
53	Nghè Hương, xã Chân Mộng	Thờ Quý Minh Đại Vương

3. Thành phố Việt Trì

1	Đình thôn An Thái, xã Phượng Lâu	Thờ Áp Đạo Quang Đại Vương, Viễn Sơn, Ất Sơn Đại Vương
2	Miếu thôn An Thái, xã Phượng Lâu	Thờ Viễn Sơn, Ất Sơn, Áp Đạo Đại Vương
3	Đình Thạch Quả, xã Phượng Lâu	Thờ Ất Sơn, Áp Đạo Quang Vương, Quý Minh Đại Vương
4	Miếu Đức Ông, xã Phượng Lâu	Thờ Dũng Mạnh Hầu Đại Vương
5	Miếu Nghè, xã Phượng Lâu	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
6	Đình Hòa Phong, xã Sông Lô	Thờ Đột Ngột Cao Sơn, Viễn Sơn, Ất Sơn, Quý Minh Đại Vương, Đức thánh Bà Hậu Hữu Hoàng Phi
7	Miếu xóm Vinh Quang, xã Sông Lô	Thờ Đột Ngột Cao Sơn, Viễn Sơn, Ất Sơn, Quý Minh Đại Vương, Đức thánh Bà Hậu Hữu Hoàng Phi



8	Miếu Hưng Đạo, xã Sông Lô	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương
9	Đình Trung Hậu, xã Sông Lô	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương
10	Miếu Thờ, xã Sông Lô	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương
11	Đình Nội, xã Trưng Vương	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
12	Đình Ngoại (Lâu Thượng), xã Trưng Vương	Thờ Tản viên Sơn Thánh
13	Đình thôn Hương (Hương Lan), xã Trưng Vương	Thờ 3 vị: Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam
14	Đền Mẫu, xã Trưng Vương	Thờ thân phụ 3 vị: Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam
15	Đình Hùng Tiến (Kim Quất Hạ), xã Trưng Vương	Thờ Đại Nại Cao Sơn Đại Vương
16	Đình thôn Hương Trầm, xã Dữu Lâu	Thờ Ất Quý Minh, Bảo Hoa Công chúa, Bà Quốc Mẫu.
17	Đình thôn Bảo Đà, xã Dữu Lâu	Thờ Đức Thánh Tản, tam vị Đức Trường Nhị, Đức Trường Út, Đức Cương Trục Đại Vương
18	Đền Mẫu (đền Tam Giang), xã Bạch Hạc	Thờ Ngọc Kinh Công Chúa và 2 con của bà
19	Đền thôn Lang Đài, phường Bạch Hạc	Thờ Đại Hải Đại Vương (húy là Quyển Lang)
20	Đền Bạch Hạc, phường Bạch Hạc	Thờ Cao Quan Đại Vương (húy là Thổ Lệnh và Thạch Khanh)
21	Chùa Hoa Long, phường Thanh Miếu	Thờ Năng Thị Tiêu, Ngọc Hoa, Tiên Dung Công Chúa
22	Đình Việt Trì, phường Thanh Miếu	Thờ 18 đời Hùng Vương, Đột Ngột Cao Sơn, Ất Sơn, Viễn Sơn Đại Vương



23	Đền Chi Cát, phường Tiên Cát	Thờ Thổ Lệnh (Thạch Khanh)
24	Đền Tiên (Đền Tiên Cát)	Thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu
25	Đền Tịch Điền, xã Minh Nông	Thờ Vua Hùng
26	Đền Văn Luông (đền Luông), xã Văn Phú	Thờ các vua Hùng và Tản Viên Sơn Thánh
27	Đình Hữu Phú, xã Minh Phương	Thờ Cao Sơn, Linh Lang và Đô Thiên Đại Vương
28	Đình Phương Châu, xã Minh Phương	Thờ các vị huy là: Khuông, Nhuận, Hách, Thanh
29	Đền Phương Châu, xã Minh Phương	Thờ Bà Thánh Mẫu
30	Đình Phú Nông, xã Minh Phương	Thờ Cao Sơn, Ất Sơn, Viễn Sơn đại Vương
31	Đền Thượng, xã Thụy Vân	Thờ Đông Hải, Quý Minh Đại Vương
32	Đền Thánh Mẫu, xã Thụy Vân	Thờ Ngọc Tiên Đại Vương

4. Thị xã Phú Thọ

1	Đình Ngọc Lâu, xã Hà Lộc	Thờ Đột Ngột Cao Sơn, Viễn Sơn, Ất Sơn
2	Đền Ngọc Lâu, xã Ngọc Lâu	Thờ Đột Ngột Cao Sơn, Viễn Sơn, Ất Sơn
3	Đình Xuân Vân (đình Thia)	Thờ Đức Thánh Mẫu, Tam Lang Đại Vương
4	Đền Xóm Sở, xã Phong Châu	Thờ Đức Thánh Mẫu, Tam Lang Đại Vương
5	Đình thôn Hạ Mậu, xã Thanh Minh	Thờ Chàng Cả, Hai, Ba, tư, Minh Uyển, Út Ngộ, Nội Mạo Đại Vương



6	Đình Văn Thê, xã Hồng Hà	Thờ Chàng Cả, Hai, Ba Cao Sơn Nhị Vị Bản Thổ, Tam Vị Đức Thánh Thủy
7	Đình Lục (Xuân Dục), xã Hồng Hà	Thờ Hùng Vương
8	Đình Cao Bang, xã Trường Thịnh	Thờ Quý Minh Đại Vương, Đức Vu Chàng Cả, Sơn Thần Đại Vương
9	Đình Mẫu (Tam Lang), phố Sông Thao	Thờ Chàng Cả, Chàng Hai, Chàng Ba, Cao sơn Nhị vị Bản Thổ, Tam vị Đức Thánh Thủy
10	Đình Sở, phố Sông Thao	Thờ Đức Thánh Mẫu, Tam Lang Đại Vương
11	Đình Liêng, xã Văn Lung	Thờ Đột Ngột Cao Sơn, Bách Sơn, Trư Bạch Đại Vương, Tiên Dung Công Chúa

5. Huyện Đoan Hùng

1	Đình Ngọc Tân, xã Ngọc Tân	Thờ Cao Đại, Cao Đào, Cao Sơn Đại Vương
2	Đình An Thọ, xã Vụ Quang	Thờ Cao Sơn
3	Đền Đại hội, xã Đại Nghĩa	Thờ Cao Sơn Đại Vương
4	Đình Cả, xã Chí Đám	Thờ Cao Sơn Đại Vương
5	Đình thôn Đông Dương, xã Đông Khê	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
6	Đình thôn Thượng Khê, xã Thượng Khê	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương, Quế Hoa, Quỳnh Hoa công chúa.
7	Đình Cả, xã Tiêu Sơn	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương.
8	Đình Cát Lâm, xã Cát Lâm	Thờ Viễn Sơn Đại Vương



9	Đình Sóc Đăng, xã Sóc Đăng	Thờ Cao Sơn, Đức Thánh Bản Thổ, Ngọc Hoa công chúa, Dốc Cao Công chúa
10	Đền Cả, xã Sóc Đăng	Thờ Ngọc Hoa công chúa
11	Đền Gò Miếu, xã Sóc Đăng	Thờ Cao Sơn Đại Vương
12	Đình Hội Đồng, xã Phong Phú	Thờ Cao Sơn Án Sát Khu Trụ Đại Vương
13	Đình Thượng, xã Phong Phú	Thờ Cao Sơn Án Sát Khu Trụ Đại Vương
14	Đình Ông, xã Phong Phú	Thờ Cao Sơn Án Sát Khu Trụ đại vương
15	Đình Thái Xương, xã Hùng Long	Thờ Lạc Long Quân, Đại Đình là con thứ 44 và Hùng Thế là con thứ 50 của Lạc Long Quân
16	Đình Công, xã Nghinh Xuyên	Thờ Cao Sơn, Án Sát Khu Trụ đại vương.
17	Miếu Ngã Hai, xã Hùng Long	Thờ tướng lĩnh thời Hùng Vương

6. Huyện Hạ Hòa

1	Đền Chu Hưng, xã Ấm Thượng	Thờ, Cồn Luân, Cồn Nhac, Cồn Lang
2	Đền Nghè, xã Đoan Thượng	Thờ Cao Sơn Nguyệt Sáng Đại Vương, Lãm Cường Đại Thần, Phát Lang Đại Vương
3	Đền Mẫu Âu Cơ, xã Hiền Lương	Thờ Mẹ Âu Cơ
4	Đình Cạn, xã Ấm Thượng	Thờ cứu vị đại vương thời Hùng Vương
5	Đình Đanh, xã Chính Công	Thờ đức Thánh Tổ Hùng Vương



6	Đình Nیا, xã Chính Công	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Ngọc Thủy Tinh Thánh Bà
7	Đình Mai Côi, xã Hạnh Phúc	Thờ Phù Đông Thiên Vương
8	Đình Đát, xã Đức Thịnh	Thờ Cao Sơn Đại Vương
9	Đình Đát Nghè, xã Đức Thịnh	Thờ Cao Sơn Đại Vương

7. Huyện Sông Thao

1	Đình Hội, xã Tuy Lộc	Thờ Vua Hùng thứ 7
2	Đình Cả, xã Thụy Liễu	Thờ Mẹ Âu Cơ
3	Đình Hội, xã Phùng Xá	Thờ Đức ông Muôn Khê, Vua Cả Đường Cảnh
4	Đình Thượng, xã Chương Xá	Thờ Hùng Vương
5	Đình Hội Đồng, xã Chương Xá	Thờ Xích Lang, Quỳnh Lang, Mật Lang
6	Đình Trong, xã Hiền Lương	Thờ Đức Thượng Đẳng
7	Đình thôn Vực Câu, thôn Đông Phú	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Tam Giang Đại Vương
8	Đình thôn Đông Kệ, xã Đồng Cam	Thờ Cao Sơn, Thủy Tể Thổ Thần, Đại Hào Đại Vương
9	Đền thôn Sơn Hà, xã Sai Nha	Thờ Đông Hải Đại Vương, Cao Sơn, Tam Lang, Chàng Út Đại Vương
10	Đình thôn Hạ Khê, xã Phượng Xá	Thờ Bảo Công, Quế Hoa
11	Đình Cả, xã Phượng Xá	Thờ Cao Hiền, Thổ Thần, Thủy Thần
12	Đình Hồ, xã Hiền Đa	Thờ Tam vị Đại Vương
13	Đình Trình Khúc, xã Văn Khúc	Thờ Cao Sơn Đại Vương
14	Đình Ông Đà, xã Văn Khúc	Thờ Quế Hoa Công chúa
15	Đình Kim Giao, xã Văn Khúc	Thờ Hùng Vương thứ 17



16	Đình thôn Xuân Ứng, xã Hương Lung	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
17	Đình Khiển, xã Sơn Tinh	Thờ Cao Sơn Đại Vương, và các bộ tướng: Danh Hoàn, Danh Chi, Danh La
18	Đình Cả, xã Tuy Lộc	Thờ Cao Sơn Đại Vương
19	Nghè Đò, xã Tuy Lộc	Thờ Bà Ả Diễm Kỳ
20	Nghè Chợ, xã Tuy Lộc	Thờ Cao Minh Đại Vương
21	Đình Cả, xã Tuy Lộc	Thờ Cao Sơn Đại Vương
22	Đền Mẫu, xã Tuy Lộc	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Tản Viên Sơn Thánh, Nguyệt Hoa, Quế Hoa công chúa
23	Đền Kim Giao, xã Dũng Tiến	Thờ Hùng Duệ Vương và vợ là bà Nguyệt Kinh
24	Đình Ngoại Xã, xã Dũng Tiến	Thờ Hùng Duệ Vương
25	Miếu Gò Chùm, xã Dũng Tiến	Thờ Hùng Duệ Vương
26	Đình Bình Phú, xã Đông Phú	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Tam Giang Đại Vương
27	Nghè Bình Phú, xã Đông Phú	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Tam Giang Đại Vương
28	Nghè thôn Đông Viên, xã Đông Phú	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Tam Giang Đại Vương
29	Đình thôn Đông Viên, xã Đông Phú	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Tam Giang Đại Vương
30	Đình Núi Trò, xã Sơn Nga	Thờ Cao Sơn Đại Vương
31	Đình Nghè, xã Sơn Nga	Thờ Cao Sơn Đại Vương
32	Đình Cả, xã Sơn Nga	Thờ Cao Sơn Đại Vương
33	Đình Thượng, xã Thụy Liễu	Thờ con của Lạc Long Quân
34	Đình Thánh Mẫu, xã Thụy Liễu	Thờ Tiên Dung công chúa



35	Đình Am, xã Thụy Liễu	Thờ Tiên Dung công chúa
36	Đình Vực, xã Thụy Ứng	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
37	Đình Phú Lạc, xã Phú Lạc	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
38	Đình Khê Hạ, xã Phương Xá	Thờ Bảo Công, Quế Hoa
8. Huyện Tam Nông và huyện Thanh Thủy		
1	Đình Đào Xá, xã Đào Xá	Thờ Hải Công
2	Đền Đào Xá, xã Đào Xá	Thờ tam vị Đại Vương là con của Hùng Hải Công
3	Đình Phương Giao, xã Đào Xá	Thờ 3 vị: Tản Viên, Đệ Nhất Lang Quế Minh, Đệ Nhị Lang Quế Minh, Đệ Tam Lang Quế Minh
4	Đình Phú Xuân, xã Đào Xá	Thờ tam vị húy là: Nguyễn Tuấn (Tản Viên), Nguyễn Tông, Đức Mẫn
5	Đình Đào Thôn, xã Đào Xá	Thờ Phương Dung công chúa
6	Đình La Phù, xã La Phù	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Quý Minh, Cao Sơn, Đại Vương
7	Đền Nam Trang, xã Đào Xá	Thờ Phương Dung công chúa
8	Đình Hạ Vi Trung, xã Xuân Lộc	Thờ Tản viên Sơn Thánh, Quý Minh, Cao Sơn Đại Vương
9	Đình Dậu Dương, xã Dậu Dương	Thờ Tản viên Sơn Thánh và các bộ tướng: Hạch Hạch, Tinh Mịch, Lỗ Động, Cây Xanh, Thủy Huỳnh Đại Vương, Tiên Dung Công Chúa
10	Đình Viên Lâm, xã Bảo Yên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh



11	Đình Bảo Yên, xã Bảo Yên	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
12	Đình thôn Hữu Khánh, xã Tân Phương	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
13	Đình thôn Đồng Luận, xã Đồng Luận	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
14	Đền thôn Vũ Lang, xã Văn Lương	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
15	Đình Cổ Tiết, xã Cổ Tiết	Thờ 5 vị Long Vương
16	Đền Tứ Mỹ, xã Tứ Mỹ	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
17	Đền Đại Xã, xã Văn Lương	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Trung Sơn Đại Vương và 2 vị Thủy Thần
18	Đền thôn Liên Trì, xã Liên Phương	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Trung Sơn Đại Vương và 2 vị Thủy Thần
19	Đền Quốc Tế, xã Dị Nậu	Thờ Hùng Hải Công và Trung Hoa Công chúa
20	Đình Gia Dụ, xã Vực Trường	Thờ Ngọc Thanh, Ngọc Thành
21	Đền Núi Thôn, xã Thanh Uyên	Thờ Quý Minh, Cao Sơn, Tàn Viên Sơn Thánh
22	Đền Chiến, xã Thanh Uyên	Thờ Quý Minh, Cao Sơn, Tàn Viên Sơn Thánh.
23	Đình Hiến Quan, xã Hiến Quan	Thờ Hắc Long, Thổ Lâm, Thiên Cường, Sơn Thắng Đại Vương
24	Đền Xuân Quang, xã Xuân Quang	Thờ Quý Minh, Cao Sơn, Tàn Viên Sơn Thánh
25	Đình Quang Húc, xã Quang Húc	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
26	Đền Phương Thịnh, xã Phương Thịnh	Thờ 4 vị: Quảng, Văn Ninh, Kính



27	Đình Trung Nghĩa, xã Trung Nghĩa	Thờ Tản Viên Sơn thánh (huy là Cao Tuấn)
28	Đình Yên Đức, xã Đề Thám	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
29	Đền Lãng Xương, xã Đề Thám	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
30	Đình Đoan Thượng, xã Văn Ninh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
31	Miếu Trung Hậu, xã Văn Minh	Thờ thân mẫu Tản Viên Sơn Thánh và Thần Bản Thổ
32	Đình Phú An, xã Tân Phương	Thờ Tản Viên Sơn Thánh và thần Bản Thổ
33	Đình Phương Viên, xã Tân Phương	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Tam vị Quốc chủ Đại Vương
34	Đình Thượng Lộc, xã Phú Cường	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
35	Đình La Hà, xã Xuân Lộc	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
36	Đình Hội Đồng, xã Đồng Đa	Thờ Tản viên Sơn thánh, Tam vị Quốc Chủ Đại Vương
37	Đình Sơn Cương, xã Hồng Đà	Thờ Quý Minh, Cao Minh, Tản Viên Sơn Thánh
38	Đền Sơn Cương, xã Hồng Đà	Thờ Quý Minh, Cao Minh, Tản Viên Sơn Thánh
39	Đình Hạ Nông, xã Hồng Hà	Thờ Quý Minh, Cao Minh, Tản Viên Sơn Thánh
40	Đình Lang Khê, xã Hồng Đà	Thờ Quý Minh, Cao Minh, Tản Viên Sơn Thánh
41	Đền Quốc Tế, xã Thọ Văn	Thờ 5 ông Lốt con Phụ Thánh Mẫu thời Hùng Vương
42	Đình Lập Trường, xã Lập Trường	Thờ Quý Minh, Cao Minh, Tản Viên Sơn Thánh



43	Đình Đoan Hạ, xã Đoan Hạ	Thờ thánh Tản Viên Sơn Thánh
45	Miếu Đoan Hạ, xã Đoan Hạ	Thờ Tản Viên Sơn Thánh và Thổ Thần
46	Đình Tu Vũ, xã Tu Vũ	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
47	Đình Chung, xã Tân Tiến	Thờ Quý Minh, Cao Minh, Tản Viên Sơn Thánh
48	Đình Phương Mao, xã Tân Tiến	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
49	Đình Sơn Vi, xã Sơn Thủy	Thờ Tản Viên Sơn Thánh và 2 Thần Bản Thổ
50	Đền Thánh Mẫu, xã Đế Thám	Thờ Đình Thị Huệ
51	Đình Vai Lau, xã Đế thám	Thờ Tản Viên Sơn Thánh

9. Huyện Thanh Ba

1	Đình Hạ, xã Lương Lô	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
2	Đền Thượng, xã Ninh Dân	Thờ Cao Sơn Đại Vương
3	Đình Lớn, xã Thanh Hà	Thờ Thánh Cả, Thánh Hai, Thánh Ba, Thánh Tư
4	Đình Giữa, xã Thanh Hà	Thờ Thánh Cả, Thánh Hai, Thánh Ba, Thánh Tư
5	Đình Vén, xã Thanh Hà	Thờ Thánh Cả, Thánh Hai, Thánh Ba, Thánh Tư
6	Đình Phao Thanh, xã Thanh Hà	Thờ Thánh Cả, Thánh Hai, Thánh Ba, Thánh Tư
7	Đình Ngõa, xã Yên Khê	Thờ Viễn Sơn, Ất Sơn, Cao Sơn Đại Vương
8	Đình Trại, xã Đồng Xuân	Thờ Viễn Sơn, Ất Sơn, Cao Sơn Đại Vương
9	Miếu Đại Đồng, xã Đồng Xuân	Thờ Đột Ngột Cao Sơn



10	Đình Cả, xã Đồng Xuân	Thờ Đột Ngột Cao Sơn
11	Đình Cóc, xã Thanh Xá	Thờ Cao Sơn Tá Thánh Hộ Quốc Phù Vận Hiến Ứng Đại Vương, Bản Cảnh Thành Hoàng Linh, Thông Hiển Ứng Đại Vương, Bản Cảnh thành Hoàng Hiến Thiện, Hiến Ứng Đại Vương
12	Đình Thông, xã Thanh Xá	Thờ Viễn Sơn, Ất Sơn, Cao Sơn Đại Vương
13	Đình Hạ, xã Đỗ Xuyên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
14	Đình Thanh Ba, xã Mạn Lạn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
15	Đình Hay, xã Ninh Dân	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
16	Đình Xen, xã Ninh Dân	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
17	Đình Cả, xã Đông Lĩnh	Thờ Đột Ngột Cao Sơn
18	Đình Năng Yên, xã Năng Yên	Thờ Đức Vui Cả, Hai, Ba, Cao Sơn Đại Vương
19	Đền Cửu Lâu, xã Chí Tiệp	Thờ Khởi Quang Minh (con của Lạc Long Quân)
20	Nghè Mống Ba, xã Chí Tiệp	Thờ Khởi Quang Minh
21	Đình Chung, xã Đỗ Sơn	Thờ Ngọc Hoa Công Chúa
22	Đình Hoàng Cương, xã Đỗ Sơn	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
23	Đình Tấn Thân, xã Yên Nội	Thờ Cao Sơn, Thánh Vương Đột Ngột

10. Huyện Thanh Sơn

1	Đình Con Voi, xã Tất Thắng	Thờ Tản Viên Sơn thánh
---	----------------------------	------------------------



2	Đình Cả, xã Tất Thắng	Thờ Đức Thánh Mẫu, Tản Viên Sơn Thánh
3	Đình Lương Nha, xã Lương Nha	Thờ Đức Thánh Mẫu, Tản Viên Sơn Thánh
4	Đình Lư, xã Tân Lập	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
5	Đình Thạch Khoán, xã Thạch Khoán	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Quý Minh, Cao Sơn Đại Vương
6	Đình Mơn, xã Văn Lung	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
7	Đình Thờ, xã Long Cốc	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
8	Đình Xóm Tản, xã Tân Sính	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
9	Đình Xóm Hạ, xã Thục Luyện	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Quý Minh, Cao Sơn Đại Vương
10	Đền Ông, xã Thục Luyện	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Quý Minh, Cao Sơn Đại Vương
11	Đền Đại Cỗ, xã Thục Luyện	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
12	Đình Dân, xã Cự Đồng	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
13	Đình Trống, xã Văn Miếu	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
14	Đình Chói, xã Cự Thắng	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
15	Đình Xóm Trại, xã Yên Lương	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
16	Đình Gắn Thương, xã Tân Minh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
17	Đình Dón, xã Tân Minh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
18	Đình Giáp Hạ, xã Yên Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
19	Đình Giáp Trung, xã Yên Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
20	Đình Giáp Thượng, xã Yên Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh



21	Đình Chiêu, xã Tam Thanh	Thờ các Vua Hùng
22	Đình xã Nhã Cửa	Thờ Hùng Vương
23	Đình Xóm Hãn, xã Xóm Vót	Thờ 3 vị tướng thời Hùng Vương
24	Đình Giáp Lai, xã Giáp Lai	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
25	Đình Tổ, xã Minh Đại	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
26	Đình Lạc Song, xã Lương Nha	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
27	Đình Cà, xã Lương Nha	Thờ Tản Viên Sơn Thánh và các tướng của ông

11. Huyện Yên Lập

1	Miếu Ao Sen, xã Hưng Long	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
2	Đình Sắt, xã Hưng Long	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
3	Đình Ba Khe, xã Hưng Long	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
4	Đình Yên Sào, xã Mỹ Lung	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
5	Đình Thừa, xã Mỹ Lung	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
6	Đình Dạng, xã Xuân Viên	Thờ Đức Tổ Hùng Vương, Tản Viên Sơn thánh, Trầm Sơn Đại Vương
7	Đình Cà, xã Xuân Viên	Thờ Trầm Sơn Đại Vương
8	Đình Khuân, xã Lương Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
9	Đình Đồng La, xã Lương Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
10	Đình Ba Khe, xã Lương Sơn	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
11	Đình Dạng, xã Xuân Viên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
12	Đình Cà Mô, xã Xuân Viên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh và một số vị tướng khác
13	Đình Đông Phú, xã Đồng Thịnh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh



14	Đình Thượng, xã Đồng Thịnh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
15	Đình Trung, xã Đồng Thịnh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
TỈNH HẢI DƯƠNG (40 di tích)		
1. Huyện Nam Sách		
1	Chùa Cả (quán Thần Tiên), xã Nam Chí	Thờ Bà Thần Tiên
2	Đình Tổng Xá, xã Thanh Quang	Thờ Cao Sơn Đại Vương
3	Đình An Xá, xã Quốc Tuấn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
4	Nghè Đồng Hồ, xã Quốc Tuấn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
5	Đình Rống (đình Cả), xã Quốc Tuấn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
2. Huyện Chí Linh		
1	Nghè Quan Sơn, xã Lê Lợi	Thờ Quảng Bác, Hùng Duệ, Cao Sơn Đại Vương
2	Ngũ Nhạc Linh Từ, xã Cộng Hòa	Thờ Thần Núi (theo tín ngưỡng người Việt cổ)
3	Miếu Sơn Thần, thị trấn Sao Đỏ	Thờ Thần Núi
4	Đình Chí Linh, xã Nhân Huệ	Thờ Hùng Duệ, Quảng Bác, Cao Sơn Đại Vương
3. Huyện Cẩm Giàng		
1	Đình Trạm Nội, xã Cẩm Văn	Thờ Đông Lâu Đại Vương, Lục Anh Đại Vương, Tam Gia Đại Vương
2	Đình thôn Cao Xá, xã Cao An	Thờ Tam Quan Đại Vương
3	Đình thôn Đào Xá, Xã Cao An	Thờ Di Thiên Đại Vương



4	Đình thôn Ngọc Lâu, xã Cẩm Hoàng	Thờ 6 vị tướng thời Hùng Vương .
5	Đình thôn Nghĩa An, thị trấn Lai Cách	Thờ tướng thời Hùng Vương
6	Nghè Hương Phúc, xã Cẩm Sơn	Thờ Nam Giang Tôn Thần, Phù Đổng Thiên Vương
7	Nghè Giám, xã Cẩm Sơn	Thờ Ông Đổ
4. Huyện Tứ Kỳ		
1	Đình Gôi, xã Tân Kỳ	Thờ Cao Sơn Đại Vương
5. Thành phố Hải Dương		
1	Đền Bảo Sát, phường Phạm Ngũ Lão	Thờ Tiên Dung công chúa
2	Đình Đông Kiều, phường Trần Hưng Đạo	Thờ Tiên Dung công chúa, Trần Hưng Đạo
6. Huyện Bình Giang		
1	Đình Hòa Chóe, xã Hùng Thắng	Thờ Ngũ Lang Năng Đại Vương, cung Tản Thái Phi Phổ Ân Công chúa
2	Miếu Vũ, xã Nhân Quyền	Thờ Cao Quý Hằg
3	Đền Cây, xã Long Xuyên	Thờ Bảo Phúc Đại Vương
4	Đình thôn Ngọc Cục, xã Thúc Kháng	Thờ tướng thời Hùng Vương
7. Huyện Gia Lộc		
1	Chùa Dâu, xã Nhật Tân	Thờ Tiên Dung công chúa
2	Miếu Giác, xã Gia Lương	Thờ Thiên Thần thời Hùng Vương
3	Chùa An Thư, xã Đồng Quang	Thờ Đặng Danh Hồng
4	Đình Vĩnh Duệ, xã Đồng Quang	Thờ Lý Dương
5	Đình Đôn Thư, xã Đồng Quang	Thờ Hùng Tuấn

**8. Huyện Kinh Môn**

1	Đình Lộ Xá, xã Thăng Long	Thờ Quý Minh Đại Vương
2	Đình Đồng Quang, xã Quang Trung	Thờ 4 vị tướng thời Hùng Vương
3	Đền Cao Sơn, xã Hiệp Hòa	Thờ tướng thời Hùng Vương
4	Đình Tiên Xá, xã Lê Ninh	Thờ 3 vị tướng thời Hùng Vương

9. Huyện Ninh Giang

1	Miếu Văn Diệm, xã Hưng Thái	Thờ Nhang Đẳng Tôn Thần
2	Đình Bồ Dương, xã Hồng Phong	Thờ Cao Xuân Hựu
3	Đình Thọ Xuyên, xã Long Xuyên	Thờ Vua Hùng
4	Đình Cao Lý, xã Cao Thắng	Thờ Vua Hùng
5	Đình Ngọc Lập, xã Tân Trào	Thờ Vua Hùng

10. Huyện Thanh Miện

1	Đình Thư Pháp, xã Đoàn Kết	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Cao Sơn Đại Vương
2	Miếu Thọ Chương, xã Lam Sơn	Thờ Nguyễn Tuấn
3	Đền Triều Dương,	
4	xã Chi Lăng Nam	Thờ các tướng lĩnh thời Hùng Vương

TỈNH HÙNG YÊN (60 di tích)**1. Huyện Kim Thi**

1	Đình Văn Nghệ, xã Mai Động	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung công chúa
2	Đình thôn kệ Châu, xã Phú Cường	Thờ Linh Lang, Trường Thành Đại Vương



3	Đình Lai Hạ Trung, xã Hùng An	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
4	Đình thôn Thanh Cù, xã Ngọc Thanh	Thờ Linh Lang Đại Vương
5	Đình thôn Mát, xã Thôn La	Thờ Chử Đồng Tử, Tiên Dung công chúa
6	Đền Báo Ân, xã Hiệp Cường	Thờ Âu Cơ

2. Huyện Phù Tiên

1	Đình Đặng Xá, xã Cương Thịnh	Thờ 4 người con trai họ Bùi theo Cao Sơn Đại Vương đánh giặc
2	Đình Tiểu, xã Hồng Nam	Thờ Cao Sơn Đại Vương
3	Đình Vực, xã Hồng Nam	Thờ Linh Lang, Trung Quốc Đại Vương và Cao Sơn Đại Vương
4	Đình Chay, xã Hồng Nam	Thờ Linh Lang, Trung Quốc Đại Vương và Cao Sơn Đại Vương
5	Đình Nễ Châu, xã Hồng Nam	Thờ Linh Lang, Trung Quốc Đại Vương và Cao Sơn Đại Vương
6	Đình Tân Chanh, xã Minh Tân	Thờ Đỗ Quốc Phong
7	Đình Bảo Châu, xã Phan Sào Nam	Thờ Đỗ Công Lương, Tâm Kỳ Giang
8	Đình Trà Bồ, xã Phan Sào Nam	Thờ Tinh Minh, Quý Minh Đại Vương và 2 danh tướng khác thời Hùng Vương
9	Đình Lũng Phan, xã Tông Phan	Thờ Thổ Linh, Thanh Công, Lâm Công, Hẫu Công, Quang Công, Khánh Công



10	Đình Trà Dương, xã Tống Trân	Thờ Đô Thần Tuấn Long
11	Miếu Mương, xã Thiện Phiếu	Thờ Lý Vực Thủy Thần
12	Đình Nội Lễ, xã An Viên	Thờ Quảng Chính và Đô Thiên Đại Vương
13	Đình Nội Mai, xã An Viên	Thờ Đô Thiên, Quảng Chính Đại Vương
14	Miếu Nội Mai, xã An Viên	Thờ Đô Vương, Cuồng Vương
15	Miếu Diêm Xá, xã Minh Phượng	Thờ Hùng Cường, Dũng Lược Chấn và 2 nữ thần

3. Huyện Mỹ Văn

1	Đình Nghĩa Trang, xã Trang Mai	Thờ tướng thời Hùng Vương
2	Đình Đông La, xã Trang Mai	Thờ Cao Sơn Đại Vương
3	Đình thôn Cư Đình, xã Việt Hưng	Thờ tướng thời Hùng Vương

4. Huyện Châu Giang

1	Đình Nhế Dương, xã Nhuế Dương	Thờ Linh Lang Đại Vương
2	Đền Nhuế Dương, xã Nhuế Dương	Thờ Linh Lang Đại Vương
3	Đền Hương Quất, xã Thành Công	Thờ 5 vị tướng thời Hùng Vương
4	Đền thôn Đông Kết, xã Đông Kinh	Thờ Linh Lang phụ tá Hùng Vương
5	Đền thôn Trung Châu, xã Đông Kinh	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
6	Đình thôn Đức Thuận, xã Hàm Tử	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa



7	Miếu thôn Đại Quan, xã Đại Hưng	Thờ Linh Lang Đại Vương
8	Miếu Ngọc Nha Thượng, xã Phùng Hưng	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
9	Miếu Ngọc Nha Hạ, xã Phùng Hưng	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
10	Đình thôn Hợp Hòa, xã Tân Châu	Thờ Linh Lang, Tuấn Công
11	Đình thôn Thuần Lễ, xã Thuần Hưng	Thờ Linh Lang Đại Vương
12	Đình thôn Kinh Khê, xã Thiên Khê	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
13	Đình thôn Thượng, xã An Vỹ	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
14	Đình thôn Dương Trạch, xã Tân dân	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
15	Đình thôn Thọ Bình, xã Tân Dân	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
16	Đình thôn Phú Hòa, xã Tân Dân	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
17	Đình thôn An Cảnh, xã Tân Dân	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
18	Đình Phượng Trù, xã Tứ Dân	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
19	Đình thôn Mạn Xuyên, xã Tứ Dân	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
20	Đền Thượng, xã Ông Đình	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
21	Đền Liên Hoa, xã Bình Minh	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
22	Đền thôn Đa Hòa, xã Bình Minh	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa



23	Đình thôn Yên Vĩnh, xã Dạ Trạch	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
24	Đình thôn Đức Nhuận, xã Dạ Trạch	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
25	Đình thôn Mễ Sở, xã Mễ Sở	Thờ Hựu Quất Đại Vương
26	Đình thôn Phú Trạch, xã Mễ Sở	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa, Nội Trạch Tây Cung Công Chúa
27	Đình thôn Đa Ngư, xã Tân Tiến	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa, Nội Trạch Tây Cung Công Chúa
28	Đình thôn Bá Khê, xã Tân Tiến	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa, Nội Trạch Tây Cung Công Chúa
29	Đình thôn Phúc Đa, xã Tân Tiến	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa, Nội Trạch Tây Cung Công Chúa
30	Đình thôn Kim Đan, xã Liên Nghĩa	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa, Nội Trạch Tây Cung Công Chúa
31	Đình thôn Quán Trạch, xã Liên Nghĩa	Thờ Cao Sơn Đại Vương
32	Đình thôn Thị Hương, xã Liên Nghĩa	Thờ Cao Sơn Đại Vương
33	Đình thôn Đại Hạnh, xã Hoàng Long	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
34	Đình thôn Đông Kim, xã Cấp Tiến.	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa, Nội Trạch Tây Cung Công Chúa
35	Đình Đông Tảo Đông, xã Cấp Tiến	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa, Nội Trạch Tây Cung Công Chúa



36	Đình thôn Phú Bình, xã Yên Phú	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa, Nội Trạch Tây Cung Công Chúa
----	--------------------------------	--

THÀNH PHỐ HÀ NỘI (525 di tích)

1. Thị xã Hà Đông

1	Đình Mộ Lao xã Văn Yên	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
2	Miếu Mậu Lương, xã Kiến Thủy	Thờ Hoàng Công, Hồ Công

2. Thị xã Sơn Tây

1	Đình Hàng Đàn, phường Ngô Quyền	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Quốc Chủ Đại Vương
2	Đình Đệ Nghị, phường Ngô Quyền	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
3	Đền Đông Giáp, phường Ngô Quyền	Thờ Tản Viên Sơn Thánh và Thổ Địa
4	Đình Hậu An, phường Lê Lợi	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
5	Đình Hậu An, phường Lê Lợi	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
6	Đình Tiên Trúc, phường Quang Trung	Thờ Tản Viên Sơn Thánh và Thổ Địa
7	Đình Thanh Vị, xã Thanh Mỹ	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
8	Đình Vị Thủy, xã Thanh Mỹ	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
9	Đình Thư Trung, xã Thanh Mỹ	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Thổ Công, Tây Trấn Đô Nguyên Soái Trịnh Minh
10	Đình Tây Vị, xã Thanh Mỹ	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
11	Đình xóm Giữa, xã Trung Sơn Thẩn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
12	Đình Sơn Lộc, xã Sơn Trán	Thờ Tản Viên Sơn Thánh



13	Đình Nhân Lý, xã Xuân Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
14	Đình Năm Khê, xã Xuân Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
15	Đình Lễ Khê, xã Xuân Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
16	Đình Tam Sơn, xã Xuân Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh (Nam Thiên Thần Tổ)
17	Đền Và (Đông Cung), xã Xuân Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
18	Đình Sơn Đông, xã Sơn Đông	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
19	Đình Sơn Trung, xã Sơn Đông	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
20	Đền Mãng Sơn, xã Sơn Đông	Thờ Tản Viên Sơn Thánh và một số vị thần khác
21	Đền Thiện, xã Sơn Đông	Thờ Hồng Nương Ngọc Tuynh Công Chúa
22	Đình Tiến Huân, xã Viên Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
23	Đình Thuận Nghệ, xã Viên Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
24	Đình Ngọc Kiên, xã Ngọc Kiên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
25	Đình Triều Đông, xã Cổ Đông	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
26	Đình Kim Sơn, xã Kim Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
27	Đình Vân Nga, xã Trung Hưng	
28	Đình Ái Mỗ, xã Trung Hưng	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
29	Đình Nghĩa Phủ, xã Trung Hưng	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
30	Đình Phù Xa, xã Viên Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, phối thờ Phương Dung công chúa

3. Huyện Ba Vì

1	Đình Tây Đằng, xã Viên Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
2	Đình Cam Đà, xã Cam Thượng	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
3	Đình Quỳnh Lâm, xã Cam Thượng	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
4	Đình Văn Minh, xã Cam Thượng	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
5	Đình Duyên Lâm, xã Thụy An	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
6	Đình Thụy Phiêu, xã Thụy An	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
7	Đình Đông Lâu, xã Thụy An	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
8	Đình Đông Viên, xã Đông Quang	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
9	Miếu Đông Viên, xã Đông Quan	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
10	Đình Cao Cương, xã Đông Quang	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
11	Đình Quang Húc, xã Đông Quang	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
12	Đình Phương Châu, xã Phú Phương	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
13	Đình Viên Châu, xã Cổ Đô	Thờ 2 vị húy là: Thông và Thủy thời Hùng Vương
14	Miếu Bà, xã Cổ Đô	Thờ Quế Anh Công Chúa
15	Đình Vu Chu, xã Cổ Đô	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
16	Đền Vu Chu, xã Cổ Đô	Thờ Đông Hải Đại Vương, Đoàn Thượng thời Hùng Vương
17	Đình Kiều Mộc, xã Cổ Đô	Thờ Nguyên Hùng Vương Trí Duệ đời thứ 18



18	Miếu Tử Cao, xã Cổ Đô	Thờ Nguyên Hùng Vương Trí Duệ đời thứ 18
19	Đền Thượng, xã Cổ Đô	Thờ Thiếu Hoa Công Chúa
20	Đình Yên Đỗ, xã Vật Lại	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
21	Đền Yên Bồ, xã Vật Lại	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
22	Đình Vật Yên, xã Vật Lại	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
23	Đình Vật Phụ, xã Vật Lại	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
24	Đình Tri Lai, xã Đồng Thái	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
25	Đền Ngoại, xã Đồng Thái	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
26	Đình Thuận An, xã Thái Hòa	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
27	Đình Cộng Hòa, xã Thái Hòa	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
28	Đình Thu Mật, xã Thái Hà	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
29	Đình Phú Cừ, xã Khánh Thượng	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
30	Đền Ao Vua, xã Tản Lĩnh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
31	Đền Mỹ Lâm, xã Tản Vinh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Chúa Sơn Lâm
32	Đền Đá Đen, xã Tản Vinh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Đức Bà Ma thị, Bà Chúa Sơn Lâm
33	Đền Hạ (Tây Cung), xã Minh Quang	Thờ Tản Viên Sơn Tam vị Thượng đẳng tối linh
34	Đền Trung, xã Minh Quang	Thờ Tản Viên Sơn Tam vị Thượng đẳng tối linh
35	Đình Vô Khung, xã Cẩm Lĩnh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
36	Đền Vô Khung, xã Cẩm Lĩnh	Thờ My Nương Công Chúa vợ Tản Viên Sơn
37	Đền Ngọc Nhị, xã Cẩm Lĩnh	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
38	Đình Phú Hữu, xã Phú Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
39	Miếu Điện, xã Thuần Mỹ	Thờ Ngọc Hoa Công Chúa
40	Đình Thái Bạt, xã Tòng Bạt	Thờ Tản Viên Sơn Thánh



41	Đình Tổng Lệnh, xã Tổng Bạt	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
42	Đình Tổng Thái, xã Tổng Bạt	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
43	Miếu Thần Hoàng, xã Tân Đức	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh

4. Huyện Chương Mỹ

1	Đình Đông Luân, xã Thượng Vực	Thờ Cối Vương, Minh Vương
2	Quán Đồng Luân, xã Thượng Vực	Thờ Cối Vương, Minh Vương
3	Đình Lý Nhân, xã Hòa Chính	Thờ Đỗ Lang Đại Vương, Hồ Thông Thiên Đại Vương
4	Đình Thượng, xã Đại Yên	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
5	Đình Trên, xã Đại Yên	Thờ Hùng Thắng Đại Vương
6	Đình Thượng Khê, xã Tiên Phương	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
7	Đình Quán Hóp, xã Đại Yên	Thờ Hùng Hựu Đại Vương, Hùng Minh Đại Vương
8	Đình Cổ Pháp, xã Tiên Phương	Thờ Tiên Dung Công Chúa
9	Quán Vật, xã Tiên Phương	Thờ Cao Sơn Đại Vương
10	Quán Vua, xã Mỹ Lương	Thờ Đồng Môn Sơn và Hàm Cương Nghị Đại Vương
11	Đình Tân Thôn, xã Phú Nam An	Thờ Đỗ Lương, Đỗ Trung
12	Đình Nam Mẫu, xã Phú Nam	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
13	Quán Hạ, xã Hồng Phong	Thờ Vũ Chiêu Thảo
14	Quán Trung, xã Hồng Phong	Thờ Vũ Quang Huy
15	Quán Thượng, xã Hồng Phong	Thờ Vũ Chiêu Quang
16	Đình Công, xã Hồng Phong	Thờ Vũ Chiêu Thảo, Vũ Quang Huy, Vũ Chiêu Đại Vương



17	Đình Giáp Ngọ, xã Ngọc Sơn	Thờ Tiên Dung Công Chúa
18	Đình Nội, xã Ngọc Sơn	Thờ Trần Quốc Thoại Linh Đại Vương
19	Đình Xá, xã Ngọc Sơn	Thờ Vương Chính Công và Tam Tinh, Tam Tê Đại Vương
20	Quán Giáp Ngọc, xã Ngọc Sơn	Thờ Tiên Dung Công Chúa
21	Đình Bại Tượng, xã Hoàng Diệu	Thờ Duệ công Đại Vương và Trần Thị Đoan
22	Đình thôn An Vọng, xã Hoàng Diệu	Thờ Dục Công Đại Vương
23	Đình thôn Kim Nê, xã Hoàng Diệu	Thờ Trung Dũng, Quý Công, Lý Đồng Đại Vương
24	Đình thôn Tiên Phối, xã Hoàng Diệu	Thờ Đông Hải Đại Vương thời Hùng Vương thứ 18
25	Đình thôn Nam Hải, xã Nam Phương Tiến	Thờ Quý Minh Đại Vương
26	Miếu xóm Trong, xã Nam Phương Tiế	Thờ Quỳnh Hoa Công Chúa, Ngọc Hoa, Hoa Sơn, Quê Hua Công Chúa, Cao Sơn Đại Vương
27	Đình thôn Hạnh Bồ, xã Nam Phương Tiến	Thờ Quý Minh Đại Vương
28	Đình thôn Nhân Lý, xã Nam Phương Tiến	Thờ Quý Minh Đại Vương
29	Đình thôn Duyên Ứng, xã Nam Phương Tiến	Thờ Đông Hải Đại Vương, Hùng Duệ Vương
30	Đình thôn Ứng Hòa, xã Lam Diễn	Thờ Đông Hải Đại Vương, thánh Quang Đại Vương



31	Đình thôn Đại từ, xã Lam Điền	Thờ Đông Hải Quốc Vương, Bảo Trung Thái Tử
32	Đình thôn Trung Tiến, xã Trần Phú	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
33	Đình thôn Quán Hố, xã Trần Phú	Thờ Mẫu Vương Ngọc Nhân Từ Đạo
34	Đình Hậu, xã Trần Phú	Thờ Nguyễn Bá Phan Thượng Đẳng Đại Vương
35	Đình thôn Kỳ Viên, xã Trần Phú	Thờ Cao Sơn Đại Vương
36	Đình thôn Dương Kệ, xã Trần Phú	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Hoàng Sơn và Tam Viên Đại Vương
37	Đình thôn Nghè, xã Trần Phú	Thờ Linh Lang, Cao Sơn, Tểnh Quốc Đại Vương
38	Đình thôn Yên Kiện, xã Đông Phương Yên	Thờ Thành Đô Thống, Đoan Minh Đô Thống, Rực Bổng Đô Thống Đại Vương
39	Đình Phương Hại, xã Đông Phương Yên	Thờ Quý Minh Đại Vương
40	Đình thôn Ngọc Giả, xã Ngọc Hòa	Thờ Quý Minh Đại Vương
41	Đình thôn Trúc Lý, xã Ngọc Hòa	Thờ Quý Minh Đại Vương
42	Đình Tiên Tiến, xã Tiên Tiến	Thờ Tản Viên Sơn Thánh (Nguyễn Tuấn)
43	Đình thôn Phương Hại, xã Tiên Tiến	Thờ Hùng Nghi Vương
44	Đình thôn Thuần Lương, xã Hoàng Văn Thụ	Thờ Thiên Sứ, Long Độ Đại Vương



45	Đình thôn Hạ Dục, xã Đồng Phú	Thờ Công chúa thời Hùng Vương
46	Quán Hạ Dục, xã Đồng Phú	Thờ Cung Thắng, Minh Thắng Đại Vương, Ngọc Phu Thủy Tinh
47	Quán Xanh, xã Hữu Văn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
48	Đình thôn Hòa Xá, xã Đồng Phú	
49	Đình Miếu, xã Phụng Châu	
50	Đình San, xã Phụng Châu	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Y Sơn Tôn Thần, Ngọc Hoa Công Chúa

5. Huyện Đan Phượng

1	Đền Sông, xã Đồng Tháp	Thờ Lạc Long Quân và các vị thần
2	Đình Thọ Vực, xã Đồng Tháp	Thờ Thủy quân và Mộc Lạc Long Vương
3	Đình Ích Vịnh, xã Phương Đình	Thờ Quý Minh Đại Vương
4	Miếu Đình Nguyên, xã Thọ An	Thờ Nam Yên Đại Vương
5	Đình Nại Yên, xã Trung Châu	Thờ Quý Minh Đại Vương
6	Đền Di Chỉ, xã Hạ Mộc	Thờ Tản Viên Sơn Thánh và Trần Hưng Đạo
7	Miếu Xương Rỗng, xã Liên Hồng	Thờ Đàm Gia Đại Vương
8	Đền Thánh, xã Liên Hồng	Thờ Sinh Lang Thái tử của Hùng Vương
9	Đình Thị, xã Hồng Hà	Thờ Quý Minh Đại Vương

6. Huyện Hoài Đức

1	Đình Trai, xã Văn Canh	Thờ Phạm Tây Nhạc
---	------------------------	-------------------



2	Đình La Dương, xã Dương Nội	Thờ Cảnh Thành Hoàng có công dẹp Thục
3	Đình Do Lộ, xã Yên Nghĩa	Thờ Cao Sơn Đại Vương và một số tướng lĩnh thời Hai Bà Trưng
4	Đình Kim Hoàng, xã Vân Canh	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
5	Đình Lũng Quy, xã Đức Giang	Thờ Trịnh Tính tướng lĩnh thời Hùng Vương thứ 18
6	Đình Ngãi Cầu, xã An Khánh	Thờ 4 vị thần nam và nữ thời Hùng Vương

7. Huyện Mỹ Đức

1	Đình Vinh Xương Thượng, xã Mỹ Thành	Thờ tam Thượng Đẳng Đại Vương: Cao Sơn, Linh Từ, Mạo Diệp
2	Đình Vinh Lạc, xã Mỹ Thành	Thờ Cao Sơn, Lai Tảo Đại Vương và Văn Tiên Thánh Mẫu
3	Đình Thượng Thôn, xã Tuy Lai	Thờ Bảo Miệt Linh Quang, Bảo Tượng Quốc Sỹ, Thái Minh Linh Khánh, Quý Minh Linh Khánh
4	Đình Vinh Xương Hạ	Thờ Cao Sơn, Lai Tảo và Văn Tiên Thánh Mẫu
5	Đình thôn Trung, xã Phù Lưu Tế	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Cao Nhạc Quý Minh, Cao Sơn Quý Linh, Thủy Hà Quân Cổ Long
6	Đền thôn Thượng, xã Phù Lưu Tế	Thờ Cao Nhạc Quý Minh
7	Đền Trung, xã Phù Lưu Tế	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương



8	Đền Hạ, xã Phù Lưu Tế	Thờ Cao Sơn, Quý Linh, Hải Hà Đại Vương
9	Quán Trầm, xã Phù Lưu Tế	Thờ Cao Sơn, Quý Minh
10	Đền Mẫu, xã Đốc Tín	Thờ Quốc Mẫu Linh Từ Phu nhân
11	Đình Cả, thị xã Tuy Lai	Thờ Thượng Đẳng Đại Vương (húy Cảnh Linh)
12	Đình thôn Khe Bộ, xã Tuy Lai	Thờ Thượng Đẳng Đại Minh, Trung Đẳng Cao Thông
13	Đình thôn Bèn, xã Tuy Lai	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Thượng Đẳng Thần
14	Đình Cầu, xã Tuy Lai	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Thượng Đẳng Thần
15	Đình Bình Lạng, xã Hồng Sơn	Thờ Tàn Viên Sơn Thánh
16	Đình Thượng Lâm, xã Thượng Lâm	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Uy Đức Đại Vương, Vinh Hoa công chúa
17	Đình Hoành, xã Đồng Tâm	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
18	Đền Hưng Nông, xã Hùng Tiến	Thờ Chúc Vương
19	Quán Trúc, xã Bột Xuyên	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Cao Tuấn, Cao Chân
20	Quán thôn Hà Xá, xã Đại Hưng	Thờ Đệ Tam Tàn Viên Thượng Đẳng Phúc Thần, húy hiệu Quý Minh Đại Vương, Đệ Tam Đại Vương



8. Huyện Phú Xuyên

1	Đình Thái Lai, xã Đại Xuyên	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
2	Đình Cát Bi, xã Thụy Phú	Thờ Trưởng Công và Khanh Công
3	Đình thôn Thường Xuyên, xã Đại Xuyên	Thờ Trung Thành và Đông Bàng Đại Vương
4	Đình Đa Chất, xã Đại Xuyên	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
5	Đình thôn Cổ Thai, xã Đại Xuyên	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
6	Đình thôn Kim Quy, xã Minh Tân	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
7	Đình Thần Quy, xã Minh Tân	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương và một số vị khác
8	Đình thôn Mai Trang, xã Minh Tân	Thờ Quản Đức Đại Vương
9	Đình thôn Thủy Trú, xã Bạch Hạc	Thờ Đông Hải, Linh Lang, Cao Sơn Đại Vương
10	Đình Hoa Khê, xã Bạch Hạc	Thờ Linh Lang, Cao Sơn Đại Vương
11	Đình Hòa Khê Hạ, xã Bạch Hạc	Thờ Trung Thành Đại Vương
12	Đình thôn Vĩnh Hạ, xã Khai Thái	Thờ Cao Sơn Đại Vương
13	Đình thôn Bối Khê, xã Thuyên Mỹ	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
14	Đình thôn Cổ Châu, xã Chân Can	Thờ Đoàn Thượng
15	Đình thôn Tử Can, xã Châu Can	Thờ Quý Minh Đại Vương



16	Đình thôn Quán, xã Châu Can	Thờ Quý Minh Đại Vương
17	Đình thôn Nội, xã Châu Can	Thờ Bát Giác và Chư Dị Đại Vương
18	Đình thôn Trung, xã Châu Can	Thờ Quế Hoa Công Chúa và các anh hùng dân tộc
19	Đình thôn Lạc Dương, xã Hồng Thái	Thờ Quế Hoa Công chúa
20	Đình Hà Thao Nội, xã Sơn Hà	Thờ Đông Hải Đại Vương
21	Miếu Thanh Thôn, xã Văn Nhân	Thờ Trung Thành Đại vương Thượng Đẳng Thần
22	Đình thôn Đại Gia, xã Thụy Phú	Thờ Phương Dung Công Chúa
23	Miếu thôn Thụy Phú, xã Thụy Phú	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
24	Miếu Trào, xã Nam Triều	Thờ Đô Thiên Chi Thần, Quỳnh Anh, Đoàn Thượng, Cao Sơn Đại Vương
25	Đình thôn Hoảng Xá, xã Phú Túc	Thờ Minh Châu và Linh Lang
26	Đình thôn Trình Viên, xã Phú Túc	Thờ Đình Viết Lâm, Đình Viết Vinh, Đình Viết Dũng, Đình Viết Bùi
27	Đình thôn Phú Túc, xã Phú Túc	Thờ Đình Viết Lâm, Đình Viết Vinh, Đình Viết Dũng, Đình Viết Bùi
28	Đền thôn Phú Túc, xã Phú Túc	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
29	Đình Nam Phú, xã Nam Phong	Thờ Tản Viên Sơn Thánh

30	Miếu Nam Phú, xã Nam Phong	Thờ Quý Minh Đại Vương
31	Đình thôn Nội Hộ, xã Nam Phong	Thờ Đông Hải Đại Vương
32	Đình thôn Cổ Châu, xã Hồng Minh	Thờ Quý Minh Đại Vương
33	Đình Hòa Mỹ, xã Hồng Minh	Thờ Chiêu Pháp Công Thượng Đẳng Thần
34	Đình An Cốc Thượng, xã Hòa Mỹ	Thờ Cao Sơn Đại Vương
35	Đền An Cốc Thượng, xã Hòa Mỹ	Thờ Cao Sơn Đại Vương
36	Đình An Cốc Hạ, xã Hòa Mỹ	Thờ Trung Thành Đại Vương
37	Đình Nhân Sơn, xã Tri Thủy	Thờ Trung Thành Đại Vương
38	Đình Vĩnh Ninh, xã Tri Thủy	Thờ Trung Thành Đại Vương
39	Đình Tri Thủy, xã Tri Thủy	Thờ Trung Thành Đại Vương
40	Đình Bái Đô, xã Tri Thủy	Thờ Đức Thượng Đẳng Trung Thành Đại Vương
41	Đình thôn Mỹ Lâm, xã Phú Xuyên	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương, Linh Lang Đại Vương
42	Đình Phúc Lâm, xã Phúc Tiến	Thờ Thánh Mẫu Tản Viên
43	Miếu Xuân Ca, xã Phượng Dực	Thờ Đông Hải, Linh Lang, Đặng Anh Công Đại Vương
44	Đình thôn Tri Chỉ, xã Tri Trung	Thờ Quảng Bác Uyên Dung Đại Vương



45	Đình Rê Thượng, xã Phú Yên	Thờ Quảng Bác Uyên Dung Đại Vương
46	Đình Giê Hạ, xã Kiến Trúc	Thờ Trung Thành Đại Vương
47	Đình Đa Chất, xã Đa Xuyên	Thờ Chu Thịnh, Hoàng Độ
48	Đình Nam Quất, xã Nam Triều	Thờ Hoàng Độ (Lạc Hầu), Chu Thịnh (Lạc Tướng)
49	Miếu Nam Quất, xã Nam Triều	Thờ Hoàng Độ (Lạc Hầu), Chu Thịnh (Lạc Tướng)
50	Miếu Phong Triều, xã Nam Triều	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương (Thượng Đẳng Phúc Thần)
51	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương (Thượng Đẳng Phúc Thần)	Thờ Hoàng Tế Cư Sỹ húy là Nguyễn Độ

9. Huyện Thanh Oai

1	Đình Huyền Kỳ, xã Phú Lâm	Thờ Lân Lang
2	Đình Từ Châu, xã Liên Châu	Thờ Lỗ Câu
3	Đình Hoàng Trung, xã Hồng Dương	Thờ Cao Sơn Đại Vương
4	Đình Ngô Hạ, xã Hồng Phương	Thờ Cao Sơn Đại Vương Thượng Đẳng Thần
5	Đình thôn Hạ Phương Nhị, xã Hồng Dương	Thờ Đô Thiên Đại Vương, Thánh An Đại Vương
6	Đình thôn Ba Dư, xã Hồng Dương	Thờ Tả Khiên Thần Cao Sơn
7	Đình thôn Trường Xuân, xã Trường Xuân	Thờ Tam Vị Đại Vương
8	Miếu thôn Trường Xuân, xã Trường Xuân	Thờ Tam Vị Đại Vương
9	Đình thôn Vân Đông, xã Xuân Dương	Thờ Đỗ Lang Thiện Sỹ, Nữ Oa Công Chúa



10	Đình thôn Vân Đông, xã Xuân Dương	Thờ Ngô Long
11	Chùa Bốn Thôn, xã Tam Hương	Thờ Lục Vị Sơn Thần
12	Đình Kim (đình Bối Khê)	Thờ Lục Vị Sơn Thần
13	Đình Phúc Khê, xã Tam Hương	Thờ Lạc Long Quân
14	Đình Nội, xã Bình Minh	Thờ Cao Sơn Đại Vương
15	Đình Sinh Quả, xã Bình Minh	Thờ Hùng Lý Đại Vương, Cao Hàn
16	Đình Canh Hoạch, xã Dân Hòa	Thờ Tam Vị Đại Vương
17	Đình Thị Nguyên, xã Cao Dương	Thờ Đức Hiền Hựu Ứng Thiện
18	Đình thôn Cao Xá, xã Cao Dương	Thờ Đức Hiền Hựu Ứng Thiện
19	Miếu Cao Xá, xã Cao Dương	Thờ Mộc Lang
20	Đình Mộc Xá, xã Cao Dương	Thờ Mộc Lang
21	Miếu Mộc Xá, xã Cao Dương	Thờ Bạch Hạc, Tả Bộ, Càn Tuy, Ngọ Trì
22	Đình thôn Yên Thành, xã Biên Giang	Thờ Bạch Hạc, Tả Bộ, Càn Tuy, Ngọ Trì
23	Đình thôn Yên Phúc, xã Biên Giang	Thờ An Duy Đại Vương
24	Đình Bạch Nao, xã Thanh Văn	Thờ An Duy Đại Vương
25	Đình Rùa Thượng, xã Thanh Thùy	Thờ An Duy Đại Vương
26	Đình Rùa Hạ, xã Thanh Thùy	Thờ Đông Hải Phu nhân Công chúa, An Hữu, An Duy, Hữu Sơn



27	Đình thôn Từ Am, xã Thanh Thủy	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Đệ Quý Minh Đại Vương
28	Đình thôn Dư Dự, xã Thanh Thủy	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Đệ Quý Minh Đại Vương

10. Huyện Quốc Oai

1	Đình thôn Bái Nội, xã Liệp Tuyết	Thờ Gia Lang
2	Đình thôn Bái Ngoại, xã Liệp Tuyết	Thờ Gia Lang
3	Đình thôn Vinh Phúc, xã Bái Ngoại	Thờ Gia Lang
4	Đình thôn Giã Cát, xã Phú Cát	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
5	Quán Tràng, xã Đại Thành	Thờ Đô Minh
6	Đình Thổ Ngõa, xã Tân Hòa	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
7	Đình thôn Ngọc Bái, xã Ngọc Liệp	Thờ 3 người con của Lạc Long Quân
8	Đình Đồng, xã Ngọc Liệp	Thờ 3 người con của Vua Hùng
9	Đình làng Thế Trụ, xã Nghĩa Hương	Thờ Thủy Hải

11. Huyện Phúc Thọ

1	Đình Ngọc Tảo, xã Ngọc Tảo	Thờ Vi Ngọc Quan
2	Đình Thanh Chiểu, xã Sen Chiểu	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương
3	Miếu Thanh Chiểu, xã Sen Chiểu	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương



4	Đình Sen Chiếu, xã Sen Chiếu	Thờ Chiêu Ứng An Dân Hộ Quốc Đại Vương húy là Hoàng Chiêu
5	Miếu Sen Chiếu, xã Sen Chiếu	Thờ Chiêu Ứng An Dân Hộ Quốc Đại Vương húy là Hoàng Chiêu
6	Miếu thôn Thuận Mỹ, xã Trạch Mỹ Lộc	Thờ Minh Điện
7	Đình Thuận Mỹ, xã Trạch Mỹ Lộc	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
8	Đình thôn Tuy Lộc, xã Trạch Mỹ Lộc	Thờ Chiêu Ứng An Dân Hộ Quốc Đại Vương húy là Hoàng Chiêu
9	Đình thôn Đông Huỳnh, xã Phương Độ	Thờ Chiêu Ứng An Dân Hộ Quốc Đại Vương húy là Hoàng Chiêu
10	Đình Phương Độ, xã Phương Độ	Hộ Quốc Đại Vương húy là Hoàng Chiêu
11	Miếu Phương Độ, xã Phương Độ	Thờ Chiêu Ứng An Dân Hộ Quốc Đại Vương
12	Đình Vông Nội, xã Vông Nội	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
13	Đình Phúc Trạch, xã Vông Xuyên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
14	Đình thôn Lục Xuyên, xã Vông Xuyên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
15	Đình thôn Bảo Lộc, xã Vông Xuyên	Thờ Bản Cảnh Thành Hoàng Thổ Lệnh Tam Giang
16	Đình thôn Tường Phiêu, xã Tích giang	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
17	Đình thôn Cung Sơn, xã Tích giang	Thờ Tản Viên Sơn Thánh



18	Quán thôn Tây, xã Phụng Thượng	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
19	Đền thôn Hiệp Lộc, xã Hiệp Thuận	Thờ Tản Viên Sơn Thánh tam vị Sơn Thần
20	Đình thôn Yên Dục, xã Hiệp Thuận	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
21	Đình thôn Phù Lỗ, xã Hiệp Thuận	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
22	Đình thôn Thu Vím xã Thượng Cốc	Thờ Tản Viên Sơn Thánh (húy là Cao Minh)
23	Đình thôn Kim Lý, xã Thượng Cốc	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
24	Đình thôn An Phú, xã Xuân Phú	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, Bạch Hạc Tam Giang
25	Đình thôn Phú Châu, xã Xuân Phú	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
26	Đình Phương Kỳ, xã Cẩm Đình	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
27	Đình thôn Thuần Nội, xã Tam Thuấn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
28	Đình thôn Thuần Trong, xã Tam Thuấn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
29	Đình thôn Thuần Ngoại, xã tam Thuấn	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
30	Đình Thượng Hiệp, xã Tam Hiệp	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
31	Quán Ngự, xã Tam Hiệp	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
32	Xưởng Điện, xã Tam Hiệp	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
12. Huyện Thạch Thất		
1	Đình thôn Yên Lạc, xã Cần Kiệm	Thờ Trung Công, Hoàng Công, Dũng Công



2	Đình Cầu, xã Bình Phú	Thờ Phù Đồng Thiên Vương và Tam Đô Vương
3	Đình thôn Phú Ổ, xã Sinh Phú	Thờ Tam Đô Vương
4	Đình thôn Chi Quan, xã Liên Quan	Thờ Tam Đô Vương, Bá Trung Hưng, Vũ Việt Vương, Uy Mạnh Vương
5	Đình Trong, xã Thạch Xá	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
6	Đình Ngoại, xã Thạch Xá	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
7	Đền Đông Hoa, xã Thạch Xá	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
8	Đền Đông Mặc, xã Thạch Xá	Thờ tam Vị Thánh Tản (Cao Sơn, Quý Minh, Tản Viên Sơn Thánh)
9	Đình thôn Yên, xã Thạch Xá	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
10	Đình thôn Yên Mỹ, xã Bình Yên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
11	Đình Ngoại, xã Đông Trú	Thờ Hùng Dũng Tướng Quân
12	Đền Bẻ Lá, xã Đông Trú	Thờ Hùng Dũng Tướng Quân
13	Đình Chàng Sơn xã Chàng Sơn	Thờ Tam Vị Thánh Tản (Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh, Tản Viên Sơn Thánh)
14	Đình thôn Trúc Động, xã Đông Trú	Thờ Âm Sát Đại Vương

13. Huyện Thường Tín

1	Đình Khóa Cầu, xã Thăng Lợi	Thờ Linh Lang, Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
2	Đình thôn Dương Tảo, xã Vân Tảo	Thờ Cao Sơn Đại Vương
3	Đình Nỏ Vắn, xã Vân Tảo	Thờ Cao Sơn Đại Vương
4	Đình Hòa Lương, xã Hà Hồi	Thờ Cao Sơn Đại Vương



5	Đình thôn Khê Hối, xã Hà Hối	Thờ Cao Sơn Đại Vương
6	Đình Bằng Sở, xã Ninh Sở	Thờ Cao Sơn Đại Vương
7	Đình Quất Động, xã Quất Động	Thờ Cao Sơn Đại Vương
8	Đình Phú Trạch Thai, xã Thống Nhất	Thờ Trung Thành, Linh Lang Đại Vương
9	Đình Hoàng Xá, xã Thống Nhất	Thờ Cao Sơn Đại Vương
10	Đền Quán Thánh, xã Thống Nhất	Thờ Phù Đổng Thiên Vương
11	Đền thôn Vân Trai, xã Văn Phú	Thờ Tây Công, Lôi Công Đại Vương
12	Đình thôn Vân Trai, xã Văn Phú	Thờ Tây Công, Lôi Công Đại Vương
13	Đình Cẩm Cơ, xã Hồng Vân	Thờ Chử Đồng Tử
14	Đình Xâm Thụy, xã Hồng Vân	Thờ con Vua Hùng
15	Đình thôn Hưng Hiến, xã Hiến Giang	Thờ Đông Hải, Nam Hải, Cao Sơn Đại Vương
16	Bãi Cát Gia Ngự, xã Tự Nhiên	Thờ Chử Đồng Tử, Tiên Dung công chúa
17	Đình Tự Nhiên, xã Tự Nhiên	Thờ Chử Đồng Tử, Tiên Dung công chúa
18	Đình thôn Thượng Lôi, xã Chương Dương	Thờ Chử Đồng Tử, Tiên Dung công chúa
19	Đình Đan Nhiễm, xã Khánh Hà	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
20	Miếu Phúc Am, xã Duyên Thái	Thờ Tản Viên Sơn Thánh cùng Tuấn Công, Sùng Công
21	Đình Đỗ Xá, xã Duyên Thái	Thờ Đông Hải Đại Vương



22	Đình thôn Vạn Điểm, xã Duyên Thái	Thờ Hải Minh Vương
23	Miếu Tổng, xã Liên Phương	Thờ Cao Sơn Linh Quốc
24	Đình thôn Minh Nga, xã Văn Tự	Thờ 3 vị có công đánh giặc
25	Đình thôn Bạch Liên, xã Văn Tự	Thờ Cao Sơn Đại Vương
26	Đình thôn Phú Am, xã Duyên Thái	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
27	Đình Vui, xã Tô Hiệu	Thờ Trung Thành, Ngọ Lang, Phù Vân Đông Phương
28	Đình thôn An Đình, xã Tô Hiệu	Thờ Trung Thành, Linh Ứng, Linh Lang, Thiên Cương Đại Vương
29	Đền An Lăng, xã Văn Tự	Thờ Liên Hoa Công Chúa
30	Đình Đống Chanh, xã Minh Cường	Thờ Trung Thành Phố Tế Đại Vương

14. Huyện Ứng Hòa

1	Đình Đông Dương, xã Tào Dương	Thờ Long Cung, Nguyễn Sứ
2	Miếu Hạ, xã Tào Dương	Thờ Long Cung, Nguyễn Sứ
3	Đình thôn Lường La, xã Trầm Lộng	Thờ Vương Công Hùng, Vương Công Kiệt, Vương Công Dũng
4	Đình Ba Thôn, xã Trầm Lộng	Thờ Vương Công Hùng, Vương Công Kiệt, Vương Công Dũng
5	Đình thôn Thu Nội, xã Trầm Lộng	Thờ Đức Chính Nghiêm Gia
6	Đình Vân Đại, xã Trầm Lộng	Thờ Vương Công Hùng



7	Đình thôn Cao Minh, xã Trầm Lộng	Thờ Hưng Công Dũng
8	Đình Phù Lưu Thượng	Thờ Đô Lương Kiên Trì, Ngũ Lô và Phương Dung Công chúa
9	Đình thôn Thượng, xã Viên Nội	Thờ Thượng Lang Đô Thống
10	Đình thôn Tiến, xã Viên Nội	Thờ Bạch Lương (húy là Lỗi)
11	Đình Đặng Giang (đình Thị), xã Hoàng Phú	Thờ Bao La, Quy Chấn, Bát Nhã Đại Vương
12	Đền Đặng Giang, xã Hòa Phú	Thờ Bao La, Bát Nhã Đại Vương
13	Đình thôn Thành Vạn, xã Đồng Tiến	Thờ Quý Minh Đại Vương
14	Đình Chính, xã Hoại Nam	Thờ Quý Minh Đại Vương
15	Đình Miêng Hạ, xã Hoa sơn	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương
16	Đền Miêng Hạ, xã Hoa sơn	Thờ Quang Công
17	Đình thôn Thanh Ấm, xã Tân Phương	
18	Đình Hoàng Xá, xã Liên Bạt	Thờ Quý Minh Đại Vương
19	Đình Trảng, xã Liên Bạt	Thờ Quý Minh Đại Vương
20	Đình thôn Vũ Ngoại, xã Liên Bạt	Thờ Phổ Phúc Thần Đại Vương
21	Đình thôn Vũ Nội, xã Liên Bạt	Thờ Phổ Phúc Thần Đại Vương
22	Đình thôn Họa Đống, xã Trường Thịnh	Thờ Cao Sơn Đại Vương
23	Đình Hoa Đường, xã Trường Thịnh	Thờ Ninh Thông hiển Ứng, Chính Uyển Đại Vương
24	Đình thôn Tử Dương, xã Cao Thành	Thờ Đại Long Quốc Vương



25	Đình thôn Ngọc Trục, xã Đông Lỗ	Thờ Trung Thành Đại Vương
26	Đình thôn Thống Nhất, xã Đông Lỗ	Thờ Trung Thành Đại Vương
27	Đền Ba Sa, xã Minh Đức	Thờ Quảng Bác Uyên Dung Đại Vương
28	Đình Thần, xã Minh Đức	Thờ Quảng Bác Uyên Dung Đại Vương
29	Đình Cầu, xã Minh Đức	Thờ Quảng Bác Đại Vương
30	Miếu Bà, xã Minh Đức	Thờ thân mẫu của Quảng Bác, Tiên Dung công chúa
31	Đền Bầu Bôi, xã Quảng Phú Cầu	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương, Hoàng Phi Công Chúa
32	Đình Đông Đình, xã Đại Cường	Thờ Quý Minh Đại Vương
33	Đình Phú Lương, thờ Quảng Phú Cầu	Thờ Bạch Lợi Đại Vương
34	Đền Thái Bình, xã Vạn Thái	Thờ Bội Hải, Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương Chiêu Pháp, Pháp Minh Tôn Thần
35	Đình Thái Bình, xã Vạn Thái	Thờ Bội Hải, Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương Chiêu Pháp, Pháp Minh Tôn Thần
36	Đền Đông Bình, xã Đại Cường	Thờ Quý Minh Đại Vương
37	Đền thôn Ngũ Luân, xã Đại Hùng	Thờ Trung Thành, Minh Tĩnh, Đông Đức Đại Vương
38	Đình thôn Dương Khê, xã Phương Tú	Thờ Vương Ngôn Thượng Đẳng Thần
39	Đình Quán Định Xuyên, xã Hòa Nam	Thờ Hoàng Tế Đại Vương, Nguyễn Quang



40	Đình Hữu Vĩnh, xã Hồng Quan	Thờ Quảng Xung
15. Quận Đống Đa		
1	Đình Kim Liên, phường Kim Liên	Thờ Cao Sơn Đại Vương
2	Đình Khương Thượng, phường Khương Thượng	Thờ Cao Sơn Đại Vương
3	Đình Trung Tự, phường Phương Liên	Thờ Cao Sơn Đại Vương và phối thờ Táo Quân Công và Huệ Minh Công chúa
4	Đình Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Bồ Cái Đại Vương, Bạch Mã, Bảo Hoa, Trần Hưng Đạo
5	Đình Đông Các, phường Ô Chợ Dừa	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Phương Dung Thái Hậu, Bảo Hoa Công chúa
16. Quận Cầu Giấy		
1	Đình Lương Sứ (đình Hàng Đũa, Đình Hàng Cà)	Thờ Bạch Hạc Tam Giang, Lý Thần Tông
2	Đình Yên hòa, phường Yên Hòa	Thờ Lý Thần Tông, Bạch Hạc Tam Giang
3	Miếu An Hòa, phường Yên Hòa	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
17. Quận Thanh Xuân		
1	Đình Hạ (đình Vông)	Thờ Cường Nghị Đại Vương và Hùng Lược Đại Vương
2	Đình Khương Trung, phường Nguyễn Trãi	Thờ Trần Minh và Trần Quang
3	Đình Phương Liệt, phường Phương Liệt	Thờ Cao Sơn Đại Vương
4	Đình Khương Trung, phường Khương Trung	Thờ Hùng Lãng Công



5	Đình Quan Nhân	Thờ các Vua Hùng
18. Quận Hai Bà Trưng		
1	Đình Đông Hạ, phường Ngô Thị Nhậm	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Linh Lang, Trần Hưng Đạo
2	Đình Đại, phường Cầu Dền	Thờ Cao Sơn Đại Vương
3	Đình Tô Hoàng, phường Cầu Dền	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương
4	Đình Cẩm Ứng, phường Đồng Nhân	Thờ Bạch Xà (tướng thời Vua Hùng)
5	Đình Quỳnh Lôi, phường Minh Khai	Thờ Cao Sơn Đại Vương
6	Đình Giáo Phường, phường Ngô Thị Nhậm	Thờ Cao Sơn Đại Vương
7	Đền Tô Hoàng, phường Cầu Dền	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh, Linh Lang
8	Đình Cẩm Chi, phường Bưởi	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh, Linh Lang
9	Đình Đồng Nhân, phường Đồng Nhân	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh, Linh Lang
10	Đền Tân Trào, phường Thanh Lương	Thờ Tân Viên Sơn Thần
11	Đền Đông Hạ, phường Ngô Thị Nhậm	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh, Linh Lang Đại Vương
12	Đình Anh Mỹ, phường Cửa Nam	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung công chúa
13	Đình Nam Hương, phường Hàng Trống	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh, Linh Lang, An Duy
14	Đền Ngọc Liên, phường Bưởi	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh, Linh Lang Đại Vương



15	Đình Đông Xã, phường Bưởi	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh, Linh Lang Đại Vương
----	---------------------------	--

19. Huyện Sóc Sơn

1	Đình Hiến Lương, xã Hiến Ninh	Thờ Bạch Hạc Tam Giang, Lý Nam Đế, Vương Bà, Trần Kỳ và Thổ Thần
2	Đền Thiện, xã Bắc Phú	Thờ Thánh Gióng
3	Đình Thế Trạch, xã Mai Đình	Thờ Thánh Gióng, Cao Sơn Đại Vương
4	Đình Đại Đức, xã Phù Linh	Thờ Thánh Gióng
5	Đền Thánh Mẫu, xã Phù Linh	Thờ Mẹ Gióng
6	Đền Sóc, xã Phù Linh	Thờ Thánh Gióng
7	Nghè Thanh Quang, xã Phù Linh	Thờ Cao Sơn Đại Vương
8	Đình Diên Quy, xã Phù Linh	Thờ Quý Minh Đại Vương
9	Đền Tân An, xã Hiến Ninh	Thờ Phù Đồng Thiên Vương và các vị tướng
10	Đền Thái Đường, xã Hiến Ninh	Thờ Phù Đồng Thiên Vương và các vị tướng
11	Đình Nam Cường, xã Hiến Ninh	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
12	Đình Ninh Môn, xã Hiến Ninh	Thờ Cao Sơn, Nghiêm sơn Hoàng Thánh Mẫu
13	Đền Thắng Trí, xã Minh Trí	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Nga Hoàng Công chúa
14	Đình Vụ Bản, xã Minh Trí	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương
15	Đình Lập Trí, xã Minh Trí	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương



16	Đền Thái Lai, xã Minh Trí	Thờ Cao Sơn Đại Vương
17	Đền Gò Gạo, xã Minh Trí	Thờ Cao Sơn Đại Vương
18	Đền Sọ, xã Phù Lỗ	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
19	Đình Đoài, xã Phù Lỗ	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
20	Đình Bắc Già, xã Phù Lỗ	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
21	Đình Đông, xã Phù Lỗ	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
22	Đình Thanh Nhân, xã Thanh Xuân	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
23	Đình Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân	Thờ Phù Đồng Thiên Vương, Bạch Hạc Tam Giang
24	Đền Thanh Nhân, xã Thanh Xuân	Thờ Phù Đồng Thiên Vương, Bạch Hạc Tam Giang
25	Đền Sóc Sơn, xã Vệ Linh	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
26	Đền Thiện, xã Bắc Phú	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
27	Đình Phúc xuân, xã Bắc Sơn	Thờ vị thần thời Hùng Vương
28	Đình Đô Lương, xã Bắc Sơn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
29	Đền Trôi, xã Đông Xuân	Thờ Người rèn roi sắt cho Thánh Gióng
30	Miếu Gia Thờ, xã Đông Xuân	Thờ Người rèn roi sắt cho Thánh Gióng
31	Nghè Xuân Kỳ, xã Đông xuân	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
32	Đình Kim Hạ, xã Kim Lũ	Thờ Bạch Hạc Tam Giang, Trương Hồng, Trương Hát
33	Đình Kim Trung, xã Kim Lũ	Thờ Bạch Hạc Tam Giang, Trương Hồng, Trương Hát
34	Đình Xuân Dương, xã Kim Lũ	Thờ Cao sơn, Bạch Hạc, Ngọc Trân, Đào Hoa
35	Đình Thế Trạch, xã Mai Đình	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Đồng Thiên Vương, Xá Lợi
36	Đình Hoàng Dương, xã Minh Phú	Thờ Cao Sơn, Đồng Thiên Vương



37	Đình Thanh Tú, xã Phú Minh	Thờ Quý Minh Đại Vương
38	Đình Hoa Sơn, xã Nam Sơn	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
39	Đình Xuân Bảng, xã Phù Linh	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
40	Đình Xuân Mai, xã Phù Linh	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
41	Đình Đại Đức, xã Phù Linh	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
42	Đình Phú Mã, xã Phù Linh	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
43	Đình Hạ Mã, xã Phù Linh	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
44	Đình Phú Mã, xã Phù Linh	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
45	Đình Diên Quy, xã Tân Dân	Thờ Quý Minh Đại Vương
46	Đình Thanh Vân, xã Tân Dân	Thờ Quý Minh Đại Vương
47	Đình Cốc Lương, xã Tân Hưng	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
48	Đình Ngô Đạo, xã Tân Hưng	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
49	Đình Cẩm Hà, xã Tân Hưng	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
50	Đền Cẩm Hà, xã Tân Hưng	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
51	Đình Vệ Sơn Đông, xã Tân Minh	Thờ Cao Sơn Đại Vương
52	Đình Dực Hạ, xã Tiên Dực	Thờ Cao Sơn Đại Vương Thờ Phù Đồng Thiên Vương
53	Nghè Đồng Lạc, xã Tiên Dực	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
54	Đình Bình An, xã Trung Giã	Thờ Bạch Hạc Tam Giang, Nguyễn Thế Định, Duyên Bình Công Chúa
55	Đình Thôn Trung, xã Đức Hòa	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
56	Đình Thôn Thượng, xã Đức Hòa	Thờ Bạch Hạc, Thế Giương Giang



57	Đình Đình Công Cạ, xã Đình Công	Thờ Quốc Vương Lạc Đạo Tướng quân và Thần Đoàn Thượng
58	Đền Đầm Sen, xã Đình Công	Thờ Phương Nghi Hoàng Hậu
59	Đình Công Thượng, xã Đình Công	Thờ Quốc Vương Lạc Đạo Tướng và Đoàn Thượng
60	Đình Vĩnh Trung, xã Đại Áng	Thờ 3 vị: Ông Cả, Ông Hai, Ông Ba
61	Đình Nguyệt Ánh, xã Đại Áng	Thờ Công Ba Đại Vương
62	Đình Đại Áng, xã Đại Áng	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Thánh Tản Viên Sơn, Bồ Cái Đại Vương.

20. Huyện Thanh Trì

1	Miếu Đình Vĩnh Trung, xã Đại Áng	Thờ 3 vị đại vương thời Hùng Vương
2	Đình Đại Áng, xã Đại Áng	Thờ Cao Sơn Đại Vương
3	Đình Ngọc Hối, xã Ngọc Hối	Thờ tam vị đại vương thời Hùng Vương
4	Đình Yên Mỹ, xã Yên Mỹ.	Thờ Cao Sơn Đại Vương

21. Quận Hoàn Kiếm

1	Đình Anh Mỹ, phường Cửa Nam	Thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung Công Chúa
2	Đình Bích Lưu, phường Cửa Nam	Thờ Chủ Đồng Tử
3	Đình An Trung, phường Cửa Nam	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
4	Đình Diên Hưng, phường Hào Nam	Thờ Cao Sơn Đại Vương
5	Đền Dầu, phường Hàng Gai	Thờ Hùng Vương



6	Đình Đông Hà, phường Hàng Gai	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
7	Đình Nam Hương, phường Hàng Trống	Thờ Cao Sơn Đại Vương
8	Đền Ngọc Liên, phường Trần Hưng Đạo	Thờ Tản Viên Sơn Thánh

22. Huyện Gia Lâm

1	Đình Chử Xá, xã Đức Văn	Thờ Chử Đồng Tử, Tiên Dung công chúa, Hữu Phu Nhân, càn Hải Tứ Vị Đại Vương, Đương Nhiên, Đương Cảnh
2	Đình Thổ Khối, xã Cự Khối	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Bồ Cái Đại Vương, Đào Thanh Hoàn
3	Đình Sen Hồ, xã Lệ Chi	Thờ Hùng Hiền Công
4	Nghè Sen Hồ, xã Lệ Chi	Thờ Hùng Hiền Công
5	Đình Hội Xá, xã Lệ Chi	Thờ Phù Đồng Thiên Vương, Hoàng Hồ và Nguyễn Nộn
6	Đình Tô Khê, xã Phú Thị	Thờ Trần Văn Xương và Trần Văn Khúc
7	Khu di tích Phù Đồng, xã Phù Đồng	Thờ Phù Đồng Thiên Vương

23. Huyện Từ Liêm

1	Đình Trung Tự, xã Tây Tự	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
2	Đình Tây Tự, Xã Tây Tự	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
3	Đình Tây Tự, xã Tây Tự	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
4	Đình Đình Quán, xã Phú Diễn	Thờ Bạch Hạc Tam Giang, Hoàng Thân Thái Bảo, Trạc Quận Công
5	Đình Đức Diễn, xã Phú Diễn	Thờ Bạch Hạc Tam Giang



6	Đình Phú Diễn, xã Phú Diễn	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
7	Đình Kiều Mai, xã Phú Diễn	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
8	Đình Phú Lý, xã Minh Khai	Thờ Bạch Hạc Tam Giang
9	Đền Sóc (đền Thượng), xã Xuân Đình	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
10	Đình Mọc Dục, xã Xuân Đình	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
11	Quán Ngọc Trục, xã Đại Mọc	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
12	Đình Mễ Trì Thượng, xã Mễ Trì	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Lý Bí, Lý Phật Tử
13	Đình Phú Đô, xã Mễ Trì	Thờ Bạch Hạc Tam Giang, Thiên Bảo
14	Đình Hoàng Liên, xã Liên Mạc	Thờ Cao Sơn Đại Vương

24. Huyện Đông Anh

1	Đình Tầm Xá, xã Tầm Xá	Thờ Tản Viên Sơn, Cao Sơn, Quý Minh, Long Linh và Cầm Phu Nhân Công Chúa
2	Đình Xuân Trạch, xã Xuân Canh	Thờ Trần Quốc Lang
3	Đền Xuân Trạch, xã Xuân Canh	Thờ Trương Trinh Ngạn
4	Đình Xuân Đình, xã Xuân Canh	Thờ Cao Sơn Đại Vương, một vị tướng của Hai Bà Trưng
5	Đình Lỗ Giao, xã Việt Hưng	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, ả Nương
6	Đình Thiết ứng, Xã Vân Hà	Thờ Bình Thục Đại Vương
7	Đình Kim Tiên, xã Xuân Nộn	Thờ Bạch Hạc Tam Giang



8	Đình Nhạn Tài, xã Xuân Nộn	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Quốc Vương Thiên Tử Nhã Lang, ả Lã Nàng Đê, Đỗ Nhận, Sùng Hiệp An Dân Đại Vương và Cầm ứng Linh Đại Vương
9	Đình Đường Yên, xã Xuân Nộn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
10	Đình Kim Quy, xã Xuân Nộn	Thờ 3 ông: Thống, Duy, Giang
11	Đình Lễ Pháp, xã Tiên Dương	Thờ Đồng Lính Đại Vương
12	Đình Hà Hương, xã Liên Hà	Thờ Vũ Dục Công, Vũ Minh Công
13	Đình Hà Lỗ, xã Liên Hà	Thờ Vũ Dục Công, Vũ Minh Công
14	Đình Thủ Lỗ, xã Liên Hà	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
15	Đình Lỗ Khê, xã Liên Hà	Thờ Vũ Dục Công, Vũ Minh Công
16	Đình Hương Trầm, xã Thụy Lâm	Thờ Quý Minh Đại Vương
17	Đình Thụy Lôi, xã Thụy Lâm	Thờ Cao Sơn và Huyền Thiên Trấn Vũ, Trương Hát và Đoàn Thượng
18	Đền Thượng, xã Thụy Lâm	Thờ Cao Sơn Đại Vương
19	Miếu Mạnh Tân, xã Thụy Lâm	Thờ Công Chúa Con Vua Hùng Vương
20	Đình Thụy Hà, xã Bắc Hồng	Thờ Cao Sơn Đại Vương
21	Đình Phù Liễn, xã Bắc Hồng	Thờ Cao Sơn Đại Vương
22	Đình Ba Trạ (đình Bến Trung), xã Bắc Hồng	Thờ Phù Đồng Thiên Vương



23	Đình Mạnh Lũng, xã Đại Mạnh	Thờ 3 vị Thủy Thần thời Hùng Vương
24	Đền Trung, xã Đông Hội	Thờ Minh Khiết thời Hùng Vương
25	Đền Hạ, xã Đông Hội	Thờ Quốc Lang thời Hùng Vương
26	Miếu Lai Đà, xã Trung Hội	Thờ Tiên Dung Công Chúa
27	Đình Thọ Đa, xã Kim Nổ	Thờ Cao Sơn Đại Vương
28	Đình Tăng Mi, xã Nam Hồng	Thờ Cao Sơn, Quý Minh và Cao Thanh, ả Lã Nàng Đề
29	Đền Thôn Địa, xã Nam Hồng	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
30	Đình Nguyên Khê, xã Nguyên Khê	Thờ Cao Sơn, Bạch Hạc Tam Giang và Nhà Lang Lý Đại Vương
31	Chùa Sơn Du, xã Nguyên Khê	Thờ Phật Phối thờ Phù Đồng Thiên Vương
32	Đền Sơn Du, xã Nguyên Khê	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
33	Đền Tam Voi, xã Nguyên Khê	Thờ Bạch Hạc Tam Giang, Triệu Quang Phục
34	Đình Bầu, xã Kim Chung	Thờ Công Chúa con Vua Hùng, Cao Sơn Đại Vương,, Thanh Sơn vị thần được thờ
35	Đền Thượng, xã Đông Hội	Thờ Báo Khanh và Phu Nhân thời Hùng Vương

TỈNH BẮC NINH (168 di tích)

1.Thị Xã Bắc Ninh		
1	Đình Hội ó, xã Võ Cường	Thờ Quý Minh, Hắc Quan
2	Đình, Chùa Bồ Sơn, xã Võ Cường	Thờ Quý Minh Đại Vương
3	Đình, Chùa Thị Chung, xã Kinh Bắc	Thờ Đông Hải Đại Vương



4	Đình, Đền, Chùa Cao, khu 1 Thị Cầu	Thờ Thánh Gióng
5	Chùa Phúc Sơn, xã Vũ Ninh	Thờ Lạc Long Quân
6	Đình Phúc Sơn, xã Vũ Ninh	Thờ Quý Minh Đại Vương
7	Đình, Chùa Y Nha, xã Kinh Bắc	Thờ Quý Minh Đại Vương
8	Đình Đình Bảng, xã Đình Bảng	Thờ Cao Sơn, Thủy Bá, Bạch Lệ
9	Đình Kim Bảng, xã Hương Mạc	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
10	Đình Hương Mạc, xã Hương Mạc	Thờ Cao Sơn, Phương Dung, Thiên Hương Công Chúa
11	Đình Vĩnh Thọ, xã Hương Mạc	Thờ Quý Minh Đại Vương
12	Đình Vĩnh Thọ, xã Hương Mạc	Thờ Cao Sơn, Phương Dung
13	Đình, đền Tiêu Thượng, xã Tương Giang	Thờ Cao Sơn Đại Vương
14	Đình, đền Tiêu Long, xã Tương Giang	Thờ Cao Sơn, Phù Thiên Chính Hiếu
15	Đình Hương Phúc, xã Tương Giang	Thờ Đông Hải Đại Vương
16	Đình Tiến Bào, xã Phù Khê	Thờ Thiên Cương Đại Vương
17	Đền Đồng Kỵ, xã Đồng Quang	Thờ Hùng Huy Cương
18	Đình Đồng Kỵ, xã Đồng Quang	Thờ Hùng Huy Cương
19	Đình Trịnh Nguyễn, xã Châu Khê	Thờ Nam Định Đại Vương
20	Đền Trịnh Xá, xã Châu Khê	Thờ Quý Minh Đại Vương



21	Đình Thọ Trai, xã Tam Sơn	Thờ Thánh Gióng
2. Huyện Yên Phong		
1	Đình, chùa Trung Bạ, xã Đông Thọ	Thờ Quý Minh Đại Vương
2	Đình, chùa Phù Yên, xã Yên Trung	Thờ Quý Minh Đại Vương
3	Đình Khúc Toại, xã Khúc Xuyên	Thờ Cao Sơn Đại Vương
4	Đình, chùa Yên Phụ	Thờ Cao Sơn Đại Vương
5	Đình Ngô Nội, xã Trung Nghĩa	Thờ Quý Minh Đại Vương
6	Đình Phú Mẫn, thị trấn Chờ	Thờ Quý Minh Đại Vương
7	Đình, chùa Ngân Cầu	Thờ Quý Minh Đại Vương
8	Đình, chùa Trác Bút, thị trấn Chờ	Thờ Quý Minh, Đông Bảng
9	Đình Mẫn Xá, xã Văn Môn	Thờ Trương Tuấn Công, Trương Thuận Công
10	Đình Thiểm Tây, xã Thụy Hòa	Thờ Cường Bạo Đại Vương
11	Đình Yên Hậu, xã Hòa Tiến	Thờ Cao Sơn Đại Vương
12	Chùa Yên Tân, xã Hòa Tiến	Thờ Cao Sơn Đại Vương
13	Đình Thân Thượng, xã Hòa Tiến	Thờ Quý Minh Đại Vương
14	Đình Đại Lâm, xã Tam Đa	Thờ Nghiêm Công Minh, Minh Công và Tri Công
15	Đền Ô Cách, xã Đông Tiến	Thờ Quý Minh Thờ Nghiêm Công,
16	Nghè Đại Lâm, xã Tam Đa	Minh Công, Tri Công
17	Đình Đại Lâm, xã Tam Đa	Thờ Nghiêm Công, Minh Công, Tri Công



18	Đền Hàm Sơn, thị trấn Chờ	Thờ Quý Minh Đại Vương
19	Đình Ngân Cầu, thị trấn Chờ	Thờ Quý Minh Đại Vương
20	Đình Trung Nghĩa, xã Trung Nghĩa	Thờ Quý Minh Đại Vương
21	Đình Quan Đội, xã Văn Môn	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Thờ Trương Tuấn Công,
22	Đình Mẫn Xá, xã Văn Môn	Trương Thiệu
23	Đình Tiên Môn, xã Văn Môn	Thờ Trương Tuấn Công, Trương Thiệu
24	Đình Thượng Thôn, xã Đông Tiến	Thờ Quý Minh Đại Vương
25	Đình, chùa Thân Thượng, xã Yên Trung	Thờ Quý Minh Đại Vương
26	Đình Quan Đình, xã Văn Môn	Thờ Cao Sơn, Trương Hồng, Trương Hát và Thổ Thần
27	Đình Phú Mẫn, xã Hàm Sơn	Thờ Quý Minh Đại Vương
28	Đình làng Lắm, xã Vạn An	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Bà Chúa Lắm

3. Huyện Thuận Thành

1	Đền, lăng ÁLũ, xã Đại Đồng Thành	Thờ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Âu Cơ
2	Đình Đông Miếu, xã Hoài Thượng	Thờ Lạc Thị Đệ Tam Công
3	Đình Đại Mão, xã Hoài Thượng	Thờ Cao Sơn Đông Hải
4	Đình Đại Mão, xã Hoài Thượng	Thờ Lạc Thị Đệ Tam Công
5	Đình Ngọc Xá, xã Hoài Thượng	Thờ Quốc, Bảo, Học
6	Đình, chùa Ngọc Khám, xã Gia Đông	Thờ Sơn Thần, Thủy Thần



7	Đình Đông Ngoại, xã Nghĩa Đạo	Thờ Cao Sơn Đại Vương
8	Đình Phúc Lâm, xã Nghĩa Đạo	Thờ Kim Khẩu, Sùng Công, Chàng Nhỏ
9	Đình Đạo Xá, xã Nghĩa Đạo	Thờ Kim Khẩu, Sùng Công, Chàng Nhỏ
10	Đình Đông Lĩnh, xã Nghĩa Đạo	Thờ Cao Sơn Đại Vương
11	Đình Điện Tiến, xã Nguyệt Đức	Thờ Nguyễn Thị Thái
12	Đình Đại Tiến, xã Nguyệt Đức	Thờ Dục Bảo Trung Hưng
13	Đình Đại Tiến, xã Nguyệt Đức	Thờ Thái Trường Vi Tướng
14	Đình Bình Ngô, xã An Bình	Thờ Lạc Long Quân, Âu Cơ, Vương Phó Tướng
15	Đền Nghi Khúc, xã An Bình	Thờ Tam Vương Đại Vương (Lạc Nhị Nhất, Nhị Tam)
16	Đình Thượng Vũ, xã An Bình	Thờ Thủy Thần Lạc Thị
17	Đình Giữa, xã An Bình	Thờ kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Âu Cơ, Hùng Quốc Vương
18	Đình Yên Nho, xã Gia Đông	Thờ Lạc Long Quân, Âu Cơ
19	Đình Tú Tháp, xã Song Hồ	Thờ Cao Sơn Đại Vương
20	Đình Thụy Mão, xã Mão Diển	Thờ Lạc Thị Đệ Nhất Công
21	Đình Đoài, xã Mão Diển	Thờ Quý Minh Đại Vương
22	Đình, chùa Mãn Xá Đông, xã Hà Mãn	Thờ Quý Minh Đại Vương
23	Đình, chùa Phú Mỹ, xã Đình Tổ	Thờ Quảng Hóa Tướng Quân



24	Đình Đại Trạch, xã Đình Tổ	Thờ Cao Sơn Đại Vương
25	Đình Trà Lâm, xã Trí Quả	Thờ Ông Kế
26	Chùa Xuân Quang, xã Trí Quả	Thờ Linh Lại Đại Vương
27	Đền Bình Ngô, xã An Bình	Thờ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Âu Cơ, Hùng Quốc

4. Huyện Quế Võ

1	Đình, chùa Triều, xã Nam Sơn	Thờ Đông Hải Đại Vương
2	Đình, chùa Nghiêm Xá, xã Việt Hùng	Thờ Ông Võ, Ông Can (tướng của Thánh Gióng)
3	Đình, chùa Vệ Xá, xã Đức Long	Thờ một vị thần có công đánh giặc
4	Đình Bất Phí, xã Nhân Hòa	Thờ Hưng Phúc Quý Minh, Thần Vương
5	Đình Tập Linh, xã Chi Lăng	Thờ Bình Thiên Vương
6	Đình Việt Vân, xã Việt Thống	Thờ Cao Sơn Đại Vương
7	Đình, chùa La Miệt, xã Yên Giả	Thờ Bình Thiên Vương
8	Đình, chùa Yên Giả, xã Yên Giả	Thờ Bình Thiên Vương
9	Đình Mộ Đạo, xã Mộ Đạo	Thờ Bình Thiên Vương
10	Đình Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo	Thờ Bình Thiên Vương
11	Đình, chùa Yên Giả, xã Yên Giả	Thờ Bình Thiên Hiển Đức Đại Vương
12	Đình chùa Mai, xã Mộ Đạo	Thờ Bình Thiên Hiển Đức Đại Vương



13	Đình chùa Quỳnh Đôi, xã Kim Chân	Thờ Quý Minh Đại Vương
14	Đình chùa Nga Hoàng, xã Yên Giả	Thờ Cao Minh, Quý Sơn Đại Vương
15	Đình Văn Đoàn, xã Đức Long	Thờ Cao Sơn Đại Vương
16	Đình Hán Đà, xã Hán Quảng	Thờ Cao Sơn, Tiến Sĩ Nguyễn Đăng
17	Đình, chùa Phúc Lộc, xã Châu Phong	Thờ Cao Sơn, Quý Minh
18	Đình, chùa Phú Văn, xã Đức Long	Thờ Cao Sơn Đại Vương
19	Đình, chùa Lê Độ, xã Quế Tân	Thờ Quý Minh Đại Vương
20	Đình Lê Độ, xã Quế Tân	Thờ Quý Minh Đại Vương
21	Chùa Hòm, xã Đào Viên	Thờ Quý Minh Đại Vương
22	Đình, đền Văn Trại, xã Văn Dương	Thờ Cao Sơn Đại Vương
23	Đình, chùa Quế Ổ xã Chi Lăng	Thờ Đại Vương Hoàn Châu
24	Đình Đô Đàn, xã Chi Lăng	Thờ Đại Vương Hoàn Châu
25	Đình, chùa Tỏi Đồng, xã Chi Lăng	Thờ Quý Minh Đại Vương
26	Đình, chùa Mai Thôn, xã Chi Lăng	Thờ Quý Minh Đại Vương
27	Đình, chùa Tỏi Mão, xã Chi Lăng	Thờ Quý Minh Đại Vương
28	Đình chùa Hán Đà xã Hán Quảng	Thờ Lạc Long Quân
29	Đình, chùa Kim Đôi, xã Kim Chân	Thờ Quý Minh Đại Vương Nguyễn Quý,



30	Chùa Cát Bi, xã Chi Lăng	Húy Hồng
31	Đền Đậu, xã Mộ Đạo	Thờ Bình Thiên Hiến Đức Đại Vương
5. Huyện Tiên Du		
1	Đình Cao Đình, xã Tri Phương	Thờ Cao Sơn Quý Minh, Cao Sơn Đông Váng, Cao Sơn Hương Phước
2	Chùa Sơn, xã Khắc Niệm	Thờ Đông Hải Đại Vương
3	Chùa Tiễn Trong, xã Khắc Niệm	Thờ Đông Hải Đại Vương
4	Chùa Thượng, xã Khắc Niệm	Thờ Đông Hải Đại Vương
5	Đình Ném Sơn, xã Khắc Niệm	Thờ Đông Hải Đại Vương
6	Đình Bái Uyên, xã Liên Bảo	Thờ Minh Mạng (con Lạc Long Quân)
7	Đình Ân Phú, xã Phú Lâm	Thờ Phù Đồng Thiên Vương
8	Đình Giới Tế, xã Phú Lâm	Thờ Tam Vị Đông quân
9	Đình Hoài Thượng, xã Liên Bảo	Thờ Cao Sơn Đại Vương
10	Đình Chè, xã Liên Bảo	Thờ Cao Sơn Đại Vương
11	Đình Dọc, xã Liên Bảo	Thờ Cao Sơn Đại Vương
12	Đình Hương Vân, xã Lạc Vệ	Thờ Quý Minh Đại Vương
13	Đình, chùa An Động, xã Lạc Vệ	Thờ Tam Anh, Đông Cao Đại Vương
14	Đình Hộ Vệ, xã Lạc Vệ	Thờ Quý Minh Đại Vương
15	Đình, chùa ất, xã Hạp Lĩnh	Thờ Cao Sơn Đại Vương
16	Đình Sơn, xã Hạp Lĩnh	Thờ Cao Sơn Đại Vương
17	Đình Tiêu Thượng, xã Tương Giang	Thờ Quý Minh Đại Vương
18	Đình Đại Thượng, xã Đại Đồng	Thờ Cao Sơn Đại Vương



19	Chùa Và, xã Hạp Lĩnh	Thờ Đông Hải Đại Vương, Đoàn Thượng
20	Đình, chùa Dền, xã Cảnh Hưng	Thờ Cao Sơn Đại Vương
21	Đình Đại Tảo, xã Đoàn Việt	Thờ Hùng Long, Hùng Sơn
22	Nghè Ngang Kiếu, xã Hiên Vân	Thờ Hùng Long, Hùng Vân
23	Đình Ngang Na, xã Hiên Vân	Thờ Hùng Long, Hùng Vân
24	Đình, chùa Ngang Nguyễn, xã Hiên Vân	Thờ Đức Thánh Cả Châu Phong
25	Đền Dương Húc, xã Đại Đồng	Thờ Quý Minh Đại Vương
26	Đình Đại Thượng, xã Đại Đồng	Thờ Cao Sơn, Quý Minh
27	Đình Cao Đình, xã Chi Phương	Thờ Cao Sơn Đại Vương
28	Đình Lũng Sơn, thị trấn Lim	Thờ Kiều Nhạc
29	Đền Phúc Hậu, thị trấn Lim	Thờ Đệ Nhất, Nhị, Tam Cao Sơn
30	Đình Phúc Bình, thị trấn Lim	Thờ Hùng Long, Hùng Sơn
31	Đình Bát Lự, xã Hoàng Sơn	Thờ Cao Sơn, Đông Phú, Đông Hải, Mỹ Ngư, Mạnh Thú
32	Nghè Ngang Nội, xã Hiên Vân	Thờ Chình Hiến Công Chúa
33	Đình Đông Lâu, xã Hoàng Sơn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
34	Đình Tiêu Long, xã Tương Giang	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
35	Đình Đoài, xã Hoàng Sơn	Thờ Công Tán Trị Phù Vạn Đại Vương



36	Đình Long Khám, xã Việt Đoàn	Thờ Lạc Long Quân
37	Đình làng Thượng, xã Cảnh Hưng	Thờ Lạc Long Quân

6. Huyện Gia Bình

1	Đình, chùa Ngọc Xuyên, xã Đại Bái	Thờ Quý Minh, Lạc Tôn Thần
2	Đình, chùa Đoan Bái, xã Đại Bái	Thờ Hồng Phúc Đại Vương, khuông Quốc Đại Vương
3	Đình, chùa Phương Độ, xã Bình Dương	Thờ Sả Lợi Công
4	Đình Tân Hương, xã Thái Bảo	Thờ Dũng Công, Hùng Công, Lạc Công
5	Đình Chính Thượng, xã Vạn Ninh	Thờ Dũng Công, Hùng Công, Lạc Công
6	Đình An Quang, xã Lãng Ngâm	Thờ Chiêu Hựu Đại Vương
7	Đình Môn Quảng Phú, xã Lãng Ngâm	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
8	Đình, chùa Nhân Hữu, xã Nhân Thắng	Thờ Cường Bạo Đại Vương
9	Đình Cảm Xá, xã Nhân Thắng	Thờ Cường Bạo Đại Vương
10	Đình Ngô, xã Xuân Lai	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
11	Đình Mỹ Thôn, xã Xuân Lai	Thờ Thánh Gióng
12	Đình ích Phú, xã Song Giang	Thờ Quý Minh Đại Vương
13	Đình Thượng, xã Vạn Ninh	



7. Huyện Lương Tài

1	Đình Lạng Khê, xã Tân Lãng	Thờ Lang Tôn Thần, Quý Minh
2	Đình Phong Độ, xã Bình Dương	Thờ Sát Hải Đại Vương, Phương Dung Công Chúa, Cây Gạo Đại Vương
3	Đình Bà Khê, xã Phú Hòa	Thờ các vị tướng thời Hùng Vương
4	Đền Cường Tráng, xã An Thịnh	Thờ Quý Minh, Tản Viên Sơn, Cao Sơn
5	Chùa An Phú, xã An Thịnh	Thờ Cao Sơn Đại Vương Thờ Lý Nam Đế
6	Đình, chùa Lại Hạ, xã Lại Hạ	Thờ Đức Thánh Thành Hòa
7	Đình Ngọc Trì, xã Bình Định	Thờ Nam Định Đại Vương

8. Huyện Từ Sơn

1	Đình Nghĩa Lập, xã Phù Khê	Thờ Nam Định Đại Vương
2	Đền Trịnh Nguyễn, xã Châu Khê	Thờ Nam Định Đại Vương
3	Đình Trịnh Nguyễn, xã Châu Khê	Thờ Cao Sơn Đại Vương
4	Đình Tiên Long, xã Tương Giang	

TỈNH THÁI NGUYÊN (11 di tích)

1. Huyện Phố Yên

1	1. Đền Giá, xã Đông Cao	Thờ Phù Đổng Thiên Vương, Mạnh Diển Quốc Vương
2	Đền Đan Hà, xã Tân Hương	Thờ Cao Sơn, Quý Minh và Quá Giang Đại Vương
3	Đình Phú Hương, xã Tân Hương	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương



2. Huyện Phú Lương		
1	Đình làng Pháng, xã Phú Đô	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương và Dương Tự Minh
3. Huyện Phú Bình		
1	Đình Đông Ao, xã Đồng Liên	Thờ Tam Giang và Dương Tự Minh, Đức Bà La
2	Đình Đôn g(Phục Hồ Đình), xã Tân Đức	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
3	Đình Lữ, xã Tân Đức	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Tam Giang và Dương Tự Minh
4	Đình Làng Thượng, xã Thượng Đình	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Tam Ty Quá Giang Đại Vương
5	Đình Úc Kỳ, xã Úc Kỳ	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Tam ty quá giang và Dương Tự Minh
6	Đình Hộ Lệnh, xã Diêm Thụy	Thờ Cao Sơn, Quý Minh, Tam Giang Đại Vương và Dương Tự Minh
4. Huyện Đại Từ		
1	1. Đình Thái Lạc, thị trấn Đại Từ	Thờ Hùng Duệ Vương và phối thờ Trần Hưng Đạo Dương Tự Minh
TỈNH BẮC GIANG (39 di tích)		
1. Huyện Việt Yên		
1	Đình Ao Miếu, xã Tiên Lát	Thờ Trạch Tướng
2	Đình Bài Xanh, xã Văn Trung	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
3	Đình Văn Cát, xã Văn Trung	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương



4	Đình Hữu Nghị, xã Minh Sơn	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
5	Đình Phúc Long, xã Tăng Tiến	Thờ Quý Minh và phối thờ Phương Dung công chúa, Quản Tế, Thánh Đức, Tướng Gia
6	Đình Mật Ninh, xã Quảng Minh	Thờ Cao Sơn Đại Vương và thờ phối Hoàng Nhuận, Chu Khắc Ninh, Chu Khắc Tế.
7	Đình Chàng, xã Việt Tiến	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương

2. Huyện Hiệp Hòa

1	Đền Y Sơn, xã Hòa Sơn	Thờ Hùng Linh Công
2	Đình Lỗ Hạnh, xã Đông Lỗ	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Dương Tự Minh
3	Đình Vân Xuyên, xã Hoàng Vân	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
4	Đình Xuân Biều, xã Xuân Cẩm	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương và thờ phối Đức Thánh Tam Giang

3. Thị xã Bắc Giang

1	Nghe Kế, xã Đình Kế	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
2	Đình Vĩnh Ninh, phường Hoàng Văn Thụ	Thờ Quý Minh Đại Vương
3	Đình Làng Vẽ, phường Thọ Xương (đình Nam Xương)	Thờ Quý Minh Đại Vương
4	Đình làng Thành, xã Xương Giang	Thờ Quý Minh Đại Vương

4. Huyện Lạng Giang

1	Đền Tiên Lục, xã Tiên Lục	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
---	---------------------------	---------------------------------



2	Đình Viễn Sơn, xã Tiên Lục (đình Cây Dã)	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
3	Đình Thuận Hòa (đình Cây Bàng), xã Tiên Lục	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
4	Nghè Liễn Xương, xã Xương Lâm	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương và Minh Giang, Đô Thống
5	Đình Phú Mỹ, xã Đào Mỹ	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
6	Đình Quất Lâm, xã Đại Lâm	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương và phối thờ Quảng Hậu Đại Vương
7	Đình Chu Nguyễn, thị trấn Vôi	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương và phối thờ Trần Cảo, Trần Cung
8	Đình Mỹ Lộc, xã Mỹ Lộc	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
9	Đình Đại Phú, xã Phi Mô	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
10	Đình Đại Giáp, xã Đại Giáp	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương

5. Huyện Lục Ngạn

1	Đình Đông Thịnh, xã Tam Dị	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương và thờ Phố Vũ Thành và 4 công chúa thời nhà Lý là: Thiên, Thành, Thái, An Hoa Công Chúa
2	Đền Suối Mơ, xã Nghĩa Phương	Thờ Công Chúa Quế Hoa My Nương
3	Đình Hà Mỹ, xã Thu Điều	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương



4	Đình Phương Lạn, xã Phương Sơn	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
5	Đình Húi, xã Đạm Hội	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
6	Đình Thân, xã Đồi Ngô	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương và phối thờ Phương Dung Nữ Thần, Thiên Thành Công chúa, Thiên Cực công chúa

6. Huyện Tân Yên

1	Đình Nội, xã Việt Lập	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
2	Đình Vương (đình Thịnh Vương), xã Liên Chung	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
3	Đình Cao Thương, xã Cao Thương	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
4	Đình Dương Lâm, xã An Dương	Thờ Cao Sơn Đại Vương và thờ phối Dương Đình Bội, Dương Đình Tuấn, Dương Đình Các

7. Huyện Yên Thế

1	Đình Hương Vỹ, xã Hương Vỹ	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
2	Đình Đông Kênh, xã Đông Sơn	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương và thờ phối Càn Sơn, Nguyệt Nga phu nhân, Bảo Nga, Đan Nương Công Chúa
3	Đình Bồ Hạ, thị trấn Bồ Hạ	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương



4	Đình Bo Chợ, xã Đông Sơn	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương, phối Càn Sơn, Nguyệt Nga phu nhân, Bảo Nga, Đan Nương công chúa.
---	--------------------------	---

TỈNH VINH PHÚC (62 di tích)

1. Huyện Mê Linh

1	Đền Hạch Hạch, xã Tiến Thắng	Thờ Tiên My Nương công chúa và Cống Sơn
2	Đình Linh, xã Phù Kim	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Bà Chúa Duyên Bình
3	Đình Xuân Bàng, xã Nam Sơn	Thờ Thần Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương và Tản Viên Sơn Thánh
4	Đình Hoàng Dương, xã Mai Đình	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
5	Đình Hương Đình, xã Mai Đình	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
6	Đình Thắng Trí, xã Minh Trí	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
7	Đình Đức Lỗ, xã Văn Quán	Thờ Quý Minh Đại Vương
8	Đình Khê Ngoại, xã Văn Khê	Thờ Quý Minh Đại Vương
9	Đền Nại Châu, xã Chu Phan	Thờ Thiên Thạc Đại Vương
10	Đền Đình Nguyên, thôn Thanh Điểm, xã Tiến Thịnh	Thờ Thánh Nam Uyên
11	Đình Nam Cường, thôn Nam Cường, xã Tam Đồng	Thờ Quý Minh Đại Vương
12	Đình Thạch Đà, xã Thạch Đà	Thờ Chu Đài Đại Vương và Vua Hùng Duệ Vương đánh giặc
13	Miếu Vụ Tản, xã Minh Trí	Thờ Quý Minh Đại Vương
14	Đình Nội Đồng, xã Đức Thịnh	Thờ Quý Minh Đại Vương

15	Đình Xạ Khúc, xã Chu Phan	Thờ Quý Minh Đại Vương
16	Miếu Tiên Châu, xã Tiên Châu	Thờ nữ tướng của Quý Minh Đại Vương
17	Đình Đạm Xuyên, xã Tiên Châu	Thờ 1 vị tướng có công giúp Tản Viên Sơn đánh giặc
18	Đình Đạm Nội, xã Tiên Châu	Thờ Bà Chúa Ngọc Thành (là 1 nữ tướng giúp Tản viên Sơn đánh giặc)
19	Đình Bạch Trữ, xã Bạch Trữ	Thờ Thiên Thạch Đại Vương
20	Đền Yên Mạc, thôn Yên Mạc, xã Liên Mạc	Thờ Quý Minh Đại Vương
21	Đền Liễu Trì, xã Mê Linh	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
22	Đền Thụy An, xã Tráng Việt	Thờ 3 vị Linh Công, Trung Công
23	Đền Bạch, xã Kim Hoa	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương

2. Huyện Yên Lạc

1	Đền Tranh (Bắc Cung Thượng), xã Trung Nguyên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, U Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương
2	Đình Lỗ Quỳnh, xã Trung Nguyên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
3	Đình Lũng Hạ, xã Yên Phương	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Quý Minh Đại Vương
4	Đình Xá, xã Nguyệt Đức	Thờ Quý Minh Đại Vương

3. Huyện Vĩnh Tường

1	Đền Đông, xã Bồ Sao	Thờ Đông Hải Đại Vương cùng phu nhân và con gái
2	Đình Hoàng Xá Thượng, xã Kim Xá	Thờ Đông Hải Đại Vương và Quý Minh Đại Vương

3	Đình Vạn Chiến, xã Kim Xá	Thờ Đông Hải Đại Vương và Quý Minh Đại Vương
4	Đình Đồng Phú, xã Tân Cương	Thờ Đông Hải Đại Vương và Quý Minh Đại Vương

4. Huyện Lập Thạch

1	Đình Từ An, xã Trấn Phú	Thờ Tản Viên Sơn Thánh và 3 vị tướng của Thánh Tản Viên Sơn
2	Đình Chu Hòa xã Tây Sơn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
3	Đình Giáp Thượng, thị trấn Xuân Hòa	Thờ Quý Minh Đại Vương
4	Đình Xuân Trạch, thị trấn Xuân Hòa	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
5	Đình Phú Thịnh, thị trấn Xuân Hòa	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
6	Đình Ngõa, xã Văn Quán	Thờ Quý Minh Đại Vương
7	Đình Xa, xã Văn Quán	Thờ Quý Minh Đại Vương
8	Miếu Đại Đế, xã Đại Thắng	Thờ Quý Minh Đại Vương
9	Đình Văn Nhưng, xã Tân Lập	Thờ Quý Minh Đại Vương
10	Đình Đức Lập, xã Văn Quán	Thờ Quý Minh Đại Vương
11	Đình Kim, xã Đại Thắng	Thờ Quý Minh Đại Vương
12	Đình Duối, xã Văn Quán	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
13	Đình Đông, xã Văn Quán	Thờ Quý Minh Đại Vương

5. Huyện Bình Xuyên

1	Đền Đông Cung, xã Trung Màu	Thờ Tản Viên Sơn Thánh, U Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương
2	Đình Nhân, xã Phú Xuân	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
3	Đình Bá Cầu xã Sơn Lôi	Thờ Tản Viên Sơn Thánh



4	Đình Nhân Nghĩa, xã Sơn Lôi	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
5	Đình An Lão, xã Sơn Lôi	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
6	Đình Ngọc Bảo, xã Sơn Lôi	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Quý Minh Đại Vương
7	Đình Cuốn Cao, xã Tam Hợp	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Quý Minh Đại Vương
8	Đình Cam Luân, xã Minh Quang	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Quý Minh Đại Vương
9	Đình Bàn Long, xã Minh Quang	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Quý Minh Đại Vương
10	Đình Lưu Quang, xã Minh Quang	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Quý Minh Đại Vương
11	Miếu Hợp Lễ, xã Thạch Lăng	Thờ Cao Sơn Đại Vương
12	Miếu Minh Lương, xã Thạch Lăng	Thờ Bà Chua Khoan Hoa thời Hùng Vương
13	Đình Bá Ko, xã Bá Hiến	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Quý Minh Đại Vương
14	Miếu Tích Tung, xã Bá Hiến	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Quý Minh Đại Vương
15	Đình Bá Hạ, xã Bá Hiến	Thờ Cao Sơn Đại Vương và Quý Minh Đại Vương
16	Đình Quang Vinh, xã Bá Hiến	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
6. Thị xã Vĩnh Yên		
1	Đình Bầu, thị xã Vĩnh Yên	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
7. Huyện Tam Dương		
1	Đình Phú Vinh, Xã Duy Phiên	



THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (14 di tích)

1. Huyện Thủy Nguyên

1	Đình Bắc, xã Quảng Thành	Thờ Vũ Hồng, Vũ Thị Lê Hoa
2	Đình Tân Dương, xã Dương Quan	Thờ Quý Minh Đại Vương
3	Hang Vua Áng Vải, xã Minh Tân	Thờ Cao Sơn, Quý Minh
4	Miếu Trịnh Xá, xã Thiên Hương	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
5	Đình Tri Yếu, xã Đặng Cương	Thờ Chàng Rồng Đại Vương
6	Đình, miếu Phục Lễ, xã Phục Lễ	Thờ Quý Minh Đại Vương
7	Đền, miếu Phả Lễ, xã Phả Lễ	Thờ Quý Minh Đại Vương
8	Đình Dục Liễn, xã Thủy Sơn	Thờ 3 anh em Trịnh Thao, Trịnh Thám, Trịnh Man

2. Huyện Vĩnh Bảo

1	Đình Điểm Niêm, thị trấn Vĩnh Bảo	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương và Tản Viên Sơn Thánh
2	Miếu Bến, xã Thắng Thủy	Thờ hai danh tướng thời Hùng Duệ Vương là Bảo An, Cương Nghị (Đền thờ có ban thờ tượng Thục Phán An Dương Vương)

3. Huyện Cát Hải

1	Đình, miếu Nghĩa Lộ, xã Nghĩa Lộ	Thờ tổ Mẫu Hùng Sơn
---	----------------------------------	---------------------



4. Huyện Kiến Thụy		
2	Đình, miếu Tiên Xa	Thờ Thành Hoàng Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
3	Đình Tiểu Trà, xã Hưng Đạo	Thờ Nam Hải Đại Vương
4	Đình, miếu Cốc Liễn, xã Minh Tân	Thờ Thần Đông An (Chử Đồng Tử, Tiên Dung công chúa)
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (14 di tích)		
1	Đền thờ Hùng Vương, phường Bến Nghé	Thờ Vua Hùng, Tổ tiên bách tánh, Các vị lương thần danh tướng
2	Khu tưởng niệm các Vua Hùng, Công viên văn hóa phường Bến Nghé	Thờ các Vua Hùng
3	Đền Hùng Vương, phường Tân Định	Thờ Vua Hùng, Trần Hưng Đạo, Khổng Tử, Lê Lợi
4	Đền Quốc tổ Hùng Vương, phường 14, quận 01	Thờ các Vua Hùng, Đức Thánh Trần, Thành Hoàng
5	Đền Cửu Tinh, phường 10, quận 1	Phối thờ tự các Vua Hùng
6	Đền Trần Hưng Đạo, phường 15, quận 1	Thờ Trần Hưng Đạo, Hùng Vương
7	Đền Quốc Tổ Hùng Vương, phường 1, quận 4	Thờ Tổ Hùng Vương, Trần Hưng Đạo
8	Đền Hùng Hương, phường 2, quận Phú Nhuận	Thờ Hùng Vương, Thủy Hải Ô Long Đại Vương, Hùng Hải Chiêu Huy Linh Ứng Đại Vương, Đỗ Huy
9	Đền Trần Quang (Thần Quang Điện), phường 5, quận Phú Nhuận	Thờ các Vua Hùng



10	Tổ Đình Quốc Tổ Lạc Hồng (Pháp Tòa Di Lạc Bửu Tự), phường 3, quận Gò Vấp	Thờ Lạc Long Quân, Âu Cơ
11	Đình Hòa Thạch, phường 19, quận Tân Bình	Thờ Hùng Vương và Linh Thần
12	Đền Trần Hưng Đạo, phường Tân Định, quận 1	Thờ Trần Hưng Đạo phối thờ tự các Vua Hùng
13	Miếu Từ Quang Phổ (Miếu Bà Nam Phương), phường 10, quận 10	Phối thờ tự các vua Hùng
14	Miếu Hùng Vương, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	Thờ các Vua Hùng

TỈNH THỪA THIÊN HUỆ (1 di tích)

1	Miếu Lịch Đại Đế Vương, Làng Dương Xuân	Thờ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, các Vua Hùng và các vị vua, quan từ thời Bắc Thuộc
---	---	---

TỈNH ĐỒNG NAI (02 di tích)

1	Đền Hùng Vương, phường Đình Đa, thành phố Biên Hòa	Thờ Hùng Duệ Vương, Chủ tịch Hồ Chí Minh
2	Đền thờ Hùng Vương tại huyện Long Thành, Xuyên Mộc, Định Quán, Thành phố Biên hòa	Thờ các Vua Hùng

TỈNH KHÁNH HÒA (01 di tích)

1	Đền Hùng, 25/5 đường Bạch Đằng, phường 5, thành phố Vũng Tàu	Thờ các Vua Hùng
---	--	------------------



TỈNH NGHỆ AN (08 di tích)

1	Đền Cuông, xã Diễn An, huyện Diễn Châu	Thờ An Dương Vương
2	Đền Đức Ông, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	Thờ An Dương Vương
3	Đền Thôn Nam, xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn	Thờ các Vua Hùng
4	Đền Khánh Duệ, xã Nghi Khánh, huyện Nghi Lộc	Thờ Quốc Mẫu Âu Cơ
5	Đền Làng Phúc Đồng, huyện Đô Lương	Thờ Thánh Gióng
6	Đền Hồng Sơn, thành phố Vinh	Thờ các Vua Hùng
7	Đền Cao Ái, xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu	Thờ Tướng Cao Ái
8	Đền Thiên Tướng, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	Thờ 2 bộ tướng của Vua Thục

TỈNH HÀ NAM (143 di tích)

1. Huyện Kim Bảng

1	Chùa Quế Lâm, thị trấn Quế	Thờ 36 vị đại vương: Tàn Viên Sơn, Tả Kiên Thần Cao Sơn Sùng Công, Hữu Kiên Thần Quý Minh Hiến công
2	Đình Nhật Tân, xã Nhật Tân	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
3	Miếu Thượng (đền Sáo), thôn Do Lễ, xã Liên Sơn	Thờ Cao Sơn Quang Công, Quang Minh Đại Vương
4	Đình Đá, thôn Do Lễ, xã Liên Sơn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
5	Đền Lưu Giáo, xã Tương Lĩnh	Thờ Cao Sơn Đại Vương



6	Đình Thọ Cầu, xã Tương Linh	Thờ Cao Sơn Đại Vương
7	Đình Phúc Trung, xã Tương Linh	Thờ Hiến Ứng Trung Đẳng Thần
8	Đình Bông, thôn Phù Đê, xã Tương Linh	Thờ Cao Sơn Đại Vương
9	Đền Vĩnh Sơn, xã Tân Sơn	Thờ Đức Thánh Cả Thiên Nam Hoàng Đế Quảng Xung Đại Vương
10	Đình Khang Thái (Đồng Thái), xã Lê Hồ	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
11	Đình Thuận Đức, xã Nguyễn Ủy	Thờ Quý Minh Đại Vương
12	Đền Đức Mộ, xã Nguyễn Ủy	Thờ Quý Minh Đại Vương
13	Đền Minh Châu, thôn Minh Châu, xã Kim Bình	Thờ 5 anh em Nguyễn Minh thời Hùng Vương
14	Đình Khê khẩu, xã Kim Bình	Thờ Đức Thánh Cả Nguyễn Chiêu Hồng Lộc Tự Thánh Đại Vương
15	Đình Lương Đồng, xã Kim Bình	Thờ Đức Thánh Cả Nguyễn Chiêu Hồng Lộc Tự Thánh Đại Vương
16	Đình Phù Lão, xã Kim Bình	Thờ Đức Thánh Cả Nguyễn Chiêu Hồng Lộc Tự Thánh Đại Vương
17	Đình Nối, thôn An Lạc, xã Kim Bình	Thờ Thành Công, Thuận Công Đại Vương
18	Đình Ngọc An, xã Kim Bình	Thờ Đức Thánh Cả Nguyễn Chiêu Hồng Lộc Tự Thánh Đại Vương
19	Đình Yên Phú, xã Nhật Tựu	Thờ Cao Sơn Đại Vương



20	Đình Văn Bối, xã Nhật Tự	Thờ Không Bàng Đại Vương
21	Đình Nông Vụ, xã Đại Cương	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
22	Miếu Thượng, thôn Diên Xá, xã Văn Xá	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
23	Đình Khuyến Công, xã Khả Phong	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
24	Đình Chợ, thôn Khả Phong, xã Khả Phong	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
25	Đình Đông, thôn Khả Phong, xã Phả Phong	Thờ Tản Viên Sơn Thánh
26	Đình Lạt Sơn, xã Thanh Sơn	Thờ Tản Viên Sơn Thánh

2. Huyện Duy Tiên

1	Đình Ngọc Động, xã Hoàng Đông	Thờ Trần Quốc Phạm Phúc Đại Vương (công thần thời Hùng Duệ Vương)
2	Đền Lảnh, xã Mộc Nam	Thờ Chữ Đồng Tử, Tiên Dung Công chúa, 3 vị tướng thời Hùng Vương
3	Đền Yên Tử, xã Mộc Nam	Thờ Đệ Nhị Cung Tản Nguyệt Hoa Công Chúa thời Hùng Duệ Vương
4	Đình Diệp Sơn, xã Yên Nam, huyện Duy Tiên	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
5	Đình Kiều, xã Tiên Tân	Thờ Cao Sơn Đại Vương
6	Đình Mẫu, xã Duy Hải	Thờ Tiên Dung Công Chúa
7	Điện Thánh Trần, thôn Bạch Xá, xã Hoàng Đông	Thờ Quý Minh Đại Vương, Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
8	Đình Hoàng Thượng, xã Hoàng Đông	Thờ Tản Viên Sơn Thánh



9	Miếu Cửu Trân, thôn Hoàng Thượng, xã Hoàng Đông	Thờ Trần Quốc Phạm Phúc Đại Vương, Hùng Vương thứ 18
10	Đình an Nhân, xã Hoàng Đông	Thờ Quý Minh, Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
11	Đình Thôn Nhi, xã Bạch Thượng	Thờ Cao Sơn Đại Vương
12	Đình Nội Văn, xã Bạch Thượng	Thờ Trung Thành Đại Vương
13	Đình thôn Giáp Nhất, xã Bạch Thượng	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
14	Đình Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
15	Đình Chuông, thôn Chuông, xã Duy Minh	Thờ Trần Quốc Phạm Phúc Đại Vương
16	Đình Động Linh, xã Duy Minh	Thờ Trần Quốc Phạm Phúc Đại Vương
17	Đình Đọi, xã Đọi Sơn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
18	Đình Đọi Nhi, xã Đọi Sơn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
19	Đình Làng Sơn, xã Đọi Sơn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
20	Đền Bà Quận Cơ, thôn Quan Nha, xã Yên Bắc	Thờ Tiên Dung Công chúa
21	Đình Bùi, xã Yên Bắc	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
22	Đình Vũ Xá, xã Yên Bắc	Thờ Quý Minh, Trung thành Phổ Tế Đại Vương
23	Đình Lỗ Hà, xã Chuyên Ngoại	Thờ các tướng thời Hùng Vương
24	Đình Quan Phố, xã Chuyên Ngoại	Thờ các tướng thời Hùng Vương
25	Đền Đông Ngoại, xã Châu Giang	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương



26	Đình Trí Xá, xã Châu Giang	Thờ Quý Minh, Cối Da Đại Vương
27	Đình Đông, thôn Đông, xã Châu Giang	Thờ Đệ Nhất Chàng Bấy
28	Đình Đoài, thôn Đoài, xã Châu Giang	Thờ Quý Minh Châu Nương thời Hùng Vương
29	Đình thôn Yên Lệnh, xã Chuyên Ngoại	Thờ Trung thành Phổ Tế Đại Vương

3. Huyện Bình Lục

1	Đình Công Đồng, xã Đồng du	Thờ 3 vị công thần: Hằng Nghi, Hiến, Ứng Phúc Nguyên Đại Vương, Uy Linh Lôi Đình Đại Vương
2	Đình Đông Du Trung, xã Đồng	Thờ Cao Sơn, Quý Minh Đại Vương
3	Đình Cổ Viên, xã Hưng công	Thờ Hùng Lương Cao Huân Hồng Việt Đại Vương
4	Đình An Đế, xã Bối Cầu	Thờ Trung Thành Phổ Tế Đại Vương
5	Đình Phú Đa, xã Bối Cầu	Thờ Quý Minh Đại Vương
6	Đền Thánh Ba, thôn Tiên Lý xã Dền Xá	Thờ Trương Bảo
7	Đền thôn Chung, xã Đồng Du	Thờ Quý Minh, Cao Sơn Đại Vương.
8	Đình Ngọc Lũ, xã Ngọc Lũ	Thờ Câu Mang
9	Đình Đồng Xuân, xã Tiêu Đông	Thờ Câu Mang
10	Đình thôn Bế, xã Trung Lương	Thờ Trấn Quốc
11	Đình Xuân Mai, xã Vũ Bản	Thờ Tản Viên Sơn, Bao La Đại Vương, Câu Mang Đại Vương



12	Đình Phú Mỹ, xã An Lão	Thờ Cao Sơn Đại Vương
13	Đình Hòa Trung, xã An Lão	Thờ 3 con của Lạc Long Quân (Lãnh Inh, Tăng Lại, Thông Phúc)
14	Đình Trung Khu, xã Trung Lương	Thờ Tản Viên Sơn và 4 vị Đại Vương: Thiên Công, Xích Công, Trấn Công, Linh Công
15	Đình Ngọc Bưởi, xã Thọ Vực	Thờ cháu ruột Vua Hùng (tên là Thiên Quang)
16	Đình Thọ, xã Thọ Vực	Thờ Thiên Quang
17	Đình thôn Nội, xã Đồng Du	Thờ Hà Bá con trai thứ 37 của Lạc Long Quân và Âu Cơ và Công chúa con gái Hùng Chiêu
18	Đình thôn Trảng, xã Trịnh Xá	Thờ Đông Bảng Đại vương.
19	Đình thôn Vũ Diễn, xã Trịnh Xá	Thờ 2 vị Mên Vương Mông Đại Vương.
20	Đình thôn Thịnh Kiến, xã Trảng An	Thờ Cửa Hải Đại Vương

4. Huyện Thanh Liêm

1	Đình Gửi, xã Liêm Thuận	Thờ 3 vị Tản Viên Thần
2	Đình Đồng Cầu, xã Liên Túc	Thờ Tả Giám Đàn Đại Vương
3	Đình thôn Thị, xã Liêm Thuận	Thờ Quý Minh Đại Vương
4	Đình Lau, thôn Lau, xã Liên Thuận	Thờ Quý Minh Đại Vương
5	Đình thôn Thị, xã Liên Thuận	Thờ Quý Minh Đại Vương



6	Đền Quan San, thôn Đỗ Xá, xã Thanh Lưu	Thờ Quý Minh Đại Vương
7	Đình Đặng Xá, xã Thanh Phong	Thờ Quý Minh Đại Vương
8	Đình Bói Thượng, xã Thanh Phong	Thờ Quý Minh Đại Vương
9	Đình Môn xã Thanh Tân	Thờ Quý Minh Đại Vương
10	Đình Tông, xã Thanh Tân	Thờ Quý Minh Đại Vương
11	Đình Thử Hòa, thôn Thử Hòa, xã Thanh Tân	Thờ Quý Minh Đại Vương
12	Đình Mai Cầu, xã Thanh Nguyên	Thờ Quý Minh Đại Vương
13	Đình Dưới, thôn Mai Cầu, xã Thanh Nguyên	Thờ Quý Minh Đại Vương
14	Đình Tăng Giáp, xã Thanh Hương	Thờ Quý Minh Đại Vương
15	Đình Dương Xá, xã Thanh Hà	Thờ 4 vị tướng thời Hùng Vương
16	Đình Thượng, thôn Dương Xá, xã Thanh Hà	Thờ 1 vị tướng thời Hùng Vương
17	Đình Miếu Suôi, thôn Dương Xá, xã Thanh Hà	Thờ Đức Thánh Cả
18	Đình Cuốn, thôn Dương Xá, xã Thanh Hà	Thờ Đức Thánh Cả
19	Đình Trị Ngôn, xã Thanh Hải	Thờ Quý Minh Đại Vương
20	Chùa Âm, thôn Lã, xã Thanh Bình	Thờ Đức Thánh Lâm Đại Vương
21	Đình Thanh Bình, xã Thanh Bình	Thờ Đức Thánh Lâm
22	Đình Ninh Tảo, xã Thanh Bình	Thờ Cao Sơn Đại Vương



23	Đình Bưởi, xã Thanh Lưu	Thờ Chính Tâm Đại Vương
24	Đình Đốc Ngang, xã Thanh Lưu	Thờ Chính Tâm Đại Vương
25	Đình Đoài, thôn Đại Vương, xã Thanh Nguyên	Thờ 1 vị tướng của Hùng Vương
26	Đình Đông Xá, xã Thanh Phong	Thờ Quý Minh Đại Vương
27	Đình Phúc Lai, xã Thanh Phong	Thờ 2 vị thần núi Tản Viên
28	Miếu Xẹ, thôn Xẹ, xã Thanh Tuyển	Thờ Đức Thánh Cả thời Hùng Duệ Vương
29	Đình thôn Châu, thị trấn Kien	Thờ Cao Sơn Đại Vương
30	Chùa Buộm, thôn Phú Lộc, xã Liêm Phong	Thờ Linh Lang Đại Vương
31	Đình Yên Thống, xã Liêm Phong	Thờ An Dương Vương
32	Đình Nghè, xã Liêm Sơn	Thờ Cao Sơn Đại Vương
33	Đình Đông Vũ, xã Đạo Lý	Thờ Câu Mang
34	Đình Quan Nhân, xã nhân Mỹ	Thờ Câu Mang
35	Đình Thông, xã Nhân Mỹ	Thờ Câu Mang
36	Đình Chanh, thôn 6, xã Nhân Mỹ	Thờ Câu Mang
37	Đình Nội, thôn 5, xã Nhâm Mỹ	Thờ Câu Mang
38	Đình Chểu, xã Nguyên Lý	Thờ Câu Mang
39	Đình Lương, thôn Chương, xã Bắc Lý	Thờ Câu Mang
40	Đình Quang Ốc, xã Bắc Lý	Thờ Câu Mang
41	Đình Tầu Giang, xã Bắc Lý	Thờ Cao Sơn, Câu Mang
42	Đình Hàn, xã Bắc Lý	Thờ Câu Mang



43	Đình Ngoài, thôn Nam, xã Thượng Xã	Thờ Cao Sơn Đại Vương
44	Đình Thượng Nông, xã Nhân Nghĩa	Thờ Cao Sơn Đại Vương, Câu Mang Đại Vương
45	Đình Động Quan, xã Nhân Nghĩa	Thờ Cao Sơn, Câu Mang Đại Vương
46	Đình Trắng (Đình Đức Thông), xã Chân Lý	Thờ Tiên Dung Công chúa
47	Đình Trạm Khê, xã Chân Lý	Thờ Câu Mang Đại Vương
48	Đình Quan Hạ, xã Văn Lý	Thờ Cao Sơn Đại Vương
49	Đình Giá, thôn Đông Thủy, xã Nhân Thịnh	Thờ Cao Sơn, Câu Mang, Quý Minh Đại Vương
50	Đình Đông, thôn Đông Thủy, xã Nhân Thịnh	Thờ Quý Minh Đại Vương
51	Đình Trác Nội, xã nhân Đạo	Thờ Câu Mang
52	Đình Khu Hoang, xã Nhân Đạo	Thờ Câu Mang
53	Đình Điện Bàn, xã Nhân Hưng	Thờ Câu Mang
54	Đình Văn Nội, xã Nhân Hưng	Thờ Câu Mang
55	Đình Đại Nông, xã Nhân Bình	Thờ Câu Mang
56	Đình thôn Nhuệ, xã Nhân Bình	Thờ Câu Mang
57	Đình Trung Tiến, xã Nhân Bình	Thờ Câu Mang, Cao Sơn Đại Vương



5. Huyện Lý Nhân		
1	Đình Thọ Chương, xã Đạo Lý	Thờ Lang Nữu Đại Nhân
2	Đình Nội, thôn Nội Kiến, xã Đức Lý	Thờ Phổ Quang Thượng Sỹ Đại Vương công thần thời Hùng Duệ Vương
3	Đình Cao Đà, xã Nhân Mỹ	Thờ Câu Mang Đại Vương Thượng đẳng thần thời Hùng Nghị Vương
4	Đình Văn Xá, xã Đức Lý	Thờ Câu Mang Đại Vương Thượng đẳng thần thời Hùng Nghị Vương
5	Đình Đồng Lư, xã Chân Lý	Thờ 3 vị Hùng Triều Lạc Vương công thần: Hồng Liệt, Chiêu Minh, Tráng Kiêm Đại Vương
6	Đình Vạn Thọ, xã Đức Lý	Thờ Câu Mang Đại Vương, con trai thứ 6 Hùng Duệ Vương
6. Thị xã Phủ Lý		
1	Đình Bào Cừ, thị xã Phủ Lý	Thờ Quý Minh Đại Vương
2	Đình Đỗ Xá, xã Thanh Châu	Thờ Quý Minh, Đồng Ngọc Thiên Hương Thần Thánh Đại Vương
3	Đình Thôn Lương cổ, xã Lam Hạ	Thờ Quý Minh Đại Vương
4	Đình Do Nhu, xã Lam Hạ	Thờ Đốc Khánh Đại Vương
TỈNH KIẾN GIANG (01 di tích)		
1	Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương, xã Thanh Đông B, huyện Tân Hiệp	Thờ Hùng Vương



TỈNH LÂM ĐỒNG (02 di tích)		
1	Bảo Lộc Linh Từ (Đền thờ Vua Hùng và Trần Hưng Đạo), Khu phố 4, Mỹ Lộc, phường 2, thành phố Đà Lạt.	Thờ Hùng Vương và Trần Hưng Đạo
2	Đền Hùng, số 93, Ngô Quyền, thành phố Đà Lạt	Thờ Các Vua Hùng

**Theo số liệu do Sở VH TT Phú Thọ phối hợp với Cục Văn hóa cơ sở khảo sát năm 2005 và Hồ sơ kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 1964.*



Hội thi bơi chải Bạch Hạc (Việt Trì - Phú Thọ)

Ảnh: Tư liệu



TÀI LIỆU THAM KHẢO CHỦ YẾU

1. Bác Hồ với Đền Hùng (Tỉnh uỷ Phú Thọ - 2000).
2. Cổ vật Phú Thọ; tác giả: Nguyễn Anh Tuấn (Sở VH TT, TT Phú Thọ - 2005).
3. Địa chí VHDG vùng Đất Tổ - Vĩnh Phú (Sở VH TT - 1986).
4. Khu di tích lịch sử và rừng quốc gia Đền Hùng; tác giả Phạm Bá Khiêm, (Sở VH TT xuất bản 2008).
5. Đền Hùng và Bảo tàng Hùng Vương; tác giả Phạm Bá Khiêm - Tuyết Hạnh (Sở VH TT Vĩnh Phú - 1995).
6. Đền Hùng, di tích và cảnh quan; tác giả Phạm Bá Khiêm (Sở Văn hoá TT Phú Thọ - 2000)
7. Đền Hùng nơi hội tụ tâm linh; tác giả Lê Lưu (NXBVH TT - 2005).
8. Di tích Hà Tây (Sở Văn hoá TT Hà Tây - 1999).
9. Địa chí VHDG Lâm Thao (Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện Lâm Thao - 2008).
10. Di tích và Danh thắng Vĩnh Phúc (Sở VH TT Vĩnh Phúc - 2006).
11. Di tích và danh thắng vùng Đất Tổ; tác giả Trần Kim Thau (Sở Văn hoá TT Phú Thọ - 1999).
12. Di tích và Danh thắng Vĩnh Phúc (Sở VH TT Vĩnh Phúc - 2006).



13. Lịch sử Vĩnh Phú; tác giả: Lê Tượng - Vũ Kim Biên (Ty Văn hoá TT Vĩnh Phú - 1980).
14. Truyền Thuyết Hùng Vương trên vùng Đất Tổ; tác giả Lê Tượng- Phạm Bá Khiêm (Sở VHTT Vĩnh Phú - 1992)
15. Di sản Hán Nôm Phú Thọ; tác giả Văn Kim Chung (Sở VHTT,TT Phú Thọ -2006).
16. Đi tìm dấu vết kinh đô Văn Lang. Nguyễn Anh Tuấn, (Sở VHTT Phú Thọ Xuất bản năm 2007).
17. Những di tích thờ Vua Hùng ở Việt Nam (Cục VHCS - 2005).
18. Hồ sơ khoa học: Đền Hùng và các Di tích thời đại Hùng Vương vùng phụ cận; Chủ nhiệm Phạm Bá Khiêm (Ban Quản lý Khu Di tích Đền Hùng 2001 -2003).
19. Hùng Vương dựng nước (Từ tập 1 đến tập 7 - H 1969 - 1970 - 1971 - 1972)
20. Kỳ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong xã hội đương đại (N/c tổng hợp Tín ngưỡng thờ Hùng Vương ở Việt Nam - 2011).
21. Luận văn Tiến sĩ; tác giả Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (1998).
22. Tổng tập Về miền lễ hội cội nguồn dân tộc Việt Nam (Hội VNDG Phú Thọ).
23. Tổng tập VNDG Đất Tổ (Từ tập 1 đến tập 5 - Sở VHTT và Hội VNDG Phú Thọ xuất bản).
24. Từ điển Lễ hội Việt Nam; tác giả Bùi Thiết (Văn hoá Thông tin - 1996).
25. Tài liệu khảo sát kiểm kê các Di tích thờ Hùng Vương và nhân vật liên quan thời Hùng Vương ở một số tỉnh trên



phạm vi cả nước (Do Sở VH TT Phú Thọ phối hợp Cục VH cơ sở thực hiện - 2005).

26. Tài liệu lưu trữ tại Khu Di tích Đền Hùng tỉnh Phú Thọ (Sở Văn hoá Phú Thọ - 1964).
27. Truyền thuyết Hùng Vương; tác giả Nguyễn Khắc Xương (Chi hội VNDG Vĩnh Phú - 1971).
28. Trống đồng vùng Đất Tổ, tác giả: Nguyễn Anh Tuấn (Sở VH TT, TT Phú Thọ - 2001).
29. Phú Thọ miền đất Cội nguồn; tác giả Dương Huy Thiện (NXB trẻ - 2010).
30. Nước Văn Lang thời đại các Vua Hùng; tác giả Lê Tượng – Nguyễn Anh Tuấn – Phạm Hoàng Oanh (Sở VH TT & DL Phú Thọ xuất bản – 2009).
31. Hùng Vương và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương (NXB VH TT - 2012).
32. Hồ sơ kiểm kê DTLSVH tỉnh Phú Thọ năm 1964.
33. Phú Thọ miền đất cội nguồn; tác giả Dương Huy Thiện (Nhà xuất bản TRẺ – 2010).
34. Việt Trì kinh đô Văn lang – Di tích và lễ hội (NXB Văn hóa - Thông tin – 2011).
35. Văn hiến làng xã vùng Đất Tổ Hùng Vương; Tác giả: Vũ Kim Biên (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và Văn hoá Việt Nam và Sở VH TT Phú Thọ - 1999).



MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	3
Trích lời Chủ tịch Hồ Chí Minh	7
Sắc lệnh số 22/ LCT ngày 18 tháng 2 năm 1946	11
Lệnh công bố Luật sửa đổi Luật lao động	13
 PHẦN THỨ NHẤT: KHU DI TÍCH ĐỀN HÙNG	16
I. Núi Hùng	16
II. Các di tích kiến trúc	17
1. Cổng đền	17
2. Đền Hạ	18
3. Nhà bia	19
4. Chùa Thiên Quang	19
5. Đền Trung	22
6. Đền Thượng và Lăng Hùng Vương	23
7. Đền Giếng	28
8. Đền Tổ Mẫu Âu Cơ	30
9. Đền Quốc Tổ Lạc Long Quân	31
III. Di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đền Hùng	32
THƯ TỊCH HÁN NÔM	39



**NGỌC PHẢ CỔ TRUYỀN VỀ 18 CHI ĐỜI
THÁNH VƯƠNG TRIỀU HÙNG**

57

PHẦN THỨ HAI: LỄ HỘI ĐỀN HÙNG

83

**PHẦN THỨ BA: MỘT SỐ BÀI VIẾT CỦA TÁC GIẢ VỀ
TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG**

97

- Vua Hùng trong tín ngưỡng nguồn cội của người Việt 97
- Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương,
tâm thức nguồn cội của người Việt 103
- Giỗ Tổ Hùng Vương, tín ngưỡng bản sắc văn hóa của người Việt 109
- Giỗ Tổ Hùng Vương, động lực tinh thần của dân tộc Việt Nam 114
- Giỗ Tổ Hùng Vương theo dòng lịch sử 118
- Đền Hùng bức thông điệp vùng văn hóa dân tộc 123
- Về thể chí 18 chi đời Thánh Vương triều Hùng 127
- Bước đầu kiểm kê các di tích thờ Vua Hùng trong cả nước 134
- Miền Đất Tổ 3 DSVH thế giới 139
- Kinh đô Văn Lang; thành phố Việt Trì.. 147

**PHẦN THỨ TƯ: MỘT SỐ ĐỀN THỜ HÙNG VƯƠNG
TIÊU BIỂU TRONG CẢ NƯỚC**

159

- Lăng và Đền thờ Kinh Dương Vương (Thuận Thành – Bắc Ninh) 159
- Đền Tiên thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu (Việt Trì – Phú Thọ) 167
- Đình thờ Lạc Long Quân (Thanh Oai – Hà Nội) 172
- Đền thờ Quốc Mẫu Âu Cơ (Hạ hòa- Phú Thọ) 176



- Đền thờ Quốc Mẫu Tây Thiên (Tam Đảo – Vĩnh Phúc) 183
- Miếu Lịch Đại Đế Vương (Thừa Thiên Huế) 186
- Đền thờ Hùng Vương ở Nha Trang, Khánh Hòa 190
- Đền thờ Hùng Vương ở Lâm Đồng 194
- Đền thờ Hùng Vương ở TP Hồ Chí Minh 197
- Đền thờ Hùng Vương ở Biên Hòa – Đồng Nai 204

PHẦN PHỤ LỤC

- BẢNG THỐNG KÊ 18 CHI ĐỜI VUA HÙNG
(TỪ 2879 TR.CN ĐẾN 258 TR.CN) 211
- THỐNG KÊ CÁC DI TÍCH THỜ VUA HÙNG VÀ CÁC
NHÂN VẬT LIÊN QUAN ĐẾN THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG
Ở VIỆT NAM. 214
- TÀI LIỆU THAM KHẢO. 309**

ĐỀN HÙNG
VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG
HÙNG VƯƠNG

PHẠM BÁ KHIÊM

(Biên soạn và giới thiệu)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
LÊ TIẾN DŨNG

Biên tập:
VIỆT HẢI

Thiết kế bìa
Họa sỹ LÊ HÙNG

Trình bày sách:
THANH THÚY

Hiệu đính chữ Hán:
CÔNG LUẬN - TẮT THẮNG

Sửa bản in:
THANH THÚY - QUÁCH SINH - HỒNG VÂN

In 300 cuốn, khổ 14,3x20,3cm, tại Công ty CP In Phú Thọ. Đăng ký kế hoạch xuất bản số: 62 - 2013/CXB/73/01 - 193/VH TT, do Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin cấp ngày 01 tháng 3 năm 2013. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2013.

ĐỀN HÙNG

Và Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương



8

135510

Giá:

40k